

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

QUỐC-GIA LUẬN

Quốc-gia hay là tổ-quốc là một cái đoàn-thể, hoặc rộng hoặc hẹp, gồm các gia-tộc lại, kết-liên với nhau, đề cùng nhau sinh-hoạt và bênh-vực lẫn nhau.

Ngày nay gọi là một « nước », diện-tích rộng lớn mấy muốn dăm, dân-số nhiều kẻ hàng triệu người, thời đời xưa hầu như không có. Cổ-thời gọi là « nước » ấy, thường - thường chỉ ở trong một khu-vực nhỏ, chung quanh đặt thành-quách, như các « chợ » (*cités*) Hí-lạp ngày xưa; như vậy thì cái đoàn-thể nhỏ-hẹp lắm, người dân có thể biết nhau được hết cả, có thể cùng nhau họp-tập ở nơi công-trường đề bàn-định việc nước được. Chứ như « nước » ngày nay thì khác hẳn; nước ngày nay là một đoàn-thể to rộng lắm, những nguyên-chất lập-thành ra rất phiền-tạp, nhờ có mấy nguyên-nhân như sau này mới dung-hòa hỗn-hợp lại được: là phải cùng một lãnh-thổ, cùng một chủng-tộc, cùng một ngôn-ngữ, cùng một tôn-giáo, cùng một lịch-sử, lợi-quyền, phong-tục, pháp-luật, chí nguyện cũng giống nhau.

Nay lần-lượt xét các nguyên-nhân ấy như sau.

Tiếng « tổ-quốc » nghĩa là đất nước của ông cha. Như vậy thì cái nguyên-nhân thứ nhất cho thành được một nước, tất phải là cùng nhau chiếm-cử

một khu-vực chung. Phàm nước phải có thống-nhất về đường địa-lý, phải có bờ-cõi nhất-định, thứ nhất là bờ-cõi thiên-nhiên, như sông núi, mà không nên dài rộng cho lắm, thì dân mới dễ đồng-tâm hiệp-lực với nhau được.

Tuy-nhiên, nguyên-nhân đó cùng cả các nguyên-nhân sẽ xét sau này, không phải là tất-yếu, mà cũng không phải là đủ được. Nếu đặt thành công-lệ rằng mỗi dân-tộc phải có một cái khu-vực thiên-nhiên, cho đến dãy núi nọ hay con sông kia, thì thật là một điều nguy-hiềm và cũng không có bằng-cứ gì. Vì làm sao lại lấy con sông này mà không lấy con sông kia, lấy dãy núi nọ mà không lấy bờ bệ kia làm bờ-cõi? Cái chí xâm-lược của loài người rất nên phòng-bị lắm: khi đã chiếm được bờ sông, lại muốn lấn đến rìa núi; khi đã chiếm được núi này lại muốn tràn sang núi kia; nào ai định được khu-vực thiên-nhiên của một nước đến đâu là cùng?

Như vậy thì cái nguyên-nhân thứ nhất về lãnh-thổ đó, cũng không lấy gì làm đích-xác cả, và thực ra một nước không tất-nhiên là cần phải có khu-vực thiên-nhiên nhất-định. Như nước Thụy-sĩ (*Suisse*): người dân cũng giàu lòng ái-quốc lắm, cái tư-tưởng quốc-gia cũng mạnh lắm chứ không phải không; vậy mà nước ấy có phải mặt

nào cũng có bờ-cõi thiên-nhiên dẫu. Nước Thụy-sĩ chiếm các cao-nguyên mà chung quanh đặt những thung-lũng rộng, không có gì cách-trở cản, vậy mà nước ấy không từng lấy cơ chiếm lấy khu-vực thiên-nhiên mà có chí xâm-lấn gì cả. Lại như nước Ti-lơ-thi (*Belgique*), về mặt Pháp và mặt Hoà-lan cũng không có địa-giới thiên-nhiên gì cả; vậy mà nước Ti-lơ-thi thật là một quốc-gia hoàn-toàn chân-chính, vẫn thiết-tha giữ lấy quốc-thể và một lòng yêu mến quốc-túy. Xem thế thì biết một nước không tất-nhiên phải có cương-vực thiên-nhiên vậy.

Một nguyên-nhân thứ nhì, là người trong một nước phải cùng một chủng-tộc; nhưng mà nguyên-nhân này cũng không phải là tất-yếu và cũng không đủ làm thành nước được. Tức như nước Thụy-sĩ, trong nước biết bao nhiêu giống người đặc-biệt, mà quốc-gia vẫn có vẻ thống-nhất lắm. Lại như nước Đức ngày nay, cũng có ba bốn giống người: giống Nhật-nhĩ-man (*Germanique*), giống Ti-lap-phu (*Slave*), giống Nhân-dịch (*Celtique*); chính nước Pháp, tuy phần nhiều là thuộc giống Nhân-dịch, nhưng cũng có tạp giống Nhật-nhĩ-man, Tây-ban-nha (*Ibérique*), Lạp-dinh (*Latin*) và cả Hi-lạp (*Grec*) nữa. Giống Nhân-dịch ở Pháp hồi xưa có ở lan sang cả một phần nước Anh, nơi gọi là xứ Kha-nhĩ (*Galles*); nay nếu lấy cái chủ-nghĩa chủng-tộc thì nước Pháp có lẽ sang đôi lại đất Kha-nhĩ của Anh được chăng?

Trái lại thì có nước cùng một chủng-tộc đó mà không chịu hiệp lại làm một quốc-gia: như nước Hoa-kỳ châu Mỹ là cùng một giống người với nước Anh mà là độc-lập với Anh; lại các thuộc-dịa cũ của Tây-ban-nha ở Nam-Phi-châu, ngày nay cũng là những quốc-gia độc-lập cả, không có quan-hệ gì với Tây-ban-nha cả.

Nguyên-nhân thứ ba, là người trong một nước phải cùng nói một thứ tiếng như nhau. Ngôn-ngữ hợp-dồng vẫn là cái giây cổ-kết rất mạnh cho nhân-dân một nước. Nhưng mà nguyên-nhân này cũng như hai nguyên-nhân trên, không phải là tất-yếu, mà cũng không đủ làm ra một nước được. Ở Hoa-kỳ vẫn nói tiếng Anh, ở Nam-Mĩ vẫn nói tiếng Tây-ban-nha, một phần nước Thụy-sĩ và suốt cả nước Ti-lơ-thi vẫn nói tiếng Pháp, một phần nước Nga vẫn nói tiếng Đức, vân-vân. Lại trong một nước như nước Pháp, những châu-quận trung-thành nhất với nhà nước, thường lại là những nơi vốn không nói tiếng Pháp, như châu A-tân (*Alsace*) bị Đức chiếm mất năm 1871, mới khôi-phục lại được hồi chiến-tranh mới rồi, người thổ-dân thuần nói tiếng Đức cả, mà vẫn một lòng quyến-luyến tổ-quốc Pháp.

Đến nguyên-nhân thứ tư, là cùng một tôn-giáo. Nguyên-nhân này có đủ làm cái nguyên-tổ tạo-thành ra quốc-gia không? Kể trong các nguyên-tổ tạo ra quốc-gia, thì tôn-giáo cũng là một mối mạnh lắm. Đời xưa, chính-trị với tôn-giáo là hỗn-hợp với nhau. Nước nào có quốc-giáo của nước ấy, không ra ngoài phạm-vi quốc-gia. Như người La-mã ngày xưa, hễ đến chiếm xứ nào, thì các dân bị chinh-phục phải theo về quốc-giáo La-mã, khiến cho trong suốt cõi Đế-quốc không có kẻ thần dân nào được tin theo một đạo khác với đạo La-mã. Người La-mã làm như thế là biết rằng trong một nước mà lòng người chia-lia, tin-tưởng trái nhau, thì là một sự nguy-hiểm cho quốc-gia vậy.

Tuy-nhiên, ở các quốc-gia ngày nay, tôn-giáo đã thành một việc riêng của cá-nhân rồi. Tôn-giáo ngày nay không phải là của riêng của từng quốc-gia nữa, miễn là ở nước nào

không trái với chế-độ chính-trị nước ấy, thế là đủ vậy. Tôn-giáo bây-giờ là việc riêng về tâm-lý của mỗi người, là ở cái lòng tin-tưởng riêng của cá-nhân vậy. Vậy thì trong một nước, đạo-giáo nào cũng được pháp-luật tôn - trọng như nhau cả, đạo-giáo nào cũng được tự-do thi-hành cả, miễn là đối với các chế-độ xã-hội chính-trị trong nước, đạo nào cũng phải một lòng tôn-trọng vậy. Dù theo đạo nào cũng có thể làm người dân tốt trong nước được; xét tư-cách làm dân, không ai bằng-cừ ở sự tin theo đạo họ hay đạo kia bao giờ.

Nay xét đến các nguyên-nhân về quyền-lợi, về phong-tục, về pháp-luật, về lịch-sử.

Người trong một nước mà có nhiều mỗi lợi-quyền giống nhau, thì đó có phải là một cái nguyên-nhân cố-kết mạnh hơn các nguyên-nhân trên kia không? Điều đó, tưởng cũng là lẽ cố-nhiên vậy. Người trong một nước mà có nhiều mỗi lợi-hại chung cùng với nhau, thì cái lòng cố-kết chắc cũng có mạnh hơn. Tuy-nhiên, quốc-gia, tổ-quốc, quan-hệ nhất là ở phần tinh-thần, cho nên có người đã giải-thích quốc-gia là một cái hồn chung, vậy mà chỉ lấy sự lợi-hại về vật-chất, về kinh-tế làm nguyên-nhân, làm tỉ-lệ, thì có khác gì coi nước như một công - ti buôn không? Cho nên cái nguyên - nhân về lợi-quyền, tuy không phải là không quan-hệ, nhưng cũng như các nguyên-nhân trên, không phải là tất-yếu mà không đủ làm thành ra quốc-gia được.

Đến như phong-tục giống nhau, thì xưa nay cũng nhiều người cho là một cái yếu-tố cho quốc-gia thành-lập. Một nhà triết-học nước Anh đời nay đã giải nghĩa quốc-gia là: « Một đoàn-thể hiệp-tác di-truyền, nhờ tập-tục cố-kết. » Lời giải-thích đó vẫn-tất và tưởng cũng là đúng với sự thực: người ta quây-quần nhau lại, mà thói ăn cách ở

cùng giống nhau, phạm phẩn-đoán cùng cảm - giác, quan-niệm về lẽ phải lẽ trái, điều nên điều chẳng, cũng giống nhau cả, thì những người ấy, dù số nhiều đến thế nào mặc lòng, cũng có thể làm - thời cùng nhau hành-dộng mà thành một cái sức mạnh rất to, dùng về việc hay cũng được, dùng về việc dở cũng được. Như vậy thì cùng một phong-tục, cùng một tập-quán như nhau, đó cũng là một cái yếu-tố thành-lập của quốc-gia vậy.

Nhưng mà thường nghiệm thấy trong một dân một nước, có miền họ xứ kia, mỗi nơi phong-tục một khác, nhiều khi đặc-biệt nhau hẳn đến coi như là lạ-lùng quái-gở vậy. Như thế thì mỗi một miền một xứ đó có lẽ biệt-lập thành một quốc-gia hay sao? Như ở nước Pháp, xứ *Basque*, xứ *Auvergne*, các miền thung - lũng ở núi *Alpes*, phong-tục dị-kỳ, thói ăn cách ở khác hẳn các nơi đó - hội lớn; nước Pháp có lẽ bỏ những nơi đó, không nhận cho là thuộc trong bản-đồ quốc-gia dư? Mà kinh - đô *Bruxelles* nước Bỉ-lợi-thì, thì phong-tục tập - quán, không khác gì một xóm thành *Paris* vậy; người Pháp có lẽ đòi về nước mình được chẳng? — Không, phong-tục tập-quán giống nhau, chưa phải là cái nguyên-nhân cốt-yếu làm thành ra quốc gia vậy.

Nay cùng chịu một pháp-luật, cùng thuộc một chính-phủ, cùng theo một mệnh-lệnh của quan-quyền, đó có phải là một cái nguyên-nhân đủ làm ra quốc-gia không? — Chắc là cái nguyên-nhân ấy cũng cần, vì rằng một đoàn thể mà các bộ-phận rời-rạc ra, không có thống-hệ gì, thì không thành một nước được: phải có một cái phép-tắc hành-dộng chung, vậy thì phải có quan-quyền, phải có một cái quyền trung-ương đứng chủ-trương hết thảy; quốc-gia phải có một nơi đó-thành, một chốn thủ-phủ, khác nào như quả

tim khối óc trong thân-thể để chủ-trương thống-nhất cả các bộ-phận khác,

Tuy - nhiên, vua A - lịch - sơn (ALEXANDRE) Hi-lạp ngày xưa, chinh-phục các đất ngoài, lập thành đế-quốc, bắt người dân đều phải theo một pháp-luật cả, nhưng đế-quốc ấy không thể gọi là một quốc-gia được. Cũng như đế-quốc La-mã rộng bằng 12 lần nước Pháp, trong đó hỗn-hợp biết bao nhiêu là dân-tộc khác nhau, tuy cùng phải theo một pháp-luật đó, mà cũng không thể gọi là một quốc-gia được. Lại các thuộc-dịa của các nước Âu-châu, ở khắp trên mặt địa-cầu, đại-đề vẫn là phải theo pháp-luật của mẫu-quốc cả, mà có phải cùng mẫu-quốc hiệp-thành quốc gia đâu.

Nay một cái đoàn-thể trong mấy mươi đời đã có một cuộc lịch-sử chung, ngày nay cũng cùng hoài-bão một mối kỷ-niệm chung, thế đã đủ làm thành một quốc-gia chưa? Lịch-sử vẫn là một nguyên-nhân quan-hệ cho quốc-gia, duy lại thuộc về nguyên - nhân khác, như sẽ giải sau này. Một lịch-sử không đủ làm thành ra quốc-gia được, vì có dân cùng lịch-sử mà rồi sau phân-liã, lại có dân không cùng chung một lịch-sử mà rồi sau sáp-hợp với nhau, cũng thành ra cổ-kết được. Tuy-nhiên lịch-sử vẫn là một mối quan-trọng trong một nước, xem như sau này thì sẽ rõ.

Xét bấy nhiêu nguyên-nhân như trên, không thấy cái nào là tất-yếu cả, không cái nào là một mình đủ tạo-thành ra quốc-gia cả; nay xét đến cái nguyên-nhân cuối cùng như sau này, tưởng là cái nguyên-nhân vừa cần và vừa đủ hơn cả: tức là cái cảm-tình chí-nguyên của người dân vậy.

Một nước là gồm nhiều người lại mà thành ra. Nay cứ công-lý, mỗi người là chỉ thuộc về mình thôi, mỗi

người là tự-chủ mình, nếu không tình-nguyện thì không thể bắt buộc cho tùy theo kẻ khác được. Bởi thế nên một dân-tộc đương biệt-lập, cho dầu thổ-dịa ở sen hay ở lọt vào bờ-cõi một nước khác, cùng người nước ấy cùng một chủng-tộc, cùng một ngôn-ngữ, cùng một tôn-giáo, cùng một quyền-lợi, cùng một phong-tục, cùng một pháp-luật, cùng một lịch-sử mặc lòng, nếu không tình-nguyện sáp nhập vào nước ấy, thì vẫn là một dân-tộc độc-lập, cứ công-lý không thể cưỡng-bách cho sáp-nhập vào được.

Trái lại, thì nếu dân-tộc nọ tình-nguyện sáp-nhập vào nước kia, đề cùng người nước ấy cùng sinh-hoạt làm dân một nước, thì dầu núi sông cách-trở, chủng-tộc, ngôn-ngữ, tôn-giáo, phong-tục, quyền-lợi, pháp-luật, lịch-sử khác nhau hẳn, cũng vẫn có thể coi là một nước được. Nói tóm lại, hễ lòng ưa ý nguyện muốn làm dân nước nào, thì tức là dân nước ấy vậy.

Phàm sự kiềm-tinh hay sự chinh-phục, nếu không được lòng dân thuận-nhận, thì vẫn không thể cho là nhất-định được. Một nước nọ đến chinh-phục nước kia, vẫn có cái quyền dùng đủ các phương-pháp để gây lấy cái mối đồng-tình đồng-cảm đó, và nếu biết khôn-khéo ra thì việc đó chính là việc phải chú-ý trước nhất vậy. Nhưng mà một châu-quận hay một xứ nào bị kiềm-tinh hẳn-hoại, có điều-ước cát-nhượng rõ-ràng, nếu người dân vẫn không phục-tinh, không thuận-nhận, thì vẫn chưa phải là liên-thuộc hẳn với nước chinh-phục kia.

Như có người Pháp, bình-sinh chưa được biết nước Pháp, vì sinh-trưởng ở một đất nước khác, từ thừa bé vẫn phục-tòng pháp-luật nước khác, nói tiếng nước khác, vậy mà vẫn là dân Pháp chân-chính đó, miễn là có đồng-tình đồng-cảm với cả quốc-dân Pháp,

cùng một lòng kỷ-niệm, cùng một lòng hi-vọng như người Pháp, mà làm-thời biết sẵn lòng hi-sinh cho quốc-gia Pháp, như khi hoạn-nạn thì kẻ chân-trời người góc bể, dầu dầu cũng về nước để theo quân đi đánh trận, thế là dich-dáng làm dân Pháp vậy.

Cho nên có người đã nói rằng một nước cũng như một người, có nhân-tính, nhân-cách hẳn-hoai. Nước là hợp ý-nguyên của nhiều người lại, điều-hòa mà thành ra; nước là một đoàn-thể những người tự-do, hiệp nhau lại để cùng sinh-hoạt và cùng hộ-vệ lẫn nhau.

Như thế thì một nước tức là một mối tình-thần, một cái hồn thiêng, có tính-cách đặc-biệt về đạo-lý, người trong một nước phải có đồng-tình đồng-cảm với nhau, đồng-ưu cộng-thích với nhau vậy. Cho nên câu ngạn-ngữ thường nói rằng: « Ở đâu yên thân, là quốc-gia đấy », là một lời nói vô-nghĩa vậy. Tâm-địa kẻ nào nói ra lời ấy là tâm-địa rất tầm-thường. Nhà danh-sĩ nước Pháp ERNEST RENAN đã phản-đối cái thuyết bi-tiện ấy mà nói rằng: « Người ta vì tổ-quốc mà phải khổ-nạn khổ-sở bao nhiêu, thì lại càng thương yêu tổ-quốc bấy nhiêu. Đối với lòng ái-quốc, thì một cái lịch-sử lắm-thuận đau-dớn cũng bằng một cái lịch-sử sung-sướng vẻ-vang. Cùng nhau cùng chịu khổ, cũng giúp cho quốc-dân được cố-kết bằng-cùng nhau cùng đắc-thắng; vì sự khổ chung có lẽ lại liên-lạc người ta mạnh hơn là sự vui chung vậy. Trong kho kỷ-niệm của quốc-gia, những cái kỷ-niệm sâu-thẳm thất-vọng lại có giá-trị hơn là những cái kỷ-niệm vẻ-vang đắc-chí, vì nó buộc nghĩa-vụ cho người ta và bắt phải cùng nhau hiệp-lực vậy. » (Lời diễn-thuyết ở trường Đại-học Sorbonne năm 1882).

Nay đã phân-tích các nguyên-tố làm thành ra quốc-gia, nên tổng-hợp cả

các chất ấy lại cho biết cái cơ-thể quốc-gia phiên-phục là đường nào. Các nguyên-nhân đã xét trên kia, tuy hiệu-lực khác nhau, nhưng cũng là căn-cả; duy không cái nào một mình đủ tạo-thành ra quốc-gia được. Phải hiệp nhiều cái lại mới làm ra quốc-gia, và quốc-gia nào càng kiếm được nhiều các nguyên-tố ấy, thì quốc-gia ấy càng được vững-bền mạnh-mẽ vậy. Người trong một nước mà địa-giới, chủng-tộc, ngữ-ngôn, tôn-giáo, phong-tục, quyền-lợi, pháp-luật, lịch-sử, cùng giống nhau cả, thì cảm-tình chí-nguyên, có lẽ nào lại phản-trái mâu-thuẫn nhau được? Còn có cái nguyên-nhân gì mạnh hơn bấy nhiêu nguyên-nhân nữa, để làm cho người một dân một nước cùng nhau có một cái chí-nguyên chung? Đã kiếm được cả bấy nhiêu cái nguyên-nhân hòa-hợp, thì tình-y thế nào lại không tất-nhiên cũng phải điều-hòa?

Xem như thế thì sự giáo-dục có thể ảnh-hưởng đến lòng ái-quốc sâu-xa lắm. Các nước đều lấy trường học để đoàn-luyện tư-cách quốc-dân và bồi-bổ tinh-thần quốc-gia, khiến cho người trong nước đều hiểu sự lợi-hại chung và biết trung-thành với nước. Nay nhà trường có thể đương được cái trách-nhiệm ấy không, và nếu đương được thì phải làm ra cách thế nào?

Muốn trả lời câu hỏi đó, thì cứ nhớ lại các nguyên-nhân đã kể trên kia. Thổ-địa vẫn là cái nguyên-tố quan-hệ cho quốc-gia, nhưng mà sinh trưởng ở một nước gian-sơn cầm-lũ mà mang-nhiên không biết đến địa-dư của nước mình, thì phỏng còn có bụng gì đến giang-sơn ấy nữa? Bỏ cõi vẫn phân-minh, cương-vực vẫn rõ-ràng, mà ta vẫn mơ-mơ không biết, không đi đến đâu, không trông thấy gì, không đọc sách-vở gì về địa-dư của nước mình, đến nỗi làm dân nước Nam mà

có người Nam-kỳ coi xứ Bắc-kỳ như một nước khác, người Bắc-kỳ coi xứ Nam-kỳ như một châu lạ, thì đối với cương-vực ấy, dù « tiết-nhiên định phận tại thiên-thư », phỏng còn có cái quan-niệm thiết-tha gì nữa? Nói về chủng-lộc cũng vậy: chủng-lộc vẫn là một mối tạo-thành ra quốc-gia, nhưng tự mình cũng phải biết là người một giống nột nòi mới được. Đến quyền-lợi cũng vậy, đến lịch-sử cũng vậy, phải có biết thì mới có giá-trị.

Xem như thế thì biết hẳn chữ « quốc-dân giáo-dục » quan-hệ là dường nào. Dạy cho con em trong nước biết lịch-sử nước nhà, biết lịch-sử các nước lân-cận, biết địa-dư và thứ nhất là biết quốc-ngữ của nước mình, đó tức là đoàn-luyện lấy tư-cách làm công-dân trong nước vậy. Quốc-ngữ là cái hình-ảnh linh-hoạt của quốc-gia. Quốc-hồn quốc-tủy là biểu-lộ ra ở quốc-ngữ, và lại nhờ quốc-ngữ mà lưu-truyền mãi mãi trong những lớp thiếu-niên sau này. Phạm người trong một nước, phải giữ lấy đầy-dủ cái tinh-thần của ông cha, phải biết tiêm-nhiễm lấy tư-tưởng, cảm-tình, chí-nguyện của ông cha, phải biết ông cha đã mưu-toan những gì, cảm-giác những gì, chịu khổ những gì. Có thế thì mỗi người mới biết được những cái mối phiến-phức thân-mật nó nối mình với mọi người khác trong thời-kỳ hiện-tại này, và nối cả thời-kỳ hiện-tại với thời-kỳ quá-khứ nữa. Lòng ái-quốc có như thế mới là lòng ái-quốc chân-chính, do ý-thức phân-minh, chứ không phải do những cái tình-cảm phát-phơ hão-huyền vậy.

Nhân xét về cách thành-lập quốc-gia, nên phê-bình về cái thuyết « xã-ước » (*contrat social*) là cái thuyết của nhiều nhà tư-tưởng đã xướng lên từ xưa đến nay, và ông Lu-thoa (Rous-

SEAU) nước Pháp đã phổ-diễn ra một cách hùng-hồn.

Cái quan-niệm về xã-ước, xét về một phương-diện thì thật là một cái quan-niệm huyền-ảo không đúng với sự thực, mà xét ra một phương-diện khác thì lại là hợp với chân-lý lắm.

Thế nào là huyền-ảo? Huyền-ảo là về phương-diện lịch-sử, các nhà xướng ra thuyết đó thường cho xã-hội thành-lập là do một cái ước chung người ta đặt ra với nhau, gọi là xã-ước, ước ấy là gốc của các xã-hội, không có thì xã-hội không thành được. Nhưng cứ xét lịch-sử loài người thì biết rằng xã-hội là cái trạng-thái tự-nhiên của loài người, không phải lập ước mới thành, và giống người, theo như lời ông ARISTOTE đã nói, chính là « một con vật biết chính-trị » (*un animal politique*), sinh ra đã có cái tính tự-nhiên hợp-quần, như con ong con kiến vậy, không phải đợi có lập ước mới thành quần vậy. Nhưng cái thuyết đó về phương-diện lịch-sử thì sai, mà về phương-diện đạo-đức lại là đúng, vì duy có thuyết đó mới khiến cho ta giải-thích được một cách thỏa-đáng về mọi sự giao-tế của người ta trong xã-hội chính-trị vậy.

Quốc-gia vừa là công của thiên-nhiên, mà lại vừa là công của nghĩa-lý tạo-thành ra. Người ta xum-hợp với nhau, là do cái bản-năng tự-nhiên nó xui nên quây-quần lại để mà bảo-hộ lẫn nhau. Ấy có lẽ từ trước khi thành ra gia-tộc, đã gây thành bộ-lạc rồi, nghĩa là một bọn người cùng nhau hiệp lại để hoặc là bảo-thù, hoặc là công-kích, đối với mọi sự nguy-hiểm ở quanh mình, như loài ác-thú hay kẻ cường-lân. Nhưng mà nếu xã-hội chỉ là tự-nhiên mà thành-lập ra thì rồi sẽ xảy ra thế nào? Sẽ xảy ra là chỉ biết lấy võ-lực mà chỉ-

phối, không biết đến công-lý là gì cả. Nay xã-hội có phải thế đâu: xã-hội theo như lời ông hiền-triết Lã-mã Cicéron đã nói chính là một « cuộc: hợp-đồng quyền-lợi » (*une association de droits*). Như vậy thì trong cách thành-lập quốc-gia, không phải là thuần tự-nhiên cả, cũng có một phần nghĩa-lý ở đó, để qui-định sự giao-tế của người ta theo lẽ công-bằng và để hạn-chế cái võ-lực cho khỏi lạm-dụng.

Phàm người trong một xã-hội chính-trị, là đều bằng-đẳng nhau cả, nghĩa là cũng đều có quyền-lợi như nhau; đối với công-lý không có phân-biệt gì cả. Ai cũng có quyền tự-do, duy quyền tự-do của mỗi người phải lấy quyền tự-do của kẻ khác làm giới-hạn vậy. Cứ lẽ phải thì phàm điều gì hợp lẽ là có quyền tự-do được làm cả. Chỉ việc gì công-bằng và cần cho sự lợi-ích chung mới có thể bắt-buộc làm được, và chỉ sự gì bất-công, hại đến sự lợi-ích chung mới có thể ngăn cấm được. Vậy thì điều cốt-yếu trong luân-lý chính-trị là đứng trước pháp-luật, mọi người đều bình-đẳng như nhau cả. Hiến-pháp của các nước tự-do cũng là căn-cứ ở điều cốt-yếu đó.

Xã-hội quả là có cả công thiên-nhiên và công nghĩa-lý hiệp lại mà làm thành ra; cứ xét lịch-sử tiến-hóa của các xã-hội thì thấy hai cái nguyên-nhân đó hoặc đồng-tuổi hoặc tiếp nhau mà hành-động vậy. Triết-học của lịch-sử thường quao-niệm ra hai phương-diện khác nhau, tưởng phải tổng-hợp làm một mới thật là đúng với sự thực.

Có một phái triết-học thì cho các hiện-tượng chính-trị là cũng do phép-cần thiên-nhiên chi-phối như các hiện-tượng vật-lý. Các nhà ấy nghiệm ấy một điều rõ-ràng như sau này: trong xã-hội nào cũng vậy, phàm

việc gì xảy ra là có nguyên-nhân cả, và đã có nguyên-nhân tất phải có kết-quả; muôn sự đều có liên-tiếp quan-hệ với nhau cả; tình-trạng một dân về một thời-kỳ nào là kết-quả của cả cuộc lịch-sử trước, cùng với phong-tục tập-quán trong dân-gian; phàm dân ấy trước đã từng-trải những gì, tất có ảnh-hưởng đến hiện-tại và tương-lai cả. Nói tóm lại là các việc xảy ra đều làm nhân-quả lẫn cho nhau, theo những phép-tắc nhất-định. Các nhà triết-học ấy chủ-trương cái thuyết về cách thành-lập các xã-hội và về phép-tắc của lịch-sử như thế, nên phàm đối với những sự cải-cách do lý-tưởng mà xướng lên, là nhất-thiết phản-đối cả. Các nhà ấy cho là đem nghĩa-lý mà can-thiệp vào việc nhân-quần xã-hội, làm sai-lạc cái trình-tự thiên-nhiên của sự-vật, là một sự mơ-tưởng có gượng-hiền, vô-cùng. Cho rằng một xã-hội mà nhất-dân đoàn-tuyệt quan-hệ với lịch-sử, với phong-tục tập-quán trong dân-gian, thì tất làm đảo-diễn mất cái thế quân-bình tự-nhiên đi, gây ra một cái tình-trạng rối-loạn, có cơ nguy-vong ở đó. Muốn đem lý-tưởng cho can-thiệp vào việc giao-tế của người ta, là không hiểu cách thành-lập của xã-hội thế nào, không biết xã-hội phải có đủ những nguyên-nhân thế nào mới sinh-tồn được.

Trái lại thời có một phái triết-học khác đã tiêm-nhiêm sâu cái tinh-lý trong sách « Xã-ước » (*Le Contrat social*) của Lư-thoa, tu-răng phàm xã-hội là phải gồm những người có tự-do, hiểu nghĩa-lý, lấy nghĩa-lý mà đạt tự-do, lấy tự-do mà đạt công-lý, cho nên phàm những sự vận-động để sửa-đổi lại xã-hội theo một cái lý-tưởng đạo-đức cao-thượng, dù có thất-bại, dù đến nguy-hiểm, các nhà ấy cũng sẵn lòng khoan-dung. Phàm sự cách-mệnh gì chủ để khiến cho việc giao-tế

của người ta được hay được tốt hơn lên, để chủ trương công-lý trong xã-hội, là các nhà lý nhất-thiết hoan-ngheh cả, cho là nên là phải cả. Như ý-kiến các nhà lý thì xã-hội loài người khác xã-hội giống vật chỉ có ở đó mà thôi. Trong xã-hội giống vật thời hết thảy là do tự-nhiên, do bản-năng, do tập-quần cả, việc xảy ra là theo lẽ nhân-quả nhất-dinh, lý-tưởng, ý-thức, không có một phần nào. Nhưng trong xã-hội loài người thời người ta càng hiểu nghĩa-lý càng muốn mưu cầu cho cái tình-trạng hiện-tại mỗi ngày một hay hơn lên, muốn hi-vọng cải-tạo xã-hội cho được hợp lẽ công-bằng hơn, cho người ta cùng nhau sinh-hoạt trong xã-hội được bình-dẳng hơn, biết làm trọn nghĩa-vụ và tôn-trọng quyền-lợi của nhau hơn.

Hai thuyết đó đều có ý-nghĩa hay và đều có lẽ phải cả. Muốn cho đúng với sự thực thì phải tổng-hợp cả hai bên vậy. Vì rằng nếu xét người ta là một giống thiên-nhên, thuộc quyền thời quen cùng tập-tục, thời cái thuyết thứ nhất là phải, vì chính cái cự-tập di-truyền nó làm cho xã-hội được vững-bền mạnh-mẽ; một dân-tộc mà nhất-đán đoạn-tuyệt quan-hệ với cuộc lịch-sử trước thời nguy-hiểm to, vì người ta không thể một buổi phá được cái khuôn tập-tục đã di - truyền tự bao nhiều đời đến giờ, không thể một ngày cải-tạo được cái công-nghiệp đã mấy trăm năm vậy.

Nhưng mà trái lại, ai là người lại chịu rằng cái mục-dịch của người ta ở đời không khác gì giống vật, sinh ra trong xã-hội thế nào cứ giữ y-nguyên như thế mãi, cho cái tình-trạng hiện-tại là hoàn-toàn tuyệt-đối rồi, việc gì cũng hay cũng tốt cả, ông cha ngày xưa làm thế nào mình cứ làm như thế, ông cha ngày xưa chịu những gì mình cũng chịu như vậy, ai lại có can-tâm

như vậy chẳng? Người ta đối với đạo-lý, há lại không nên đem nghĩa-lý mà can-thiệp vào việc đời, nhất là việc quan-hệ cho mình hơn cả, là việc tổ-chức xã-hội dư? Đó chẳng phải là lý đương-nhiên, và cũng là lẽ tất-nhiên dư?

Vậy thời những người có cái chí muốn sửa-dổi luôn cho hay hơn lên, muốn yên-cầu, muốn thí-nghiệm những sự cải-cách xã-hội cho hợp với nghĩa-lý hơn, thường không phải là những người yêu-hành mao-hiêm mà thôi đâu, lại là những người bụng dạ cao-thượng nữa, thật là đáng kính đáng phục lắm. Vẫn biết rằng cái chí cải-lương đó vẫn hàm có cái ý cách-mệnh ở trong; nhưng mà nếu nó thành-thực chân-bình thời nhà luân-lý cũng không nên nhất-thiết bài-bác và dù có sai-lầm cũng không nên quá nghiêm-trách vậy. Tuy phạm cách-mệnh, dù hay nữa cũng không được toàn hay bao giờ, vẫn có cái dở can-thiệp vào, nhưng không phải cứ là cách-mệnh là đáng bài-bác hết cả. Như cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp năm 1789, tuy di-hại không phải là ít, mà thực là một cuộc đại-biến về tinh-thần, có giá-trị vô-cùng, có ảnh-hưởng vô-cùng. Thật là một cái phong-trào lý - tưởng mạnh nhất, trong lịch-sử các xã-hội cổ-kim chưa từng bao giờ thấy vậy.

Những sự hành-vi trong cuộc cách-mệnh đó là do một tấm lòng nhiệt-thành khao-khát bình-dẳng mà ra, do một cái quan-niệm thiết-tha về phẩm-giá loài người, khiến cho xướng lên lời tuyên-ngôn về nhân-quyền, thật là thiết-khoan thiên-cổ, hẳn thế muốn đời phải nên tôn-sùng cảm-phục vô-cùng. Một dân-tộc có cái máu nóng hăng-hai như thế, có những sự cảm-kích hăng-hoan như thế, há lại chẳng hơn những dân những nước á-là không có hoạt-động gì, chỉ biết giam mình ở trong

vòng cổ-tục, mà yên cái phận ngu-si hưởng thái-bình dư?

Duy có điều không hay, là cái lòng ham-muốn cải-lương, khao-khát công-lý đó, mỗi khi bạo-phát ra mà thành cách-mệnh, thì thường những mối thị-đục của người ta cũng nhân đó mà phát ra, không có gì hạn-chế được nữa. Cái lòng ham bình-dẳng vẫn là cao-thượng lắm, vẫn là hợp với công-lý lắm, nhưng mà không phải là tuyệt-nhiên không có cái bụng duy-kỷ ở đó, cho nên dễ thành ra ghen-ghét, bạo-động mà mất cả ý-thức vậy. Say mê tự-do quá có thể sinh ra họa-loan to. Và phạm những tình hay bởi lòng khảng-khải, chỉ độc-lập mà ra, thường liền với nhiều cái tình dở, sợ không giữ kỷ-thời hay mà hóa ra dở dễ lắm. Lệ thường người ta đã phá đổ cái tập-tục cũ đi, là không có làm nữa chừng và làm tạm-thời bao giờ. Đã đem nghĩa-lý ra mà sát-hạch lại xã-hội, thời tất muốn nhất-dân phá-hoại hết cả, không khỏi làm quá cái mục-dịch cải-lương mà thành ra cái tệ-hại cải-ác vậy. Bởi thế nên nhiều người đối với sự cách-mệnh, dù có mục-dịch cao-thượng lắm, vẫn cho là những sự cử-động bất-lương cả. Cũng bởi thế nên phạm vận-động cách-mệnh, tất có phần-động trái lại, cũng kịch-liệt chẳng kém gì. Thành ra muốn cải-lương mà có khi hóa ra cải-ác thật, tức như lời ngạn-ngữ Tây nói rằng: « Muốn tốt quá hóa ra tốt vừa cũn hỏng », là nghĩ thế vậy.

Nay làm thế nào tránh được những sự nguy-hiểm đó? Nên biết rằng phạm muốn cải-lương có hai cách: một là cách bạo-động nhất-thời, hai là cách tuần-tự tấn - tới, tức là cách - mệnh (*révolution*) và tiến-hóa (*évolution*) vậy. Tiến-hóa vẫn là cách ôn-hòa chắc-chắn hơn, phải làm thế nào cho dừng ngưng-trệ ở trong vòng những thói hủ-bại bất-lương, cấu-nệ mà giữ lấy

những cổ-tục cổ-chế không thích-hợp với thời-thế nữa, chứ quên mình chìm-đắm ở trong giấc mộng mơ-màng đến khi hốt-hoảng tỉnh dậy thời có thể điên-dảo hết cả mà làm dao-động cả nền gốc xã-hội vậy. Lại phải làm thế nào cho trong việc hành-động bằng ngày bao giờ cũng được điều-hòa thích-hợp, và phạm cổ-tục cổ-lệ có điều gì hay nên bảo-tồn lấy cho chế-độ quốc-gia được có tinh-thần cốt-cách vậy. Phải biết khéo điều-hòa cái lòng ham lý-tưởng với cái lòng miễn-lịch-sử, điều nghĩa-lý với bụng hoài-cổ. Giữ được đúng mực thích-trung như thế, tưởng cũng là khó lắm: bao giờ cũng điều - hòa, cũng vừa phải, cứ bình-thường, cứ tuần - tự, không thái-quá, không bất-cập, vẫn hoạt động mà vẫn vững-vàng, vẫn tiến-bộ mà không quyết-liệt, tưởng không mấy dân-tộc là được khôn-ngoaan biết điều như vậy. Nhưng dân-tộc nào mà làm được cho thế-giới như thế, thì vẻ-vang biết đường nào!

Dù thế nào mặc lòng, nếu nay thử xét xem sách tổ-chức các xã-hội thế nào là hoàn-toàn, hiền - pháp nào, chính-thể nào là hay hơn cả, thời cứ suy như trên kia đã nói đó, cũng có thể giải-quyết được ngay, không khó gì.

Có hiền-pháp thời thiên hảo về đường tập-tục di-truyền, không quản gì nghĩa-lý, không thiết gì tiến-bộ cả; không biết gì đến quyền tự-do của người ta, coi kẻ thần-dân như kỷ-vật của quân-chủ hết. Những chính-thể như thế hoặc cũng có lẽ chánh-dàng, hoặc cũng có lẽ được việc trong một thời-kỷ nào; vì thu cả quyền vào trong tay một người, nếu người ấy khôn-ngoaan tài giỏi, thời có thể làm cho nước được cường-thịnh, dân được thái-bình. Nhưng mà cứ lấy đạo-lý mà xét thời chính-thể ấy chưa phải là chính-thể hoàn-toàn tuyệt-đối được.

Chính-thể hoàn-toàn tuyệt-đối là chính-thể nào vừa bảo-tồn được những chế-độ tập-tục hay mà lại vừa biểu-đương được công-lý nhân-quyền trong xã-hội. Cái chi-nguyên của nhà đạo-đức phải thế nào? Phải cầu cho mỗi người ta ở trong xã-hội đều được cái địa-vị làm người cho xứng-dáng. Phải ước cho có một cái chính-thể thế nào cho mọi người trong đoàn-thể quốc-gia đều được bình-dẳng tự-trị cả, đều được tuân theo những pháp-luật tự mình đã thuận-nhận, hoặc là tự tay làm ra, hoặc là do kẻ đại-biểu mình làm ra vậy.

Gọi là chính-thể đại-biểu ấy, tức là cái chính-thể mà người dân thực được tự-trị lấy mình, tự-ý kén chọn lấy kẻ thay mặt mình để thi-hành cái quyền tự-trị ấy vậy. Chính-thể này là chính-thể hợp với đạo-lý hơn cả. Nay trong các lối chính-thể đại-biểu, có chính-thể Dân-quốc hay chính-thể Cộng-hòa (*République*) là lối biểu-đương được rõ-rệt hơn cả cái quyền tự-do độc-lập của người dân; vì nếu muốn cho quyền tự-do được tôn-trọng, không gì bằng để cho quyền ấy tự-vệ lấy mình bằng những phương-pháp chánh-dáng vậy. Cho nên dân nào có tư-cách tự-trị thì chính-thể Dân-quốc là chính-thể hoàn-toàn hơn cả.

Đã đến được trình-độ đó, thời cứ lẽ phải, quốc-gia với quốc-dân không phải là hai bản-vị khác nhau nữa. Trong một nước cộng-hòa thời quốc-gia là gồm cả quốc-dân cùng theo một pháp-luật chung; còn trong nước quân-chủ chuyên-chế, thời quốc-gia là một mình ông vua, và bao nhiêu người khác là thần-dân hết cả. Trong nước cộng-hòa, thời không ai là chủ, không ai là tớ; hết thảy là công-dân cả, nghĩa là người tự-do, cùng theo pháp-luật, cùng có quyền-lợi như nhau cả. Hay là theo lời ông KANT nói rằng ai

cũng là « bầy tôi của pháp-luật cả », mà chỉ là bầy-tôi của pháp-luật mà thôi. Hoặc cũng có khi đem quốc-gia đối với quốc-dân, hay quốc-dân đối với quốc-gia, nhưng cách tương-đối đó không phải là phản-đối. Quốc-gia là gồm những kẻ cầm quyền trong nước; do bản-dân tinh-nguyên tuyên-cử ra trong một kỳ-hạn nhất-định, phải thay mặt dân mà làm việc nước theo những phép tắc nhất-định.

Như vậy thì gốc công-quyền là ở dân-ý. Nhưng dân-ý là thế nào?

Nếu được là ý chung của cả bản-dân thì hay lắm; nhưng mà thường không được như thế. Hoặc cũng có khi có việc quan-hệ đến quốc-thể, hay là khi phải ra đối-dịch với nước ngoài, nhất-ban quốc-dân có thể tỏ ra cùng một ý-nguyên như nhau được, nhưng trong việc nội-chính thì ít khi được đồng lòng như thế. Các đảng thường chia-lia nhau mà tranh nhau cầm quyền nước. Như vậy thời công-quyền thế-tất không thể ở cả bản-dân mà ra được, phải ở phần đa-số trong quốc-dân mà thôi. Bởi vì ý-nguyên của ai cũng là đáng tôn-trọng cả, nên phải mời cả mọi người cử tự-do mà tỏ ý-nguyên ra, rồi bấy giờ mới đem ra đếm mà so-sánh xem bên nào nhiều, bên nào ít, bên nhiều được phần hơn, tức là ý-nguyên của phần nhiều, thành pháp-luật cho cả nước vậy.

Nhưng mà phần nhiều đó được ra cầm quyền, đừng tưởng rằng muốn làm gì cũng được đâu; cũng phải có nghĩa-vụ đối với phần ít. Vẫn biết rằng ý-nguyên của phần ít không thể đặt làm pháp-luật cho cả nước được, phần ít phải phục tòng pháp-luật của phần nhiều, cho đến khi phần nhiều lại về mình. Nhưng mà dù bị thua cũng vẫn đáng tôn-trọng, quyền-lợi vẫn được hoàn-toàn, phần đa-số

dù mạnh thế nào mặc lòng cũng không thể làm những điều trái với đạo-lý được : đối với một người dân cũng không được phạm quyền-lợi của người ta, huống là đối với một bọn nhiều người. Nếu không thế thì pháp-luật không phải là để định công-lý nữa, chính là để đặt quyền áp-chế, mượn luật-lệ mà thi-hành cường-quyền vậy.

Kể cầm quyền được có quyền trừng-phạt là một cái quyền to lắm, nhưng cũng có giới-hạn mà thôi, tức cũng như quyền lập-pháp là gốc của bình - phạt vậy. Bất buộc người dân điều gì là phải có lẽ công-bằng, phải hợp với công-lý đương-nhiên mới được ; vậy thời việc gì có trái công-lý mới có thể nghị trừng-phạt được. Lấy lẽ « quốc-thị », lẽ quốc-gia (*raison d'Etat*) mà toả-chiết cái ý-nguyên riêng của người ta, ức-chế quyền tự-do của người ta, lấy cớ giữ trật-tự chung mà làm trái cả công-lý, thời đó là một cách thất-sách vô-cùng, không khỏi có nguy-hiểm vậy.

Xem như thế thì biết các nước tự-do lại cần phải có đạo-đức lắm. Trong các chính-thể, chính-thể dân-chủ, nghĩa là chính-thể mà quyền thuộc về dân, là nhân-dân cần phải có bụng công-tâm và cần phải hiểu biết lẽ phải lắm. Bởi thế nên ông MONTESQUIEU đã nói rằng chính-thể cộng-hóa là chính-thể lấy đạo-đức làm chủ vậy. Nói thế không phải là nghĩa rằng ở nước dân-chủ, ai ai cũng cần phải có đạo-đức đâu, hay là các kẻ cầm quyền đều phải có đạo-đức cả đâu ; nói thế nghĩa là kẻ làm dân cũng như kẻ cầm quyền phải biết lẽ phải, biết điều-độ, biết tôn - trọng pháp-luật, biết trung-thành với nước, không thể thời đoan-thể ắt phải nguy-vong vậy.

Thử xét trong một nước dân - chủ thường có những khuyết-diểm gì, và nhân đó sinh ra những sự nguy-hiểm như thế nào.

Pháp-luật đều phải căn-cứ ở lẽ bình-dẳng, nhưng cứ thực thì không khi nào là được hoàn-toàn bình-dẳng : chỉ có quyền-lợi là bình-dẳng được, chứ tài-sản, thiên-tư, trí-thức người ta thì không thể sao cưỡng cho bình-dẳng được. Lại trong một xã-hội, phải có người làm ra luật, phải có người thi-hành luật, nghĩa là phải có người đứng chủ-trương đốc-suất người đứng chủ - trương đốc - suất không thể bình-dẳng với người khác được. Vậy nếu ngộ-nhận nghĩa bình-dẳng, đem lòng ghen-ghét những kẻ hơn mình, ghen-ghét cả những kẻ mình đã ủy quyền ra thay mình nữa, cho rằng quyền đã ở mình mà ra thì không đáng phải tôn-trọng nữa, như thế là loạn mất, trước còn loạn trong trí, rồi loạn đến công việc, sau loạn đến cả cuộc trị-an trong dân-gian nữa. Đã rối-loạn như thế thời không có cơ-sở vững-vàng nữa, vì mỗi lần chính-quyền thay đổi, ở tay người nọ sang tay người kia tất là phương-châm chính-trị cũng thay đổi hết cả. Như vậy thời công việc không được liên - tiếp, hành-dộng không được nhất-trí, đối với ngoài còn có uy lực gì nữa.

Một nước rối-loạn về đường tinh-thần như thế, thời dù của cải nhiều, võ-lực mạnh mặc lòng, cũng là cái mối sẵn cho những nước cường-dịch khác, có lẽ không vấu-mình, không tài giỏi bằng mình, nhưng biết giữ lẽ-phép, biết trọng kỷ-luật hơn.

Vậy thời trong một nước dân-chủ, nếu không có công-tâm, không biết lẽ phải, không có trật-tự, không có kỷ-luật, thời nguy-hiểm to lắm. Luật-pháp là ở phần đa-số trong dân-gian làm ra, phần đa-số ấy tất phải cho hiểu-biết sáng-suốt, phải có cái óc kiện-toàn, phải lấy việc trị-an và sự công-ích làm mục-dịch trước hết. Phải có lòng ái-

quốc, phải biết cái nghĩa-vụ của mình, phải hiểu lẽ chính-trị đương-nhiên, phải biết hi-sinh mình mà phục-tòng kẻ mình đã bầu ra để chủ-trương việc nước, vì sự phục-tòng chính là cái đức-linh thứ nhất của kẻ công-dân vậy. Nhà triết-học nước Anh, STUART MILL, là một người rất ham tự-do, rất hiểu độc-lập, không ai ngờ cho ông là có cái bụng chuyên-chế độc-đoán gì được, vậy mà ông nói rằng: một dân dã-man như rợ *Cafres* ở Phi-châu, vốn có cái thói quen phục-tòng, kẻ lù-trường có thể tự-ý đem giết chết hàng trăm con người cũng chịu, dân ấy lại có tư-cách tự-trị, có thể lập-thành một quốc-gia lớn được, hơn là những dân du-mục ở bắc-bộ Tây-bá-lợi-á, vì ham tự-do quá mà không biết chịu quyền-phép, chịu kỷ-luật gì cả. Ông lại nói rằng phạm nước văn-minh là gốc ở lòng tôn-trọng pháp-luật, nếu không biết chịu quyền-phép, chịu kỷ-luật, thì không bao giờ thành quốc-gia được.

Xã-hội nào cũng vậy, muốn cho có trật-tự, phải cần biết phục-tòng; xã-hội dân-chủ lại càng cần hơn lắm nữa, vì ở đây cái khuynh-hướng trái lại thường mạnh lắm: như người ngu-si thiện-cận thì tưởng rằng ở nước dân-chủ không phục-tòng pháp-luật không hại gì, vì quyền-phép ấy là tự mình làm ra được, tự mình cũng có thể phá đi được. Chẳng từng thấy lắm kẻ tự-phụ

ràng kẻ cầm quyền là tự tay mình bầu cử ra, lúc nào khuynh-đảo đi cũng được, nên thường coi rẻ coi thường đấy ư?

Tuy-nhiên, nghĩa tự-do hiểu làm làm sai thời hại cho một nước như thế, nhưng dân nào nước nào biết thi-hành một cách chánh-đáng thời ích-lợi biết dường nào! Cũng không cần phải biết thi-hành ngay vội: nên chịu khó tập dần, không gì có ích cho cá-nhân, có lợi cho dân-tộc bằng cái công-phu tập-luyện đó.

Tự-do là một cái lợi-khi giáo-dục không gì bằng. Trẻ con có biết trách-nhiệm đến mình mới có tư-cách người lớn; người dân có biết hiểu nghĩa tự-do mới là xứng-đáng làm dân. Người nào biết tự-do thời tinh-thần mạnh-mẽ, cũng như người hờ-hấp khí trong, tập-luyện thân-thể thời thấy mình-mảy khoan-khoái nhẹ-nhàng vậy. Tự-do là cái thuốc bổ não, nhưng cũng giống các thứ thuốc bổ khác, vốn mạnh lắm, nếu biết dùng điều-độ cho vừa hợp với cái tạng của mình thời hoàn-khỏi được cả thân-thể cùng tinh-thần, nhưng nếu dùng quá-độ thời ắt công-phạt vô cùng vậy.

HỒNG-NHÂN biên-dịch



VĂN-ĐỀ CỔ-HỌC HÁN-VIỆT

Nha Học-chính Đông-Pháp hiện nay đương nghiên-cứu về văn-đề học cổ điển Đông-phương và Tây phương để định sửa-sang lại các chương-trình trung-học đại-học. Vậy có nhờ ông PHAM QUỲNH, dạy khoa Hán-Việt-văn-tự ở trường Đại-học soạn một bài giải rõ về cái học cổ-diễn Hán-Việt thế nào. Bài ấy viết bằng Pháp-văn đã in trong tạp-chí của nha Học-chính (Bulletin général de l'Instruction publique, Octobre 1928), hiện có lục-dăng ở phần Phụ-trương bằng tiếng Pháp kỳ báo này. Nay xin dịch ra quốc-văn để công đồng-lãm.

N. - P.

... Thành cổ này là một nơi lắm những văn-sĩ cùng thi-nhân, ngày tháng tiêu - dao trong một cái đời đạo-lý rất êm-dềm, có khoái-lạc mà có tiết-độ, văn học-tập mà văn thư-nhân, buồn là buồn ngẫm mà vui là vui thực; thường đứng tựa bên vườn cảnh, nghe con chim oanh nó hót ra hồn mộng mơ-màng, theo cánh hồng bay - bổng vậy. . .

(Trích trong sách « Du lịch nước Tàu » của văn-sĩ ABEL BONNARD.)

Văn-đề học cổ-diễn ngày nay đương vào thời-kỳ nghị-luận. Ở bên Pháp chỉ thấy nói nên bảo-lồn lấy nền cổ-học La-Hi đề đối với cái tân-học cách-trí đời nay mỗi ngày một bành-trướng. Song những người rất nhiệt-thành về tân-học cũng vẫn chịu nhận rằng văn-học cổ có giá-trị về đường giáo-dục, có cái đức hay đào-luyện cho tâm-trí người ta, khác nào như một cách « thể-thao » cao-thượng về tinh-thần vậy. Tuy muốn định cái địa-vị cổ-học trong chương-trình học nên thế nào thì không phải ai ai cũng đồng-ý nhau cả, nhưng ai ai cũng đồng-thanh công-nhận cho cổ-học là có ích.

Vậy thời ở Tây-phương văn-đề học cổ-diễn đã giải-quyết được xong vậy.

Ở Đông-dương đây thời văn-đề ấy lại trình-bày ra một cách khác. Trước hết, có nhiều người không chịu nhận rằng có một văn - đề cổ - học riêng cho xứ này. Theo ý những người ấy thì nói về học cổ - điển là duy chỉ có cổ - học Hi - Lạp Lã - mã mà thôi, và ngoài văn-minh Địa-trung-hải là văn-minh hoàn-toàn cao-thượng hơn cả, không còn có văn-minh nào sản-độc một cái học xứng-dáng huy-hiệu là học cổ - điển. Ngày nay người Việt-Nam đã được hưởng cái ơn giáo-dục của Thái-Tây, thời ơn ấy không gì quý bằng dạy cho biết những cái hay cái đẹp trong các cổ-văn Hi-lạp La-mã, không những là sản-mẫu của văn-minh Âu-châu mà là sản-mẫu của cả văn-minh thế-giới nữa. Nói những cổ-học

Đông-Á, cô-học Ấn-độ Chi-na, thời một là nói lảm, không thể nghe được. hai là a-dua bắt-chước mấy nhà học giả biểu-ký ở Tây-phương tán dương cái văn-hóa Đông-phương, như bọn ROMAIN ROLLAND nước Pháp, BÀ-tước KEYSERLING nước Đức, không biết rằng cái vẽ cảm-đỗ của Đông-phương đó là cái vẽ hảo-huyền vậy. Ai nói dả-động đến cái học cổ - điển của Chi-na hay của Ấn - độ, thời người ta có nề lảm dãi cho một cái mỉm cười lãnh-đạm, đủ biết là không coi vào đâu vậy.

Tôi nay cũng liều mạo cái cười mỉa-mai của phái hoài-nghi đó mà thử c' ứng-giải rằng quả có một cái học cổ-diễn Hán-Việt thật, học ấy trong bao nhiêu thế-kỷ đã tạo-thành ra biết bao nhiêu lớp người tiêm-nhiễm được những điều nghĩa-lý rất hợp với đạo làm người, vì thường bày cho người ta một cái gương h'ền-năng công-chính để làm khuôn phép mà noi theo, và dấu cho đến ngày nay nữa, muốn cho khỏi gây ra một thứ óc tạp-chủng thật không hay-ho gì mà lại rõ-ràng có nguyên-nhiên, thời trong nền tân-học, dù là học Pháp hay học Pháp-Việt, cũng không thể nhất-thiết từ bỏ cái học cổ-diễn ấy đi được.

Vả cái thái-độ hoài-nghi đó, tự tôi cũng đã phải kinh-nghiệm qua, mà lại kinh-nghiệm trái ngược lại. Một đôi khi thường có dịp nói chuyện văn-chương Âu-tây và thứ nhất là văn-chương Pháp cho mấy nhà nho cũ nghe, có ý khen các văn-chương ấy hay, thời thấy trên nét mặt các ông cũng có cái mỉm cười hoài-nghi lãnh-đạm như thế. Một ông nói rằng: "Người Tây thì về cách-trí, về kỹ-nghệ chắc là họ giỏi thật. Còn văn - chương của họ thời không có lẽ hay bằng văn-chương Tàu được. Thơ văn nhà Đường thật là độc-nhất vô - nhị; tưởng trong thế - giới không có gì hay bằng." — Tôi kể cho

ông nghe nào những thơ LAMARTINE, the VICTOR HUGO, văn ROUSSEAU, văn VOLTAIRE, ông vẫn ra dáng không chịu.

Thế là nghĩa làm sao, há chẳng phải là các nhà nho Tây-phương cũng như các nhà nho Đông-phương, vì qua trung-thành với một cái cô-học mình yêu - qui xưa nay, mà có khi thành ra bụng thiên cho phạm cái gì không phải nguyên-nguyên ở cái học ấy mà ra là không có giá-trị gì cả? Lại há chẳng phải là trong thế-giới nay không phải chỉ có một cái học cổ-diễn độc-nhất vô-nhị, là học của Hi-lạp-La-mã mà thôi, nhưng phạm các dân-tộc đã tới được trình-độ văn-minh cao, đều có học-thuật riêng cả, và học-thuật ấy cũng có một cái tính-cách phổ-thông, một cái căn-bản nhân-đạo, có giá-trị chung cho loài người vậy?

Vậy thời ta có thể cứ tự-nhiên noi về khoa học cổ-diễn Hán-Việt, mà chứng-rằng khoa học ấy đối với người nước Nam này cũng có giá-trị về đường giáo-dục như khoa cổ-diễn La-Hi đối với người Âu-tây, không phải là bần lảm nói quá vậy.

..

Trong bài khai-giảng khoa "Hán-Việt văn-tự" của tôi dạy ở trường Cao-học Đông - Pháp, tôi có trả lời lại những người thuộc về phái tân-thời không chịu cho cô-học Hán-Việt là có ích-lợi gì, tôi nói rằng:

"Nói đến văn-chương Tàu thì bần không thể cãi rằng văn-chương Tàu không có được, nhưng họ lại quy rằng văn-chương Tàu đã áp-chế tinh-thần người An-Nam. Nay vì có một anh học chữ Tây bập-bẹ nào, muốn đi thi cho mau đỗ, đem văn-chương của ông ANATOLE FRANCE cắt vụn ra từng câu từng mảnh để khi làm bài Pháp-văn thời chấp nối ken liền lại, các ông

có đồ tộ cho văn ông ANATOLE FRANCE là áp-chế tinh-thần người An-Nam không? Ấy ngày xưa có một hạng người học hán-văn đề đi thi chỉ gia-công mà phả mà phổng các nhà văn Tàu, cũng tức y như thế. Nhưng có thể vì lẽ đó mà không công-nhận cái ảnh-hưởng sâu-xa của văn-chương Tàu đối với sự học-vấn tư-tưởng nước Nam trong bao nhiêu đời không? Không nhận sự đó là trái với sự thực hiện-nhiên, và cả lịch-sử nước Nam sẽ dựng lên mà phản-đối lại. Cứ thực thì chúng ta đây trong hai nghìn năm đã nuôi bằng cái tinh-tủy của văn-hóa Tàu, do những tay đại-văn-hào, đại-thi-hào nung - đúc mà chất-lọc cho ta, những tay này chỉ có sánh với Hi-lạp La-mã đời xưa hơ mà mới có người bằng vậy. Những bậc như Lý Thái-Bach, Đỗ Phủ, Hàn Dũ, Tô Đông-Pha, là thuộc về làng văn chung của cả thế-giới. Cớ sao ở Tây-phương văn-chương Hi-lạp La-mã lại có cái giá-trị đặc-biệt như thế? Bởi dẫu mà sự học cổ điển ở các nước Âu-châu lại có cái hay tuyệt-dịch về đường giáo-hóa cho tinh-thần người ta? Ông RENÉ DUMÉNIL nói rằng: « Cái hay bởi dẫu? Hay là bởi tiêu-biểu được những cái tinh căn-bản của « thân-phận người đời », theo như lời ông MONTAIGNE đã nói, tiêu-biểu cho siêu-việt ra ngoài cả thời-gian cùng những sự biến-loạn trong tinh-thần, trong xã-hội. Tâm-hồn cổ-nhân, không có lao-lục như người đời nay, Dạng nét bút đơn-sơ mà vẽ được những kiểu người thiên-cổ, dù thời thế biến-thiên, kiểu ấy vẫn đúng, mà nét bút kia thời sau này không từng thấy nữa. Học cổ-nhân thời kẻ thanh-niên biết làm người đứng-dấn. Sự giản-ước của cổ-nhân đó, lộ ra từ trong cách tư-tưởng cho đến lời thơ văn. » — Ấy các nhà văn cổ-diễn nước Tàu cũng có những cái đặc-tính tuần-luong và giản-ước như thế. Muốn

nghiêm cho rõ, đọc ngay một vài bài của Bạch Cư-Dị hay của Vương Bột thì đủ biết, như bài tựa tiệc « Đẳng-vương các » của Vương Bột làm thừa hai-mươi tuổi, tả cái vẻ tráng-lệ nơi vương-phủ, vẻ rực-rỡ cảnh trời thu, « con chim lạc đàn cùng với đám mây bay phấp-phới, giải nước thu cùng với vẻ trời rộng một màu » (落霞與孤鶩齊飛。秋水共長天一色。), rồi kết đến buồn-rầu ngẫm-ngĩ về nỗi trời đất vô-cùng mà phận người chẳng mấy, kẻ đạt-nhân quân-tử thường gặp cảnh trắc-trở gian-nan, phải biết kiên-nhẫn mới giữ được trọn cái lý-tưởng thanh-cao ở trong lòng. Không bao giờ thấy những tư-tưởng cao-lượng như thế mà diễn ra lời văn vừa tráng-lệ, vừa thanh-tao như vậy... »

Văn-học Tàu về đời Chu đã thịnh, nhất là về thời-dại X án-thu và C hiến-quốc (thế-kỷ thứ 7 đến thế-kỷ thứ 3 trước Gia-lô), đến đời Hán (thế-kỷ thứ 2 tr. G.-t. đến thế-kỷ thứ 3 sau G.-t.) và đời Tấn (thế-kỷ thứ 3 đến thế-kỷ thứ 5s. G.-t.), vẫn phát-dạt lắm, đến Đường (thế-kỷ thứ 7-10) và Tống (thế-kỷ 10-13) thời cực-thịnh. Trong ngót hai-mươi thế-kỷ, tiến-hóa dần-dần, từ các bài ca mộc-mạc ở kinh Thi mà biến thành ra lối thơ luật về thế-kỷ thứ 9 và thứ 10, kẻ trong văn-học thế-giới đến thế cũng là tuyệt-đỉnh vậy. Những bài thất-ngôn bát-cú về Đường-luật, thanh-tao êm-ái, lời-lẽ cao-kỳ mà điệu thơ rêu-rất, cảm-tình phong-nhiã mà diễn-cổ xa-xôi, thật là gồm được cả cái văn-minh cổ nước Tàu, văn-minh rất lạc-lối, cứ xem nhà lữ-hành Marco Polo đã tả cái cảnh-tượng kinh-dô Hằng-châu đời bấy giờ cực-kỳ phồn-hoa thì đủ biết, theo như lời một nhà làm sách Pháp ông L. Hovelacque) nói thì thời-dại ấy thật là một thời-dại hoàn-toàn trong lịch-sử thế-giới vậy.

Trong sách ông văn-sĩ Abel Bonnard đề là « Di-lịch nước Tàu » có

một đoạn bình-phẩm về thi-nhân Tàu, thật là khám-phá sâu-sắc lắm, mà lời văn chải-chuốt vô-cùng, tả được hết cái phong-thú của thơ Tàu, xin trích-dịch ra đây, vì lời tôi nói không thể nào văn-vẽ được bằng. Ông BONARD nói rằng :

« Thơ Tàu rất có văn-chương. Thơ đời nọ đời kia tiếp-tục nhau như vang bóng. Mỗi nhà làm thơ thường là tổ-thuật một nhà trước, chứ không có tự-cao biệt-lập ra một tay sáng-tạo ; bao giờ cũng tự-khiêm làm học-trò một nhà nào, đem mình sáp-nhập vào một làng thơ làng văn nào. Làng thơ làng văn ấy là gồm những bậc danh-giá trong nước, phần nhiều là những hàng sĩ-dại-phu cả. Những bậc ấy, tuy giữ chức trọng quyền cao, nhưng mà không có mải-miệt trong sự quyền-chức, theo như lời ông SAINT-EVREMOND nói về người La-mã đời xưa rằng : « Tuy làm quan mà vẫn giữ được cách làm người vậy. »... Các ông Tần đời xưa đó, vẫn trị dân đầy, vẫn giúp nước đầy, vẫn phò vua đầy, nhưng mà gặp khi đắc-sủng không bị làm vì cái quyền cao chức trọng của mình, mà chẳng may thất-sủng cáo lui về nhà, thời mình vẫn là mình, bấy giờ có thể-lộ ra lời thơ lời ca, không phải là chỉ bởi cái tài khéo ngâm-vịnh, chính là bởi cái nhân-cách thanh-cao của mình... Khi ra hành-dộng vẫn giữ được lòng liêm-sĩ, bụng thanh-cao, cái ý-nghị tiêm-tế kẻ độc-thư vậy. Tuy vẫn giữ được cái thói quen biết tự ngẫm-ngẫm một mình, nhưng cũng không có đoạn-tuyệt quan-hệ với cái vũ-trụ ở quanh mình ; dù ở chốn triều đình, nơi lang miếu, hay là ở nơi công-việc, chốn học-hành mà ra, vẫn còn có cái tư-cách thanh-nhân, và trông thấy vẻ mùa thu còn biết cảm

«... Ở Âu-châu, vì nhà bác-học, nhà ngoại-giao, nhà chính-trị trở về

già, từng trải đã nhiều mà còn có cái lòng cao-thượng cái-quát được hết thấy, ở đời đã chán mà còn có cái bụng khoan-dung biết cảm được cái thú của ngày giờ. Vậy mà làm thơ, mà ngâm-vịnh, thời thử nghĩ những thi-ca ấy sẽ có cái thú đặc-biệt, cái vị lạ-lùng biết dường nào ! Ấy thơ Tàu cũng vậy. Thơ ấy dường như là cảnh-vật phản-chiếu vào trong tư-tưởng vậy. Thơ cũng như họa, không cốt là đem sự-vật mà tả-mạc cho tinh-tế, chỉ điểm-xuyết một vài nét cũng đủ gợi được ra cả hình-ảnh, khéo chọn một vài chữ cũng đủ cảm-động được lòng người. Không có dồi-dào lộng-lẫy như lối thơ Ấn-độ, cũng không có réo-rắt véo-von như lối thơ Ba-tư, nhưng vẫn-tắt như những bài đoản-thiên của HORACE mà hơi kém cái vẻ khiêu-khoái một chút, cũng có khi giống như lối thơ trào-phúng trong sách *Anthologie* mà hơi kém cái màu vui-vẻ một chút. Thơ này là thơ những người đã từng trải sự đời, ngẫm-ngẫm về cuộc đời mà ngâm-ngủi như than-thở vậy. Người làm thơ không còn có mờ-hoặc gì về sự đời nữa. Đối với người dân-bà, dù là người ca-nhi, dù là kẻ kỹ-nữ, cũng coi như là một giống kém mình, duy có cái phong-thú riêng đủ làm một vật mua vui mơ-màng trong một lúc mà thôi ; cũng giống các bậc cổ-nhân bên Tây-phương, chỉ lấy tình bè-bạn làm sự vui-thú, còn có thể là còn có chút quan-hệ với nhân-loại, không thời thuần-nhiên là người ăn-dật vậy. Lời thơ có cái vẻ ý-nghị kín-dáo, rất là tào-nhã, chữ dùng không có nghĩa quá-đáng bao giờ, ý-tư vẫn dồi-dào hơn lời nói. Mà trong thơ có một cái vẻ buồn ngẫm, như cái buồn của người hiền-triết, đã lấy sự sống làm nhọc-nhân và biết rằng ngoài cõi đời không còn gì nữa... »

Ấy toàn-thiên đều hay như thế cả, đáng phải dịch ra hết, cả những đoạn

về thần-thơ Lý Bạch, thành thơ Đỗ Phủ, về Bạch Cư - Di, là người bác - nhà quân-tử biết đường nào; lại phải trích cả mấy bài thơ đã dịch ra để thí-dụ, về cách dịch thơ ấy tác-giả có ví như sau này cũng thú lắm; nói rằng: « Tôi cũng muốn trích lục ra mấy bài thơ Tàu để cống-hiến cho chư-độc-giả, nhưng mà xin độc-giả trước khi xem thơ phải nghĩ đến cái đường-dắt bài thơ phải đi qua xa-xôi biết bao nhiêu rồi mới đến tay mình thưởng-thức. Đời xưa vua chúa các nước biết tiếng nhau thường sai sứ đem những của báu sang tặng lẫn nhau. Sứ-bộ lúc khởi-hành cũng là đi bằng-quơ, không biết đích xứ-sở nào. Khi bắt đầu đi thì lễ-vật châu-báu biết bao nhiêu mà kể. Nhưng mà đường đi thiên-nan vạn-nan, núi sông cách-trở, lại gặp những giặc-cướp vô-số, bóc-lột mất nhiều. Khi tới nơi thì quá nửa đồ châu - báu mất cả. Thơ chữ tàu mà truyền-dịch sang chữ tây, cũng tức như người đi sứ đó, đường đất xa xôi, giao-thông cách-trở, tự thế-giới Thái-Đông sang đến thế-giới Thái-Tây, đã mất đến gần hết những châu-châu bảo-ngọc lúc mới đầu. Sang đến tay ta, hoặc còn được hòn khuê-bích nào đủ chứng được rằng lễ-lặng hậu. Nhưng mà thế cũng còn đủ được chút cảm-tình của một khách phương xa... »

Một nhà văn-sĩ Tây-phương thường-thức thơ Tàu chỉ nhờ về mấy bản dịch bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp mà thôi giá-trị những bản dịch ấy thế nào thật đã biết lắm, vậy mà hiểu được đến nơi, nói được rõ ràng như thế, thì lời nói ấy lại càng có ý-nghĩa là đường nào. Như chúng ta đọc được ngâm được thơ Tàu ở ngay trong bản chữ, thời lại còn có lý-thu hơn biết bao nhiêu. Thơ Tàu vẫn có mùi đạo - lý

thâm-trầm, như vị thuốc quý, nhấp vào môi như ngọt mà như cay, thật là có một cái thú-vị lạ-lùng đặc-biệt vậy. Lại có một cái âm-hưởng tiết-tấu, êm như ru, không tiếng nào dịch ra cho được.

Đây là nói về văn-văn. Nay nói đến tản-văn về những thời-dại văn-học thịnh nhất. Đời nhà Chu thì văn giản mà hùng, nhà Hán thì văn thanh mà nhã, đến nhà Tấn và đời Nam-Bắc-triều khởi ra lối văn biền-ngẫu như văn tứ-lục và lối văn văn-diệu như lối phú, thì văn lại càng tra-g-nghiêm mỹ-lệ lắm. Nhưng cũng lại đến đời Đường Tống (thế-kỷ thứ 8 đến thế-kỷ thứ 12), văn Tàu mới thật là cực-diễm hoàn-toàn. Văn Hán, văn Tò cũng ngang bằng thơ Lý thơ Đỗ. Thiên-hạ hay có thói thường xét văn-chương tàu ở lối văn cũ-nghiệp. Nhưng mà văn đó là văn lễ-lối, vừa phiến, vừa phiếm, cò-lai thực đã làm cho văn-chương tàu mang tiếng là cầu-kỵ dị-dạng hay là kiểu-cách vô-vị, khiến cho người ngoại-quốc phải chán. Văn đó, các đại-gia xưa nay vẫn lấy làm khinh. Tuy về các thời-dại văn-học suy, lối đó cũng thịnh-hành, nhưng đến những đời văn-học thịnh thời không ai tập đến. Như « cò-văn » của Hàn Dũ thật là thanh-dạm giản ước biết đường nào! Thí dụ như bài văn « Tế Thập-nhị lang » của ông làm để viếng cháu, xin dịch ra sau này cho biết qua lối « cò-văn » của Tàu thế nào, còn lời-lẽ cảm-dộng là đường nào thì phải đọc ở nguyên-văn mới thường - thức được. Lời văn tế rằng :

« Qui-phụ Dũ, nghe tin người mất bấy ngày rồi mời hàm-ai tri-thành, sai Kiến-trung xa đem thức thời-tu, các linh hồn người, hồi Thập-nhị-lang !

« Than ôi, ta thừa nhỏ mồ-côi, lớn lên không biết nhờ ai (1), chỉ nương nhờ anh chị. Đến sau anh mất ở phương Nam, ta cùng người đều còn nhỏ, theo chị đưa anh về táng ở Hà-dương. Rồi ta lại cùng người sang ăn nhờ ở đất Giang-nam, lĩnh dinh cô khổ, chữa từng lia nhau một ngày nào.

« Ta trên có ba anh, đều không may mất sớm; thừa-tự đáng tiên-nhân về hàng cháu chỉ có người, hàng con chỉ có ta, hai đời một thân, hình đàn ảnh chị. Chỉ dầu ta thường cầm tay người trở vào ta mà nói rằng: « Hai đời họ Hàn, chỉ còn có một chút này mà thôi. » Lúc bấy giờ người hãy còn nhỏ, hẳn không nhớ được; ta khi ấy tuy biết ghi nhớ, nhưng cũng chưa biết lời nói ấy đau-dớn là dường nào.

« Khi ta mười chín tuổi, mới đến kinh-thành. Được bốn năm, lại trở về thăm người. Sau bốn năm nữa, ta về thăm phần-mộ ở Hà-dương, gặp người đưa tang chị dầu ta về táng. Lại hai năm nữa, ta giúp việc quan Đồng-thừa-tướng ở Biện-châu; người có đến thăm ta, chỉ được một năm, lại xin về đem vợ con đến. Năm sau quan Thừa-tướng mất, ta bỏ Biện-châu đi, người cũng chẳng đến nữa. Năm ấy ta giúp việc binh ở Từ châu, sai người về đem người đến, vừa đi thì ta lại bãi việc, người lại chẳng đến nữa. Ta nghĩ người theo ta ở phương Đông, phương Đông cũng là nơi đất khách, không thể ở lâu dài được, muốn cho lâu dài chẳng gì bằng về phương Tây, sắp-sửa làm nhà để gọi người về.

« Than ôi, ôi ngờ người vội bỏ ta mà chết! Ta cùng người đều còn ít tuổi, nghĩ rằng dầu tạm ly-biệt, rồi hẳn được xum-hợp lâu dài, cho nên ta tạm bỏ người mà đi lữ-thực ở chốn Kinh-sư, đề cầu cái lộc thăng-dầu. Nếu thực biết ra nông-nổ này, thì dầu làm đến công-tướng muốn cỗ xe, ta cũng chẳng nỡ một ngày bỏ lia người mà đi vậy.

« Năm ngoài ông Mạnh Đông-dã đi về, ta có gửi cho người cái thư nói rằng: « Ta chữa đến bốn-mươi tuổi mà mắt đã mờ-mờ, tóc đã hoa-râm, răng đã lung-lay. Nghĩ đến các chú bác và các anh ta, đều mạnh-mẽ cả mà mất sớm; như ta suy yếu thế này, có thể sống lâu được chăng? Ta không thể đi được, người không thể đến được, sợ nhất-dân ta chết đi, thì người mang cái lòng đau thương vô-cùng vậy. »

« Ai ngờ dầu người ít tuổi thì mất mà người nhiều tuổi thì còn, người mạnh khỏe thì chết non mà người ốm yếu thì sống mãi!

« Than ôi, có thực thế chẳng, hay là mộng, hay là tin truyền sai?

« Nếu thực thế thì anh ta nhân-đức như thế mà con nối dõi lại chết non ư? Nhà người thuần-minh như thế mà lại không được nhờ ân-trạch ư? Người ít tuổi, người mạnh khỏe mà đã chết, người nhiều tuổi, người suy-yếu mà hãy còn ư? Ta không thể tin được.

« Hay là mộng đấy, tin truyền sai đấy. Nhưng có sao thư Đông-dã, tin Cảnh-lan lại ở bên mình ta đấy?

(1) Nguyên-văn là: 吾少孤, 及不省所怙. Chữ 孤 có, vốn nghĩa là mồ-côi cha, nhưng cũng thường dùng để nói là mồ-côi cả cha mẹ. Còn chữ 怙, nghĩa là nhờ cậy, mà 失怙 thất-hỗ thời có nghĩa riêng là mồ-côi cha (父亡曰失怙). Bởi thế nên có bản cổ văn thích nghĩa hai câu này là: « Thừa nhỏ mồ-côi mẹ, lớn lên mồ-côi cha » (少時失母則孤, 及長不省所怙而又失父). Nay cứ theo nghĩa thường chữ có là mồ-côi cả cha mẹ, và chữ 怙 là nhờ cậy, mà dịch như trên.

«Than ôi ! tin quả thực vậy. Nhân-dữc như anh ta mà con nổi dỗi chết non thật ! Thuần-minh như người, nên nổi nghiệp nhà, mà không được nhờ ân-trạch thật ! Thế thì trời thực khó lường, mà thần thực khó hiểu ; lý không thể suy được, mà thọ cũng không thể biết được !

«Tuy-nhiên, ta từ năm nay trở đi, tóc hoa râm rồi hóa ra bạc cả, răng lung-lay rồi đến rụng hết, khí-huyết ngày càng suy, chí-khí ngày càng kém, chẳng bao lâu cũng theo người mà chết thôi !

«Chết mà có biết, thời cái nổi ly-biệt cũng chẳng bao lâu ; nếu mà không biết thời cái tình bi-thương không mấy lúc, mà cái nổi chẳng bi-thương thời vô-cùng vậy.

«Con người mới mười tuổi, con ta mới năm tuổi ; người trai-trẻ mạnh-khoẻ còn không thể bảo-toàn được, thời dứa con thơ ấy biết mong sao cho thành-lập được đây ! Than ôi, thương thay !

«Năm trước người có gửi thư rằng : «Mới mắc phải bệnh nhuyễn-cước, mỗi ngày một nặng thêm.» Ta bảo rằng đó là cái tật người xứ Giang-nam thường mắc phải, chứ không lấy gì làm lo. Than ôi ! Mắc phải bệnh ấy mà đến nổi chết ư ? Hay là có tật gì khác mà đến nổi thế ư ?

«Tờ của người là ngày 17 tháng 6 ; mà thư của ông Đông-dã nói rằng người mất ngày mồng 2 tháng 6 ; tin của Cảnh-lan báo về thì không có ngày tháng. Hay là người sư-giả của ông Đông-dã không biết hỏi người nhà cho biết đích ngày tháng ; còn tin Cảnh-lan báo lại thì không biết phải nên nói rõ ngày tháng ; mà cái thư của ông Đông-dã đưa cho ta là cứ theo lời kẻ sư-giả, mà kẻ sư-giả nói sai đó chẳng. Phải thế chẳng ? Hay không phải thế chẳng ?

«Nay ta sai Kiến-trung đến tế người, thăm mồ con cõi của người, và người nhũ-mẫu của người. Bọn đó nếu còn có lương ăn ở nhà thủ-tang đợi đến khi chôn - chế, thời đến khi chôn-chế sẽ đem về ; nếu không thể đợi đến chôn-tang, thời sẽ đem về ngay. Còn các nô-ti khác, đều để ở lại thủ-tang. Sứt ta còn lo nổi được việc cải-táng, rồi sẽ chôn-táng người ở bên mồ đáng tiền-nhân, nhiên-hậu mới thỏa lòng.

«Than ôi ! Người bệnh ta không biết lúc nào, người chết ta không biết ngày nào, lúc sống không nuôi được nhau dễ cùng ở, lúc chết không được vỗ về người dễ khóc thương, lúc liệm không được vin áo quan, lúc chôn không được thăm đến huyết, ta thực phụ thần-minh mà khiến người chết non ; ta thực bất-hiểu bất-tử, mà chẳng được cùng người cùng nuôi-ở ẩn-nhau, lúc sống, cùng giữ-gìn nhau lúc chết, một người ở bên trái, một người ở góc bên, lúc sống thì bóng không nương với hình ta, lúc chết thì hồn không gặp với mộng ta, thực tại ta làm ra cả, lại còn trách ai nữa !

«Ôi, trời xanh kia, biết sao cho cùng ! Từ nay trở đi, ta không còn để ý gì về đời người nữa. Ta chỉ cầu lấy vài khoảnh ruộng ở trên sông Y-dĩnh, để nuôi tuổi thừa, rồi dạy con ta với con người, mong cho trưởng-thành, lại nuôi con gái ta với con gái người, cho đến khi gả chồng, như thế mà thôi.

«Than ôi, nói có cùng mà linh không cùng. Người có biết chăng ? Hay không biết chăng ?

«Than ôi ! Thương thay ! Thương-hưởng ! »

Các nhà phê-bình văn-học Tàu đều đồng-thanh cho bài văn tế trên này là một bài cổ-văn tuyệt-bút, đáng làm mẫu cho lối tản-văn cổ-diễn. Xem đó thời biết lời văn giản-dị biết dường nào, không có gì là những cái vẻ hư-

«sức hảo-huẩn thường làm cho phí mất giá-trị của văn-chương tẩu đi. Lỗi văn giản-dị mà cảm tình thành-thực biết bao nhiêu; bài văn tế này thật là đậm-thấm một cái nghĩa gia-tộc rất cao-thượng, do một cái đạo-học rất thâm-trầm mà phát-sinh ra, là đạo-học của Khổng-giáo vậy.

Vả lại cả văn-học Tàu có thể cho là chủ-ý biểu-dương cho cái học của Khổng-phu-tử, học thuần đạo-lý, thuần nhân-dạo rất là thích hợp với tư-tưởng và tâm-lý người Tàu. Ông LÉONARD AUBOUSSEAU là đốc trưởng Viện-Đông Bắc-cổ Hà-nội, bình-luận về triết-học, lâu có nói rằng: « Người Tàu chỉ chăm về đạo xử-thế thứ nhất. Tuy biện-luận cũng tinh, tượng-tượng cũng hùng, mà không bao giờ quên cái phương-diện thực-tế của sự-vật. Đã tiêm-nhiễm sâu cái tôn-chỉ bảo-thủ của đạo Khổng, nên không muốn dời cõi thế-giới hiển-hiện này mà mơ-màng những chốn siêu-việt xa-xôi. Thường dinh-ninh rằng tuy trí người ta vẫn có thể đạt tới được những cõi tuyệt-dịch, nhưng mà sức người không thể thay đổi được cái thân-thể ở đời này. Cái ý-kiến đó là cái quát cả lịch-sử tư-tưởng nước Tàu. »

Nhưng một cái đạo vụ-thực quá như thế, chỉ khu-khu ở trong vòng nhật-dụng mà thôi, thời phát-biểu ra văn-chương cũng khó lòng có cái vẻ đặc-sắc được. Bởi thế nên tuy đạo Khổng vẫn là gốc tư - tưởng Tàu, mà đời nọ sang đời kia đã nhờ có đạo Lão và đạo Phật bồi-bổ thêm vào, để chữa lại cho đạo Khổng có phần khắc-khẽ hẹp-hoài một chút, mà khiến cho có cái vẻ hoạt-bát phần-phát, để sinh-sản ra mỹ-thuật văn-chương. Ông AUBOUSSEAU lại nói rằng: « Đạo Khổng ví như một tấm gương đứng, tư-tưởng người Tàu thường phản-chiếu vào đấy, chỉ thấy cái hình-ảnh tấm-thường của sự đời.

Đến như đạo Lão thời lại ví như cái hồ nước trong, thường có gió lay sóng gợn, mà mặt người chiếu vào đấy thời mông-lung phiêu-diêu, như gần như xa, như trong mộng mơ-màng vậy. » — Lại thêm đạo Phật có một cái nhân-sinh-quan, vũ-trụ-quan thâm - trầm huyền-diệu hơn, có cái vẻ thoát-thể cao-thượng, cái nghĩa quan-tưởng thần-bi, cái lòng bác ái từ-bi, thật là cái đặc-sắc thanh-cao của một nền tôn-giáo tuyệt-trần vậy.

Nay ba đạo đó hỗn-hợp lại là một, mà cái nghĩa-lý sáng-sủa của đạo Khổng thời đứng chủ-trương cái quát cả; ấy các nhà thi-văn Tàu đời nọ sang đời kia đem diễn ra những lời thơ êm-ái, lời văn hùng-hồn, là diễn cái tinh-tủy đó vậy.

..

Dân-tộc Việt-Nam từ khi mới khai lịch-sử đến giờ, đã chịu ảnh-hưởng của lâu sâu lắm Tự thế-kỷ thứ 2 trước Gia-tô đến thế-kỷ thứ 10 sau Gia-tô, trừ có mấy khoảng ngắn được độc-lập, còn thời bị nội-thuộc Tàu luôn. Trong hơn một nghìn năm đó, văn-chương học-thuật Tàu thâm-nhập vào nước Nam. Sử có chép một ông quan thái-thủ Tàu, tên là Sĩ Nhiếp, — người Tàu mà sinh-trưởng ở nước Nam, — về cuối thế-kỷ thứ 2, đầu thế-kỷ thứ 3, đem truyền dạy các sách kinh-truyện Tàu cho người An-Nam. Dân nhờ ơn ông, tặng cho ông hiệu là Sĩ-vương. Ngày nay ở làng Tam-á, tỉnh Bắc-ninh, còn có đền thờ ông, tương-truyền rằng còn mã ông ở đấy nữa.

Đến thế-kỷ thứ 10, nhà Đinh (968-980) khai-quốc, là triều vua thứ nhất trong quốc-sử độc-lập, thời văn-học Tàu đã thấy thịnh-hành ở nước Nam. Các nhà thơ văn hồi đầu ấy phần nhiều là các nhà sư, vì đạo Phật đã

thâu-nhập vào nước Nam ước vào đời nhà Tùy bên Tàu, khoản: thế-kỷ thứ 6 thứ 7. Về đời Đinh và đời Tiền-Lê (968-1009), nước Nam có mấy nhà sư trứ-danh (Vô-ngai, Phụng-định, Duy-giám, v.v.), sử còn ghi tên, nhiều tay thơ giỏi bên Tàu, như Thăm Thuyên-Kỳ, Trương Lịch, thường làm thơ tặng. Lại có mấy nhà sư nữa thời tự làm thơ làm văn cũng hay, như Trương Ma-Ni, Đặng Huyền-Quang, thứ nhất là Ngô Chân-Lưu và Sư Thuận, đời sau ông Lê Quý-Đôn đã có lời khen rằng: « Thi-cú của Sư Thuận, sư nhà Tống phải kinh-dị, từ-diệu của Chân-Lưu, đã nổi tiếng một thời. »

Các sách Thi-tuyển cũ còn chép được mấy đoạn thi-cú về cái thời-dại thi-học phối-thai ở nước Nam đó, kể ra cũng không kém gì chính thơ Tàu.

Sử chép rằng: năm Thiên-phúc thứ tám đời Lê Đại-Hành (988), nhà Tống có sai sứ sang nước Nam tên là Lý Giác. Khi đến chùa Sách-giang, vua Lê sai Sư Thuận ra đón, giả làm lái đò. Lý Giác vốn có tài văn-học, trông thấy hai con vịt trời lội dưới nước, ưng-khẩu đọc hai câu thơ rằng: *Ngà ngà lưỡng nga nga, ngưỡng diện hướng thiên nga.* 鵞鵲兩鵞鵲，仰面向天涯。(Vịt trời, kia hai con vịt trời, ngưỡng mặt nhìn chân trời). Sư Thuận vừa chèo vừa đọc liền ngay hai câu tiếp theo thành bài tứ-tuyệt: *Bạch mao phủ lục thủy, hồng trạo擺青波。* (Lông trắng phủ trên mặt nước biếc, chèo đỏ đập trong làn sóng xanh). Sư Thuận lấy làm kinh-dị. Về đến sư-quán, gửi tặng nhà sư một bài thơ có ý khen-ngợi lắm. Sư Thuận đem bài thơ ấy trình vua, vua Lê đưa cho Khuông-Việt (là tên hiệu Ngô Chân-Lưu) xét. Khuông-Việt nói rằng: « Bài thơ này là quan sứ Tàu có ý tỏ lòng kính trọng Hoàng thượng cũng như Thiên-tử bên

Tàu. » Vua lấy làm đẹp lòng lắm, bèn hậu-dãi sứ Tàu. Bữa tiệc tiễn-biệt, vua truyền cho Khuông-Việt làm một bài từ tiễn quan sứ. Bài từ rằng: « 祥光三好錦帆張，遙望神仙復帝鄉。萬重山水泛滄浪，九天歸路長。情慘切，對離腸。攀戀使星郎。願將深意看邊疆。分明奏我皇。 » (Trời sáng-sủa, gió hiu-hiu, buồm gấm giương lên, xa trông cõi thần-tiên, lại trở về nơi đế-hương, sơn-thủy nghìn trùng, vượt bể khơi. Đường về xa biết bao! Tình thắm-thiết, đối chén rượu li-trường, đem lòng quyến-luyến sứ-tinh-lang. Xin đề ý xem xét cõi biên-cương này, rồi phân-minh tâu mới Hoàng-đế ta).

Những câu thơ Hán-Việt hồi đầu đó, tưởng cũng không phải là lối văn-chương non-nớt gì. Văn-học Tàu thịnh-hành ở nước Nam đã từ lâu về trước rồi. Nhưng toàn-thịnh là về các triều vua độc-lập, nhà Lý thế-kỷ 11-13), nhà Trần (thế-kỷ 13-15), nhà Hậu-Lê (thế-kỷ 15-18). Nhà Lý trước nhất mới tổ-chức sự học trong nước, đặt ra khoa-cử để tuyển quan-lại cho nhà nước. Khoa đầu tiên là khoa năm Thái-ninh thứ 4 đời Lý Nhân-tôn (1075), gọi là « Nho-học tam-trường khoa ». Năm sau (1076), đặt Quốc-tử-giám, tức là trường Đại-học thứ nhất của nước Nam, là Vắc-miếu Hà-nội bây giờ. Nhà Trần đặt ra « diện-thi », và ba bậc: trạng-nguyên, bảng-nhơn, thám-hoa. Đời Lê khoa-cử lại càng thịnh-lâm, có hương-thi, có hội-thi. Nhà Nguyễn vẫn nối được cái phong văn-học các triều trước, cho mãi đến ngày nước Pháp sang can-thiệp.

Xem như vậy thì văn-chương học-thuật Tàu thâu-nhập vào nước Nam trong mười thế-kỷ đầu nội-thuộc Tàu, đến mười thế-kỷ sau độc-lập thời càng ngày càng thịnh-hành. Từ nhà Lý đến nhà Nguyễn, biết bao nhiêu người

nổi tiếng trong văn-học Hán-Việt, phần nhiều là những bậc đế-vương, bậc đại-phu, bậc võ-tướng nữ. Vì không nên tưởng rằng văn-học ở xứ này chỉ có một cái trò chơi tiêu-khiển mà thôi, nhà văn ngồi trên lầu cao chỉ biết rũa gọt câu thơ câu văn cho đẹp cho kỳ, say mê về cái thú hư-vấn vô-ích; tưởng thế thì lầm. Như trên kia đã nói, ngày xưa vẫn có một hạng nhà nho trọng lối văn cử-nghiệp, cốp-nhặt những cái bã-giã của sách tàu để làm văn trường-ốc. Đến các tay văn-hào thi-hào, thời-hỗ cũng làm những bài thơ tiêu-khiển hơi kiểu-cách một chút, nhưng cũng có cái nhĩa-thú riêng. Thí dụ như bài thơ luật sau này của ông Trịnh Hoài-Đức là một bậc nho-thần ở Lục-lĩnh về đời Gia-long, dễ là:

« Người con gái câu cá » (釣女) (1):

飛取驚鸞 戀閒漫罷 驚鸞
絲樂艷香 攬向機鸞
卷無魚蝶 閑江停
後心沈 集思千針 彈
滿闌桂 簾試憑 女玉
川得餌竿 金石事 搔
秋失流 重鉤磴 休頭。

Nghĩa là : « Đầu cái ngọc uyên-ương, tóc rủ xuống phất-phơ gió; thời dặt cử, dùng kim khâu, nghĩ các việc nữ công. Bèn đi ra mạn bao-lơn ngoài sông, tựa vào cầu đá. Những mối tư-tưởng trong khuê-phòng gác để cả một nơi, đến câu vàng ra thử. Bướm người thấy mùi thơm đến đậu cả trên cần trúc nặng trĩu xuống, mà cá thời kinh

sắc đẹp lặn xuống làm cho cái mối quẽ trời li. Cầu lấy vui chứ không quản gì được hay không được. Đến khi giây bạc cuốn lên thời dầy sông như có vẻ thu vậy. »

Nhưng văn-chương Hán-Việt không phải chỉ có những bài thơ kiểu-diễm như thế mà thôi. Còn có những bài ý-nghĩa cao-hùng bi-tráng hơn nhiều. Nhất là văn nhà Trần lại có đặc sắc lắm : thơ văn khảng-khải, chan-chứa một tấm lòng thương nước thương nòi, lời-lẽ mạnh-mẽ, đời trước chưa từng biết mà đời sau cũng không bao giờ bằng. Nhà Trần đánh được nhà Nguyên, đánh được Chiêm-thành, thật là một triều rất vẻ-vang trong lịch-sử nước Nam ta. Các vua chúa, các công-hầu, các tướng giỏi đời ấy, phần nhiều là những tay năng-văn cả. Như ông Phạm Ngũ-Lão là bậc võ tướng đánh được quân Lào và quân Chiêm, có bài thơ như sau này (2):

養男三橫
聽兒軍槩
人木龍江
間了虎山
說功氣怡
武名吞幾
侯。債。牛。秋。

Nghĩa là : « Vác giáo vượt núi sông đã trải biết mấy mươi thu giống-già, ba quân mau như hùng-hổ khi nuốt cả sao Ngưu. Làm trai chưa trả được nợ công-danh, nghe người đời nói chuyện Vũ-hầu mà thẹn. »

(1) Uyên-ương phong đã ngọc tao đầu, — Bải Chức đình trâm nữ-sự hư; — Mạn hương giang can bằng thạch-dăng, — Nhân thiêm khâu từ thi kim-câu; — Luyện hương điệp tập hoàng can trọng, — Kinh diễm ngư trầ n quẽ nhĩ lư; — Thỉ lạc vô tâm quan đắc thất, — Ngán li quền hậu mẫn giang thu.

(2) Hoành sào giang-sơn cấp kỷ thu, — Tam quân tì hồ khi thôn Ngưu; — Nam-nhi vị tiểu công-danh trái, — Tu thính nhân-gian thuyết Vũ-hầu.

Tôi muốn dịch ra đây bài hịch trứ-danh của Hưng - đạo - vương, là bậc danh-tướng đã có công đánh được quân Nguyên, nay còn đền thờ ở Kiếp-bạc. Nhưng bài ấy dài lắm. Văn-chương hùng-tráng, thật là một nền kiệt-tác trong văn Hán-Việt. Vương làm bài này là nhân mới soạn bộ « Binh-lược » truyền ban cho các ti - tướng, chỉ cho biết nghĩa - vụ đối với vua với nước, đem những lời rất cao-thượng, rất khảng-khải mà khuyên răn.

Lại cũng tiếc không thể dịch ra đây bài « Bình-Ngô đại-cáo » của vua Lê Thái-tổ (Lê Lợi), sau khi thắng được quân nhà Minh và khôi-phục được quyền độc-lập cho nước Nam năm 1428 sau một thời-kỳ mấy năm nội-thuộc Tàu. Bài này văn-chương cũng hùng-hồn lắm, kể tội quân Minh chiếm-cử nước Nam, thuật lại cái công chiến-tranh khôi-phục gian-nan, và báo-cáo cho nhân-dân biết đã thoát được cái ách người Tàu, sắp đến hồi thái-bình thịnh-trị. Chính tay ông Nguyễn Trãi thảo, thật là một nền văn - chương tuyệt-tác, xứng-dáng với bậc công-thần đã có tài soạn ra và bậc anh-quân đã châu-phê ban-bổ vậy.

Ngoài những văn-chương ấy vì cơ-hội đặc-biệt trong lịch-sử mà sản-xuất ra, văn Hán-Việt còn sản được nhiều những tay trứ-danh về nghề thơ nghề văn, như Mạc Đĩnh-Chi, Trương Hán-Siêu, Phạm Sư-Mạnh, Nguyễn Phi-Khánh, Nguyễn Bỉnh-Khiêm, Lê Quý-Đôn, Ngô Thời-Sĩ, v. v. Đời nào văn-học Tàu cũng thịnh-hành, không những trong một hạng thượng-lưu trí-thức, mà cả trong dân-gian nữa. Thường thường mỗi năm đều có khoa thi đề-tướng-lệ cho các sĩ-tử học tập ở các trường. Lại có những văn-dân thi-xã để nuôi lấy cái lửa nhiệt-thành về văn-chương thi-học.

Đây là chỉ nói những sách thuần văn-học mà thôi. Còn những sách sử-ký, sách địa-chí, sách luật-lệ, sách khảo-cổ, cùng các sách toán-tập khác, cũng nhiều lắm. Học khảo-cứu cũng thịnh-hành bằng học văn-chương.

Còn riêng những sách bằng quốc-âm, thời tuy không phải là không có thú-vị, có đặc-sắc, như *Kiên, Cung-oán*, v. v., nhưng sánh với các sách chữ nho thì ít lắm, và hầu hết là mô-phỏng cả từ ý-từ cho đến thể-tài của văn Tàu. Lời thơ lời văn nôm thường đầy những điển-cổ mượn trong sách Tàu, muốn cho hiểu được, thường-thức được, phải có ít nhiều hán-học mới được.

..

Nay kết-luận bài này xin nói một câu rằng : ở nước Nam này, từ xưa đến nay, vẫn có một nền văn-học cổ truyền thăng tự Tàu sang. Từ khi ban-bổ Tây-học mới, đem học-chế bên Pháp thi-hành bên này, thời hốt-nhiên đoạn-tuyệt mất cái nền học cũ nghìn năm đó. khiến cho đời trước với đời sau gián-đoạn nhau, và trong việc tri-dục dục-dục của người Việt-Nam có phần khuyết-hám vậy. Nay muốn thi-hành một phép giáo-dục cho phải đường, thời không nên để cho mất cái hương-hỏa mấy mươi đời trước đó, khiến cho lớp thanh-niên ngày nay không được hưởng cái của báu của ông cha để lại, mà nên đem sáp-nhập điển-hòa với chương-trình mới, trong chương-trình ấy tuy vẫn phải đề phần nhiều cho các khoa tân-học cách-trí, nhưng cũng không nên khước bỏ hẳn khoa văn-học cổ-diễn vậy.

(Dịch theo nguyên-văn bằng chữ Pháp, đang ở phần « Phụ trương » dưới này)

PHÉP TRI-GIA

I. — Trị-gia cách-ngôn

治 家 格 言

Bài Trị-gia cách-ngôn của Chu Bách-Lư 朱柏廬 tiên-sinh, người đời đã truyền-tung nhiều lắm, lời văn chắt-thực, kể tri người ngu ai cũng dễ hiểu; mà nói về những việc rất gần, kể hèn người sang ai cũng làm được. Vậy nên dịch ra đây để làm cái khuôn-phép trị nhà.

..

Mở sáng trở dậy, rầy quét sân-sương, cốt phải cho trong ngoài sạch-sẽ chỉnh-tề. Đến tối sắp đi nghỉ, đóng khóa cửa ngõ, tất phải thân mình tự xem xét. Hột cơm thia cháo, ta ăn ta phải nghĩ làm nên được là khó; sợi tơ hột gạo, ta dùng ta phải nghĩ cái công-phu làm nên được không phải dễ. Nên kịp lúc chừa mưa mà dự-phòng trước, chớ nên để đến lúc đã khát rồi mới đi đào giếng. Tự-phụng cho mình phải nên kiệm-ước, yến-tiệc tân-khách chớ quá bê-tha; đồ dùng chắt-phác mà sạch-sẽ, thì bất sánh còn hơn đồ vàng ngọc. Thức ăn uống kiệm-ước mà tinh-sạch, thì rau rủa còn hơn vị cao-lương. Chớ sửa-sang nhà cho hoa-mĩ quá, chớ mưu cầu tranh lấy ruộng tốt hơn. Những hạng đàn bà con gái lêu-lồng chẳng qua là cái mối dâm-bòn trộm cắp; những tuồng ti-thiếp lẳng-lơ, không phải là cái phúc ở chốn buồng-thê. Đây tờ thì không cần dùng chỉ những đứa lâu-linh trai-lơ, thê-thiếp thì rất nên kiêng những bộ trang-sức đẹp-đẽ. Đấng tổ-tiên tuy rằng đời đã xa, nhưng lúc cùng-tế phải cho thành-kinh. Hạng con cháu tuy có đứa ngu-dần, nhưng sách vở phải bắt cho học. Sử thân mình phải cốt cho chắt-phác, dạy con cháu phải cho biết nghĩa-phương. Chớ tham cái của phi-nghĩa

chẳng ngờ mà được, chớ uống rượu quá chén cho đến say-sưa. Lúc mua bán đổi-chác chớ dành chiếm lấy phần hơn. Gặp kẻ họ-hàng nghèo khó phải nên sẵn lòng thương xót. Làm bạc-ác mà nên khá không lẽ nào được hưởng lâu; ở trái đạo luân-thường thì thấy ngay suy-bại. Ở trong chỗ anh em chớ chán phải nên san-sẻ mà bù đờ; ở với kẻ già trẻ trong ngoài, phải giữ lễ-phép cho nghiêm. Nghe lời vợ mà là bỏ cốt-nhục anh em thì không phải là kẻ trọng-phu, trọng tiền-của mà xử bạc với cha mẹ, thì không phải là người con Đếu.

Gả con gái thì chọn lấy rể hiền, chớ thách tiền cưới nặng quá; kén nàng dâu thì cầu lấy gái hiền, chớ mong lấy đồ hồi-món cho nhiều. Thấy người giàu sang mà siểm-nịnh thì rất nên xấu-hổ; thấy kẻ nghèo hèn mà kiêu-căng, thì rất là hèn-hạ. Cùng trong một nhà chớ nên tranh dành kiện-cáo, kiện cáo thì tất phải tai-va; giao-thiệp với người ta chớ nên nói nhiều, nói nhiều thì tất có lầm-lỗi. Chớ cậy thế-lực mà lẳng-bức kẻ có-quá; chớ tham miếng khẩu-phúc mà giết hại muôn súc-sinh. Trái ngược tự-đắc mình là phải, thì sau tất có hối-hận; lười-linh không chịu làm ăn, thì không thể thành gia-đạo.

được, Chơi nhón với những kẻ ác-thiếu, về sau tất phải lụy đến mình; chịu nên chí theo bậc lão-thành, lúc hoãn-cấp cũng có thể trông cậy được. Nhẹ dạ nghe lời xui giục biết dân không phải là người gièm-pha, phải nên nhẫn-nại nghĩ cho kỹ. Nhân việc gì mà sinh ra tranh-banh, biết đâu mình là chẳng phải, phải nên bình-tâm nghĩ lại. Thi ơn cho ai thì đừng nhớ nữa; chịu ơn của ai thì chớ nên quên. Phàm việc làm gì phải nên chừa hao lại một phần, lúc đắc-ý không nên làm tràn quá. Người ta có việc vui mừng, mình không nên sinh bụng ghen-ghét; người ta gặp lúc tai-vạ, mình không nên lấy làm thỏa-thích. Làm điều thiện mà muốn cho người biết, thì không phải là điều chân,

thiện; làm điều ác chỉ sợ người biết, thì tức là điều đại-ác. Thấy sắc đẹp mà khởi bụng dâm-hiếp, thì sau vợ con tất phải ác-báo; oán giận người mà lập-tâm làm hại ngấm, thì về sau con cháu tất phải tai-vạ. Trong nhà hòa-thuận, dầu cháo cơm chẳng đủ mà vẫn được vui; thuế-kbóa nộp xong, dầu trong túi hết tiền nhưng vẫn được sướng. Đọc sách chỉ tại học theo đúng thánh-hiền, không phải là chỉ chăm đồ-dặt ra làm quan; làm quan cốt phải có bụng yêu dân yêu nước, chứ không phải chỉ cốt làm cho béo mình vinh nhà. Người ta cốt phải thủ thân yên phận, thuận thời theo mệnh, giữ được như thế thì sẽ nên người khá.

*
*
*

II. — Tiết-chế việc chi-dụng trong nhà

Thiên này là của Lục Thoa-Son 陸梭山 tiên-sinh làm ra, nói về cái pháp kinh-tế trong gia-đình, tính xem số tiền trong một năm, chia ra làm mười hai phần, mỗi tháng dùng một phần, mỗi ngày dè-dặt bớt những tiền chi-dụng, đến hôm ba mươi cuối tháng thì tổng-cộng cái số thừa trong một tháng lại rồi để dành làm tiền phòng-bị dùng về việc khác. Đó là tính cái tiền dự-loan trước n^h chia làm tiền chi-dụng, và tiền trừ-sức, tiền chu-tuất cho trong họ-t^h, đều xử-tri đặc-nghĩ cả. Trong gia-đình nếu hay cứ theo thể mà làm, thì không cứ gì nhà nghèo nhà giàu, việc phong-việc kiệm, chi-dụng đều có chuẩn-tắc cả, đó thực là một cái lương-pháp chỉnh-lý về việc kinh-tế trong gia-đình. Vậy nên dịch ra đây để cho những người chủ-tri gia-chính biết theo đó mà bắt chước.

Đời xưa trị nước, quan Chung-tể trước nhất chế-định sự chi-dùng trong nước; cứ cuối năm khi giống ngũ-cốc đã thu vào rồi, thì mới chế-định việc chi-dùng trong nước, tùy theo chỗ đất rộng hẹp, lại xem xét về năm được mùa với mất mùa, để liệu mà dự tính. cứ ba năm cày ruộng thì tất để dành lấy lương một năm, cày trong chín năm thì tất để dành lấy lương ba năm, thông-kế trong ba-mươi năm rồi để mà chế-định lấy

sự chi-dùng trong nước. Như thế thì tuy gặp năm thủy-hạn mất mùa, dân cũng không đến nỗi đói kém. Nước đã dự-tính như thế, thì việc chi-dụng trong nhà cũng nên thế. Vậy nên nhà nào có ruộng-nương đủ để chi-dụng, cũng nên liệu số thu vào để định số chi ra, như thế thì chi-dụng có chuẩn-đích, phong-kiệm đều đặc-trung, không có ai phải ta-oán, mà coi cháu giữ được bền lâu.

Nay cứ lấy cái số ruộng thu vào được bao nhiêu, rồi trừ tiền tô-thuế và tiền giống-mà phân-giỏ bốn sới, còn lại được bao nhiêu thì chia ra làm mười phần, lưu ba phần để dự phòng về lúc thủy-hạn mất mùa, một phần để chi về việc tế-tự, còn sáu phần thì chia ra làm mười hai phần để chi-dụng trong mười hai tháng, rồi lại lấy cái số dùng trong một tháng chia ra làm ba mươi phần, cứ mỗi ngày dùng một phần, nhưng cốt để bớt thừa lại chứ không nên dùng hết, cứ dùng độ bảy phần là thích-trung, nếu dùng không đến năm phần thì là kiệm quá. Còn cái số tiền thừa ấy thì để dành mà biên riêng ra làm một quyển sổ, để lưu dùng làm những tiền về việc tế-nhất và việc may mặc áo rét áo nục, cùng là sửa sang nhà-cửa, thuốc-thang, khách-khứa, và những việc phúng viếng mừng rỡ, những khi thời-tiết tặng-tống cho nhau. Nếu còn thừa nữa, thì dùng để chu-cấp cho những người nghèo-ngặt trong họ-hàng, và kẻ hiền-sĩ khốn-cùng, kẻ nông-phu đói rét, hoặc là những kẻ không biết nhờ vào đâu mà quá-vãng đến xin thì chu-cấp cho; chứ đừng có bố-thí cho những kẻ sư-mô, vì những kẻ sư-mô chỉ là phường một ăn hại. Huống-chỉ những kẻ sư-mô bấy giờ họ cũng đã thừa no đủ, nếu mà bố-thí cho họ mãi thì chỉ giúp thêm cho cái lòng dâm-dục của họ và làm thêm những điều quá-ác cho họ, mà mình thì phí tổn mất cái của mồ-hôi nước mắt chữa chắc đã được phúc gì, chỉ làm cho thêm tội ra mà thôi.

Nếu nhà nào ruộng-nương không đủ, tiền nhật-dụng không thể nào thừa được, thì nên giữ một bề dè-dặt tiết-kiệm là hơn (tiết nghĩa là dùng cho nó có chừng, kiệm nghĩa là dùng cho vừa phải.) Tiền may mặc áo rét áo nục thì lấy về cái lãi nuôi tằm dệt vải; tiền

sửa-sang nhà-cửa thì lấy về cái tiền nuôi mục-súc, còn những tiền bán rau củ, hoa quả, thì để chi-dùng về sự tiêu vật; cứ tiêu cho vừa phải chớ nên xam quá đến những vật-liệu hôm sau. Nếu một hôm mà tiêu xam quá đi, thì không lúc nào bù cho đủ lại được, có khi đến vỡ nợ, phải nên cân-thận mới được.

Còn như nhà nào ruộng ít quá mà chi-dụng nhiều, thì phải nên giữ nên kiệm-ước, cốt kinh-doanh cho đủ ăn, còn đến những việc tiếp-đãi khách-khứa, thăm nom mừng phúng, tặng biếu tết-nhất, tụ họp ăn uống, thì đều không nên bày vẽ ra cho lắm, phải nên tùy lúc tỉnh-giảm, chứ không nên chỉ chuộng hoa-hòe. Cốt làm sao dè-dặt cho đủ tiền, khỏi đến nỗi phải lụy kẻ thân-cố, lại thêm phiền ra, về sau hoặc nhân đời hối mà sinh oán trách, hoặc phải luồn-lụy mà chịu sỉ-nhục, chẳng cũng khó xử lắm rồi. Người nào tri-gia mà giữ được tiết-kiệm vừa phải, mới là thích-nghĩ, không đến nỗi bủn-sỉn mà cũng không mang tiếng là xa-xỉ. Nếu nhà nào cũng giữ được cái thói quen kiệm-ước như thế, thì không những là người trong một nhà khỏi lo về cái tai-hại lúc thủy-hạn, dầu đến một huyện một tỉnh và đến khắp cả thiên-hạ cũng đều không phải lo gì cả, chẳng cũng ích-lợi lắm thay.

Cái tệ-hại ở trong gia-đình có bảy điều: một là cười đùa cờ bạc; hai là chơi nhõn; ba là yến ầm; bốn là bày ra việc thờ-mộc; năm là sinh ra việc kiện-tụng; sáu là sấm-sửa đồ ngoạ-nhảo; bảy là lười biếng. Nếu nhà nào mắc phải một điều tệ-hại ấy thì đều hay phá nát mất gia-đình. Thứ nữa đến những nhà nghèo-ngặt mà lại hay chuộng xa-hoa, hoặc là những nhà giàu-có mà lại hay bốn-sén, hai nhà ấy đều không giống nhau, nhưng về sau tai-hại cũng không khác nhau nấy, chỉ khác nhau có lâu với chóng

mà thôi. Nghĩa là những nhà giàu-có mà bần-sĩn thì hình như không hại gì, nhưng đã giàu-có thì người ta ai cũng mong nhờ giúp đỡ, mà nay mình giàu lại cứ làm thinh, chẳng giúp đỡ cho ai cả, thế thì tất là thất nhân-tình, đã thất-nhân-tình thì không ai ưa, người ta chỉ chực lúc nào có hấn-khích là gào vào mà mồi-nghiệt làm cho tai-hại; dẫu đến con cháu trong nhà nó không được dùng tiền, nó cũng có ý không bằng lòng, đến khi tiền đã đến tay nó thì nó phung-phá có khác gì như nước vỡ đê không.

Trên kia ta bảo rằng số tiền chi-tiêu trong mười phần thì bớt lại ba phần để dành, là hạn-chế cho những nhà giàu có thừa tiền đó mà thôi. Nếu không dư được ba phần thì hai phần cũng được; nếu không đủ hai phần thì để dành một phần cũng được; nếu không đủ một phần thì chi dùng cũng nên dè-dặt sao cho có thừa lấy một ít, thì đường lý-tài trong gia-dinh mới có thể vững bền được. Nếu không dè-dặt để dành, mà chột một lúc có sự chẳng ngờ, thì có khi đến tan nhà mất.

Trên kia ta bảo rằng những nhà không có ruộng-nương giàu có, thì nên bớt những việc thù-tạc đi, nghĩa là không phải bỏ hẳn đi cả dẫu, là bảo không nên đua dăn khoe của để thù-tạc với người ta mà thôi. Còn như việc đi thăm viếng, thì cũng phải đến trước để giúp đỡ; việc đãi khách thì cũng phải gọi là đủ cung thanh-lam mà thôi. Đến như việc phụng thờ cha mẹ thì lại cần lắm, thế nào cũng phải lưng cơm rau muối cho đủ thỏa lòng thì mới là hiếu. Việc tế-tự cũng phải rất nghiêm, dẫu rằng lưng cơm cái trứng cũng phải cho kính-cần. Như thế thì dẫu nghèo-túng mà vẫn không bỏ việc lễ-nghĩa. Phàm việc gì cũng như thế cả, thì người ta không trách

mình vào đâu được, mà mình cũng không khiếm-khuyết chút gì, thế thì lẽ vẫn không bỏ mà tiền-của vẫn không thiếu.

Trên kia ta bảo rằng lấy sáu phần chia ra chi-dùng trong mười hai tháng, nghĩa là cứ lấy cái số dùng vừa trong một tháng, ước chia ra làm ba mươi phần mà dùng trong ba mươi ngày; nhưng không phải rằng phần tiền ngày nào cứ dùng hết trong ngày ấy dẫu, nghĩa là tính đại-khải mỗi ngày trong một tháng cái số chi-dùng là bấy nhiêu, liệu độ mà chi-tiêu dè-dặt cho có thừa, chứ không nên tiêu quá lạm, sợ rồi không lấy dẫu mà bù được, đó là trước phải dè thừa mà dùng cho có chừng, dè khỏi mang tiếng là người bần-sĩn đó mà thôi.

Cái cách chi-dùng thì biết sao cho cùng được, nếu không lập ra phép-tắc cho có chừng-mực, thì hoặc phong quá hay kiem quá, đều không có chuẩn-dịch nào cả. Kể hoang-phí quá đem dùng tiền bầy-bạ có khi đến tan nhà; kể bần-sĩn quá chỉ chứa của cho nhiều để đến sinh oán, đó đều là chi-tiêu không có phép-tắc làm chuẩn-dịch cả. Nay ta xét cái phép chế-sản trong một nước của đời xưa, mà lập ra cái phép chi-tiêu trong một nhà, cứ tùy cái số điền-sản của mình nhiều hay ít, mà dụng-độ tùy-nghĩ, hoặc phong hoặc kiem, đều cho có chừng, hoặc là nên dùng hàng vạn thì dùng hàng vạn đồng cũng không gọi là xa-xỉ, nên dùng hàng trăm thì dùng hàng trăm đồng, cũng không phải là biền-lận, đó là một cái qui-chế tiêu-dùng sao cho thích-trung vậy.

ĐỒNG-CHÁU DỊCH

THƯ CHO NGƯỜI BẠN

Nguyễn-huỳnh,

Tôi có hứa sẽ cùng ngô-huỳnh bàn về cái vấn-đề giáo-dục cá-nhân ở nước Nam ta ngày nay. Ngô-huỳnh nói rằng về vấn-đề ấy cũng đồng-ý với tôi, duy có bác một điều, là: đời này là đời trọng số nhiều, sùng công-chúng, làm việc gì cũng cầu lấy phổ-thông, về chính-trị thì thiên về dân-chủ, dường như cho phạm sự tiến-bộ phải có phổ-cập mới có giá-trị; như nói về giáo-dục, chỉ thấy nói phổ-thông-giáo-dục, bình-dân-giáo-dục, quốc-gia-giáo-dục, xã-hội-giáo-dục, không ai nói cá-nhân-giáo-dục bao giờ; nay lại chủ-trương về cá-nhân-giáo-dục, e có ngược với phong-trào thế-giới, trái với xu-hướng hiện-thời vậy.

Xin trả lời rằng: Phong-trào thế-giới không tất-nhiên phải theo, xu-hướng hiện-thời không tất-nhiên phải thuận; nếu phong-trào thế-giới, xu-hướng hiện-thời thích-hợp với trình-độ quốc-dân, tình-thế trong nước, thì nên theo lắm, theo thế là theo có ý-thức; nếu không thích-hợp với trình-độ quốc-dân, tình-thế trong nước, mà thấy người ta nói phổ-thông, cũng nói phổ-thông, thấy người ta nói bình-đẳng, cũng nói bình-đẳng, thế là phụ-họa a-dua, thế là theo vô-ý-thức vậy.

Hướng thuộc về vấn-đề giáo-dục này, hai phương-diện cá-nhân và dân-chúng, không phải tất-nhiên là phản-trái nhau. Duy phải phân-biệt đảng nào là cần-cấp, đảng nào là thiết-thực, đảng nào là thuộc quyền ta có thể tự làm lấy được, đảng nào là còn phải ngưỡng-vọng ở người. Phạm việc đời, trong những việc nên làm, có việc cần làm ngay, có việc chờ chờ cần lắm, có việc nên làm trước, có việc phải để sau,

cái trật-tự trước sau, cái trình-độ hoân-cấp, phải cho phân-minh, thời mới khỏi rối-loạn và mong được thành-công vậy.

Nay cá-nhân-giáo-dục và dân-chúng-giáo-dục, đảng nào cũng là cần cả, không thể khuyết một bên nào được. Nhưng cứ tình-thế nước ta, cứ trình-độ dân ta ngày nay, thì đảng nào là cần hơn nhất? Tôi thiết-tưởng phần cá-nhân là cần hơn và là phần chúng ta phải chú-ý hơn nhất....

....Nên mong-mỏi bây giờ là mong-mỏi ở cái công-phu cá-nhân-giáo-dục vậy. Cá-nhân giáo-dục đây chính là một cách đào-tạo nhân-tài cho nước đó. Bao giờ được nhiều những « cá-nhân hảo-hạng » (*individus de bonne qualité*), — như lời ông văn-sĩ J. DE GOURMONT nói mà tôi thuật lại cho ngô-huỳnh trong thư trước, — tức là những nhân-tài xứng-dang, gôm lại thành một hạng « thức-giả xã-hội » (*élite dirigeante*) chân-chính của nước Nam, thời bấy giờ có phương-châm, có chủ-nghĩa hẳn-hoai, mới mong truyền-bá trong dân-gian mà ảnh-hưởng đến sự giáo-dục cả quốc-dân vậy. Phạm phổ-thông-giáo-dục là phải có cái gì làm nền làm gương cho quốc-dân noi theo mà tiến lên. Nay làm nên làm gương cho quốc-dân ta là gì? Tức là những người mà công-chúng tặng cho cái huy-hiệu là bậc « thượng-lưu » trong nước, là những hạng người nào, ngô-huỳnh đã thừa biết, bất-tất phải nói.

Bậc thượng-lưu này, — chữ thượng-lưu dùng theo nghĩa rất hẹp, — có đủ tu-cách làm một hạng « thức-giả xã-hội » như ở các nước không? Thiết-tưởng không cần phải trả lời ai cũng biết.

vậy. — Như vậy mà làm nêu cho nước, khiến cho cả nước trông vào đó làm gương mà theo, thời phỏng có phải là một sự hay cho nước không? Thiết-tưởng cũng không cần phải trả lời ai cũng biết vậy.

Vì tuy đời nay thiên-hạ đua nhau xướng binh-dã, nhưng tôi tưởng lời ông Khổng nói: « Dân khả sử do chi bất khả sử tri chi. 民可使由之, 不可使知之. » (Dân có thể khiến cho noi theo mà bất chước, không thể khiến cho hiểu biết nghĩa-lý được), vẫn là đúng lắm. Dân đã không thể khiến cho hiểu biết nghĩa-lý được, thì phải có một hạng người hiểu biết nghĩa-lý để làm gương cho noi theo. Hạng ấy là hạng « thức-giả xã-hội » như tôi đã nói trên kia. Hạng đó, nước nào cũng phải có, dù ở nước dân-chủ cũng phải cần, mà có lẽ ở nước dân-chủ lại càng cần lắm. Nay đã biết những bậc « thượng-lưu » ở nước mình, nghĩa là những bậc giàu sang, ăn trên ngồi trốc trong xã-hội, — thượng-lưu theo nghĩa đó thì dầu mần-mọi cũng có, chẳng riêng gì mình, — chưa thành được một hạng « thức-giả xã-hội » chân-chính, cầm cương này mực được cho quốc-dân, thời các cấp-vụ ngày nay há chẳng phải là ~~đó~~ gây lấy cái hạng người thiết-yếu đó dư?

Hạng thức-giả-xã-hội đó, nước Nam ta xưa kia không phải là không có. Chính là hạng « nhà nho » đó: gặp thời thì ra làm quan để phù dân giúp nước, không gặp thời thì ở nhà dạy học để duy-trì lấy danh-giáo trong xã-hội, lời thanh-ngệ đủ làm cho sáng lẽ phải trái, câu phẩm-bình đủ định được giá-trị người ta, bao giờ cũng như cái gương trong để cho quốc-dân soi đó, cái nêu thẳng để cho quốc-dân noi theo vậy. Ngày nay thời-thế biến-cải, cái học cũ không đủ dùng ở đời nay rồi, « nhà nho » mỗi ngày một mất dần đi, có còn nữa thời đã không đủ tin-dụng với xã-hội, cũng không còn

tự-tin ở mình nữa, thật không còn ảnh-hưởng gì trong quốc-dân vậy.

Trong khi cái thức-giả-xã-hội cũ đó ngày một tiêu-trầm đi, thời cái thức-giả-xã-hội mới chưa thành-lập được để kế chân vào, giữa thời-kỳ gián-đoạn đó, dường như nước không có óc vậy.

Cứ như thiên-y tôi thì mọi sự khó-khăn, mọi nỗi khủng-khoảng trong xã-hội ta ngày nay là ở đó mà ra cả, vì bộ thần-kinh của quốc-gia thiếu mất cái óc kiện-toàn để cai-quản vậy. Bởi thế nên vẫn đi, vẫn đứng, vẫn cứ-dộng sinh-hoạt đấy, nhưng đi đứng cứ-dộng như người mơ ngủ, sinh-hoạt như kẻ vô-y-thức vậy.

Nay làm thế nào gây cho nước nhà có cái óc chủ-trương đó?

Óc người ta không thể đúc theo một khuôn, cũng không thể mượn người nặn được. Không thể chế hàng trăm hàng nghìn một lúc, như xe ô - tô hay máy đồng - hồ vậy. Cho nên không thể mong ở cái phổ - thông - giáo-dục của Nhà nước mà phải cốt ở cái công cá - nhân - giáo - dục của mỗi người. Đến khi thành được một bọn « cá-nhân hảo-hạng » khá đông, thời tự-nhiên bọn ấy sẽ có ảnh-hưởng đến sự giáo-dục chung trong nước vậy.

Cho nên tôi cho sự giáo-dục cá-nhân là cần hơn giáo-dục công-chúng, vì việc trên có thành, việc dưới mới nên được.

Tôi đã nói cá-nhân-giáo-dục tức là một cách đào-tạo nhân-tài cho nước, kết-quả phải gây thành một hạng « thức-giả » chân-chính, đủ làm nêu làm gương cho quốc-dân. Như thế thì cái số tất phải hữu-hạn mà thôi. Có lẽ không được hợp với chủ-nghĩa bình-dẳng ngày nay, nhưng mà thiết với lẽ phải đương-nhiên hơn vậy. Trong anh em ta thiếu gì người có cái bụng khảng-khái, có cái chí cao-thượng, có cái tư-tưởng hoặc muốn sửa mình cho tròn nhân-cách,

hoặc muốn giúp đời cho ích nước nhà, hoặc muốn lập công-danh cho xứng-dáng, hoặc muốn gây sự-nghiệp cho khác thường, mà vì đường-lối ngỗ-ngang, tâm-thần chưa định, phân-vân không biết quay hẳn ra đường nào. Nếu chúng ta tìm được một cái phương-pháp tu-luyện để giúp cho anh em lập-chí trong buổi khó-khẩn này, chẳng

phải là một việc hay lắm ư ?
 Phương-pháp ấy, tức tôi gọi là cá-nhân-giáo-dục đó. Trong thư sau tôi sẽ bàn với ngô-huỳnh về phương-pháp ấy nên thế nào.

Đệ

H.-Đ.

Le grand problème de l'avenir n'est pas la solution des conflits du travail et du capital, dès qu'il est avéré que leurs intérêts sont solidaires et que la technique capitaliste, dûment contrôlée et disciplinée par le pouvoir régulateur de l'Etat en vue de satisfaire l'intérêt collectif, a seule capacité pour résoudre la question sociale, entendue comme l'amélioration constante de la classe ouvrière et paysanne. La grande question semble bien plutôt résider dans la sélection d'une élite spirituelle qui reprendrait, dans la société de demain, l'honneur et le rang qui lui sont dûs et dans la formation d'un public de gens suffisamment de loisir pour acquérir la politesse des mœurs et le goût des plaisirs de l'esprit. Elle consiste dans la possibilité de dériver, hors du circuit fermé de l'économie capitaliste, une part de l'énorme circulation des richesses, en vue de la faire servir à des fins qui n'aient pas nécessairement par elles-mêmes une valeur directement marchande: le grand art, la science spéculative, la culture désintéressée. Alors seulement les « clercs », suffisamment indépendants pour se dispenser de « trahir », assistés par un public de vrais connaisseurs, se détourneront de l'idole informe, Belphegor, pour revenir au culte délaissé d'Athéna.

LOUIS ROUGIER

Hễ đến ngày ai cũng hiểu rằng quyền-lợi của bọn tư-bản và bọn lao-dộng là liên-dái với nhau, và duy có cái kỹ-thuật của bọn tư-bản, do Nhà nước có quyền điều-hòa đứng lên kiểm-chế giám-dốc để giữ lấy công-ích cho đoàn-thể, là mới có thể giải-quyết được vấn-đề xã-hội mà thôi, mà vấn-đề này là cốt ở sự tăng-gia hạnh-phúc cho hạng lao-nông; hễ đã hiểu như thế rồi, thời biết rằng việc quan-trọng sau này không phải là việc giải-quyết những sự xung-đột của lao-dộng và tư-bản vậy. Việc quan-trọng sau này là làm thế nào gây lấy được một hạng thượng-lưu về tinh-thần, để cho đứng trong xã-hội tương-lai sẽ có cái địa-vị và cái danh-giá xứng-dáng, lại gây lấy một hạng « công-chúng » những người đủ nhân-hạ để biết tập lấy cách lịch-sự và biết thưởng cái thú tinh-thần. Sau nữa, bao nhiêu tài-sản trong thiên-hạ ngày nay chỉ lưu-thông trong cái vòng-khuôn chật hẹp của cuộc kinh-tế tư-bản mà thôi, nay phải làm thế nào trích được ra một phần để dùng về những việc cao - thượng hơn là việc trục-lợi thường: như việc, mỹ-thuật, việc học-vấn việc tư-tưởng. Như thế thời kể « học-giã » được ung-dung tự-lập, không phải làm những việc trái với cái thiên-chức của mình, lại có một cái « công-chúng » biết thưởng-thức cho mình, tất không thờ cái thần Vật-chất bỉ-tiện kia nữa mà lại quay về thờ thần Trí-thức đã bỏ bấy lâu nay vậy.



Ảnh cụ Đặng Xuân-Bằng, tự Hi-long (năm 83 tuổi)

THƠ ĐỀ ẢNH

Chen vai quả đất đứng trên vòng,
 Trời đã sinh ra có ý không ?
 Trải kiếp chưa phai hồn cố-quốc,
 So gan mới biết mặt anh-hùng;
 Mấy hàng tóc bạc từng đầu bẽ,
 Một tấm lòng son dải núi sông;
 Gió Á mưa Âu thay đổi mặt,
 Trơ-trơ như đá vững như đồng.

ĐẶNG NGUYỄN-KHU

(Tác-giả tập Hi-long di-thặng)

N.-P. 132.

HI-**LONG** DI-**THẶNG**

希 龍 遺 乘

Dật-sử một nhà nho ở nước Nam : cụ Đặng Xuân-Bảng tự Hi-long

I

TỰ-NGÔN

Sắc đẹp ở thân, không ở sắc ; gương nhiếp-ảnh không dễ in được truyền-thần cho người ta coi. Tiếng hay ở điệu, không ở tiếng ; ống lưu-thanh không thể xướng được tuyệt-diệu cho người ta nghe. Phương-chỉ tâm-sự cỡ-nhân, chưa dễ đem bút mực của mình mà vẽ cho hết được. Tiếc thay ! sinh không được cùng cỡ-nhân cùng thời, ở không được cùng cỡ-nhân cùng cảnh. Ước gì gọi được cỡ-nhân đây cùng ta bàn truyện cỡ-tích, truyện phiêu-lưu và thể-tục, để làm cách tiêu-khiển đương lúc mưa Ái gió Ái bây giờ. Có ước mà không được, trong lòng vẫn lấy làm thống-hận.

Than ôi ! đầu chìm bề nổi, vật trôi sao dòi, cuộc đời kim-cổ, giấc mộng tử-sinh ; cỡ-nhân hồn về chín suối mà tâm-sự vẫn còn truyền-bá ở cửa miệng, phảng-phất ở bên tai. Cỡ-nhân mất, tiếng cỡ-nhân còn, nhưng nếu không có bút mực đem vẽ ra để mọi người miệng đọc tai nghe, thời cái tâm-sự ấy dần-dần hơi-lãnh đi mất, thế thời chẳng phụ lòng cỡ-nhân tâm ru !

Tôi vẫn có lòng hiếu-cổ ; một ngày đọc đến lịch-sử của ông Đặng Hi-long, chợt có cảm-tình, tưởng-tượng hình-dung như ở bên mình, ở trước mắt vậy.

Ông họ Đặng, húy Bảng, tên tự là Hi-long, hiệu là Thiện-dĩnh ; xã Hành-thiện là chỗ quê cha đất tổ, lưu-truyền đã lâu. Ông sinh năm Mậu-tý, triều vua Minh-mệnh thứ chín (lịch tây năm 1828). Đường triều vua Tự-đức khoa bính-thìn (1856), ông đỗ đầu Tam-giáp, lịch-sĩ Tả-an-phủ, hưởng thọ đến triều vua Duy-tân năm thứ bốn (1910); trải tám triều vua, thực là một bậc lão-thành, hoàn-danh, hoàn-phúc.

Khen thay, chen vai trên quả địa-cầu, liếc mắt trong-vòng thương-hải, trải tám mươi ba năm, chỗ thôn quê, nơi thành-thị, trong lang-miếu, ngoài giang-hồ, duyệt-lịch bao nhiêu là danh-lam thắng-tích, ngoạn-lãm bao nhiêu là hải-lục sơn-kinh, giao-thiệp bao nhiêu là văn-nhân chí-sĩ. Bởi vậy sinh-bình có giao-du nhiều mới trải mùi thế-vị, có lịch-lãm rộng mới lãm về phong-tình ; cho nên phát ra nghị-luận, nghị-luận có lý-thứ, hiện ra văn-chương, văn-chương có tình-tình, suy ra sự-nghiệp, sự-nghiệp có bổ-ích cho xã-hội. Xem Đăng-khoa-lục và Việt-Nam danh-thần-truyện thời biết ông là người có giá-trị ở nước ta. Vậy xin đem lịch sử ông diễn ra làm hai mươi ba hồi, nhan sách gọi là Hi-long di-thặng.

Xem truyện này khiến cho ta khi cười, khi khóc, khi múa, khi hát ; không những mua vui giải buồn, mà lại khích-phát được cả tư-tưởng, hứng-khởi được cả tinh-thần.

Nam-dịnh, ngày 16 tháng giêng năm Khải-dĩnh thứ 10 (1925).

B. X. - V.

I

**Kể từ thừa nhỏ hàn-vi,
Chăm đường học-hành giữ bề hiếu-
trung.**

Triều vua Minh-mệnh thứ mười
(Tây-lịch năm 1829)

Ông vốn dòng nhà nho. Ông thân-sinh đỗ Tú-tài, tính hiền-hòa, bụng tử-tế, trên kính dưới nhường, kẻ vì người nể. Mẹ thời ăn ngay nói thực, giữ đường nhân-dức, khuya sớm tảo-lần; chuyên - nghiệp kiem - cần, nhà dẫu nghèo, nhưng ông bà đều là người phúc-hậu.

Khi chưa sinh ông, bà mẹ nằm mộng thấy một ông đầu râu tóc bạc bảo rằng: « Nhà họ hiền-lành, ta cho hai người con trai ở với vợ chồng mẹ, nhưng chỉ cho ở trong năm mươi năm thôi. » Bà kêu rằng: « Ngài đã thương thì thương cho trót, xin cho ở trọn đời ». Lão gật đầu. Tỉnh dậy mới biết là chiêm-bao. Sau sinh ông, lại sinh một người con thứ là Đặng Ngọc-Toán, cũng thành-đạt, quả ứng như cái mộng ấy.

Ông sinh ra hình-dong đứng-dẫn, diện-mạo khôi-ngó, mũi lớn tai to, trán cao miệng rộng, mắt sáng như đuốc, tiếng vang như chuông, lông mày sắc như dao, bàn tay đỏ như ruối. Thiệt là:

Nền phong-nhã, bậc tài-danh,
Văn-chương nổi bật thông-minh tỉnh
[trời,

Thừa nhỏ ông đã gặp bước hàn-vi: ngày tháng mười thường phải đi cắt rạ về lợp nhà và dề thời; cũng có khi bó chông hùn đất, cùng bọn dân-phu đi đắp đê. Ở nhà thì bữa rau bữa cháo; thường theo ông thân-sinh đi ngồi tư-lương, đến hai mươi chín tết mới về nhà. Ngày tết thanh-dạm cũng như ngày thường vậy.

Tính ham học, tối không có đèn, trời lạnh như cắt, bà mẹ phải xuồng ao hái rau muống bán lấy tiền mua dầu cho ông học. Nước lã cơm dền, túi thơ cặp sách, ba gian nhà rách, một ngọn đèn mờ, phong-vị nhà nho, rất là kham - khổ. Gặp phải cảnh - ngộ ấy, người ta ai chẳng lấy làm khó chịu, thế mà ông vẫn kinh sử dùi mài, quanh năm chưa từng dời quyển sách. Đến khi mười hai tuổi thì văn bài đã biết đủ lối. Khách đến chơi, ông thân-sinh thường gọi ra hầu hỏi nghĩa sách, ông ứng-đối trôi chảy, không quên chỗ nào. Một hôm khách đến chơi, đương đọc sách đến câu: « Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất - thiện giáng chi bách ương. 作善降之百祥, 作不善降之百殃. » Nghĩa là làm điều lành trời cho trăm điều hay, làm điều dữ trời giáng cho trăm điều dữ. Khách ra câu đối:

Trời có mắt trời chẳng xa, gương
trời soi xét.

Ông ứng-khẩu đối ngay:

Đất không chân đất biết chạy, quả
đất xoay vần.

Lại có ông khách ra câu đối tục-ngữ rằng:

Bé chẳng uốn cả gãy ngành, nên
phải học ăn, học nói, học gói, học mở.

Liên đối rằng:

Con hơn cha nhà có phúc, chậc
hắn có cầu có được, có ước có nên.

Bấy giờ ai cũng tấm-tắc khen sau này cũng có thể tranh-khởi đoạt-giáp được.

Khi theo ông thân-sinh đi ngồi học ở làng Cát-giã, nhân học rồi cùng bọn đồng-sinh đi chơi mát, vui chân vào ngó cảnh miếu làng. Miếu thờ nữ-thần, linh-ứng lắm, ai lỡ bẻ hoa quả ở miếu, thần làm cho ốm đau ngay.

Ông thấy cảnh hoa bẽ chơi. Bọn đồng-sinh và người giữ miếu bảo rằng:

—Thần ngài rất thiêng, khéo chẳng mà chết!

Ông đáp:

—Thông-minh chính-trực mới gọi là thần, phúc-thiện họa-dâm mới gọi là thiêng, nếu bẽ một cảnh hoa mà lại quở phạt người ta thì không phải là chính-trực, sao gọi là thiêng.

Sau về không thấy ốm đau gì, ai cũng lấy làm lạ.

Khi còn bé đã có khí - khái, ông thường nói rằng: « Người ta sinh ở trên đời phải lấy trung-hiếu làm bản-linh. Vậy làm con phải nên đèn sách sớm khuya, mong sao được thành-đạt, trước là hiển-thân dương-danh, sau là trạch-dân tri-chúa; thế mới là hiếu. Trung với hiếu cũng một lòng, có toàn chữ hiếu chữ trung mới toàn. Nhân có bài thơ:

*Phong-trần đầy-đọa bấy thu nay,
Có lẽ ta đâu mãi thế này;
Một gánh tang-bồng vai thử nhấc,
Hai đường trung - hiếu dạ khôn quay;*

*Mấy phen đeo dặng công đèn sách,
Có lúc thành-thang hội gió mây;
Vũ-trụ có mình thêm có trượng,
Nước non non nước ỷ gì đây?*

Từ đó tuổi một ngày một lớn, học một ngày một tiến; kinh sử xem đâu thuộc đấy, văn bài linh-lợi, lời-lẽ thanh-tao. Năm ấy nghe mở khoa thi, vội vàng sắm-sửa lễu chiếu, nào bút nào nghiên, nào mực nào giấy, dự-bị văn-phòng để đợi ngày vào trường:

*Rập-riu những khách văn-chương,
Đua chen trận bút ai nhường cho ai.*

II

**Khoa-trường đèn sách gắng công,
Mắt người nội-trợ dễ lòng phân-mang.**

Triều vua Thiệu-trị thứ sáu (1846).

Ông mười chín tuổi, nhân gặp « Từ-tuần đại-khánh », có ân-khoa, thi đỗ Tú-tài; nghĩ mình thua chúng kém bạn, về cố chỉ học quyết-khoa. Ông cụ vẫn giục lấy vợ. Ông thưa rằng: « Lấy vợ sớm không nên, đã có câu: *Làm trai giữ chí cho bền; chờ e muộn vợ, chờ phiền muộn con.* Con xin đợi khoa thi này rồi sẽ liệu. »

Đến năm hai-mươi ba tuổi, đương triều vua Tự-đức thứ ba, khoa canh-tuất (1850), vào thi đỗ cử-nhân. Ông cụ lại bắt lấy vợ và bảo rằng: « Ta nay tuổi đã cao, cũng mong con có gia-thất, ta mừng; nay con đã đỗ nên một bậc nữa mà đề văn-phòng thiếu người nâng khăn sửa túi thì không nên. » Ông bất-đắc-dĩ phải vâng lời, ông cụ thân-sinh chọn lấy con gái ông Tú Bất cho ông, người cùng làng, cũng là một tay nội-trợ đảm-đương, gia - tư kẻ cũng « thường thường bậc trung. » Bấy giờ ông cùng với ông thân-sinh đi ngồi dạy học, ở nhà lão-mẫu, việc cửa việc nhà, một tay bà vợ quản-cổ, nào nuôi mẹ, nào dạy em, nào cung khách; khi bát gạo, lúc quan tiền, nhờ có ông nhạc chu-cấp cũng đủ lần hồi sớm tối. Cách hai năm bà vợ mất, tình-cảnh gian-truân; nghĩ đến chữ « gia bần tư hiên - thê 家貧思賢妻 », lại càng đau ruột.

*Duyên hương-hỏa bỗng nên li-hợp,
Kiếp phong-trần một kiếp từ-sinh;
Đương khi cảnh-ngộ bất-bình,
Vội quẳng khăn lược dứt mình đi đâu?
Trời chẳng để cùng nhau trăm tuổi,
Đất đã về mong-mỏi đôi nơi;
Hỡi ông nguyệt-lão kia ơi!
Xe duyên sao nữa để người dở-dang.*

Phận bả-liều càng thương số vắn,
 Gánh giang-sơn chỉ giận đường dài.
 Đường dài sẽ gánh cho ai,
 Còn gương hạc-phát tuổi trời ngày cao.
 Tình dầu kè, kè sao xiết kè,
 Mệnh dấy thôi, thôi thế thì thôi;
 Trời còn có đất sánh đôi,
 Đẻ người không vợ hỏi trời sao đây ?
 Không nghĩ nghĩ càng cay càng đắng,
 Nhớ âm-dung vắng lặng như tờ;
 Mảnh gương treo đó cũng mờ,
 Thêm loan gầy cũng ngần-ngơ cùng
 Khéo ông Tào da-đoan chỉ thế, [đơn.
 Cuộc bề dầu dẫu bề đầy voi;
 Trăm chiều lo ngược lo xuôi,
 Việc nhà coi-sóc cậy ai bây giờ !

Gia-sự phân-mang, bên lòng ngồn-ngồn ngang - ngang, trăm đường phiến não. Bỗng có chiếu bổ giáo-thụ phủ Ninh-giang. Phủ ấy đóng bên sông, trên bến dưới thuyền, buôn-bán vẫn là một chỗ đô-hội. Giáo-chức ở đó thanh-đạm, nhưng cũng có vị phồn-hoa ; dạy năm ba mươi người học trò, sách kinh sách truyện, giảng hiểu nghĩa đen, câu phú câu thơ, ngạn-ngã khuyên dõ. Khi dạy học rồi ra chơi sông ngoạn cảnh, mặt ghềnh cuốn gió, dấy nước in mây, cá lặn nổi tăm, hạc bay xa tiếng, buồn thì buồn nhưng được có quang-cảnh này, mượn làm cách tiêu-khiển, thảnh thơi ngày ngày, lần lần lửa lửa, bóng thiều-quang thấm-thoát thời đưa. Chợt trông thấy hoa hoè vàng, lòng càng thồn-thức, thu sang đông, đông sang xuân, không mấy lúc đã đến ngày cử-tử thi hội.

Cung mây thăm-thẳm nghìn tầng,
 Vín tay bề quế chi Hằng dọi kia.

III

Ơn vua tên đồ biển vàng,
 Tục-huyền lại được phụng-hoàng
 sánh duyên.

Triều vua Tự-đức năm thứ chín (1856)

Năm ông hai mươi chín tuổi, khoa
 bình-thìn thi hội. Kỳ đệ-nhất bốn bài

kinh-nghĩa ; kỳ đệ-nhị ba bài chiếu, biểu, luận ; kỳ đệ-tam bài thơ ngũ-ngôn, bài phú tám vần ; kỳ đệ-tứ một bài văn sách ; tính cộng bốn kỳ được tám phần, lệ được chánh-trùng-cách vào thi đình ; bài đối-sách được bốn phần. Ông đỗ thứ nhì khoa ấy, mà đình-nguyên là ông Ngụy Khắc-Đản đỗ thám-hoa. Quyền ông đang đỗ Hoàng-giáp, nhưng cuối bài sách có câu can vua về việc thanh-sắc tuần-du, vua không ưng, đánh xuống đầu tam-giáp Tiến-sĩ. Thứ nữa ông Trần Huy-Thân người Hải - dương, Ngô Văn - Trọng người Sơn-lầy, Phan Đình Bình người Thừa-thiên, Phan Hiền-Đạo người Nam-kỳ,

Khi truyền-lô xong, vào quí sản rồng, lĩnh mũ áo ; vua sai thị-vệ đưa Tiến-sĩ tân-khoa, cưỡi ngựa ra chơi Ngự-uỷen xem hoa. Đầu giắt trâm, chân đi ủng, tay hốt bạc, lưng đai mồi, mũ mã-vĩ dát rồng, áo cánh chuồn thêu phượng, trâm hoa sắp-sới, đẹp tựa cảnh tiên, hồng-phấn dập-diu, đông như đám hội. Chơi xong về triều ban yến ; ăn yến xong, vua hỏi :

— Người ở nhà học ai ?

Ông tâu :

— Tâu bệ-hạ, từ thừa bé đến lớn kẻ hạ-thần chỉ học cha ở nhà thôi.

Vua lại hỏi :

— Cha người đỗ gì ?

— Tâu bệ-hạ, cha kẻ hạ-thần đỗ bảy khoa tú-tài.

Vua khen và ban cho bốn chữ : “Giáo tử đăng khoa 教子登科” và cho cờ biểu vinh-quí.

Ông cụng ở nhà nghe tin gọi bà cụ bảo rằng :

— Con ta đã đỗ tiến-sĩ, có thư nay mai về vinh-quí.

Bà cụ nói :

— Đổ thật à ! nếu thế thì cũng là một việc nửa mừng mà nửa lo cho

nhà ta, vì bây giờ không có đồng nào, lấy gì mà khao-vọng dân làng, hàng tổng, hàng huyện ? Ông tính sao ?

— Việc đó bà không phải ngại, đã có bạn-hữu người ta giúp, lo gì.

Đương lúc trong nhà bối-rối, việc mừng đã đến nơi mà công việc chưa thu-xếp xong, thì có một nhà giàu cùng hạt đưa tin cho con gái, hứa rằng khi ông vinh-quì bá-tử tòng-phí bao nhiêu tiền bạc cũng xin giúp. Người nhà nghe nói ai cũng mừng thầm. Đến khi ông về nhà được tin ấy không bằng lòng. Cả nhà đều khuyên ông rằng : « Nay nhờ trời bước lên nhất-tự cách-trùng, phải tìm nơi xứng-dáng, may duyên trời đưa lại, người ta đã có bụng như thế, được người lẫn của, còn chỗ nào hơn, không nên từ chối. »

Ông nhất-định không thuận, nói rằng : « Lấy vợ phải kén tông, lấy chồng phải kén họ, tôi nghe nhà ông ta là nhà trọc-phủ, tích của không biết tích đức, giàu như Vương Khải, Thạch Sùng ngày xưa, đến lúc hết cũng hết, của có làm chi, thời cứ chọn những nơi phúc-hậu, nhà thanh-bạch, cũng được. »

Sau có người đến nói nhà cụ Thượng Phạm ở xã Lạc-quần còn người con gái bé, chỗ ấy mới chính là môn-dương hộ-đối, không chỗ nào hơn. Ông hỏi nhà cụ tòng-tích thế nào thì người mới thuật qua rằng : « Cụ họ Phạm, bảo-tự là Thế-lich ; khi còn bé hàn-vi, cảnh-ngộ cũng như quan-lớn khi trước. Cụ với ông Mai Khắc-Mã là anh em rể, người cùng làng ; lúc ông Mã đỗ cử-nhân về khai-hạ, cụ hồng thi, bà cụ cố ý chọc tức, bảo con gái rằng : « Con đi sang nhà dượng cử xin cho thầy con bát nước xáo. » Cụ phẫn-chí sang nhà bác vay được sáu mươi đồng tiền kẽm, đi bộ lên Hà-nội tìm thầy học, rồi vào học quan Phạm

Qui-Thích (người làng Hoa - dượng, đỗ tiến-sĩ cuối đời nhà Lê). Năm ấy cụ đỗ cử-nhân triều vua Minh-mệnh thứ mười, rồi thi hội đỗ tiến-sĩ, làm quan Tổng-đốc, sung làm chánh-sứ đi sang sứ Tàu. Nay cụ đã về hưu-tri. Kể tiền bạc thì không được như nhà các quan, nhưng vẫn là nền sang-trọng. »

Ông hỏi đến nết-na của người con gái ấy thì người mới đáp : « Tiểu-thư thật là khuôn lưng đầy-dặn, nét ngài nở - nang, ăn nói dịu-dàng, ra vào khuôn - phép, rõ - ràng nề-nếp nhà quan. Đã nhiều người hỏi, nhưng cụ Thượng chưa nhận lời gả cho ai, may nhân-duyên còn để dành lại đó ; nếu cuộc hôn-sê này được trúng-tuyển thì thiệt là phỉ nguyên sánh-phượng, đẹp duyên cuối-rồng. »

Các chị ông nghe nói không ưa mà can rằng :

— Nay nhà mình đã nghèo, nhà cụ Thượng lại cũng nghèo, có ta lại còn ít tuổi, sao bằng chỗ trước, con gái nhà giàu, tuổi vừa đôi chia xuân xanh. . .

Ông gắt lên, gạt đi mà rằng :

— Tôi đã không ưa chỗ ấy, sao còn nói nãi.

— Việc ấy tùy ý, nhưng chỉ hiểm có ta ít tuổi quá.

— Thế ra các cô chưa biết truyện Nguyệt-lão hay sao ?

— Nguyệt-lão là gì ? đàn bà chúng tôi có học đâu mà biết.

— Ngày trước người Võ-Cổ dời nhà Đường đi kén vợ, người nhà trọ mách có người con gái họ Phan. Người Cổ đi xem mặt. Khi đi qua chợ, trời đã tối, thấy một ông lão đeo một cái túi ngồi quay về hướng mặt trăng, tay cầm quyền sỏ, dượng giở ra xem. Người Cổ hỏi : « Ông cầm quyền sỏ

gi thế ? » — Ông lão đáp : « Sở này đề ghi việc nhân-duyên vợ chồng ». — Người ấy lại hỏi : « Còn cái tú kia ông đề làm gì ? » — Lão đáp : « Tú này ta dựng giấy tờ hồng đề buộc chân con trai con gái lấy nhau, đã buộc vào thì không có phương-kế gì mà gỡ ra được ». — Người Cổ lấy làm lạ, liền hỏi : « Ông thử xem, tôi định lấy người con gái họ Phan có được không ? » — Ông lão trả lời : « Không, vợ anh năm nay mới lên ba, phải đợi mười-bốn năm nữa thì nhân-duyên anh với người ấy mới thành. » — « Người con gái ấy ở chỗ nào ? » — « Người con gái ấy họ Trần, mẹ nghề bán rau ở chợ đó, đến ngày mai thì anh sẽ biết. » — Ông lão nói xong liền biến đi mất. Ngày mai người Cổ ra chợ trông thấy nàng Trần-cơ bán hàng rau, tay hồng đưa con gái, tuổi ước lên ba, đoán chắc ông Tơ-hồng xe mình với đứa bé này, bực quá, liền sai đầy-tớ cầm dao xông vào đâm chết. Đứa đầy-tớ đâm một nhát xuyết qua lòng mẩy, rồi thầy trò chạy thoát đi mất. Sau đứa bé ấy lớn lên làm con nuôi quan Ngự-sử họ Trương, anh ta giam lỏng vợ, vợ tuổi mới mười bảy. Khi cưới về, đêm thanh trò-chuyện, dưới ánh sáng ngọn đèn, trông thấy trên lòng mẩy có vết, hỏi ra lai-lịch thì vợ kể là con gái người bán rau họ Trần, mới biết ông lão ấy nói quả nghiêm. Vì thế đến nay lễ cưới có tục tế Tơ-Hồng. Tôi tưởng thế thì cái nhân-duyên của tôi đó cũng có tay Nguyệt-lão chủ-trương.

Từ đấy người nhà không dám ngăn-trở nữa ; ông bèn quyết-ý mượn người mỗi đến hỏi con gái cụ Thượng, cụ bằng lòng gả ngay.

Lấy về thì ông đã ba-mươi tuổi mà phu-nhân mới mười lăm. Người bấy giờ có câu rằng :

*Con ông nghề làm bà nghề,
Tơ hồng ai đã khéo xe duyên trời.*

Ông Tào-vật đã sinh chữ tài lại hạn người ta lấy chữ mệnh. Cờ-lai tài-lữ không mấy người được sung-sướng suốt đời. Thuở nhỏ thường phải bước hàn-vi, đường khổ-ách. Thế mới biết ông Tào-vật ma-nung hào-khiet, điên-dảo anh-hung, ai biết đâu mà trắc-lượng. Xem như ông thuở nhỏ hàn-vi, đến sau lại được hưởng-thụ vinh-hoa, tiền-thụ diễm-phúc, bất khổ-sở bao nhiêu lại cho sung-sướng bấy nhiêu.

*Đường mây nhẹ bước như liền,
Khi nên trời cũng khéo chiều lòng ta.*

Đương lúc ấy thung-huyền bóng rợp, đường-ngạc hoa tươi, đồn nổi giầy tơ, gương tỏ nước thủy, một nhà vui-vẻ đoàn-viên, chắc đã đến ngày vận đồ, bỗng có chiếu vàng gọi vào Nội-các. Ông bèn chỉnh-bị hành-lý, từ lạy song-đường xin đi. Đường đi từ nhà vào Huế xa một nghìn mười chín dặm, phải đi mười-lăm ngày mới tới nơi. Lối đi bấy giờ sông chưa có tàu thủy, đường bộ chưa có xe hỏa, đi càng trạm mỗi ngày chỉ được có hai cung. Khi đi đường, mắt ngoạn nhiều nơi danh-lam thắng-tích, chân đạp nhiều chốn nước biếc non xanh, lòng thơ lai-lãng, đề-vịnh cũng nhiều.

Qua tỉnh Ninh-bình xem núi Sơn-thủy. — Núi ấy ở bên bắc tỉnh-thành, kể mé sông ; trước vẫn gọi là núi Sơn-thủy. Ông Trương Hàn - Siêu đời nhà Trần, lên ẩn ở đó, nhân gọi là núi Dục-thủy ; trên núi có chùa, có tháp, tục truyền đương lúc thịnh-triều có cục vàng sinh ở đó. Có nhiều thơ đề-vịnh của các danh-nhân. Ông vịnh một bài rằng :

*Nửa nơi thành-thị nửa thanh-u,
Dưới nước trên mây giữa khói mù ;
Đá trắng mờ rên phơi nết mực,
Cúc vàng lẫn cỏ nhuộm màu thu ;
Hỏi người đông-chủ giờ đâu vắng,
Ngắm cảnh chùa tiền cũng muốn tu ;
Bề nổi đầu chìm chìm mấy độ,
Bức tranh sơn-thủy hầy còn ru ?*

Qua Thanh - hóa núi Tam-diệp.
— Ở mé bắc huyện Tống-sơn, tức gọi là núi « Ba giới », giáp-giới tỉnh Ninh-bình ; núi chạy dài bắc thứ nhất, thứ ba hơi thấp, thứ nhì đột cao, nên gọi là Tam-diệp. Có thơ rằng :

*Đăm liều xa xa ngàn bụi trần,
Đường đi khắp khềnh khách chôn
Mưa ai bật đá bằng như đất, [chân;
Thẳng lối là đi tiện lại gần.*

Qua tỉnh Nghệ-an, núi Hồng-sơn.
— Tục truyền đời nhà Lê ông Phạm Viên ở tiền ở núi ấy, tìm được một vị nhân-sâm, sau thành tiên ; núi ấy ở tỉnh Nghệ giáp tỉnh Hà-tĩnh, có chín mươi chín ngọn. Tục có câu : « Thiên-niên một vẻ rành - rành non xanh nước biếc như tranh vẽ đồ. Ai vô xứ Nghệ thì vô ? » Ông có thơ vịnh rằng :

*Nhắc tựa chim hồng nhắc cánh bay,
Chín mươi chín núi ngắt tầng mây;
Khen cho thợ tạo trang nên cảnh,
Tiên vẫn ngày xưa hái thuốc đây.*

Đêm nghỉ huyện Thạc-hà, thuộc tỉnh Hà-tĩnh, bên nam huyện có núi Cẩm-sơn, lại có chùa, đằng trước là sông Lại-giang. Làm bài tức cảnh :

*Khách thứ đâu đây huyện Thạc-hà,
Đừng chân tạm nghỉ ngại sương sa;
Chuông kinh vắng vắng từng ngày lại,
Đèn cà tờ mờ cách bến xa;
Róc-rách sườn non dòng nước chảy,
Chênh-chênh mái gác bóng trăng tà;
Lạ nhà trần-trọc khuya chưa ngủ,
Thành huyện canh vừa trống điểm*

Qua núi Hoành - sơn. — Trên núi có thành xây đá, tục-truyền thành của ông Ninh - quốc - công là người Trịnh Hoàn, con cháu chúa Trịnh. Núi ấy giáp - giới tỉnh Hà - tĩnh, tỉnh Quảng-bình ; nguyên trước đời nhà Tần nước Lâm-ấp, người Phạm Văn-Hãm đánh Nhật - nam, xin với

quan thứ-sử Giao-châu lấy phía bắc Nhật-nam đến núi Hoành - sơn làm giới-hạn. Có thơ vịnh :

*Thợ tạo ra tay khéo mở-mang,
Bên rừng bên bể núi nằm ngang ;
Ninh-công thành-lũy còn nguyên đó,
Núi biếc pha vàng bóng lịch-dương.*

Qua trường nhà Hồ. — Chỗ ấy giáp - giới tỉnh Quảng - bình, Quảng-trị, cây - cỏ rậm-rạp, đường có hồ-hoan, lũ cón-đồ thường cứ ẩn núp ở đó. Triều vua Minh - mệnh ông Nguyễn Khoa-Đặng làm chức nội-tán, sức bắt dân chém cây-cổ ; lại chế ra một cái hòm đục một lỗ để thông khí, người ngồi vào trong, dự-bị đồ binh-khí, rồi sai người khiêng đi qua lối ấy. Lừa cho quân gian ra ăn cướp, người trong hòm biết mưu-mẹo tung hòm nhảy ra, cùng quân phục ở ngoài đánh bắt lũ cướp. Từ đấy mà đi lũ ấy biết khiếp, thành ra đường xá đều được bình-an. Thờ bấy giờ có câu :

*Nhớ em anh cũng muốn vô,
Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam-giang
Phá Tam-giang bấy giờ đã can,
Trường nhà Hồ Nội-tán cấm nghiêm.*

Có thơ vịnh rằng :

*Đường đi rậm-rạp cỏ cùng cây,
Mây núi trùm-um cát bụi đầy ;
Trộm cướp dẹp yên công Nội-tán,
Bấy lâu bia miệng hãy còn đây.*

IV

Vào các phủ lại ra quyền,
Trị người tham-những đỡ phiên
cho dân.

Triều vua Tự-đức thứ mười (1857)

Ba mươi tuổi ông làm quan Nội-các. Vua sắc ông sửa bộ sách Nhân-sự kim-giám 人事金鑑. Sách xong, chiếu ra quyền-nhiếp tri-phủ Thọ-xuân (thuộc Thanh-hóa). Khi ấy bà kế-phu-

nhân theo ra chốn làm quan, ông lấy một người thứ-thất để ở nhà. Bà thứ-thất cũng là một tay cứng-dáng gia-sự, phụng-dưỡng song-đường đã có người thay đổi mới yên lòng làm việc quan.

Phủ Thọ-xuân, châu Thường-xuân có vườn quế. Thừa-tỉnh-phái về khám, ông bầm lên quan tỉnh rằng: « Châu Thường-xuân, châu Lương-chính vẫn có thổ-sản quế, lẽ xưa nay mỗi châu phải đệ vào vua ba-mươi cân. Trước ông Hoàng Kế-Viem bắt xã Trịnh-vạn thuộc châu Thường-xuân giồng quế, mỗi năm châu ấy tồn-hai bao nhiêu là dân-tài, dân-lực, mà quế cũng không giồng được, vì là quế Thanh khó giồng, không như quế Nghệ dễ giồng; dễ giồng nên quế rẻ, khó giồng nên giá quế đắt. Nếu may có giồng được một hai cây, thời phải đợi đến bảy tám mươi năm mới có thể dùng. Xem như cây quế ở đền Trung-tiết, thuộc châu Thường-xuân, giồng từ khi làm đền đến nay, đã hai-mươi năm mà mới lớn hơn một tấc, cao hơn ba thước ta. Thế biết quế Thanh thực khó giồng. Nay lại bắt dân cứ phải giồng quế mãi thời sợ lao-phí gấp mười công đi tìm; nghĩ xin đừng bắt dân giồng nữa. »

Quan tỉnh nghe lời, tâu vào vua; tự đấy xã Trịnh-vạn được khỏi phiền-phí về sự giồng quế.

Một ngày ông ngồi công-đường xử việc quan, thấy hai cái võng đi qua trước cửa không xuống. Hỏi ra là võng hai người nhà quan Tổng-đốc Tôn-thất Tề. Hai người ấy về dân sách-nhiều tiền-bạc, ông sai người thám-quả tang, đòi lý-dịch dân ấy hỏi chúng sách-nhiều những gì phải khai cho thực. Hai tên kia nghe sợ, về kêu với ông Tề. Ông Tề mừng rằng: « Chúng làm bậy để mang tiếng cả đến tao, việc thế nào mặc kệ, tao không bênh. » Rồi sai người cần-tín đến nói với ông rằng: « Người nhà quan Tổng-đốc tôi làm điều xằng, ngài cứ trị, nhưng xin

ngài đừng để quan Bồ Nguyễn-Phan biết, vì ông Phan với quan tôi có cựu-hiêm, sợ việc đó đến tai ông Phan thì quan tôi mang tiếng dung-tung người nhà. »

Hai tên kia biết tội, bảo nhau rằng: « Nay kỳ - lý đã khai thực cả rồi, mình cũng không thể chối được, nhưng đã có bụng ăn thời có bụng chịu, thôi thì thủ tội cho đành. » Liền khép-nếp đến trước công-đường xin nhận tội. Ông sai nha-thuộc lấy cung rồi, mừng rằng: « Công-đường của nhà vua là chỗ dân-sự quan-chiêm, chúng bay là gì mà dám đi võng ngang-nhiên trước cửa ta, hay là tưởng là người nhà quan Thượng-ta không trị được hay sao? Nhưng đã biết phép thủ tội, thời có-khoan cho một lần. » Mừng xong ông sai lính nọc mỗi tên ra đánh ba chục, bắt làm giấy nhận lỗi rồi cho về. Bấy giờ những nha-lại, và lũ quyền-quý trong hạt nghe tiếng đều kinh-sợ.

Ông ở phủ cấm người nhà trong không được ra chốn công-đường, lính canh cửa không được đòi tiền; dân si có việc gì cứ cho thẳng vào công-đường mà kêu. Nhiều khi buổi hầu đã tan, thấy dân-sự còn đứng chực ngoài cửa, ông (ho gọi vào, ai có cần kêu sự gì thì cứ vào kêu. Ông tự nghĩ rằng: Việc quấy bắt dân-sự phải chờ đợi thời khỏi; những mất công việc của họ, mà đem hàng lộ-phí, chờ một ngày là thế, tồn một ngày, nhà riêng thời thiệt-lại cho vợ con họ, mà việc công thời-thiệt hại cho dân. Làm cho mẹ dân phải nên thế - tất tình-tệ, đừng để cho linh-tráng ngăn-trở và sách-nhiều dân.

Nha-thuộc đi việc quan, ông cấm không được chèn-chén của dân. Việc công-dân thời tiền xe-cáng cấm lấy; lạ gì thói lý-dịch hay tạ-sự tư-nhiên,

dãi mình một đồng lại tính cho dân mười đồng, dãi mình một bữa cơm tính đến mười bữa, hai mươi bữa, không có lẽ mình ăn mà dân phụ theo đến không cho ăn. Như thế thì không những là không có ích gì cho mình mà sau này bỏ-bán cho dân lại mang tiếng.

Tổng-lý họ cười quan còn ít tuổi, chưa biết cách ăn tiền, vậy quan có thơ rằng:

*Chớ nghĩ là quan đã bảnh-bao,
Yêu nhau một giếng nghĩa đồng-bào;
Bớt lòng tìm vết lòng không nở,
Giục bị xui nguyên tội xiết bao;
Dầu đồ tể dân trò lính lệ,
Môi thâm hót nhảm lối cường-hào,
Kiếm sù không phải mình không*

[thao,

Bắt nạt dân đen có lẽ nào.

Ông có tài chính-trị, quyền-nhiếp phủ-vụ chưa đầy một năm thăng Thực-thụ Tri-phủ An-bình (thuộc tỉnh Tuyên-quang).

V

**Yên-bình thực thụ vừa thăng.
Xét oan tha tội, khuyển-răn mọi điều.**

Triều vua Tự-đức thứ mười ba (1860)

Ba mươi ba tuổi ông được thăng Tri-phủ An-bình. Phủ ấy giáp tỉnh Hưng-hóa, quân gian thương thường đi lại ăn cướp. Khi mới đến phủ, trước hết ông dò hỏi những tên có tiếng ăn trộm ăn cướp ở trong hạt và những tay thầy cúng thầy kiện, quấy rối việc dân, ghi vào sổ riêng để nghĩ cách trừng-trị. Còn như kiện-sự rất là tỉnh-giản, không nhiều việc quan.

*Gầm-dường ngày tháng thanh-nhân,
Sớm khuya tiếng hạc tiếng dân tiêu-dao.*

Phàm dân-sự đến kiện thời ông giảng-giải nghĩa-lý cho hai bên nghe:

"Một cái kiện sinh ra năm bảy cái kiện: Kiện thời bên nguyên bên bị đều phải có chứng-cớ. Khi quan hỏi đến kỳ-dịch thời mỗi bên lại viện hai ba người làm chứng hộ; bên nào thua thời không những một mình tức mà những người ra làm chứng cũng tức thay; sau này lại tìm lẽ này lẽ khác kiện báo-thù. Như thế thời: *sinh sự sự sinh, hại nhân nhân hại*, chẳng qua bởi bèo ra bọt, đục nước béo cò mà thôi. Khi chưa kiện thời chỉ tức với một người, đến khi kiện thời quan sai nha bắt, lính hạch tiền sai; khi vào hầu nói không đủ lẽ thời phải quở mắng, nay phải đòi mai phải bắt, lại thêm năm bảy cái tức vào mình; được kiện cũng mất tiền, thua kiện thời tiền mất tạt mang, vợ con trong nhà trách-móc mĩa-mai, lại càng thêm tức nữa. Thế thì biết kiện không ích gì, nên báo nhau hòa-thuận là hơn."

Dân nghe lời, từ đấy báo nhau không kiện.

Ông xử kiện riêng có một cách; bên nào được thời bề bề đánh hoặc giam một hai giờ đồng-hồ. Bên thua thời cũng hiểu báo cho phục-tình để khỏi tức. Vì tệ-tục dân ta: bên được kiện hay tự-đắc về nói tức bên thua. Bên thua không nhin được lại bày thêm truyện để kiện báo-thù, thành ra quan cứ phải xử kiện mãi, mà thói lý-dịch không mấy người thực bụng, họ lại xui nguyên giục bị, mong cho có kiện để tựa vào đấy mà ăn. Bên nào chịu mất tiền thời họ khai cho phải, bên nào không tiền thời họ khai là trái.

*Miệng đời không có có không,
Khen chanh chanh ngọt chê hồng hồng*
[chua]

Dầu mình-quan đèn trời cũng không thể xét hết. Chẳng qua chỉ ngồi nghe dân nói đối đấy thôi. Nên nhiều việc ông chỉ khẩu-phân khẩu-xử, cốt lấy hòa giải làm quý.

Trong hạt có việc kiện, xã Hoàng-loan và xã Gia-duyên tranh nhau cái thổ-phụ. Tiền - quan xử mãi không xong. Xét cái thổ-phụ ấy hai xã phân-giới mỗi xã một nửa, trước vẫn bỏ hoang, xã Hoàng-loan không quản-cổ đến, xã Gia-duyên đem giồng cây giàu chiếm được quyền-lợi, mỗi năm giá đáng ba trăm quan tiền. Thành ra giàu thì của xã Gia-duyên mà đất thì của xã Hoàng-loan, nên hai bên sinh ra mỗi kiện. Ông nghĩ bắt xã Gia-duyên mỗi năm đồng-niên hoa-lợi phải trả tiền rong lai cho xã Hoàng-loan, nhưng xã Hoàng-loan không nghe. Ông phán rằng: « Nếu thế thì phải chiều tính công giồng giàu trả lại cho xã Gia-duyên ba trăm quan tiền, để xã ấy giồng đất khác ». Xã Hoàng-loan cũng nhất-dịch không thuận. Ông biểu: « Hai xã lân-cận, xưa nay không có hiềm-thù gì, chỉ vì một cái lợi giàu mà sinh ra kiện mãi, nên sức chêm cây giàu ấy đi cho xã Hoàng-loan nhận đất. » Bấy giờ xã Hoàng-loan sợ mất cái lợi tiền rong mới xin thuận tình như lời ông xử trước, chịu để cái đất ấy cho xã Gia-duyên thuê, bèn làm giấy ký-kết. Từ bấy giờ hai xã thuận-hòa như trước.

Lại xét một việc người đàn bà giết heo dạy chồng.

Người đàn bà rất có nết-na, gặp phải người chồng du - dăng. Bố mẹ chồng mất sớm, có hai em trai; hai em thường can răn không nghe, thậm-chí đuổi em đi chỗ khác. Vợ có khuyên can chỉ gác ngoài tai, ngày ngày tụ-tập cờ bạc, rượu chè, thuốc sái, bợm dãi, chơi rặt với những đồ phá-gia. Cửa nhà cơ-nghiệp bố mẹ để lại cho đã bị lũ ấy làm cho tan-nát gần hết, vợ nghĩ kể can mãi không được.

Một hôm chồng đi đến nhà bạn chơi, chị ta ở nhà mật giết một con heo, lấy

chiều bó lại giả làm xác người chết, để ngoài sau nhà. Cho con đi tìm chồng về, nói dối là có việc cần-cấp. Khi anh ta về chị ta làm ra vẻ kinh-sợ mà nói rằng: « Chết rồi, không biết ai giết người mà lại đem ném gần cây xác vào sau nhà ta! » Anh ta hoảng-hốt chạy ra, sau thấy bó chiều, mới chạy chan-hòa nghĩ là thực, run run sợ sợ, hỏi vợ rằng: « Thế này thì bây giờ biết tính sao? » Vợ nói: « Những bạn thân-thiết với anh đâu, đi tìm về để họ đem chôn ngay cho, nếu chậm thì lộ chuyện ra, ắt tội đến mình. » Anh ta nghe lời, bèn thân - hành đi tìm những bạn, kẻ-lễ đầu đuôi, lấy tình thân mà nói thiệt là có xác chết. Lũ bạn nói: « Bác cứ về trước, chúng tôi hút mấy khói thuốc rồi xin đến ngay. » Anh ta ra về, những bạn bàn với nhau rằng: « Việc ấy là việc quan-hệ mạng anh ta, chẳng đại đâu mà cái ếch ngoài đàng đem quăng vào cồ. Hề anh ta có trách thì nói: chúng tôi người dưng dẫu, người đau bụng, sợ nhiễm bệnh vào, nên không dám đi. »

Anh ta về đợi mãi không thấy bạn đến; vợ bảo: « Trời gần sáng rồi mà không có ai đến, thời anh phải thân-hành đến nó khó với hai chú ấy, bọn chúng tính anh em có còn thương nhau chút nọ mà đến hộ chẳng. »

Đi gọi thì hai người em lập-tức đến ngay, đi tìm thì trời vừa tảng sáng. Về nhà người vợ mĩa anh ta rằng: « Những bạn của anh, khi cờ bạc, khi rượu chè, khi thuốc sái, khi bợm dãi, họ vẫn cùng nổi khổ với anh; của cải anh đã xan-xẻ cho người ta gần hết, thế mà nhà mình có việc không ai thêm đoái-hoài, anh còn say mê người ta nữa hay thôi? Tục rằng:

« Khi vui thì vỗ tay vào, đến khi hoạn-nạn thì nào thấy ai! » Lại có câu: « Anh em chêm nhau đàng sống,

không ai chém nhau đàng lưỡi.» Thế biết bầu bạn sao bằng anh em ...»

Người chồng nghe nói, tự dấy mới tỉnh-ngộ, bèn tuyệt-giao với những bạn, sau lũ ấy lấy làm hiệp-hiệp, đem việc thầy chết tố-cáo của ông, ông lập-tức bắt đưa đi thừa thân-dẫn đến khám canh tha-ma, khám quả-nhiên thấy có một cái thây chết mới chôn. Ông liền bắt vợ chồng tên ấy hỏi. Người vợ kêu rằng tình oan, rồi kể hết đầu đuôi: « Nguyên vì chồng tôi say mê chúng bạn, đến nỗi hết cả cơ-nghiệp; tôi can không được, nên phải lập kế để khuyển chồng; chứ thiệt chôn con heo, không phải thây người; chẳng qua lũ bạn chồng tôi đem lòng phản-trắc, hiềm-thù vu-oan làm vậy. »

Nghe xong ông nhớ ngay đến truyện cổ-tích « Giết chó dạy chồng ». Bắt vợ chồng tên ấy dẫn khám và bắt cả hai người em cùng lũ nguyên-đơn đi theo. Chỗ tha-ma kia có một chỗ mới rập đất. Bới lên khám quả-nhiên thấy xác con heo. Hỏi hàng xóm thời nhà tên ấy trước có nuôi heo thiệt. Còn cái xác người, xét ra là người ở làng khác đem đến đạo-táng, mà tên bên nguyên đã trở liệu để cho khám. Xét xong ông bắt lũ nguyên-đơn, chiếu luật vu-cáo trị tội, mà tổng-thưởng cho người dân bà biết khuyển chồng.

Tri-phủ được hơn một tuần, chiếu thăng Giám-sát Ngự-sử. Khi từ lúc vào

Nội-các đến bấy giờ chưa đầy bốn năm trời, quan trong trải cả quan ngoài, quan ngoài đã trải lại hồi quan trong.

Ông ở phủ dân-tỉnh ái-mộ, nghe tin về Kinh, thân-hào lý-dịch đến tiễn chân mà chúc rằng: « Nghe quan lớn có tin mừng, chúng tôi nửa mừng lại nửa tiếc: mừng quan lớn thăng quan tiến chức; tiếc quan lớn đi lấy ai làm cha mẹ dân. Tự khi quan lớn để-ly trong hạt chúng tôi, lũ trộm cướp bỏ giao-kiếm mà chăm việc canh-nông, kẻ điều-ngoan thôi kiện-cáo mà tuân lời giáo-hoá. Ước gì Thánh-thượng cho lưu lại để dân chúng tôi được nhớ đức-chính của quan lớn. Không biết sau có được thấy sao Phúc-tinh như thế này nữa không. Vậy có mấy lời chúc để tỏ cái tấm cảm-tình của chúng tôi. »

Ông cảm ơn nói rằng: « Tôi về phủ chưa được bao lâu, không có ơn-trách cho dân nhờ mấy nỗi, cũng muốn lưu lại một hai năm nữa, cùng với thân-hào kỳ-lão ta, tuyên-dương đức-hóa Triều-đình; trước là hết bản-phận của chức tuần-lương, sau là khỏi phụ lòng dân yêu mến. Nay đã có ơn-chiếu thời phải đi, các người ở lại để tôi thương-lộ, sau này chúc cho phủ An-bình ta được vạn-sự bình-an. »

(Còn nữa)

ĐẶNG NGUYỄN-KHU



KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN (1)

V

V Đời vua Hi-công

(Lâm vua được 33 năm, năm đầu là nhâm-tuất, tức là đời vua Huệ-vương nhà Châu năm thứ 18. Trước tây-lịch kỷ-nguyên 659.)

1. — K. — Quân nước Ngụ, quân nước Tấn diệt ấp Hạ-dương

T. — Tuần Túc nói với vua Tấn xin đem ngựa Khuất (2) với ngọc Thủy-cửc (3) sang cho vua Ngụ để mượn đường mà sang đánh nước Quốc. Vua Tấn nói : « Ngựa với ngọc ấy là vật báu của ta đó. » Tuần Túc thưa : « Nếu mượn được đường của Ngụ thì những vật ấy để bên Ngụ, cũng như để ở cái kho ngoài mà thôi, chứ có ngại gì. »

Vua Tấn hỏi : « Bên ấy còn có Cung Chi-Kỳ thì sao ? » Tuần thưa : « Cung Chi-Kỳ là một người hiền lành, không gắng sức mà can vua được. Vả anh ta nhờ vua Ngụ gây dựng cho từ thuở bé, vua Ngụ vẫn khinh-nhờn, dẫu anh ta có can, vua Ngụ cũng chẳng nghe nào. »

Vua Tấn bèn sai Tuần Túc sang Ngụ nói xin đi nhờ đường.

Tuần Túc nói với vua Ngụ rằng : « Ngày trước nước Kỳ bắt-nhân, đem quân vào đất Diên-linh (đất Ngụ) mà đánh phá ba cửa thành ở ấp Minh (đất Ngụ), cũng vì nhờ được ngài giỏi mà nước Kỳ phải đến thua hại. Nay nước Quốc bắt-nhân, cho người đi do thám ở chỗ hàng quán, rồi lần lấy đất ở mé

nam của nước tôi. Vay xin ngài cho nước tôi đi nhờ đường để sang hỏi tại nước Quốc. »

Vua Ngụ nhận lời và xin đi đánh nước Quốc trước. Cung Chi-Kỳ can, vua Ngụ không nghe, cử khởi binh đi. Bên Tấn thì Lý Khắc, Tuần Túc đem quân sang hội với quân Ngụ mà đánh nước Quốc, diệt ấp Hạ-dương (năm Hi-công thứ hai).

— Quốc-công đánh được quân Ngụ. Nhưng ở đất Tang-diên (đất Quốc), Bộc-Yên nước Tấn thấy thế nói rằng : « Quốc mất nước mất, vừa mới mất ở Hạ-dương mà không biết lo sợ, nay lại có chiến-công như thế, thế là trời không cho Quốc xoi lấy lỗi mình và để cho thêm ai-vạ ra đó. Tất họ khinh-thường nước Tấn mà không vờ-về gì đến dân, không qua được năm năm nữa đâu. »

2. — K. Công đến hội với Tề-hầu, Tống-công, Trần-hầu, Vệ-hầu, Trịnh-bá, Hứa-nam, và Tào-bá để lấy nước Sái. Sái vỡ, bèn cùng đóng quân-thủ lại ở đất Hina.

T. — Năm Hi-công thứ tư, mùa xuân, Tề-hầu đem quân Chư-hầu lấn nước Sái, Sái vỡ, bèn đánh nước Sở. Sở-tử sai người đến nói với quân Chư-hầu rằng : « Ngài ở Bắc-hải, quả-nhân ở Nam-hải,

(1) Xem Nam-Phong số 131.

(2) Đất Khuất sản ngựa hay, ngựa Khuất tức là ngựa ở đất Khuất.

(3) Đất Thủy-cửc sản ngọc quý, ngọc Thủy-cửc tức là ngọc ở đất Thủy-cửc.

bỏ cỡi cách xa nhau, dẫu loài trâu ngựa lông cũng không tới kịp được bỏ cỡi của nhau, thế mà ngó đầu ngái lại lẫn vào cỡi dẫu của quả-nhân là có gì?» Quân-Trọng trả lời rằng : « Ngày xưa Ông Thiệu Khang công tuyên mệnh cho đức tiên-quân Thái-công nước tôi rằng : « Phạm những nước hần-bá có tội thì người được đi đánh, để mà giúp-dáp cho nhà Châu. Có cho tiên-quân tôi được quân-hạt cỡi dốt phía đông đến bờ tây đến sông Hà-nam đến đất Mục-lăng, bắc tôi xừ Vô-lê. Nay nước người không đem cỏ mao là đồ cống-phẩm (1) vào dâng, nhà vua không lấy cỏ mao dẫu để lọc rượu lễ, nên quả-nhân phải đến đòi. Lại khi vua Chiêu-vương (vua Châu) đi nam-chinh vì sao mà không thấy trở về, nên quả-nhân phải đến hỏi. »

Sở-sử thưa rằng : « Không nộp đồ cống là tội của quả-nhân tôi, dám dẫu không cung - đồn, còn như việc vua Chiêu-vương vì sao mà không trở về, thì xin ngài cứ hỏi ở chỗ bến sông. »

Quân Chư-hần tiến vào lòng ở đất Hinh.

3. — K. — Khuất Hoàn nước Sở đến cầu-hòa với quân Chư-hầu, bên làm lễ đồng - gia ở đất Thiệu-lăng.

T. — Mùa hạ năm H. công thứ tư, Sở-tử sai Khuất Hoàn đến yết quân Chư-hầu. Quân Chư-hầu lui ra đóng ở Thiệu-lăng.

Tề-hầu bày dân quân Chư-hầu thành ra hàng trận, rồi cùng Khuất Hoàn cùng ngồi một xe đi xem. Tề-hầu bảo Khuất Hoàn rằng : « Đó không phải là Chư-hầu người ta vì quả-nhân dẫu, là người ta kể lại cái tình giao-

hiến của tiên-quân ta trước đây. Chẳng hay vua Sở có muốn giao-hiến với quả-nhân không? »

Khuất Hoàn thưa : « Chính bụng quả-quân tôi mong thế, ngài có lòng thi-ơn cho nên xã-nền tắc của tề-quốc tôi, mà đòi nhận cho quả-quân tôi cùng giao-hiến thì còn gì bằng. »

Tề-hầu nói : « Dem binh như thế này đi chinh-chiến thì ai còn địch lại được ; dem binh như thế này mà đi đánh thành, thì thành nào không phải vỡ tan ! » Hoàn thưa : « Tướng ngài lấy nhân-đức để yên-vỗ Chư-hầu, thì ai còn dám không phục. (Chỉ nếu ngài lấy sức mạnh thì nước Sở tôi lấy núi Phưong-thành để làm thành, lấy sông Hán-thủy để làm hào, dẫu binh-chúng như thế cũng không làm gì được. » Khuất Hoàn bèn cùng các nước Chư-hầu ầu thề.

4 — K — Tấn hầu giết Thề-tử là Thân-sinh

T. — Sau khi Tấn Hiến-công đã cho Ly-cơ (vợ bé) làm Phu-nhân rồi, thì sinh ra Hề-lê, người em gái Ly-Cơ thì sinh ra được Trắc-tử, nay sắp lập Hề-lê lên làm Thái-tử, đã mưu với quan Trung Đại-phu xong dẫu vào đây cả rồi.

Ly-cơ bèn bảo Thái-tử (Thân-sinh) rằng : « Vua năm chiêm bao thấy bà Tề Khương (mẹ Thân-sinh) đấy. Thái-tử phải làm lễ cúng bà đi. »

Thái-tử làm lễ tế mẹ ở Khúc-ốc, rồi đem thịt tế biểu Hiến-công. Công còn đi săn vắng. Ly-cơ để thịt ở trong cung đến sáu ngày, khi Hiến-công về, Ly-cơ cho thuộc đọc vào thịt mà đem ra dâng. Ly-cơ bảo Hiến-công hãy để thịt ấy xuống đất mà rót rượu vào thử xem, thì thấy đất sộp lên ; bèn cho chó ăn thì chó chết, lại cho một

(1) Tục Trung-quốc lúc tế thì lấy cỏ mao lọc rượu, nước Sở sản giống cỏ mao quý.

đưa dầy-tờ ăn thì cũng chết. Ly-cơ khóc mà rằng : « Giặc là Thái-tử đó. » Thái-tử phải xuất-hôn ra Tân-thành. Hiến - công bèn giết quan Phó dạy Thái-tử là Đỗ Nguyên-Khoản.

Có người bảo với Thái-tử rằng : « Ông nên nói cho vua biết thì tất vua xét ra. » Thái-tử nói : « Hễ vua lúc nào vắng đi Ly-cơ thì năm không yên, ăn không ngon, nếu tôi nói ra thì di Cơ tất có tội, song vua già rồi mà vua buồn thì con vui gì nữa. » Người ấy lại bảo : « Thế thì ông đi đi. » Thái-tử nói : « Vua không xét cho tôi, tôi đã mắc tiếng có tội mà ra đi, thì ai người ta còn dung tôi nữa. » Đến tháng chạp (năm HI-công thứ tư), Thái-tử thất cổ chết ở Tân-thành.

Ly-cơ lại ghem hai Công-tử rằng : « Hai Công-tử này cũng biết việc Thái-tử đều độc cả đấy. »

Vì vậy Công-tử Trùng-Nhĩ thì chạy ra ấp Bồ, Công-tử Di Ngô thì chạy ra ấp Khuất.

— Ngày xưa Tấn-hầu sai Sĩ-Vĩ đắp thành ở ấp Bồ với ấp Khuất cho hai Công-tử. Sĩ-Vĩ đắp không cần-thận mà dọn củi vào trong Di-ngô nói việc ấy với Hiến-công, Công sai trách Sĩ-Vĩ. Sĩ-Vĩ đáp đầu xuống đất mà thưa rằng : « Thần nghe nói rằng : « Không có việc tang mà cũng xót-ra là tất gặp sự ưu-hoạn. Không có giặc Nhung mà cũng đắp thành là đắp để cho kẻ khốn-thù nỡ giữ. » Đắp cho kẻ khốn-thù thì còn cần-thận làm gì. Thần làm quan mà không tuân mệnh đi đắp thành thì là bất-kính, đắp kiên cố cho kẻ khốn-thù thì là bất-trung, đã mất cả trung với kính thì còn lấy gì mà thờ vua. Thơ Phong-thi thế Đại-nhã có câu rằng : « Nước yên nhờ đức mà yên, còn bền bằng mấy thành bền lo chi. » Vậy ngài nên tu-dec để vững bền

cho con-cái thì thành nào bằng, chỉ ba năm nữa là ngài phải dung binh đến đấy, còn đắp cần-thận làm gì. » Nói rồi Sĩ-Vĩ lị ra, ngấm lên một câu thơ rằng : « Hồ-cừu (áo lông cáo) lông rối như bông, ba vua một nước theo ông vua nào ? »

Đến sau có biến, Hiến - công sai quan Tự nhân là Phi đến đánh thành Bồ. Trùng-Nhĩ nghĩ rằng không nên cự lại mệnh của quân-phu, bèn rao lên rằng : « Ai mà cự lại là thù của ta đó. » Rồi treo qua tường mà chạy, Phi đuổi chém được cái vai áo. Trùng-Nhĩ bèn chạy sang đất Dịch.

5 — K. — Người Tấn bắt Ngu-công.

T. — Tấn-hầu lại mượn đường của nước Ngu để đi đánh Quốc. Cung Chi-Kỳ con vua Ngu rằng : « Quốc che ngoài cửa Ngu, Quốc mất thì Ngu cũng mất theo. Tấn là quân giặc cướp đó, không khinh bốn được đâu, đã đại một lần thì thôi, lại còn đại nữa hay sao. » Lời ngạn có câu rằng : « Mối hồ thì băng lạnh », tức như Ngu với Quốc đó. » Ngu-công nói : « Tấn là họ Đồng, đồng với ta, há lại làm hại ta sao. »

Cung Chi-Kỳ thưa : « Cừu kẻ họ ra thì ông Thái-Di, với ông Ngu-Trọng (tử vua Ngu) đều là hàng « chiểu » của ông Thái-vương, chỉ ông Thái-Bà không theo cái chi danh của Thượng của cha, nên không được ngồi nhà Châu đây thôi. Còn ông Quốc-Trọng với ông Quốc-Thúc (tử vua Quốc) thì cũng đều là hàng « mục » của ông Vương-Quý, cũng làm quan Khanh-sĩ ở triều vua Văn-vương, công-nghiệp còn ghi đề ở trong vương phủ nhà Châu thế mà nay lại còn định diệt Quốc, nữa thương gì Ngu. Vả Ngu đối với Tấn có thân hơn chi họ Hoàn-Trang (họ thân của Tấn) không

mà Tấn thương, chỉ họ Hoàn-Trang kia lợi gì mà Hiến công mới giết cả chỉ họ ấy, chẳng qua chỉ sợ người ta hay hơn mình đó thôi, họ chỉ thân với nhau, chỉ sợ hay hơn mà còn giết hại đi, phương-chỉ là đối với một nước khác. »

Ngu-công nói : « Bề cùng tế của ta đầy-dặn mà tình-khiết, tất thần phù-hộ cho ta. »

Cung lại thưa : « Tôi nghe nói rằng : Quỷ-thần thực không thân với ai, chỉ nương vào người có đức, cho nên sách Châu-thư có câu rằng : « Trời nào thân với ai, chỉ phù-hộ cho kẻ có đức » Lại có câu : « Xôi nếp cũng không thơm, chỉ mình đức là thơm. » Và có câu : « Không phải thay lễ-vật, đức là lễ vật đó. » Xem như thế thì nếu không có đức thì dân không hòa mà thần không hưởng cho đâu. Thần chỉ nương-tựa vào người có đức, nay nếu Tấn lấy được Ngu rồi, biết tu-đạo rồi đem những lễ-vật hình-hương lễ-cúng-tế bách-linh nước Ngu này, thì liệu các ngài có mưa ra không ? »

Ngu-công không nghe, ông lời cho Tấn-sử. Cung Chi-Kỷ đem cả họ đi sang nước khác.

Tháng tám, năm Hi-công thứ năm, Tấn-hầu vây ấp Thương (đất Quắc, tháng chạp diệt ở Quắc. Quắc-công là Sĩ xuất-bôn, ở Kinh-sư. Quân Tấn trở về, qua Nhị đông lại, đang lúc bất-ý vây đánh Ngu mà diệt đi, bèn bắt Ngu-công và mọi quan-tại-phu là Tinh-bá đem về rồi cho đưa sang Tần để làm nàng hầu. Nàng Mục-Cơ là vợ vua Tần Mục-công, con gái Tần Hiến-công, làm như thế là để cho sĩ-nhục đó, từ đó Tấn tự sửa việc lễ-tự của Ngu và giữ lệ chức-cống

vào vương-triều cũng như Ngu lúc trước.

6 - K - Người Sở vây nước Hứa, Chư-hầu bèn đến cứu Hứa.

T - Mùa hạ năm Hi-công thứ sáu, Chư-hầu đánh nước Trịnh, vì Trịnh trốn không dự hội đồng-minh với Chư-hầu ở Thủ-chỉ mà lại đi theo nước Sở, nên Chư-hầu đánh Trịnh.

Mùa thu, Sở-tử bèn vây Hứa để cứu Trịnh. Chư-hầu lại đến cứu Hứa rồi cùng đem quân về.

Mùa đông Sái Mục-công (đáng của Sở) đưa Hoa Hi-công đến yết-kiến Sở-tử ở Vũ-thành. Hứa Hi-Công tự trối mình giết cánh-khi lại, mặt giờ ra, mồm thì ngậm viên ngọc bích. Quan Đại-phu Hứa thì vận đồ đồ trở, kẻ sĩ thì khênh quan-tài và đồ liệm đi theo sau vua (1).

Sở-tử hỏi Phùng-bá về cách vua Hứa làm như thế là nghĩa thế nào. Phùng-bá thưa : « Ngày xưa lúc Vũ - vương bá thừa : « Ngày xưa lúc Vũ-vương đánh được nhà Ân, Vi-tử Khải (anh vua Trụ) cũng làm như thế, Vũ-vương thân ra cõi trời cho Vi-tử và đồ lấy ngọc bích, sai đồ áo quan cùng đồ liệm đi, lấy lễ đãi Vi-tử, rồi truyền mệnh cho về ở yên chỗ cũ. » Sở-tử cũng theo làm như thế.

7. - K - Người Tề đánh nước Trịnh.

T. - Mùa xuân năm Hi - công thứ bảy, người Tề đánh nước Trịnh. Không-Thúc nói với Trịnh-bá rằng : « Bụng mình chẳng giỏi thì còn ngại gì chịu hèn, đã chẳng giỏi được lại cũng chẳng chịu hèn được thì tất phải chết đó. Nước ta nguy lắm rồi, xin chừa

(1) Làm như thế là để tỏ ra rằng đến cho vua Sở giết rồi mang xác về chôn.

phục nước Tề đi để mà cứu lấy nước. »

Trịnh-bá nói : « Ta biết thế rồi, nhưng để ta còn nghĩ một tí đã. »
 Không-Thúc thưa : « Chết đến nơi rồi, ngài còn nghĩ gì mới được chứ. »

3 — K — Trịnh giết quan Đại-phu là Thân-hầu

T. — Thân-hầu vốn là con Sở Văn-vương, người vợ nước Thân đẻ ra. Sở Văn-vương yêu lắm. Lúc Văn-vương sắp chết, đưa cho Thân-hầu một hòn ngọc và bảo phải bỏ nước Sở mà đi, dặn rằng : « Chỉ có tao là biết mày, mày tham lợi không biết chán, cái gì cũng cứ đòi nài vào tao, song tao cũng không chấp, chứ kể nỗi ngôi tao sau này họ tất chỉ-trích mày từng tí một, mày không thoát được đâu. Hễ tao chết rồi, thì mày phải đi ngay đi, nhưng đừng có đến ở cái nước nhỏ, vì người ta không bao-dung được mày. »

Văn-vương chết, chôn xong thì Thân-hầu xuất-bôn ra nước Trịnh, được Trịnh Lệ-công yêu.

Năm Hi-công thứ tư, Tề-hầu (Hoàn-công) đem binh Chư-hầu đánh Sái, rồi đánh Sở, làm lễ đồng-minh ở Triệu-lăng. Viên Đào-Đồ nước Trần bảo Thân-hầu nước Trịnh rằng : « Nếu quân Chư-hầu kéo ra đánh đông, diên-trận ở đông-di rồi theo mà về thì hay cho ta, chứ mà đi về qua đường nước Trần với nước Trịnh thì hai nước ta cung-đón cũng khổ. » Thân-hầu khen rằng : « Phải lắm. »

Viên Đào-Đồ bèn đem chước ấy nói với Tề-hầu. Tề-hầu ưng theo.

Thân-hầu lại đến yết Tề-hầu mà rằng : « Quân Chư-hầu mỗi một lần rồi, nếu đi mạn đông về mà gặp giặc thì sợ không chống nổi, còn như về qua đường Trần Trịnh, hai nước phải cung-đủ lương-thực cõ dè thì hơn. »

Tề-hầu bằng lòng, tặng cho Thân-hầu ấp Hồ-lao (đất Trịnh) mà bắt Viên Đào-Đồ đem về. Mùa đông, Chư-hầu lần nước Trần, Trần xin hòa, Viên Đào-Đồ được tha về. Viên Đào-Đồ oán Thân-hầu phản mình ở Triệu-lăng, bèn khuyên Thân-hầu nên đắp thành ở cái ấp mà Tề-hầu đã ban cho, nói rằng : « Đắp thành cho đẹp là để cái tiếng lại cho con cháu không quên, tôi xin phép Chư-hầu hộ ông. » Viên đi xin phép Chư-hầu đắp thành đẹp lắm.

Viên bèn đến gièm với Trịnh-bá rằng : « Thân-hầu xây thành ở cái ấp mới được ban ấy là định phản Trịnh đó. » Vì vậy Trịnh-bá nghe lời Viên Đào-Đồ, năm Hi-công thứ bảy giết Thân-hầu để lấy lòng nước Tề.

Đồ-nam tử cần-án. — Ngạn-ngữ có câu rằng : « Nhân tham tài nhi tử, diên tham thực nhi vong », nay xem việc Thân-hầu bị giết ở đây thì đủ nghiệm. Thân-hầu vì máu hay tham của đến bỏ phải là làm lo thay, lúc chết còn diên-ninh, vẫn lại mà không chừa, vì máu tham của đến phải bỏ nước mà đi mà không chừa. Nay đến ở nhà nước người ta, đã được vua yêu dùng lại còn đem bán nước người ta đi để nịnh kẻ có quyền mà cầu được thêm cõi đất thế thì người ta giết đi thực cũng không oan.

Luy-nhĩ, kẻ thường-nhân vì tham của bị người ta giết thì là hết đại, đến như Thân-hầu vì tham của mà bán cả cái nước ấp-ngĩa của mình gửi thân, thì giết cũng không hết tội. Ta xem thiên hạ xưa nay vì tham của bị giết như Thân-hầu không biết bao nhiêu mà kể, thế mà thiên-hạ xưa nay vẫn không hết cái giống tham dai, thì biết của nó có cái sức ma-quỉ cảm-dẫn người ngu mạn là dường nào. Vậy ta mong những kẻ có máu tham của ở đời như Thân-hầu, cứ thiết-tưởng ngay đến cái lúc sau khi Thân-hầu bị

giết rồi, thì những ngọc những ấp và nhiều thứ của khác bởi máu tham mà kiếm được bấy lâu, sẽ để làm gì, thì tự tỉnh-ngộ ngay mà tránh khỏi vạ.

9 - K - Công đến hội với Tề-hầu, Tống-công, Trần Thề-tử Khoản, Trịnh Thề-tử Hoa, để cùng đồng-minh ở Ninh-mẫu.

T - Mùa thu năm Hi-công thứ bảy, hội-minh ở Ninh-mẫu là để bàn về việc Trịnh chưa phục đó. Quân-Trọng nói với Tề-hầu rằng : « Tôi nghe nói rằng : Lấy lễ để chiêu kẻ li-bạn, lấy đức để phục người xa, không biến đổi đức với lễ thì ai mà chẳng phục. » Tề-hầu bèn chính-đốn lễ-pháp lại để đối với Chư-hầu, các quan Chư-hầu đều phải nhận lấy lễ cống-vật của xứ mình. Trịnh-bá thì cho Thái-tử Hoa đến dự hội để xem Chư-hầu truyền mệnh-lệnh cho nước mình thế nào.

Thái - tử Hoa nói với Tề - hầu rằng : « Thực bởi Tiết-tử, Không-thụ và Tử-nhân-thị là ba người ở nước lồi (cùng làm Đại-phu Trịnh) khiến nên nước tôi không tuân mệnh-lệnh của ngài. Nếu ngài khải ba người đi cho mà giảng hóa với nước lồi, tôi xin đem nước Trịnh vào làm kẻ nội-thần (bây tôi nội-thuộc) của ngài, điều đó không phải là không có lợi cho ngài. » Tề-hầu toan nghe. Quân-Trọng nói : « Ngài đã lấy lễ với Tề để liên-lạc Chư - hầu, mà bây giờ lại dùng cái gian-mưu như thế, thì không nên. Lễ là con không gian dối với cha, tin là kẻ giữ mệnh-lệnh phải đúng thời, trái lại thì là đại gian-vật. »

Tề-hầu nói : « Chư-hầu đang đánh Trịnh chưa được, nay nếu có điều hân-khích với nhau, mir. lợi dùng lấy cũng được chờ sao. » Quân-Trọng thưa : « Nếu ngài lấy đức mà yên-ủi, lấy lời phải mà răn bảo cho Trịnh, rồi đem binh đến trị tội thì họ mê-lời ra không gỡ

xong, há lại còn dám không sợ hãi ngài chứ bây giờ ngài đưa cái đũa có tội của Trịnh về trị họ, thì họ sẽ có cớ mà nói lại được, còn sợ hãi gì nữa. Và việc hội Chư-hầu là để tôn-sùng đức-ngĩa, nếu trong ban hội-đồng mà cho kẻ gian dự vào thì còn dạy bảo sao được kẻ nổi sau. Trong khi Chư-hầu hội-hợp, phạm làm những việc đức, hình, lễ, nghĩa, không nước nào mà không có người chép lấy ; nay trong ban có kẻ gian mà người ta chép lại thì cuộc đồng-minh của ngài hỏng mất, vì có việc mà không chép lại thì không phải là thịnh-đức. Ngài đừng nghe Thái-tử Hoa thì Trịnh tất xin vào dự minh. Ôi, Tử-Hoa là một vị Thái-tử, muốn cầu thân với nước lớn, mà định làm cho nước mình phải hèn đi như thế thì y tất không thoát tai vạ được. Tôi xem Trịnh có Thúc-Thiểm, Đỗ-Thúc và Sư-Thúc là ba nhà hiền-lương giúp việc chính-trị, thì chưa có thể lấy nước họ được. » Tề-hầu bèn từ chối Tử-Hoa, vì vậy Tử-Hoa mang tội với Trịnh.

Mùa đông, Trịnh-bá sai sứ xin hội-minh với Tề.

Đỗ nam-tử cần án. — Từ khi nhà Châu đông-thiên, Thiên-tử nhà Châu vô-quyền, cuộc đời chuyển ra có thể liệt-quốc, liệt-quốc thì các nước bằng hàng nhau, không nước nào cai-quản được nước nào, mạnh được yếu thua, không còn biết gì là công-lý công-đạo nữa, u-thị một hay vài nước có thế-lực hơn vì lợi hại quan-hệ, biết thời-thế có thể lợi-dụng được, bèn đứng ra hô-hào mà lập nên một hội liệt-quốc đồng-minh. Một là để cho có đảng mà chống với đảng khác, Hai là để cho nước mình giữ được cái địa-vị chủ-trương, chiếm được cái lợi-quyền đặc-biệt trong hội, ấy cái nguyên-nhân hội quốc-tế đồng-minh đời Xuân-thu cùng đời khác nữa, bao giờ bắt đầu cũng bởi một cái ý kiến thiên-cận ấy mà gây thành.

Tuy-nhiên, cuộc đời tạo-thành vẫn phải bởi thời-thế mà thiên-dụng thì lại bởi tại người. Vĩ người đời biết nghĩ đến cái nghĩa giúp người tức là kẻ tự giúp, bỏ hết lòng tư-lợi, nhân đó đem công-tâm công-lý mà cùng nhau giao-hiệp, cùng duy-trì lấy cuộc bình-hòa cho cùng tiến lên cõi thái-hòa thịnh-trị, thì những hội liệt-quốc đó há lại không phải là một ông Thiên-tử, một ông trời con ở dưới thế-gian bởi những chí - nguyên công-công, những đạo - lý chân-chính của loài người tổ-chức lên, để làm một vị chủ-tể giám-đốc, một vị quan tòa tài-phán cho các quốc-gia các xã-hội dư? Há lại không hay không mạnh hơn mấy mươi ông Thiên-tử thật, thất-phu độc-đoán kia dư? Bởi thế cho nên Không phu-tử soạn sách Xuân-thu rất trân-trọng ân-cần về những việc liệt-quốc minh-hội là thế.

Những nước có thế-lực ở trong hàng liệt-quốc Xuân-thu, kể nhau ra làm minh-chủ mà đốc-xuất cho các nước khác, thì có năm nước là Tề, Tấn, Tống, Tần và Sở. Thế mà bắt đầu tổ-chức cho thành hội liệt-quốc có thế-lực lớn là nước Tề vua là Hoàn-công. Trước Hoàn-công thì các nước chư-hầu đã thường cứ vài ba nước lại họp nhau làm từng cuộc minh-hội nhỏ, đến Hoàn-công thì mới thành hẳn ra hội lớn, có cơ-quan, có kỷ-cương trật-tự hẳn-hoai. Lại giúp nên cho Hoàn-công ấy là Quản-Trọng. Nay xem mấy lời bàn từ của Quản-Trọng nói với Hoàn-công để đối với Trịnh về lần hội ở Ninh-mẫu thì sẽ biết cái chủ-nghĩa, cái tinh-thần của hội liệt-quốc đời Xuân-thu là thế nào. vì những mưu bàn riêng mới là cái tâm-sự chân-thực của kẻ hành-dộng về công-vụ.

Bấy giờ Hoàn-công làm minh-chủ đem binh chư-hầu đi đánh Trịnh vì tội đào-minh, đang đánh chưa được thì Trịnh Thái-tử Hoa đến, Hoa bèn trái mệnh

cha đem nước dâng cho Hoàn-công mà xin ông trừ hộ kẻ thù ở trong nước đi cho mình. Hoàn-công thì ham cái lợi trước mắt mà nghe ngay. Nhưng Quản-Trọng quyết lấy cái thâm-mưu viễn-lự mà can ngăn đi. Quản-Trọng khoản-khúc nghị-luận cái chủ-nghĩa, cái tinh-thần của hội liệt-quốc chư-hầu với Hoàn-công, há không phải ở ba điều là lễ, là tín, và là đức đây dư?

Lễ, tín và đức há không phải như sách Trung-dụng nói: « nãi cho cái đời đã dứt, dựng lại cho cái nước đã mất, cùng là dẹp loạn cứu nguy... » đây dư?

Tuy vậy, phép-tắc ở đâu bao giờ chẳng hay, chẳng có chủ-nghĩa và tinh-thần. Nhưng nếu chỉ là lời đầu lưỡi, là mớ giấy lộn thì không những vô-ích cho đời mà lại thêm có cái cọc dề cho kẻ mạnh bề-lễ lợi-dụng. Bởi vậy Quản-Trọng lại khuyên định - ninh rằng: « Việc hội-chư-hầu là để tôn-sùng đức-nghĩa, nay trong ban hội-dồng mà cho kẻ gian tư vào thì còn dạy bảo sao được kẻ sau. » Hội-dồng không phải chỉ một mình mình, mình thông-dồng với kẻ gian được thì người ta không biết thông-hành với kẻ gian khác hay sao? Bấy giờ mình làm gian để hại người ta là mình làm đầu nêu dạy cho kẻ nổi dậy bắt-chước làm gian để hại mình. Nói thế không phải là phỏng theo lời thuyết « luân-hồi » của Phật, mà chính là kinh-nghiệm ở lễ cảm ứng tự-nhiên vậy. Vậy kẻ có trách-nhiệm há không nên lo xa mà tránh trước đi dư?

Quản-Trọng lại nói: « Trong khi Chư-hầu hội-hợp, phạm làm những việc đức, hình, lễ, nghĩa, không nước nào là không có người chép lấy, nay trong ban có kẻ gian mà người ta chép lại thì cuộc đồng-minh của người hỏng mất. Thật thế, việc làm-

thường của vài ba người tư với nhau còn chớ giấu được ai, nữa là việc quan-hệ đến liệt - quốc, nhất-cử nhất-dòng là có bao nhiêu người chực sẵn phep lấy mà tuyên-truyền đi. Nếu quả là việc tư việc bậy thì người ta cho bao nhiêu điều ước khác là hảo-huynh cả, ai còn tin theo, cuộc minh-hội như thế, tài nào mà không hỏng.

Ấy cũng vì Quân-Trọng biết trọng công-dạo công - lý, biết lo xa tránh trước, chỉ dẫn cho vua phải thực-hành, mà trong cái hội đồng-minh của Tề-Hoan làm chủ, tuy chưa phải là tận-mĩ tận-thiện cả, nhưng cũng đã làm được nhiều việc nghĩa - cử có ích cho đời, như là đánh Sở là nước dã-man xâm-lược, cứu Hứa bị Sở đánh, cứu Hình bị Dịch lấn và lập lại nước Vệ bị Dịch diệt, vân-vân.

Không phụ-tử nói ; « *Hoàn-công cử-hợp Chu-hầu, chinh-đốn, thực thiên-hạ là sức của Quân-Trọng* ». Thực không phải là lời quá khen vậy.

Tôi dịch sách Xuân-thu này biết rằng hội Vạn-quốc hòa-bình ở Âu-châu ngày nay, bởi mấy cường-quốc vì cái lợi-hại quan-hệ với nhau, lên lợi-dụng cái nghị-án của một ông Hoàn-công mới là Thống-lĩnh nước Mĩ mà lập ra. Sinh-thần và chủ-nghĩa tuyền - bố ra ngoài thì là phù-nhược ở thế-giới, nhưng thực thì bất-quán là một cái đồng-hội của mấy cường-quốc mà thôi.

Minh-chủ của hội Vạn-quốc hòa-bình ngày nay há không phải là nước Anh du ? Ba-tư là thuộc-địa của Nga là ngoài hội thì hội giúp cho Anh lập, mà Ai-cập là thuộc-quốc của Anh cũng là ngoài hội thì bắt Thổ phải giải-phóng ra cho Anh thay vào, bởi vậy một nhà danh-sĩ Pháp lấy câu này lên hoạt-kê mà phê-bình hội Vạn-quốc không phải là qua-khắc. Còn về tôi tôi đây thì tôi nghĩ rằng : Thôi. Ngày một

thức-bách, các nước yếu hèn ngày một phần - chấn tự - cường, thì cái việc phân-tranh của các quốc-gia, các dân-tộc, xung-dột nhau ngày càng nhiều, thế-lắt phải có một cái cơ-quan có công-ly công-dạo, đủ thế-lực mà giải-phần tức-tranh được cho tất cả các quốc-gia, các dân-tộc, thì hội Vạn-quốc bây giờ tất phải chỉnh-dốn lại mà khuếch-trương ra. Song dù chỉnh-dổn khuếch-trương thế nào mặc lòng, cũng phải thực-hành cái thuyết lễ, tín và đức của Quân-Trọng như trên kia đã nói, thì mới có công-ơn với đời và có giá-trị ở lịch-sử quốc-tế về thế-kỷ thứ 20 này, như Hoàn-công, Quân-Trọng có giá-trị ở bộ sử Xuân-thu vậy.

10 - K - Rợ Dịch đánh nước Tấn

T. — Năm ngoài, Tấn Lý-Khắc đem quân, Lương Do-Mĩ thì làm quan ngự đánh xe cho vua, Quốc-Dịch thì làm chức Hữu-quân, đánh rợ Dịch ở bên Thái-tang, rợ Dịch thua chạy. Lương Do-Mĩ bàn rằng : « *Dịch là giống vô-sĩ, ta đuổi theo là ta đại-thắng* ». Lý Khắc nói rằng : « *Dánh cho quân rợ Dịch no biết sợ thì thôi, không nên đánh quá mà giục cho nó thù-oán lại kéo đàn kéo lũ đến* ». Quốc-Dịch nói : « *Không đuổi nữa quân rợ Dịch nó biết mình hèn yếu, chỉ một năm nữa là chúng nó lại kéo đến mà thôi* ». Mùa hạ năm Hi-công thứ tám, rợ Dịch lại vào đánh nước Tấn để báo-thù cái trận thua ở bên Thái-tang, cách nhau vừa một năm.

11 - K - Công đến dự hội với quan Tề của nhà Châu là Châu-công cùng Tề-hầu, Tống-tử, Vệ-hầu, Trịnh-bá, Hứa nam và Tào-bá ở Qui-khâu.

T — Mùa hạ, năm Hi-công thứ chín, chư-hầu hội ở Qui-khâu để tiếp-tục việc đồng-minh và sửa lại lễ giao-hiến. Châu-vương sai quan Tề là Không

dem cho Tề-hầu phần thịt tộ (thịt tề) mà nói rằng : « Đức Thiên-tử làm lễ tế ở miếu vua Văn vua Vũ mà sai Không này đem thịt tộ biếu bá-cửu đây(1). » Tề-hầu vừa toan sụp lạy thì Không nói : « Thiên-tử truyền rằng : « Bá-Cửu tuổi đã tuần diệt (70), già-cả lắm rồi. Ngai khen công-lao của Bá-Cửu, tiến tước lên cho một cấp nữa mà không bắt phải lạy. » Tề-hầu thưa rằng : « Oai trời gang tấc ra nào, Tiểu-bach tôi dám dẫu cây có mệnh Thiên-tử mà không hạ-bái, e như thế tôi sẽ sợ hãi quá đến cường lên mà đề tử lạy đến Thiên-tử. Vậy xin cứ để cho tôi hạ-bái mới phải. » Tề-hầu nói xong bèn bước xuống thêm lạy rồi mới lên trên công-đường lĩnh lấy thịt tộ.

12 — K — Chư-hầu làm lễ đồng-minh ở Qui-khâu

T — Mùa thu, năm Hi-công thứ chín, Tề-hầu cùng chư-hầu làm lễ đồng-minh ở Qui-khâu. Tề-hầu tuyên-minh rằng : « Phàm người đồng-minh chúng ta đã tuyên-thệ với nhau rồi, ai nấy đều phải trọn tình giao-hiểu với nhau. »

Tề Không ở đám hội minh ấy trở về trước, giữa đường gặp Tấn-hầu. Tề Không bảo Tấn-hầu rằng : « Ông bắt-tắt đến dự hội làm gì nữa. Tề-hầu không chăm tu đức mà chỉ cần những việc đi kinh-lược xa. Cho nên bậc thi đánh rợ Sơn-nhưng, nam thi đánh nước Sở, tây thi mở ra cuộc hội-minh này, còn đông thì không biết chừng lại có cuộc đi kinh-lược nữa, chứ lên mạn lầy thì không rồi. Ông nên xét xem mỗi loạn ở trong nước mình thế nào mà dẹp cho yên đi, không cần phải đi đâu. » Tấn-hầu bèn trở lại.

13 — K — Tấn-hầu là Qui-Chư chết

1 — Tháng chín năm Hi-công thứ chín, Tấn Hiến-công (Qui-chư) chết. Lý-Khắc Phi-Trịnh là hai quan đại-phu muốn nạp cho Văn-công (Trùng-Nhĩ) về, bèn đem những đồ-đăng của ta Công-tử còn ở lại trong nước nhào loạn lên.

Trước Tấn Hiến-công cho Tuấn-Tức làm quan Phó dạy Hề-tề, đến lúc ông bị bệnh bèn triệu Tuấn-Tức vào mà bảo rằng : « Tôi nhờ đại-phu giúp cho thăng bề-mở-cởi thơ-ấu này, đại-phu nghĩ sao? » Tuấn-Tức rạp đầu xuống đất mà thưa rằng : « Thần xin hết sức cò-quặng (chân tay) cùng lòng trung-trình của thần, nếu thành ra là nhờ ở uy-linh ngài, bằng không thành đi nữa, thần xin chết theo để báo lại. » Hiến-công hỏi : « Thế nào là trung-trình? » Tuấn-Tức thưa : « Trung là phàm cái gì có lợi cho nhà nước thì biết thì phải làm cả. Trին là chôn vùi mất, thờ vua sống, không để cho bên nào có chút ân-hận gì. » Nay Lý-Khắc sắp-sửa giết Hề-Tề đến bảo cho Tuấn-Tức biết trước rằng : « Họ đang oán ngài, kia họ sắp nổi loạn, lại có nước Tấn ở trong người trong nước Tấn này giúp ngài, ông tính sao? » Tuấn-Tức nói : « Chỉ liều chết mà thôi. »

Lý-Khắc nói : « Vô-ích ». Tuấn-Tức lại đáp : « Tôi nay hứa với tiên-quân rồi, không thể đổi nhị-tâm được, lẽ nào tiếc cái thân mà nói hai lời, đâu biết chết vô-ích thế đó, nhưng tránh đi đâu được. Và người ta muốn làm sự phải thì ông nghĩ mình chờ sao, mình còn muốn chờ đợi-tám, há lại xui người ta đừng. » Hết mười. Lý-khắc giết Hề-Tề ở giữa bên nam tang. Tuấn-Tức toan chết theo, có người bảo : « Không bằng

(1) Lễ nhà Châu : Thiên-tử xưng vua Chư-hầu, vâng mệnh天子 gọi là bá-pau, thúc-pau, và họ ngoại thì gọi là bá-cửu, thúc-cửu.

lập Trác-tử (con em gái Ly-cơ) lên mà phù có được không. »

Tuân-Tức bèn lập Công-tử Trác lên làm vua, rồi làm lễ táng Hiến - công. Tháng mười-một, Lý-Khắc giết Trác ở giữa buổi triều. Tuân-Tức chết theo.

— Khước-Nhuế nước Tấn bàn với Di-Ngô dát nhiều cửa vào cho Tấn để nhờ Tấn nạp cho mình về nước, vì vậy Thấp-Bằng nước Tề đem binh hội với quân Tấn để nạp Di-Ngô về Tấn làm vua, ấy là Huệ-công. Sắp về, Tấn-bá hỏi Khước-Nhuế rằng : « Công-tử về thị cạy vào ai ? » Khước-Nhuế thưa : « Tôi nghe nói « kẻ vong-nhân (người bị trốn) không có đảng », vì cang đảng nhiều lại cang nhiều thù oán. Ông Di-Ngô tôi thù nhỏ không hay nỡ-dũa, cũng có tranh-dấu, nhưng không quá lắm, nay đã lớn vẫn không cãi lỉnh, còn tính nết gì khác nữa thì tôi không biết. »

Tấn-bá hỏi Công-tôn Chi đại-phu Tấn rằng : « Di-ngô về nước có xử-trí yên được chăng ? » Công-Tôn Chi nói : « Thần nghe nói rằng : « Chỉ có phép-lắc mới yên được việc nước. » Phong-thi thiên Đại-nhĩ có nói rằng : « Dám so khôn đại, chín theo Đạo trời. » Lại có câu : « Chớ làm quá hạn, ai mà không theo. » Nghĩa hai câu thơ ấy tức là không nên thiên-ổ, không nên thiên-kị và hiếu-thắng đó. Nay thấy Di-ngô hay nói những lời có ý kị-khắc, làm thì cũng khó xong được. »

Tấn-bá nói : « Nghi-kị nhiều người ghét, lại còn hiếu-thắng được với ai, thôi hẳn thế càng bỏ cho ta. »

14 - K - Tấn giết quan đại-phu là Lý-Khắc

T - Tháng tư, năm Hi-công thứ mười, Ông Châu-công Ki-Phước Vương từ Đảng hội với Tề, Thấp-Bằng lập vua

Tấn Huệ-công. Huệ-công giết Lý Khắc để tỏ ra mình là tử-tế. Lúc sắp giết, Huệ-công cho người bảo Lý Khắc rằng : « Không có người thì ta cũng không được thế này. Tuy-nhiên người giết hai ông vua với một quan đại-phu thì cái người làm được vua nhà người cũng khó quá. »

Lý Khắc nói : « Không có người bị đồ thì ông lấy đầu mà nổi lên, ông muốn buộc tội cho tôi thì thiếu gì câu, vậy tôi xin vâng mệnh-lệnh ông. » Nói rồi gục xuống grom mà chết. Còn Phi-Trịnh thì Huệ-công còn sai sang Tấn biểu lễ để tạ ơn và xin hoãn cái khoản của dát lại cho, cho nên không bị giết cùng Lý Khắc.

— Tấn-hầu cải táng cha Cung Thái-tử (Thân-sinh, Cung là tên thụy). Mùa thu, năm Hi-công thứ mười, Hồ-Đột (dây tơ đánh xe cũ của Thái-tử) đi đến đất Hạ-quốc (Khúc-ốc), bỗng gặp Thái-tử, Thái-tử bảo Hồ-Đột lên đánh xe cho ông rồi ông bảo Hồ-Đột rằng : « Di-Ngô vô-dạo, ta đã kêu với Thượng-đế sẽ đem Tấn cho Tấn, để Tấn người ta thờ ta. » Hồ-Đột nói : « Tôi nghe có câu rằng : « Thần không hưởng cái lễ của dân không phải nói giống thần, dân không thờ những thần không phải nói giống dân. » Vậy cách ngài cầu người ta thờ ngài ấy cũng không thọ được. Và dân nước ta tội gì mà ngài làm như thế, hình-phạt đã sai mà sự thờ cúng cũng sẽ tuyệt, ngài nghĩ mà coi. » Thái-tử nói : « Vâng, để ta kêu lại, bảy ngày nữa, có thấy đồng hầu bóng ta ở mé tây Tân-thành, ra đây ta sẽ bảo. » Hồ-Đột nhận lời thì không thấy Thái-tử nữa.

Đúng hẹn, Hồ-Đột ra Tân-thành, Thái-tử về đồng bảo rằng : « Thượng-đế vì ta phạt kẻ có tội, rồi nó phải bại trận ở đất Hàn, »

Đồ-nam tử căn-án :— Ở câu «bổng gặp Thái-tử» trên đầu bài này, các bản sách chữ Hán của Tàu đều giải nghĩa rằng: «Bổng như mơ mộng mà thấy Thái-tử», giải thế là chỉ nghĩa thấy cái hồn của Thái-tử đó, ý nhà giải nghĩa cho là việc hiện hồn có thật, cũng như các truyện người với ma nói chuyện với nhau ở Liễu-trai chi-di của Tàu và Truyền-kỳ mạn-lục của ta; nhưng tôi thì cho chuyện này với các chuyện như hai sách trên đều là lối văn ngụ-ngôn cũ, mà chuyện này thì hay lắm, có tinh-thần nhiều, không phải tay tư-tưởng lâm-thường lâm-nhãm như bọn viết hai sách trên viết nổi. Nói rõ thì chuyện này là ngụ cái chủ-nghĩa ái-quốc một cách rất thâm-thiết. Tả ra Thái-tử vừa ngu vừa tham, lại vừa tệ-bạc, không được lập mà phải chết thì cái oan-hồn vẫn oan-hận; thấy Di-Ngô là đứa em ở xằng mà được làm vua thì tức, nghĩ không ăn thì dạp dồ, và không ăn phân sống thì ăn phân chết, bèn vận-dộng với trời, xin đem tổ-quốc bán cho Tần để cầu được kẻ thù thờ-cúng, nhưng bị Hồ-Đột lấy cái nghĩa lớn về quốc-gia, về dân-tộc mà công-kích, thì hồn Thái-tử mới nghĩ ra mà hối-cải.

Còn như Di-Ngô (Huệ-công) thì là kẻ bội-bạc kị-khắc, bị Tần đánh bại-trận chết ở Hàn thật, nên chuyện nói: «Rồi nó phải bại trận ở Hàn», để tỏ ra hồn linh-nghiem, nhưng kỳ-thực thì chuyện đặt sau khi Huệ-công bại chết rồi, chứ có linh-nghiem gì bao giờ đâu.

Xem truyện này thì biết cái tư-tưởng của người đời Xuân-thu đã phát-đạt về tinh-thần quốc-gia, tinh-thần dân-tộc lắm rồi. Cái tinh-thần ái-quốc ái-chủ ấy, không những phát-biểu ra ở những vấn-đề chính-trị mà lại kị-thác thâm-nhuần cả vào vấn-đề thần-đạo thiết - giáo nữa, cho nên nói: «Thần không hưởng cái lễ của dân không

phải nói-giống thần, dân không thờ những thần không phải nói-giống dân», thì ra dân trong một nước, phải thờ cùng, tôn sùng, kị-niệm đến vị thần nào, dù là nhân-thần hay là thần thiêt-tưởng ra, cũng đều phải có ý - nghĩa mật-thiết, có công-đức bất-hủ với nói giống của dân trong nước ấy, hay là với cả nhân-loại mới được. Còn những vị thần chỉ riêng của một dân nước họ thì dân nước kia không khi nào người ta thờ - cùng, tôn-sùng, kị-niệm làm gì.

Loại người trên mặt đất đã vì sự quan-hệ về sinh-hoạt của giống nòi, đất nước, mà phải phân ra làm từng nước, lập thành từng quốc-gia, thì phải nhất-cử nhất-động đều phải có cái quan-cảm ái-quốc ái-chủng mà ngụ vào, cũng là lý sở đương - nhiên, chứ không có trái-ngược - ọp-hỏi gì vậy.

Thế mà lại một lấy làm quái lạ cho người đời ta, đối với Trung-quốc từ xưa đến nay, nước vẫn riêng, nói giống vẫn riêng, mà đã từng khốn - khổ bao nhiêu mới riêng ra được đây chứ, đời nào cũng có quốc - sĩ quốc - tha với người Tàu, mà sao cái tinh-thần ái - quốc ái - chủng vẫn không phát-biểu rõ-ràng lên được. Về thần-đạo cũng vậy, tức như việc thờ cùng «Đức Quan-thánh đế-quân» thì không những vậy, nghĩa mà lại đại-dột nữa.

«Quan-thánh đế-quân» là nghĩa gì? Nguyên là một người ở đời Tam-quốc bên Tàu. Ông ấy họ Quan tên Vũ, cũng là một kẻ nghĩa-sĩ hết lòng hết sức với chúa, vị tri-tri-kỷ là Lưu Bị, sau bị Ngô nó giết chết, có thể mà thôi, đời sau bọn họ Vũ họ một cái tiếng trung-thành với chúa thuở sinh-liên của ông mà bịa ra cái chuyện hồn ông là hiện-thành ở chùa núi Ngọc - tuyến, họ bảo rằng gì gì khi Ngô giết ông ta thì hồn ông hiện ngay ra thành người

vào chùa Ngọc-tuyền nói với sư cụ mà xin qui Phật, ấy hiền thánh là thế, gọi là Quan-thánh là thế.

Sau nữa bọn đạo-sĩ họ lại hợp thần Quan-thánh với thần Văn-Xương là vị sao trên trời, thần Phu-Hỷ là một người đạo-sĩ đời Đường lại, gọi là tam-thánh. Tam-thánh đều được tôn - hiệu của họ gọi là đế-quân, tức Quan-thánh đế-quân là một, họ cũng lại bịa ra thần Quan-thánh đế-quân cũng có vẽ đồng giáng bút ra kinh-sách để dạy đời như hai thần kia. Sách của Quan-thánh giáng bút là quyển « Đào-viên minh-thánh kinh » đó. Ôi ngu-hoặc biết đến thế nào !

Đó là ở về phần người Tàu, còn ở về phần người nước ta lại không những ngu-hoặc mà thôi. Sử đời Tam-quốc nói: Quân Thục-Hán kéo sang qua sông Lư đánh giặc Nam-mã. Giặc Nam-man há không phải là tổ tiên chúng ta dư? Quan Vũ thì là Đại-tướng của Thục-Hán, há không phải là người thù-nhân trên lịch-sử của dân nước ta dư? Quan Vũ là thế, đức Quan-thánh đế-quân là thế, thế mà người nước ta lâu nay cũng tôn-sùng hết thành Phật, kính, anh phượng tưởng lúc sấm vịnh « Quan ngài»

phải thấp hương đốt vàng giấy, thầy đồ thì đem kinh *Đào-viên* ra giảng thiện, nước cô tự-diễn, cổ-dò ngồn-ngang đèn thờ. Xét cái nguyên-nhân chỉ tại một là theo đuổi người Tàu, hai là căm ở bộ tiểu-thuyết *Tam-quốc* cùng bức tranh Tàu họ vẽ với Đức Thánh-Quan mặt đỏ, râu dài, cưỡi con ngựa Xích-thố, cầm thanh long-dao. Chắc chỉ có thế mà đủ căm-dỗ cả tinh-thần người mình đấy thôi, thế có phải là nhi-tính không !

Bao nhiêu bậc vĩ-nhân là nòi giống Việt-Nam, sống lập công với nước Việt-Nam, vui-vầy với dân Việt-Nam, chết gửi xương lại cảnh đồng Việt-Nam, tức như một chốn cổ-dò « nghìn năm văn-vật đất Thăng-long » này, thì bây giờ : hương khói vắng tanh làm vậy !

Ấy mở vô-chủ ai mà viếng thăm !

Ôi ! Nghĩ mà thẹn với người đời Xuân-thu.

(Còn nữa)

No. T. - T.



VIỆT-NAM DI-ÁI SỬ-CA (1)

III

38. — Thề trận vua Đinh Tiên- hoàng cò lau dẹp loạn

*Trùng-trùng hải-chương sơn-lam,
Ngàn hồng bẽ biếc cõi nam một trời.
Nước non đua đuổi anh-tài,
Dư-dõ ước hỏi ai người chủ-trương.
Cuộc đời dập dờn tang-thương,
Động Hoa-lư bỗng tỏ gương vằng
hồng (1).*

*Vua Đinh từ bé anh-hùng,
Sớm từng giết trẻ mực-đồng chẵn trâu.
Đầu non phất ngọn cò lau,
Khao quân chốc đã mổ trâu ăn mừng.
Khi về chú hỏi còn chừng,
Trâu vào hang đá giờ sừng với đuôi.
Vội-vàng chú chạy cầm lời,
Chức đuôi giết đứt giờ đôi chiếc sừng.
Cầm dao chú đuổi vào rừng,
Bến đò bỗng thấy ngập-ngừng rồng
Chú liền vói chầu hai tay, [bay (2).
Từ đây cuốn gió tuôn mây một trời.*

Gốc việc — Dã-sử chép vua Đinh khi 13, 14 tuổi ở với chú đi chăn trâu, thường bắt trẻ chăn trâu lấy bóng lau làm cò, lấy trâu làm voi ngựa để tập trận, rồi vào rừng giết trâu của chú ra khao quân, về nói dối trâu chui vào hang đá, chú vội ra cầm đuôi và sừng kéo, trạt ra chỉ còn đuôi với sừng, trâu đã mất rồi, chú giận cầm dao đuổi, cháu sợ chạy vào rừng, đến bến đò gọi thằng rồng chầu tuyên rước, bỗng con giao-long ở đây sóng nổi lên, cháu chạy xuống cưới mình con giao-long.

chú ở trên bờ sông vói mãi. Sau vua Đinh dấy quân ra dẹp loạn.

Dẫn điển nghĩa. — 1- Động Hoa-lư bảy giờ ở phủ Gia-viên tỉnh Ninh-bình, sau vua Đinh đóng đô ở đó gọi là Trường-an. Gương vằng hồng là mặt trời, ví như vua. — 2- Rồng tức là con giao-long, nôm gọi là con thường-luồng, hay ở sông hồ, bề bề phun nước thì hay mưa, chứ không phải là cái vòi rồng luồng gió lốc làm ra.

39. — Thề trận vua Đinh Tiên-hoàng dẹp 12 sứ-quân.

*Trần Minh-công tổ anh-tài (1),
Cửa viễn treo lọng gươm mài cầm quân.
Non sông quét bụi trần,
Dẹp mười hai sứ-quân lấy-làng.
Trải bao lần pha-ràng,
Tiếng vua Vạn-hung tưng-bừng nước
Xông-pha mảy lớp dinh đồn, [non.
Đờ lau phất ngựa chồn voi xô.
Trường-an dựng cõi thành-đó,
Trời Nam riêng vẽ họa-đồ thanh-thanh.*

Gốc việc — Dã-sử chép vua Đinh khi dấy quân theo ông Trần Minh-công, Minh-công cầm quân tướng, sau trao cả binh-quyền cho vua, đánh dân được đấy, gọi vua Vạn-thế, sau dẹp được 12 sứ-quân, nhất-thổ, được cả nước, lên làm vua.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Trần Minh-công cũng là một bộ sứ-quân.

40. — Thê-trận ông Đinh-Bồ ông
Nguyễn-Bặc giúp vua Đinh dẹp 12
sứ-quân, và sau giết Đỗ-Thích,
chống Lê Đại-hành tử-tiết.

Triều Đinh lựa bậc tài-danh,
Đinh-Bồ Nguyễn-Bặc tung-hoành ai
[đang.

Trao tay hai lưỡi gươm vàng,
Lộn vòng tráng liếc chen hàng cờ lau.
Nước non quét rửa sạch lâu,
Cổ bông nhẹ cánh cung dẫu vượt làn.
Đem quân ra cửa hùng-quan,
Chim muông giọng hót hoa ngàn hương
[đưa.

Rồng nam cuốn gió tuôn mưa,
Sương tan động Hạc sao thừa bề
Thần (1).

Dẹp mười hai bộ sứ-quân,
Trường-an mở cõi kinh-luân một triều.
Con đòi Đỗ-Thích ngoan điều,
Ra tay chốc đã đầu treo gươm trường.
Cờ trời biến đổi tang-thương.
Lê Hành lại nép họ Dương, treo báo.
Tuốt gươm thề với non-bào,
Sứ xanh còn giọt máu đã thêm rây.

Gốc việc. — Sử chép ở Đinh Bồ
ông Nguyễn Bặc theo vua Đinh bình
mười hai sứ-quân, sau vua Đinh bị con
đòi là Đỗ Thích hại, hai ông khởi quân
bắt Đỗ Thích giết. Sau Trường-hậu
khoác áo hoàng-bào truân ngôi cho
Lê Đại-Hành, hai ông chống cự không
được, đều vào rừng tử-tiết.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Động Hạc là núi
Động-hạc, bề Thù là cửa bể Tân-phù, đều
là phải đất Ninh-bình; sự g tan sao
lưu đều là nói giặc tan tởn lần.

41. — Thê-trận vua Lý Thái-tổ
lên làm vua.

Cuộc cờ gặp nước trở xoay (1)
Trong vòng tướng sĩ đổi thay cờ trời,
Chùa tiền động Phật thay chái trời,
Ai hay chủ tiền lên ngôi Lê-hoàng.
Nước non vừa lúc ngọn cờ đang,
Cổ nhà họ Lý chùa hang (2) minh.
Vàng trắng bạc ngọc (3) xanh,

Đổi thay chốc đã long-lanh gươm vàng.
Tướng-quân mười đạo dấy-dàng
Một trường giáo dững mấy hàng cờ bay.
Trướng hăm (2) vừa giắc mộng say,
Áo long-hào bỗng sa mây trên mình.
Ba quân reo rộn dấy thành,
Ép xin về chốn động-dinh làm vua.
Lên chùa niệm Phật na-mô (3),
Kim-dồng ngọc-nữ ganh đua một thời.

Gốc việc. — Sử chép vua Lý Thái-tổ
là ông Công-Uân, người Thiên-đức,
xưa vốn sinh ở chùa làm con nuôi nhà
sư, sau lớn đi lính làm đến quan
Thập-đạo tướng-quân nhà Tiền-Lê,
nhân khi Lê Ngọa-triều thất-chính,
quân lính đem áo hoàng-bào khoác
cho Công-Uân, cùng lập lên làm vua.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Cuộc cờ ví như cuộc
đời. — 2. Trướng hăm là màn quan tướng-
quân, theo con hổ, sử chép ông Công-
Uân vừa ngủ, thì tới tờ là lũ Đào-Cam-Mộ
đem hoàng-bào khoác cho. — 3. Lên chùa
niệm Phật là nói vua Lý Thái-tổ khi lên
làm vua rồi rất sùng đạo Phật làm chùa xây
tháp, sư-ni quá nửa nước.

42. — Nàng Ý-lan đi cắt cỏ lấy
vua Lý Thánh-tôn

Đang về kinh-bắc xa khơi (1),
Ai lên Siêu-loại hỏi người Đào non.
Ý-lan chợt tuổi trăng tròn (2),
Sớm đi cắt cỏ đã mòn lưng ong.
Hãy-hãy má nhuộm màu hồng,
Tóc mây tựa áng cỏ bông xanh xanh.
Bỗng khi ngựa giá qua ghềnh,
Bên dảng lơ liêu mấy ngành thướt-
Chợt trông bãi cỏ xa-xa, [tha (3).
Gương trời thấp-thoảng bóng nga lạc
chùng (4).

Gọi lên phản hồi ngập-ngừng,
Cải liềm giắt bối cỏ gừng bước ra.
Tàu rằng phận gái mưa sa (5),
Liều-bổ gánh vác một nhà giang-san (6).
Cổ dẫu được về thanh-nhân,
Mà xem gang tấc thiên-nhan gần kề (7).

Khen rằng hiếu nghĩa đã ghê,
 Dạy lên loan-giá cùng về long-cung (8).
 Rèn tâu là phẩm chỉ hồng,
 Nên chăng thi cũng tại lòng mẹ cha
 Ngự về sửa lễ nghi-giã.
 Buồng liêu nổi bước cung hoa hẹn-hò (9).

Gốc việc. — Sử chép rằng Ý-lan người Siêu-loại Kinh - bắc, tuổi 15, con nhà nghèo, sớm đi cắt cỏ, bỗng gặp khi vua Lý Thánh-tôn ngự-giá đi qua, hai bên, dâng các con gái xô nhau xem chặt ních, nàng Ý-lan một mình đứng cắt cỏ không xem, chợt vua ngồi trên ngự-giá trông thấy lấy làm lạ thường, cho gọi lên hỏi, Ý-lan tâu : Nhà nghèo, vắng mệnh cha mẹ sai cắt cỏ, chớ không sai đi xem, nên không dám xem. Vua khen là hiếu nghĩa, truyền lên ngự-giá cùng về cung. Ý-lan tâu xin giam hỏi, nếu lễ hôn không đủ giá trịnh, không có phép dám đi, vua ngự khen, ngự về sửa lễ cưới, lập làm hoàng-nhĩ-phi, gọi là Ý-lan, nghĩa là người tựa đám cỏ lan.

Diễn diễn nghĩa. — 1. Kinh-bắc nay là Bắc-ninh. Siêu-loại nay là Thổ-lỗi. — 2. Tráng tròn là tuổi 15. — 3. Đây tả cảnh các cô con gái xem đông và diễm-dã lắm. — 4. Gương trời thấp-thoáng là nói vua ngồi trông. Bỗng nga lạc chừng là nói Ý-lan đứng xa một mình trong bãi cỏ. — 5. Hương-ngón nói phận gái như hạt mưa sa, hạt rơi vào giếng hạt ra ngoài đồng. — 6. Đây Ý-lan nói mình là phận gái mà công việc một nhà phải gồng-gánh cả, và tả ý nhà nghèo, phải đi cắt cỏ gánh bán, để nuôi cha mẹ già, việc đó rất là quan-trọng. — 7. Câu này gốc từ câu Tả-truyện kinh Xuân-thu, ông Tề Hoàn - công đối sứ-thần vua Thiên-vương nhà Châu nói : « Thiên uy bất vi nhao chỉ xích », nghĩa là oai nhà trời không dám xa trái, thường như ở trước mặt một gang một tấc. — 8. Loan-giá là xe nhà vua. Long-cung là cung nhà vua. — 9. Buồng liêu là cung hoàng-phi trát bằng hồ-tiêu cho ấm.

43. — Thề trần ông Lý Thường-
 Kiệt đi lĩnh cửa Hoàng-môn sau
 làm tướng vào đánh Chiêm-thành,
 về địa-đồ ba châu Bắc-chinh, Lâm-
 bình. Minh-linh dâng về vua Lý-
 Nhân-tôn

Trời Nam một bức dư-đồ,
 Chiêm-thành xưa vẫn nhập-nhờ mĩ
 Ghê ông Thường-Kiệt anh-tài, [ngoài]
 Vốn là bốn lĩnh cửa ngoài Hoàng-môn
 Tiên-phong vàng quả ẩn son, [lũ]
 Phá Chiêm mấy lớp sóng còn đẹp gien.
 Minh-linh đòi trận đua chen,
 Ba châu non nước gây nên hoa-đỏ.
 Một tay vùng vẫy sơn-hồ,
 Anh-hùng rộng mở dư-đồ cõi Nam.

Gốc việc. — Sử chép đời vua Lý Nhân-tôn, nước Chiêm - thành quá nhiều, vua sai ông Lý Thường-Kiệt vào đánh phá quân Chiêm-thành, về địa-đồ ba châu Minh - bình, từ đó đất Kỳ-hoa thuộc về nước ta.

Dẫn điển. — 1. Hoàng-môn là một dinh quân lính nội-thị đời nhà Lý, cũng như quân Võ-lam đời Hán.

44. — Thề trần ông Lý Thường-
 Kiệt đánh phá quân nhà Tống ở
 sông Như-nguyệt

Trải bao non nước giết-giảm,
 Vừa triều nhà Tống Bắc Nam tranh-
 [đánh]

Cửa sông Như-nguyệt đề-binh (1),
 Muôn ngàn lớp sóng một ghềnh thét reo.
 Thuyền quân lừng mải dưng chéo (2),
 Đêm thanh liếc mộng như kêu thán.
 Sếch trời lừng đình nước non, [hào]
 Thần chiến gọi bảo giác còn ganh đua.
 Sóng chi u đòi trận nhập-nhờ,
 Mũi sào này con đỏ giọc ngang.
 Một cơn tốc gió dấy-dàng.
 Máu lỏ xối rồi chen hàng sóng sa.
 Trước có này ngon kiếm hoa.

Mặt làn sông Hát à-à quán reo.

Ngâm câu quây giáo gõ chèo (3),
Dòng sông chốc đã trong veo như ngần.

Gốc việc. — Sử chép triều vua Lý, nhà Tống sang xâm, quân đến sông Như-nguyệt, vua sai ông Lý Thường-Kiệt đem quân ra cự, ở đó có đền ông Trương - Hồng Trương-Hát xưa là tôi vua Triệu Việt, khi vua Triệu Việt vì nghĩa vua Lý Nam - đế, cho Lý Phát-tử giảng-hòa và cho Nhã-lang kết hôn, hai ông cố can không được, khi vua Triệu Việt mất thì hai ông tử-tiết ở sông Như-nguyệt, dân lập đền thờ gọi sông là cửa Hát. Bấy giờ quân Tống sang đóng ở đền đó, đêm nghe thần hiển lên đọc câu thơ rằng: « Nam - quốc sơn hà nam đế cư, tiết nhiên đình phạt tại thiên thư; như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, nhữ đẳng hành khan thủ bại hư 南國山河南帝居。截然定分在天書。如何逆虜來侵犯。汝等行看敗虛。 » Rồi quả-nhiên ông Lý Thường - Kiệt đánh phá quân nhà Tống.

Dẫn điển nghĩa. — Sông Như-nguyệt một tên là sông Hát, là một con sông nhánh từ sông Nhị-hà rẽ ra, ở ngang sông Hát-môn cầu Phụng về đất Sơn-tây, tức là sông Đáy. — 2. Thuyền ai là trở thuyền giặc Tống. — 3. Quây giáo, gốc ở truyện Tô Tháo ngang giáo phủ thờ ở sông Xích-biên, Gõ chèo, gốc ở truyện Tô Địch sang sông Tô mái chèo thề rửa sạch chốn trung-nguyệt. Đều là tả ông Lý Thường-Kiệt hừng oai khí như vậy.

45 — Thề trận ông Lý Thường-Kiệt dẫn quân vây ba châu Khâm, Liêm, Ung, hỏi tội thu thanh-miêu nhà Tống.

Nước non quét sạch bụi trần,
Ngựa hồ thét gió vượt cửa quan.
Ba quân giáo dựng giương giàn,

Lá rừng xưa mác trắng ngàn uốn cung (1).

Lĩnh-nam thét tiếng anh-hùng,
Khâm-châu trăm tướng Liêm Ung hãm thành.

Thanh-miêu hỏi tội Vương-Kinh,
Biên-dô mây lớp điện-dinh cũng long.
Dậm nghìn vô ngựa ruổi giông,
Xông-pha ải Bắc như không có người
Xả bao vượt cõi qua vơi, (2).
Việt-Nam lưng-lấy một trời oai-linh.
Nước non một trận tung-hoành,
Vũ-công bậc nhất sử xanh ghi đề.

Gốc việc. — Sử chép ông Lý Thường-Kiệt bấy giờ phụng mệnh đánh phá quân nhà Tống, sang vây châu Khâm, chém tướng châu Khâm, và hãm thành châu Liêm châu Ung, bắt dân Tống đem về làm nô-tù, và hỏi tội vua Tống Thần-tôn dùng Vương Kinh-công An-Thạch làm tướng đánh thuế thanh-miêu, hai dân mọi lẽ. Biên-kinh là do nhà Tống nghe đã long sợ, phải cầu-hòa, sử chép cho trận đó là vũ-công bậc nhất vậy.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Bay tả cảnh hành trận, quân đi đông đúc và nhanh nhẹn. — 2. Câu này bởi câu: « Ưng binh nhập trọng địa như nhập vô nhân chi quốc » 應兵入重地如入無人之國, là tả ý ông Lý Thường-Kiệt khinh nước Tàu bấy giờ không có người nào giỏi.

46 — Thề trận ông Lê Phụng-Hiêu đánh phá Chiêm-thành về tung dao ở núi Bãng-sơn

Anh-hùng ruổi với sơn-khê,
Ông Lê Phụng-Hiêu cũng ghé lạ đời,
Sinh ra mạnh sức cao tài,
Quê nhà Thanh-hóa vốn người Bãng-Mỹ
Mây làng tranh ruộng gây oan, [sơn.
Trong tay một mũi dòn cần dẹp yên (1).
Chợt ngày văng mệnh binh-phiền,
Chiêm-thành mấy trận đảo-diện toại-bời.
Trời Nam yên lặng một trời,

Núi Bằng về đó luận tài ghi công.
 Trèo lên đỉnh ngọn núi chông,
 Một mình sừng đứng ném tung dao vàng.
 Thanh dao mười dặm bay ngang,
 Như con nhạn lạc xuống làng Da mi.
 Đo vòng quả núi làm ghi,
 Vua cho mười dặm thuế chi lộc thường.
 Nghìn đời nghỉ-ngủ khói hương.
 Non Bằng một lưỡi dao vàng ghi công.

Gốc việc. — Sử chép ông Lê Phụng-
 Hiền người làng Bằng-sơn tỉnh Thanh-
 hóa, nhà nghèo, tuổi trẻ, có sức mạnh,
 khi mấy làng ở đó tranh ruộng đánh
 nhau, ông Phụng-Hiền bảo làng dãi
 cơm rượu, rồi một mình cầm đòn càn
 ra đánh, các người làng kia phải chạy,
 sau đi lính, vua Lý Thái-tổ cho làm
 quan Tiền-phong, đánh phá Chiêm-
 thành, khi về xin lên núi Bằng-sơn
 quảng dao hể dao rơi đến đâu thì xia
 đất ăn lộc đến đấy, rồi lên núi Bằng
 dùng ném dao bảy mươi dặm sa xuống
 làng Da-mi, vua sai đo chỗ dao sa
 vòng quanh quả núi, thuế ruộng trong
 mười dặm đó để chi lộc cho Phụng-
 Hiền, sau mấy làng đó lập đền thờ,
 thường thu thuế ruộng ném dao để
 tế-tự.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đòn càn là cái đòn
 gánh lúa.

47. — Thề trận ông Tô Hiền- Thành đánh phá muông Ngưu-hống

Xa xa non nước một vòng,
 Có muông Ngưu-hống quanh vùng Lao-
 quan (1).

Chức dà non-nào giang-san,
 Những toan đem thói dã-man tranh
 Tô-công lên gọi Hiền-Thành, [danh.
 Vốn nhà nguyên-lão nổi danh ba triều.
 Mưa cơn gió trận giết-dia.

Gươm vàng vắng mệnh cờ điều vắng
 [quan

Rừng xanh nổi áng phong-trần,
 Mấy lần cung kiếm in ngân cỏ hoa.
 Lòng son vì nước vì nhà,
 Một niềm sốt-sắng tuổi già chưa nguôi.

Gốc việc. — Sử chép ông Tô Hiền-
 Thành làm quan ở triều nhà Lý, trải
 thờ ba triều vua, thường đánh phá
 nước Ngưu-hống, và sau chịu tờ chiếu
 giúp ấn-chúa, bà thái-hậu đem vàng dụ
 phở - lập cũng không nghe, một lòng
 trung-thành, đến già cũng không đổi.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Ngưu-hống trước là
 một rợ muông gần Ai-lao.

48. — Vua Trần Thái-tôn chịu bà Lý Chiêu-hoàng truyền ngôi

Bề dẫu mấy lớp lở bồi,
 Tám đời họ Lý truyền ngôi Chiêu-
 Má son trao quả ấn vàng, [hoàng.
 Trước rèm châu rủ bóng gương in
 [ngân (1).

Tuổi vừa đi tám đương xuân,
 Chín e chút hạn hồng - quần mỏng
 [mạnh.

Vừa ngỏ Trần Cảnh tuổi xanh
 Lựa vào hầu hôn cung-đình sớm trưa.
 Non thần đối áng mây mưa (2),
 Càng say mây biếc càng ưa mặt hồng (3).
 Khi đáp hờng khi ngồi chung,
 Khi gieo giọt nước khi lồng màu gương.
 Nguồn tình hề ái mệnh-mang,
 Bỗng đem lá ngọc cành vàng trao tay (4).
 Sân rồng rủ chiếu năm mây,
 Mừng rằng nữ chúa ngày nay có chồng.
 Vin hoa nữ phụ cây trồng (5),
 Đề ai dứt sợi cỏ bằng luồng thương (6).

Gốc-việc. — Sử chép nhà Lý truyền
 tám đời đến vua Duệ-tôn, 60 tuổi
 không con trai, liền truyền ngôi cho
 con gái là Chiêu-hoàng, rồi ra ở chùa,
 bấy giờ Chiêu-hoàng mới 16 tuổi, Trần
 Thủ-Độ là tướng, kén cháu là Trần
 Cảnh vào hầu, Trần-Cảnh vốn là người
 đẹp, mây biếc mặt hồng, là một cậu nhẽ
 nhàng nhàn, phen, khi vào hầu trong

cung, Chiêu-hoàng thường giã vào bóng, thường cho ngồi chung, một hôm bưng chậu nước rửa mặt, Chiêu-hoàng cầm khăn tay vẩy nước vào Trần Cảnh, Trần Cảnh lấy tay hứng, tâu rằng nhà vua cho nước thì xin vâng, Chiêu-hoàng bảo cho. Người Trần Cảnh về báo chủ là Trần Thủ-Độ đem quân vào đóng các cửa thành, bách các quan dâng biểu mừng rằng vua đã có chồng, rồi Chiêu-hoàng xuống chiếu truyền ngôi cho Trần Cảnh tức là vua Trần Thái Tông. Sau Thủ-Độ ra chùa, thấy Huệ-Tôn đang ngồi nhờ cổ sân chùa, Thủ-Độ bảo nhờ cổ thì phải nhờ cả gốc, vua Huệ-Tôn biết, vào tự-ải chết. Sau Thủ-Độ lại ép vua Thái-Tôn gả Chiêu-hoàng cho Trần Cang, mà nhận chị dâu là vợ ông Liễu-vương lập làm hoàng-phối, vì chị dâu đã có thai, đó là cách di-cung hoán-bào vậy. Những việc đó, đây chỉ nói chợt đến mà thôi, là vì nhà Trần ăn-hủy hồi-hộ đó.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Câu gốc ở câu « thủy liêm thính chính 聖聽政 » và tả Lý Chiêu-hoàng đẹp. — 2. Câu này gốc ở truyện thần-nữ báo mộng cho vua Sở Tương vương rằng thiếp là thần Vụ-sơn, sớm làm mây, hôm lẩm mưa, mây ở ra là tả tình hoa-liễu. — 3. Đây tả Trần Cảnh vì sắc đẹp được nước. — 4. Lá ngọc cành vàng là họ nhà vua. — 5. Đây trách Trần Thái-Tôn. — 6. Câu này trở vào Lý-Duệ-tôn.

49 — Thề trận đức Trần Hưng-đạo đánh phá quân nhà Nguyên ở núi Vạn-kiếp

Từ khi Trần nổi cầm cự, anh-tôn thần lâm bực đảm đương anh-hùng.
Triều Nguyên gây việc ăn-nhung,
Những toan mĩu lóp đồ rình nước non.
Mượn đảng toan lập mưu khôn,
Binh Chiêm-thành sẵn chờ luôn nước nhà.
Đức Trần Hưng-đạo an xa,

Nẻo đường cho mượn đi qua nước mình.
Nhân khi thoát trận hồi binh,
Đầu non Vạn-kiếp giữa ghềnh chen ngang.

Hình non bay mũi tên vàng,
Giặc Nguyên luống những bàng-hoàng
Toi-bời thuốc độc tên tre, [tê-mê].
Mấy ngàn Thát-dát không về lot ai (1).
Nghẽn rừng rào rập chông gai,
Anh-hùng liếng đã khét trời Việt-Nam.

Gốc việc. — Nhà Nguyên toan mượn đảng sang đánh Chiêm rồi hồi quân đánh luôn nước ta, đức Trần Hưng-đạo biết, cũng cho mượn đường, khi quân Nguyên đánh Chiêm không lợi hồi quân, ngài cho chặn ở núi Vạn-kiếp, lên đỉnh núi cao phát tên độc, giặc Nguyên chết không còn một ai về được thoát.

LỜI BÀN. — Nhà Nguyên mượn đảng đánh Chiêm, là ý muốn rập theo chí cũ của Tấn Hiến-công mượn đảng nước Ngu để đánh nước Quốc, rồi quay lại đánh cả nước Ngu, những mưu đó chủ Tàu nghĩ ta ngu, mà thật chủ Tàu ngu quá đã chết không còn một mống nào về lot, sau lại còn đâm đầu sang từng lũ, thì chủ Tàu ngu biết đường nào, núi Vạn-kiếp phải tên, sông Bạch-đăng mắc cọc, thật đáng gọi là hải-cầu-tặc.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Thát-dát nhà Nguyên là rợ Hồ vào để Trung-quốc, vẫn hiệu là Thát-dát

50 — Thề trận đức Trần Hưng-đạo đánh phá quân nhà Nguyên, bắt Ô-Mã-Nhi ở cửa sông Bạch-đăng.

Nguyên vì hân nước chưa cam,
Ô-Mã-nhi từ biên đông-nam tiến vào,
Bạch-đăng nổi trận sóng dào,
Ầm-ầm nước cuốn ào-ào gió reo.
Nhân khi rồ-rạt ngọn triều,
Lại trông cọc sắt dựng theo giữa dòng.
Ra quân đưa chiếc thuyền bằng,

Tảng thua lại rudi ngược dòng chèo lên.

Giặc Ô cây thủy tay quen.

Cửa sông thúc mấy trăm thuyền đuổi xô.

Mắt ghèn trợn sóng nhấp-nhổ,

Cột buồm xua mái cung hồ bay tên (1).

Đùng đùng động địa kinh thiên,

Chèo bơi gợn nước cờ chen rợp trời (2).

Ngon triều bỗng chốc hồ vơi,

Cọc nhô rõ sắt thuyền bơi mắc chèo.

Đầu ngàn mấy vạn quân reo,

Beo găm rây núi hạc kêu vang rừng (3).

Muôn quân xô bãi cổ gùg (4).

Mã-Nhi chốc đã sợi thừng quẩn tay.

Giặc không ăn ớt mà cay,

Bắt đem dim bề biết tay ánh-hùng.

Bạch-đăng là nghiền biển đông,

Lần này hai lớp gốc sông rửa thù.

Gốc việc. — Sử chép giặc Nguyên từ trận đồ quân, lấy làm nhục, bèn sai Ô-Mã-Nhi làm nguyên-soái đem mấy vạn quân thủy, gióng chiến-hạm vào cửa sông Bạch-đăng, đức Hưng-đạo lại rập trí vua Ngô-vương Quyền sai đóng cọc sắt ở đáy sông, khi nước triều lên, dùng thuyền nhẹ ra khêu đánh, tảng thua chạy vào cửa sông. Ô-Mã-Nhi cậy là tướng thủy quen nhện, thúc mấy trăm chiến-thuyền đuổi đánh. Chợt khi nước triều xuống, mấy ngàn cọc sắt cùng giờ dẫu, quân ta hồi quân lại đánh, và hai bên mạn bờ các dãy núi quân phục đều reo rộ đuổi ra, thuyền giặc Nguyên bị vướng cọc sắt xô dầm hết. Ô-Mã-Nhi cùng quân lính bơi lên bờ, bị quân ta bắt trói, sau ngài sai đem dim bề. Ô-Mã-Nhi chết.

Lời bàn. — Sông Bạch-đăng hai trận, trước vua Ngô-vương Quyền bắt Hoảng Tháo, sau đức Trần Hưng đạo bắt Ô-Mã-Nhi, đều nhờ nước triều cọc sắt để gọi thù rửa giận cho non sông, vậy thì cửa sông Bạch-đăng thiệt là một chốn quan-ải then-chốt của nước ta vậy.

Dẫn điển-ngĩa. — 1, 2. Hai câu này đều tả quân Ô-Mã-Nhi hăng-hái và đông-đức lắm. — 3. Cây tá quân phục của ta, bấy

giờ mới từ các hăm núi reo rộ mà ra để đánh. — 4. Đây tả quân Mã-Nhi bị đánh đuổi hơi lên bờ.

51. — Thế trận đức Hưng-đạo bình giặc Nguyên đánh phá Toa- Đô và Thoát-Hoan.

Giặc Nguyên chưa tỏ sự-dò,
Thoát-Hoan cùng nẻo Toa-Đô lại vào.

Phen này giặc dễ dẹp sao (1).

Đốc côn bịt sắt sẽ trao bỏ dẫu.

Gươm vàng vậy thét ba quân,

Giặc hần chốc đã xác lẫn dầy ngàn.

Dẹp Toa-Đô đuổi Thoát-Hoan,

Bưng dẫu chạy khỏi Nam-quan hân.

Mấy phen núi đồ non rừng (2),

Trận-trường ngựa đá cũng xông bôn.

Ấu vàng vẹn giữ một tay (3),

Ngon đền Kiếp-bạc hương bay ngát.

Nước non lài mây trận trào,

Thoảng nghe gươm thét ào-ào gió.

Thiêu đốt [thu (4)].

Gốc việc. — Sử chép giặc Nguyên sang chuyể này bảo nếu ta không chịu thì non sông vụt chốc phải biến làm đất bành. Đức Hưng-đạo nói dẫu ta thà cắt thét chẳng hàng Nguyên. Bấy giờ Nguyên Thoát-Hoan và Toa-Đô cùng tiến dẫu bộ sang, đức Hưng-đạo nói phen này giặc dễ quá vì nó đã mấy phen dập gậy, giờ chỉ nói khoác chứ thẹn, chứ thực trong sợ ta như cạp, ngài bèn bỏ cái côn bịt đốc sắt không dùng, chỉ cầm gươm ra trận, đánh phá quân Toa-Đô, Thoát-Hoan sợ chạy mất. Mấy trận đó, khi quân ta về, thấy ngựa đá ở miếu các tiên-tổ đều mắc bùn lầy, là vì đem đi giúp trận phá giặc Nguyên, nên tôn-xã nhà Trần mới giữ vẹn được. Người sau có thơ rằng:

Xã-tác sông hồi lao thạch-mã,

社稷河回勞石馬

Sơn-hà cổ điển kim-âu.

山河古奠金甌

Sau đức Hưng-dạo mất, dân lập đền ở làng Kiếp-bạc, núi Vạn-kiếp, trên sông Bạch - dâng về đất Phá - lại, các triều sau, hề có giặc, các quan đến cầu đảo, cứ con gươm ở hòm thét kêu là trên được.

Dân diên-nghĩa. — 1. Câu này gốc từ câu « Kim phiên tặc nhàn 今番賊閒 ». — 2. Câu này gốc từ câu giặc Nguyễn nói khoe: « Giang sơn khoảnh khắc vì bình-địa 江山頃刻爲平地 », — 3. Âu vàng nghĩa bóng là tôn-xã. — 4. Câu này gốc từ câu « Hạp kiếm minh 匣劍鳴 » và có ý hoài-cổ.

52. — Thề trận ông Chiêu-văn-vương là Trần Nhật-Duật đánh phá quân nhà Nguyễn ở đồ Chương-dương cửa Hàm-tử.

Đang khi mây khói tuyết mù,
Hỏi người giết giặc bắt Hô là ai.
Chiêu-văn Nhật-Duật tể tướng tài,
Đừng đầu văn-tướng chen vai tợn-thần.
Lưỡi gươm về nguyệt iếm, lần xông-
Chương-dương Hàm-tử mấy, lần xông-
Ra tay quét rửa sơn-hà, pha.
Âu vàng ven giữ một nhà giang-san.
Giặc thù mấy lớp đẹp tau,
Dầm ngàn bến nước cửa quan ra vào.
Ba quân triều bực chiến-bào,
Chữ đề « sát Đát » gươm trao cầm
Anh em không nữ hiềm thù, [Hổ (1)].
Tầm pha mùi nước thơm-tho mát lòng.

Gốc việc. — Sử chép Chiêu-văn-vương là ông Trần Nhật-Duật là bậc anh ông Hưng-dạo, từng đánh phá quân nhà Nguyễn ở bến Bồ-dầu, đồ Chương-dương cửa Hàm-tử, có câu thơ rằng: « Đoạt sóc Chương-dương đồ, cửa Hồ Hàm-tử quan 奪 索 章 陽 渡 擒 胡 鹹 子 關 », lời-lẽ rất là mạnh mẽ. Sau ông lại cùng ông Hưng-dạo có hiềm giận, hai ông cùng nấu nồi nước thơm tắm gội với nhau, để rửa sạch hiềm giận riêng, và từ đó ông Hưng-dạo đi đâu cũng cầm cái gươm đốc bịt sắt, bấy giờ ngài đến với ông Chiêu-

văn hòa giải, tự đó bỏ cái còn bịt sắt để giải hiềm, anh em lại thân vui như cũ, mới hợp lòng góp sức đánh phá được giặc Nguyễn.

Dân diên-nghĩa. — Bấy giờ quân nhà Trần ở cỏ áo và tay, đều thích hai chữ « sát Đát 殺 粗 », nghĩa là giết rợ bát.

53. — Thề trận ông Trần Nhật-Duật một mình cưỡi ngựa đi bình sông Đà-giang

Xa khơi rừng-rú một vòng,
Sông Đà đỏ cũng quanh trong nước nhà.
Vì ngày sôi nổi phong-ba,
Vấy nơi phiên-lạc sinh ra khẩu-thù.
Nước non sương-tuyết tuyết mù,
Ai đem tin-tức thăm dò gai chông.
Chiêu Văn quen tiếng Thổ Nùng,
Một con ngựa ruổi mấy vòng quan-san.
Nói điều kết-ai giao-hoan,
Giặc Mường Giốc-Mật nức gan vui lòng.
Trong-quán nghiêng chuốc chén nồng,
Từ đây rừng-rú quanh vòng đẹp yên.
Những ngờ kiếp trước người phiên-
Thần sau đổi lột còn quen giọng
mường (1).

Vì xưa Hồi-Hội xâm Đường,
Tử-Nghi ngã mũ bước sang giảng-
Chào miêng lưỡi cời can qua, [hòa (2)].
Nọ Chiêu-Văn đó cũng là Phần-
[dương (3)].

Ngày nay giao-thiệp rộng đường (4),
Nói lời các nước nên thương lẫn thông.

Gốc-việc. — Sử chép chúa Mường sông Đà-giang là Giốc-Mật, nhân khi giặc Nguyễn quấy nhiễu nước ta, giữ sông Đà-giang xưng hùng, nhà Trần sai đánh mãi không nổi, bấy giờ Chiêu-văn-vương Trần Nhật-Duật vốn lâu tiếng Thổ Mán, quyết một mình cưỡi ngựa đi Đà-giang dụ lấy nghĩa-lý. Giốc-Mật cùng các Lang Mường đều lấy làm vui lòng, vì thấy ông Nhật-Duật biết nhiều tiếng Mường, cho là kiếp trước người Mường, sau đổi lột làm người Kinh, nên cùng thiết-đãi và giảng-hòa, từ đó

sống Đà đẹp yên, Giốc-Mát lại chịu
tiết-chế nhà Trần.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Hai câu này, gốc ở câu sử chép ông là một « phiên lạc hậu thân 番落後身 ». — 2. 3. Xưa rợ Hối-hột vào xâm nhà Đường, Quách Tử-Nghị trệt mũ trự ra mặt rợ Hối-hột, từ đó lại giáng-hòa, sau Quách Tử-Nghị được phong là Phần-dương - vương. — 4. Hai câu này có ý khuyên bây giờ nên biết nhiều thứ tiếng các nước, mới có thể giao-thiệp ở đời văn-minh này.

54. — Thề trận ông Trần Quốc-Toản đánh phá quân nhà Nguyên

Ông Trần Quốc-Toản nhà tổng,
Từ khi còn bé anh-hùng đã ghé.
Giặc Nguyên gặp buổi khát-khe,
Tôn-thần hợp mặt ăn thề ra quân (1).
Ông từng chịu tước Hoài-vân,
Đầu xanh tuổi trẻ việc quân ai bàn.
Nghĩ càng bầm ruột sốt gan,
Quả cam tay nắm đã tan-tát-tàng.
Trở ra thêu lá cờ vàng,
Chữ đề phá giặc chen hàng tiền-quân.
Vẫy ngang một lưỡi gươm trần,
Giặc thù chốc đã xác lẫn đầy ngàn.
Một trường khói tạnh mây tan,
Anh-hùng đua đuổi giang-sơn lấy-lùng.

Gốc việc. — Sử chép hầu Hoài-vân là ông Trần Quốc-Toản, khi giặc Nguyên sang, ông còn trẻ tuổi quá, các tôn-thần hội bàn, không ai nói đến ông, ông nghĩ tức giận quá, tay cầm quả cam đã như nát cả ra, là vì nghĩ rằng bầm ruột mà quả cam hóa bẹp, ông trở ra về, đem gia-binh ra đánh giặc, cờ đề sáu chữ rằng: « Phá nghịch tặc báo hoàng ân 破逆賊報皇恩 », gọi là lục-tự-ký 六字旗. Từ đó ông ra trận, thường lấy mình xông trước, không trận nào là không được.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Tôn-thần là trở vua Chiêu-vân, vua Hưng-đạo, vân-vân, và các tôn-thần.

55. — Thề trận Phạm Ngũ-Lão giúp đức Hưng-đạo đánh phá quân nhà Nguyên.

*Gió mưa lương hã ngập-ngưng,
Ai lên đồn Ủng trông chừng biên
Đông (1).*

Có ông Ngũ-Lão anh-hùng,
Một tay giúp đỡ non sông nhà Trần
Vừa ngày Hưng-đạo ra quân,
Đón làm gia-khách mười phần kính yêu.
Mấy phen dẹp trận gió chiều,
Ba quân lì hồ thét reo rậy trời.
Quần bao sương-tuyết tới-bời,
Non xanh chốc đã như phơi bạc
Vẫy vùng lên cỏ cung đầu, [đầu (2).
Sánh tài Gia-Cát Võ-hầu kèm chỉ.

Gốc việc. — Sử chép ông Phạm Ngũ-Lão người làng Phù - Ủng tỉnh Hải-dương, sức khỏe và có can-dảm, đức Hưng-đạo đồng làm gia-khách mấy lần phá Nguyên, từng được ban ngư-phủ ấn, sau giặc cớ, lão về ông thường có thơ rằng: « Hoan hô sức giang-sơn cấp kỷ thu, tam quân lì hồ chỉ thôn ngư; nam nhi vị liễu công danh trái, tu thính nhân gian thuyết Võ-hầu 橫槊江山恰幾秋. 三軍聽虎志吞牛男兒未了功名債. 恭聽人間說武侯. Lời thơ hùng-hoat khảng-khải lắm.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Làng Phù-ủng là quê ông, sau có đóng đồn, nên nhân đó mà tả ý hoài-cố. — 2. Đây tả cảnh ông dẹp giặc mãi đến già mới về nghỉ.

56. — Thề trận ông Trương Hán-Siêu giúp đức Hưng-đạo phá quân nhà Nguyên

Nước non vừa buổi loạn-ly,
Anh-hùng gặp sức cũng khi còn nhiều.
Có Trương Thắng-phủ Hán-Siêu,
Ninh-bình về cũ quanh đèo Thung-sơn (1).

Xưa cần Hưng-đạo gian-quan,
Chen hàng gia-khách dự ban mưu.
Mấy phen phá vỡ giặc hân, [thần.

Vẩy ngang nét bút in ngần kiếm-hoa (2).

Mái đầu trắng xóa sương pha,
Thủy-sơn trở lại quê nhà nghỉ-ngoi.

Non xanh nước thăm tuyết vời,
Mấy dò kim-cúc xa phôi bóng chiều.

Thơ dễ vách đá in rêu,
Mùi hương còn thoảng gió chiều thơm
Người về khuất nẻo non mây, [bay.
Đục mài chỉ để đá xây đau lòng.

Gốc việc. — Sử chép ông Trương Hàn-Siêu, hiệu là Thăng-phủ, người Ninh-bình, bên núi Dục-thủy, xưa là gia-khách đức Hưng-đạo, thường dự mưu phá Nguyên, và ông là người thâm hiểu đạo Phật, mà lại ruộng kẻ nịnh Phật, sau ông cáo quan về ẩn núi Dục-thủy, giồng kim-cúc để rằm rượu, và lại từng câu ở sông đó lấy sơn-thủy làm vui, khi tuổi暮, có một bài tựa khắc đá, lời-lẽ rất ly-kỳ và chữ rất tốt. Cúc Thủy-sơn nay thấy còn sót giống, hoa rất đồng đặc trắng tốt và nhỏ, gọi là Thủy-sơn-kim-cúc. Nay người ta còn đục bản chân và chỗ ngồi câu của ông.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Thủy-sơn, một tên nữa là Hộ-thành, ở tỉnh Ninh-bình, bên mé sông đước có chùa là Non-nước — 2. Đây nói ông lấy bạc văn-thần dự mưu việc vỡ, ngồi bút cũng như lưỡi kiếm.

57. — Thề trận Yết-Kiều là môn-hạ Hưng-đạo đánh phá quân nhà Nguyên.

Nước non rộn-rịp tang-bồng,
Anh-hùng gây dựng anh-hùng biết bao.
Đức Trần khi sửa chiến-bào,
Những ai dưới bóng cờ đào thờ reo.
Có chàng tên gọi Yết-Kiều (1),
Mấy loài cáo thỏ cộp beo kêu gào.

Lầy non cắt vạt liền tã,
Đã quen kiếm-kích lại hay môn-quyền.

Mấy lần phá giặc cứu dân Nguyên,
Ấn vàng giúp nước người (2).

Giặc thù máu chảy đầu rơi,
Từ sau không dám men ngoài cửa quan.
Anh-hùng chống vác giang-san,
Cái then ải bắc đẹp làn bề đông.

Gốc việc. — Sử chép ông Yết-Kiều là môn-hạ đức Hưng-đạo, có sức khỏe, thường mấy trận phá giặc Nguyên, ông cũng có công cả sau quân Nguyên sợ không dám tới gần cửa ải.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Yết-Kiều là hai thứ chó săn, lấy đó mà gọi tên kẻ tôi tớ cũng như gọi Ưng Khuyển. — 2. Đá đen quáng người, gốc ở Tân-truyền câu « Kiệt thạch dĩ đầu nhân 磔石以後人 », là sức khỏe lắm.

58. — Truyện công-chúa Huyền-Trần là con vua Trần Nhân-tôn lấy vua Chiêm-thành cưới bằng hai châu Ô Lý.

Vua Nhân-tôn nổi ngôi rồng,
Buồng tiều sinh ả mã hồng đang xuân,
Gọi nàng công-chúa Huyền-Trần,
Sánh lồng gương bạc in ngần nét son,
Tuổi xanh vừa độ đào non,
Tơ hồng đã định kết-hôn một chàng.

Vi khi tóc rối đầu tang,
Hãy còn khóa nguyệt cái sương lâu [hồng.

Trăm thoa gặp buổi tang-bồng,
Trao gương thề ước quết lòng sừ
Ma-cô ghim diềm cài kim, [Chiêm.
Ba năm luống để vua Chiêm thần thờ.
Rập-riu gió đón mây đưa,
Hai châu Ô Lý một tờ kinh dâng.

Sức khi dầu lửa táng bằng,
Châu về Hợp-phố bích năng Triệu thành
Trăm năm vẹn mảnh gương tình,
Chiêu-quân nước tiếng nghiêng thành còn thua.

Xanh xanh chùi phận liễu-bồ,
Nước non một quây Hán Hồ nhẹ không.

Gốc việc — Sử-thuyết chép công-chúa Huyền-trần là con gái vua Trần Nhân-Tôn, xưa đã kén phụ-mã đình

ước với Mai Quân-Ngọc, vì gặp tang bà từ-thực chưa hoàn hôn, sau vua Chiêm nghe tiếng đẹp nhân dịp nhà Nguyễn gầy nhiều phía Bắc, sai sứ giạm Huyền-Trần, vua không thuận gả, Huyền-Trần nghe, tìm Quân-Ngọc vào, trao grooms đợi ba năm, rồi tâu xin đi sứ Chiêm, Quân-Ngọc tiễn đến Hoàn-hson, Huyền-Trần lễ đền bà Ma-cô hiện cho thuốc trừ và gài kim-diện cho giữ mình, Huyền-Trần sang đến Chiêm, vua Chiêm thảo thư dâng hai châu Ô Lý làm lễ cưới, Huyền-Trần nói quốc-luật xin cư-tang ba năm sẽ thành-thân, vua Chiêm nghe, sửa cung cho cư-tang,

ngày lấy cầm kỳ làm bận, nếu sẽ động vào áo lại bị kim-diện làm co gán, kịp ba năm vua Chiêm đau bụng chết, tục nước Chiêm vua mất thì hoàng-phi phải lên đàn lửa thiêu chết theo, vua nghe tin, sai Trần Khắc-Trung đem quân vào đón Huyền-Trần về, kết hôn với Quân-Ngọc.

Dẫn điển nghĩa. - 1. Ma-cô là bà thần, khi vua cầu con, báo mộng cho ngọc huyền mà sinh công-chúa. - 2. Hai châu Ô Lý là Nam Bắc-Bổ-chính ở Huê.

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KIỆM

PHÉP XỬ-THÊ (1)

Nói về cách giao-tế trong xã-hội

III

Nói về sự kiêu-sức

Có người trong cách diêm-trang muốn lập-dị mà thành ra kiêu-sức (*affectation*). Họ tưởng rằng cứ làm khác thường là thiên-hạ phải chú-ý đến mình mà cảm-phục mình. Đó tức là một trạng-thái của cái tính khoa-trương, tính hiếu-hư-vinh của người ta.

Phải biết rằng người ta cứ tự-nhiên bao giờ cũng hơn là làm kiêu-cách ra để mong huyền-diệu người ngoài.

Sự kiêu-sức ở ngoài hình-dung, thái-độ, ở lời nói, ở nét mặt, ở cách cử-động, bao giờ người ngoài cũng nhận biết ngay. Như thế thời kẻ kiêu-sức tựa-hồ như là đã đạt được mục-đích rồi, nghĩa là đã khiến được cho người ngoài chú-ý đến mình, nhưng kỳ-thực người

ta chú-ý đến, là chú-ý đến cái công-phu, chứ có chú-ý đến cái hiệu-quả sự kiêu-sức đâu.

Như miệng cười nếu cố-ý làm cho đậm-dà để tỏ cái lòng nhân-hậu của mình, thì thành ra cái cười kiêu-sức. Cái bộ cười nộ phải thoáng qua, nếu làm ra quá thì một là trông như cái đáng người khờ, hai là coi như cái bộ người ngạo, hai dạng cũng là không lợi cho mình cả.

Lại như có cái bàn tay đẹp, không nên làm ra cách phô-phang cho người ta phải khâm phục. Cái hay của mình, thể nào thiên-hạ cũng phải biết; làm ra cách khoa-trương khác nào như cho là thiên-hạ không đủ trí khôn mà phân-biệt được cái đẹp xấu đâu vậy.

(1) xem Nam-Phong số 130.

Cái dáng-bộ bề ngoài cũng không nên kiêu-sức mà tập những cách không hợp với tuổi mình, không hợp với địa-vị mình; thứ nhất là đừng nên làm ra mặt khinh-rẻ những đồ-vật hay những trò-vẽ mà kẻ khác đương lấy làm vui, làm thích. Lại cũng không nên làm ra mặt thiên-trọng cái ý-kiến của mình quá, tựa-hồ như tỏ cho thiên-hạ biết rằng mình sành hơn họ, mình xem-xét phán-đoán đúng hơn họ.

Sự kiêu-sức thực là một cách vung-về. Kẻ làm kiêu-sức, bản-lâm không có cái xấu gì, và kẻ cũng nên khoan-dung cho họ. Đừng cho cái thói ấy là quan-hệ gì, vì nếu không thì có khi đối với kẻ vô-lâm làm cách rớm, cho là họ có cái dã-tâm ngạo-mạn gì, như thế thì oan cho họ quá.

Nếu thấy một người bạn có cái tính kiêu-sức, thì nên dùng cách như thế này mà sửa dần cho người ta khi nói chuyện, nói những câu chuyện tầm-thường bình-dị, câu chuyện không cần phải dùng những lời nói cao-ký, những ý-tưởng xã-xói gì cả, ai cũng phải cùng một ý-kiến như thế để cho họ không thể lập-dị được nữa mà cũng phải đồng-ý với mình. Thế rồi dần dần mới nói đến những chuyện cao-xa hơn. Nghĩa là tập cho họ giữ lấy tự-nhiên, dần-dần họ không biết mà rồi dần dần đi được.

Nói về sự tác-thái

Nhân kiêu-sức mà rồi thành ra tác-thái (pose) dễ lắm. Tuy-nhiên, sự kiêu-sức chỉ là một cái thói rớm mà thôi, chứ sự tác-thái thì thật là một cái tật xấu. Tật xấu ấy không chỉ là đi thì thành hẳn một cái bệnh phong-xã-hội, kẻ thức-giả không thể dung được, khiến cho người nào mắc phải bệnh ấy thành ra một hạng ngạo-khả ô.

Kẻ tác-thái là muốn cho bao giờ, việc gì cũng tỏ ra hơn người. Phán-đoán hơn người, nói-nâng hơn người, hình-dung thái-dộ hơn người, điều phải lẽ trái cũng biết được sáng-suốt hơn người. Tựa-hồ như mình là một giống người cao-thượng hơn kẻ bình-thường vậy. Kẻ tác-thái vẫn ngạo-mạn, kiêu-căng, tự-cao, tự-dại, hay giả-trá, hay nói dối, và những cái tính-tình tư-cách tối-đẹp đó (t) nó vừa ngụ ở trong lòng, nó lại vừa lộ ra ở ngoài mặt.

Một sự cử-dộng của kẻ tác-thái là tỏ ra một cách kiêu-căng vô-hạn, tựa-hồ như là gồm được cả nhân-gian vũ-trụ vậy. Ngâm điều thuốc-lá hút, nhìn khói thổ-nghê, họ cho là cũng quan-hệ như phát-mệnh được một đại-chân mới vậy. Cách họ ăn-mặc cũng là khác người thường, có những đặc-sắc không ai bắt-chước được. Dáng-bộ cử-chỉ bao giờ cũng có cái vẻ phiến-phức, có cái ý cao-ký. Khi đi thì nên gót xuống đất rầm-rầm. Mắt không có tật-bệnh gì, bắc đôi nhỡn-kính lên, có khi theo «mốt» lại đeo kính một mắt nữa, tưởng thế mới là có oai, thế mới là tôn cái vẻ con người vậy.

Người đàn-bà tác-thái, thì người khác làm cái gì, nhất-thiết khinh-bí cả. Tự mình thì thay hình đổi dạng, dùng hết phương hết thuật để làm cho mình khác người hơn người, khiến cho công-chúng phải hoan-nghehnh, phải bái-phục. Phạm tư-tưởng, hành-vi, cử-dộng, đều có cái ý kiêu-ngạo, muốn huỷ-hách công-chúng cả. Đàn-bà như thế, thật là cái ách cho xã-hội.

Đẹp lòng xã-hội

Muốn được đẹp lòng xã-hội, thì dù hình-dung diện-mạo thế nào mặc lòng, phải nên đem cách thành-thực mà giao-liếp với xã-hội, nghĩa là đừng có cái bụng muốn đánh lừa xã-hội về phẩm-giá mình. Trang-diễn

một đôi chút để làm cho tôn cái vẻ tự-nhiên lên và để đối-đãi với xã-hội cho xứng-dáng. xã-hội cũng vui lòng như thế. Vì sửa-sang dáng-dấp mình cho được bóng-bẩy để coi, rồi mới ra tiếp-kiến xã-hội, thế là tỏ lòng tôn-trọng xã-hội, xã-hội tất phải bằng lòng.

Nói tóm lại, người ta chăm-chút sửa-sang cho hình - dung diện-mạo, tức cũng là một cách giữ lễ-phép đối với xã-hội. Xã-hội tất cũng lượng biết cho, khác nào như người bạn ta đến thăm, cảm cái bụng ta ân-cần quý-trọng vậy. Còn những cách miễn-cưỡng, cách lập-dị, cách kiêu-sức, cách tác-thái, nghĩa là làm mất vẻ tự-nhiên, làm sai cái ý thành-thực đi, thì xã-hội không ưa cả. Cái thái-độ thành-thực, dầu có sơ-sàng bộc-trực một chút, xã-hội cũng rộng dung. Chứ những cách giả-dối thì không chịu được. Thà rằng không biết còn hơn là làm rởm. Không biết thì vô-tri vô-trách, chứ biết mà làm sai đi, làm ngược đi, làm lạ đi, làm quá đi, thì là có ý đánh lừa xã-hội, mang cái bụng xấu đối với xã-hội, xã-hội tất không dung.

Muốn được đẹp lòng xã-hội, thì phải đem cái « nét mặt lương-hảo » (*bonne figure*) đối với xã-hội. Người ta nói: *Trông mặt mà bắt hình-dong*. Nét mặt để coi, ấy là một cách giới-thiệu ngầm với xã-hội đó. Nay muốn cho nét mặt để coi, thì tự mình phải làm ra vẻ bằng lòng cái nét mặt của mình mới được, nghĩa là đừng nên tri-trá mà làm cho nó khác đi. Đối với xã-hội phải có con mắt thành-thực sáng-suốt, nét mặt vui-vẻ tươi - cười, như là sẵn lòng khoan-nhân hữu-ái với mọi người. Có muốn làm dáng làm dõm một chút cũng không hại gì, nhưng nên thanh-thanh thoan-thoát mà thôi, khác nào như con ong hút nhị hoa để làm mật, không có làm cho bông hoa tàn-tạ bao giờ.

Cách đi, cách đứng, nên cho ung-dung vững-vàng. Đi chỗ nọ sang chỗ kia, đừng nên ra cái dáng lẩn-lút như người trốn-tránh. Khi đi vào, phải nên đường-hoàng chừng-chắc. Cách cử-động đừng nên có cái vẻ hăm-hù hay ngượng - ngáp. Nói tóm lại là đối với xã-hội bao giờ cũng phải có nét mặt tự-nhiên vui-vẻ vậy.

Thế nào là người có tư-cách giao-thiệp?

Thường nghe thấy thiên - hạ khen nhau: « Ông này nhã lắm, bà kia nhã lắm. »

Lời khen đó, ai cũng biết là khen những người có tư-cách giao-thiệp trong xã-hội, tức là có cái tư-cách « xã-giao » (*mon ain-sociable*) vậy. Người nhã là người chuyện-trò vui-vẻ, đàm-dã, khiến cho người ngoài sẵn lòng yêu-mến mà chẳng lấy để làm bạn-bè. Ai đã được lời khen là người nhã, thì có thể tự cho mình là đã có đủ tư-cách ra giao-thiệp với xã-hội vậy.

Tuy-nhiên, người có tiếng là nhã-nhận, có khi chỉ là người khéo biết chiều lòng thiên-hạ, chứ chưa tất đã được hoàn-toàn cái tư-cách xã-giao.

Nhà xã - giao (*l'homme du monde*), không phải chỉ nhã-nhận mà thôi, lại còn có một cái duyên riêng nữa, khiến cho ai cũng phải yêu-chuộng. Cách ăn-ở, cử-chỉ, nói-năng, ăn-mặc, cho đến miệng cười đáng đi, đều thấy có cái duyên như thế cả. Chỉ nhìn mặt cũng đã có cái cảm-giác rằng người ấy không phải là người ở một mình lúc nào cũng như sẵn-sẵn ra giao-tiếp với kẻ đồng-loại mình, sự lễ-phép đối-đãi với người, mưu-đem tư-tướng, đem việc làm của mình trao-đổi với người, thấy người vui-vẻ thì người khổ-sở thì sẵn muốn chia sẻ chia buồn với người.

Hoặc-giả nói những người như thế tất là người nông-nổi, đối với ai cũng là bè-bạn cả, đối với ai cũng sẵn lòng giúp cả, thì cái cảm-tình ấy không thể thâm-trầm được; những người ấy không phải là người có thể tin cậy được những khi hoãn-cấp.

Tuy vậy mặc lòng, người có tư-cách xã-giao, thì trong cuộc giao-ế với xã-hội, tất có phần dung-dĩ hơn người khác, và cũng có phần ích-lợi cho xã-hội nhiều vậy.

Người cô-độc quả-giao, chỉ biết ngồi đau-dầu nghĩ ngợi một mình, như nhà triết-học hay là nhà khoa-học, chuyên-tâm nghiên-cứu những điều có ích-lợi cho cả loài người, thì cũng đáng cho thiên-hạ kính-phục thật, nhưng mà cái tính cô-độc ấy tất làm cho kém mất cái tư-cách xã-giao đi và nhiều khi thành ra con người bế-cận nhàn-tĩnh. Như thế cũng là không hay lắm.

Hoặc nhân sự giáo dục hay nhân vì chức-nghiệp của mình, thường phải cách-biệt với xã-hội, thì cũng nên thừa những lúc nhàn-hạ mà giao-du với kẻ đồng-loại mình. Đừng nên tìm những nơi lịch-mịch, đừng nên chơi với những người quàng-quần, đừng nên chỉ quanh-quẩn trong vòng rầm ba kẻ bạn thân, đã quen biết nhau lắm, muốn đối-dãi với nhau thế nào cũng được. Cũng đừng nên qua lại những nơi tiêu-diêm, ca-lầu, để cùng với những bạn làng chơi trao-đổi những câu chuyện sỗ-sang thô-tục.

Hoặc-giả lại nói rằng nhà xã-giao đi vào đâu vẫn có cái vẻ ung-dung lắm. Cũng có lẽ thế; nhưng phải biết rằng nhà xã-giao không phải chỉ nào cũng đi, và đã đi đến chỗ nào là những chỗ đáng đi cả, cho nên đi đến đâu cũng có cái vẻ ung-dung; và lại tự biết rằng đời mình sáng-sủa, không cần điều gì phải giấu-giếm, không sợ có mặt người

đời xem-xét mà có điều gì phải đến hồ thẹn vậy.

Nhà xã-giao từ khi mới bắt đầu giao-thiệp với xã-hội cho đến tuổi già, bao giờ vẫn giữ được cái tính thích giao-du, ưa bè-bạn, dù ở kẻ-chợ hay ở nhà quê, ở nơi doanh-nghiệp hay ở chốn học-hành cũng vậy. Vì người có tính hiếu-hữu không phải tất-nhiên là người lười biếng đông-dại, thường lại là người chăm-chỉ trong việc làm-ăn học-hành vậy.

Người dân-bà cũng có người giàu cái tư-cách xã-giao, cũng có người ít tư-cách ấy. Như những người có con cái nhiều, thường lấy cớ rằng phải trông nom cửa-hà, dạy bảo con-cái, nên phải nhãng-bỏ các việc xã-giao. Nhưng xét cho kỹ, cớ ấy nhiều khi cũng không được chánh-dáng, và thường thường những người dân-bà thiếu cái nghĩa-vụ xã-giao đó là bởi tính lười-biếng trễ-nải cả.

Người dân-bà dù bận-bít về công việc nuôi-trợ thế nào mặc lòng, cũng không thể cả ngày giam mình ở trong bốn bức tường nhà được. Sự giao-du với kẻ đồng-loại là sự ích-lợi cho người ta nhiều lắm, dù dân ông dân bà cũng vậy. Vậy các bà dẫu không có cái tư-cách xã-giao, cũng phải nên tập lấy cho có. Phải thường đi lại những chỗ quen biết; người lịch-sự, thường có ngày tiếp khách riêng; chỗ bạn-bè mình, những ngày ấy phải nhớ mà đến thăm hỏi; tự mình cũng phải chọn lấy một ngày tiếp khách cho người ta biết mà đến chơi.

Suốt đời từ trẻ đến già, phải học-tập lấy những cách lịch-sự luôn, vừa dễ đối với bản-thân mình, vừa dễ đối với chỗ bạn-bè mình đi lại, vừa dễ làm gương cho con-cái sau này. Sự học tập đó cũng là một cách giáo-dục cho mình, mà cách giáo-dục ấy thì phải có giao-tiếp

với kẻ khác mới được, có giao-tiếp với kẻ khác mới đoàn-luyện được cái trí phân-đoán của mình, mà phân-biệt được cái hay cái dở của người ta.

Phải nên sửa mình luôn

Có nhà hiền-triết đã nói rằng: « Xét đến sự khuyết-diểm của kẻ khác thì mắt ta sáng như mắt con cật, mà xét đến sự khuyết-diểm của chính mình thì lại lờ-dờ như con chuột cống vậy. »

Câu ấy nghĩa là thế-giao hay có tính khắt-khe đối với ta, mà tự ta thường không biết cần-thận để giữ mình.

Ngay trong cuộc xã-giao, nhiều khi vì xét lầm mà đến ngộ-sự. Có người cậy mình rằng đã quen cách giao-thiếp rồi, lấy làm dung-dĩ không để ý, thành ra đến trễ-nãi sơ-suất, khiến cho những kẻ yêu-quí mình rồi dần dần cũng phải chán. Đã được xã-hội hậu-dãi mình mà đối lại sơ-suất như thế, tức là một cách xử bạc với xã-hội. Cách sơ-suất đó thường phát-biểu ra ở những sự cử-chỉ sơ-sàng, dường như cho là mình đối với xã-hội không cần phải bắt-buộc theo lễ-phép như kẻ khác vậy.

Lệ thường việc gì làm mãi rồi thành nhàm đi, khi làm không có dụng-tâm nỗ-lực như hồi đầu; những cái cảnh-tượng mãi trông thấy cũng vậy; trông mãi thành nhàm đi, rồi sau không để ý đến nữa. Đó là cái hiềm-tượng cho người ta trong cuộc giao-tiếp với xã-hội; hằng ngày giao-tiếp với kẻ đồng-loại mình, rồi tựa-hồ như cũng thành nhàm đi mà không để ý xét mình xét người nữa, thành ra không biết sửa mình, đến có khi sơ-suất.

Người nào ra giao-tiếp với xã-hội, may mà được xã-hội chiều-chuộng yêu-quí, cũng đừng tưởng mình thế là đã tới bậc tuyệt-phẩm rồi, muốn đối lại với xã-hội thế nào cũng được, không cần phải cần-thủ gì nữa.

Không kể những kẻ ham danh-lợi khi đã được vẻ-vang rồi thì lên mặt kiêu-căng, không coi ai ra gì cả; còn thường thấy những kẻ xuất-thân bần-tiện mà nhất-dán được giàu sang, tức thông-tục gọi là kẻ « đột-khởi » (parvenu), liền quên hẳn cái tung-tích hèn-vi của mình, đối với xã-hội ra mặt ngênh-ngang ngạo-nghe, thật là khỗ-đ.

Sự khuyết-diểm của người ta thì vô-cùng, không biết đâu mà kể. Không những có điều mình không biết mà không sửa được, lại còn có điều sơ-suất mà phạm phải nữa. Mà phạm người ta, muốn cho trọn cái tư-cách xã-giao, thì không được sơ-suất một chút nào, nhất-cử nhất-dộng, phải cho rất mực thân-trọng.

Vẫn biết rằng người thành-thực nhũ-nhận, thì ai cũng sẵn lòng yêu-quí. Vào trong xã-hội, hình như đã sẵn có cái sức tín-dụng, không ai có bụng ngờ gì mình. Người đàn bà cũng vậy; người doan-chính, từ cách ăn-ở cho đến cách đi đứng, không có điều gì có thể chê-trách được, thì cũng có cái quyền được xã-hội tín-dụng như thế. Tuy-nhiên, không nên quá cậy ở cái quyền đó, mà rồi đột-nhiên phạm phải một điều sơ-suất gì thì nguy! Càng những người xã-hội không ngờ là có thể sơ-suất được mà thành ra sơ-suất thì sự sơ-suất ấy lại càng quan-hệ lắm.

Vả lại, ai lại không biết rằng người ta, đàn ông hay đàn bà, hay có cái khuynh-hướng tự-nhiên muốn tìm có tìm lẽ để che đậy cho những điều khuyết-diểm, sự sai-lầm của mình? Nay sự giao-tiếp trong xã-hội, sinh ra cái bụng lúc nào cũng muốn làm cho được đẹp lòng xã-hội, tức là một cái kỷ-luật tốt cho người ta, vì có thể khiến cho tâm-trí thông-phải mình-mẫn để phòng-bị những điều sai-suyễn bởi sự tương-tượng với lòng duy-kỷ, hay bởi tình-lương, kính mà sinh ra vậy.

Ở đời không những phải nên tự biết mình, lại phải nên tự kiểm mình nữa. Nếu biết chăm-chút sửa mình luôn luôn như thế, thì tất mọi bề đều được ích-lợi cả, vừa ích-lợi cho mình vừa ích-lợi cho kẻ khác vậy.

Tính tự-phụ không phải là không hay

Ai cũng cho tính tự-phụ hay là lòng tự-ái (*amour-propre*) là xấu, vậy mà không phải là không có điều hay, vì tức cũng là một cách tự-trọng vậy.

Tuy thiên-hạ thường cho tính tự-phụ là tự cái bụng duy-kỷ mà ra, nhưng nhiều khi tính ấy cũng giúp cho nhân - cách ta tăng cao lên được.

Vậy thì phải biết rằng tính tự-phụ nếu tỏ ra khinh-bĩ kẻ khác thì là một tính xấu thật. Người biết tự-trọng mình thì không có khinh-miệt kẻ khác bao giờ, vì mình đã biết tự-trọng tất phải cho kẻ khác cũng có quyền tự-trọng.

Chỉ có người phù-phiếm mới hay có tính nhạo-bàng kẻ khác, để muốn tỏ ra mình khôn-ngoaan tài-giỏi hơn người.

Còn kẻ tự-trọng thì không có bao giờ lập-tâm phản-đối người khác, vì tự mình đã biết qui-trọng mà yêu-cầu lấy cái quyền được tự-do tư-tưởng, tự-do phán-đoán, thì quyền ấy cũng phải sẵn lòng để cho kẻ khác.

Lòng tự-phụ chánh-dáng, là đủ khiến được cho người ta không bao giờ chịu khuất-tất để hạ mất cái phẩm-giá của mình đi. Phàm những cái tình-ý mà mỗi khi lộ ra ở người nào đủ làm cho người ấy mất cái lòng quý-chuộng của xã-hội, thì kẻ tự-phụ biết giữ-gìn cho khỏi mắc phải.

Người ta ở trong xã-hội thì không phải đem một cái thái độ rất ôn hòa để lấy lòng xã-hội, nhiều khi ôn-hòa quá đến không khỏi hại đến phẩm-giá của mình.

Lòng tự-phụ tức như cái máy điều-độ cho sự ôn-hòa đó khỏi đến tự-hạ quá. Ví như đối với một người có quynh-thể, vì lòng cầu-cạnh hay vì thói hư-vinh, muốn được đẹp lòng người ta, bèn dùng những cách siểm-mị để lấy lòng. Nếu có tính tự-phụ, lòng tự-ái, thì không bao giờ chịu làm như thế, không chịu làm một điều gì là trái với lẽ chính-trực, có thể làm giảm mất cái giá-trị của mình đối với mình vậy.

Người ta phải có tính dễ-dàng cho được lòng xã-hội, cái đó đã cố-nhiên rồi. Những không nên dễ quá đến không từ một cách gì dễ cố cho được lòng xã-hội. Có một cách rất nguy-hiểm, là cách siểm-mị, vì cách này vừa phạm đến cái phẩm-giá của kẻ dùng, vừa phạm đến cái đức khiêm của kẻ được vậy.

Bởi thế nên tính tự-phụ, nếu không quá mà biến ra cái lòng ích-kỷ hay cái thói hư-vinh, thì cũng là một tính hay trong cuộc giao-tế xã-hội. Người có tính đó thì giữ được cái quyền độc-lập của mình, không bao giờ chịu khuất-tất với kẻ khác. Người đàn bà cũng có thể nhờ cái tính đó mà giữ được oai-quyền của mình, dù được công-chúng khen-lao, cũng biết lấy làm thú, nhưng không vì đó mà ngộ-nhận vậy.

Không nên có tính chấp-nệ

Tính chấp-nệ (*susceptibilité*) không phải là một tính cao-thượng gì. Chẳng qua cũng là ở cái tính tự-phụ quá mà thành ra, không phải là hay - ho gì, vì có thể làm giảm mất cái tư-cách xã - giao của người ta, khiến cho ai mắc phải tính ấy có khi thành ra con người bất-cần nhân-tình.

Người chấp-nệ thì chỉ tự làm khổ cho mình, vì hề nghe thấy câu gì không phải là lời khen mình, liền lấy làm phiền lòng ngay, và phạm đối với tình-ý, việc làm hay lời nói của kẻ khác.

nhất-nhất để ý xem-xét từng tí, thành ra không bao giờ được bằng lòng mãn-ý cả. Nhân đó rồi dần dần thành ra cái tính nghi-ngờ và đối với ai ai cũng là bi-quan hết cả.

Về phần xã-hội, thì ai cũng ngại không muốn giao-tiếp với kẻ có tính chấp-nệ, vì bao giờ cũng chỉ nơm-nớp sợ mất lòng họ. Một lời nói thường, một câu lẽ-lối theo cách lễ-phép thường, không có ý-tử gì, họ cũng đem ra mà phân-tích, cũng thấy có chỗ chấp-trách được. Thành ra ai cũng sợ không muốn đến gần, khiến cho họ đối với người đời lại càng bi-quan hơn nữa.

Kẻ chấp-nệ có một cái bệnh thông-thường như sau này, là đối với người ngoài hay xét-nét từng cái thái-độ cùng cách cử-chỉ của người ta mà cố dò lấy ý-tử người ta thế nào.

Như có người quen mình đi qua gần đấy, tưởng rằng họ có trông thấy mình rõ-ràng, mà họ không chào, không nên lấy thế làm mếch lòng; đứng tưởng rằng họ có ý khinh-mạn gì mình đâu. Hãy đợi xem một lần sau nữa họ có chữa lại sự thất-lễ đó không, hay là lại làm như thế nữa. Cũng có lẽ là họ không trông thấy mình. Nếu như vậy thì chính mình là có lỗi với người ta, vì đã vội cho người ta là thất-lễ.

Người có tính chấp-nệ thì việc chẳng vào đâu cũng thành điều tức-gian được. Như họ không ưa một người nào, mà ngẫu-nhiên mình đứng nói chuyện với người ấy, thì tức-khắc họ đem lòng oán mình ngay, coi mình cũng như kẻ thù của họ vậy.

Ngồi bàn ăn định chỗ trên chỗ dưới, đến tiếp chuyện ngồi lâu hay ngồi chóng, cuối cái thư viết câu lẽ-lối hoặc không được tôn-trọng cho lắm, đó toàn là những cái có làm cho kẻ chấp-nệ không bằng lòng cả.

Xem như thế thì những kẻ chấp-nệ ấy thực là một cái trở-lực to cho cái hòa-khi trong cuộc xã-giao vậy. Vậy ta đối với họ, mỗi khi thấy họ mếch lòng điều gì, nên nhẫn-nhục mà chiều lòng họ, nên giải rõ cho họ biết cái thái-độ của ta thế nào. Còn về phần ta thì nên cố giữ mình cho khỏi mắc phải cái thói chấp-nệ đó, rồi lại còn hại cho cuộc xã-giao hơn là tính lãnh-dam vậy.

Tính tự-cao không phải là không tốt

Tính tự-cao còn hơn tính tự-phụ một tầng. Kẻ thì không phải là tính tốt gì, nhưng có khi ta cũng phải phục. Người ta mà kiêu-căng đối với kẻ kém mình thì khả-ố thật, nhưng cái tính tự-cao nhiều khi là cái đặc-tính của con người khảng-khải. Còn những kẻ chỉ biết làm bộ-dạng cao-kỳ thì kẻ ấy thiên-hạ đều cho là kẻ róm.

Nghĩa là tính tự-cao, muốn cho được chánh - đáng, phải là một cái trạng-thái cao-thượng của lòng tự-trọng, sinh ra những cái chí-khí cao. Chí-khí ấy là đáng quý đáng trọng, vì người có chí-khí cao thì không những có oai-quyền đối với kẻ khác, lại có oai-quyền đối với chính mình nữa, khiến cho mình biết nỗ-lực để cho được sự tôn-trọng của kẻ khác.

Lòng tự-cao chánh-dáng là ở cái chí muốn cho sự-nghiệp danh-dự của mình mỗi ngày một tăng cao lên. Ở người vốn có tâm-địa thanh-cao, thì tính tự-cao không phải là một tính vô-ý-thức, vẫn biết điều-hòa với các tính-tình tốt, với sự tín-ngưỡng hay, với cái tư-cách xã-giao nữa. Nói tóm lại, tính tự-cao bề có cái mục-dịch xứng-dáng và dùng những phương-tiện chính-trực, thì là nên lắm, có thể khiến cho công-phu người ta được tuần-tự và kết-quả được mỹ-mãn vậy.

Thường nghiệm ra cái tính hư-vinh nó làm cho người ta rụt-rè sợ-hãi, mà tính tự-cao thì lại làm cho người ta phẩn-phát tự-cường.

Kể kiêu-ngạo thì chúng-nhân đều ghét. Chứ người tự-cao có công-phu, có chí-khí, thì hoặc-giả cũng có kẻ sợ, nhưng người biết ai cũng quý. Duy cái tính tự-cao có một điều phải kỵ, là không nên tự-tôn quá đến coi kẻ khác không ra gì cả.

Phải thường giữ lấy hòa-khí

Nay ta hãy dời cái đạo-lý mà vào cõi thực-tế. Người ta phải giữ cho thân-thể được sạch-sẽ, phải trang-sức cho đẹp-đẽ, rồi mới ra giao-tiếp với xã-hội; về thân-thể như thế thì về tinh-thần cũng phải như thế, cũng phải trau-giồi tâm-tính cho sắc-xảo đậm-dà rồi mới mong ra chiếm được địa-vị cao-quí trong xã-hội.

Về đẹp về tinh - thần cũng như về đẹp về thân-thể, phải biết khéo phô-bày ra thì nó mới tôn lên được.

Cái vẻ đẹp tinh-thần quý nhất cho cuộc xã-giao, là cái hòa-khí, nó làm cho người ta đến gần hình như vui-vẻ ấm-áp đến đấy. Người có hòa-khí thì ai cũng muốn đến gần, ai cũng có bụng yêu. Còn người hay cau-cắt, hay gắt-gồng, hay ứ-dột ầu-sầu, thì ai cũng muốn tránh cho xa, không đến gần làm gì.

Có kẻ độc miệng đã nói rằng người ầu-sầu cũng như người có tang-trở, phải nên lánh xa xã-hội, để khỏi đem cái cảnh-tượng khổ-nạn của mình làm giảm-mất cái thú giao-du của người ta đi.

Người có hòa-khí thì xã-hội sẵn lòng tin ngay, và tự-nhiên sinh ra lòng yêu mến, dễ gây nên bạn bè thân-mật, chứ người ứ-dột thì bất-đắc-dĩ người ta mới phải giao-tiếp với mình, ít ai hứng muốn kết bạn.

Có hòa-khí vui-vẻ, không có hại gì cho cái thái-độ nghiêm-trang, không làm giảm-mất cái uy-nghi của người ta đi được, mà lại tỏ ra cái tư-tưởng lạc-quan đối với sự đời, đó tức là một cách dễ được thành-công ở đời vậy.

Vả lại nhân mình có sự chẳng may, sự bất-bình, mà làm ra cái mặt hờn giận như muốn đổ cái trách-nhiệm ấy cho những người mình giao-tiếp, thì thật là vô-lý quá. Cho nên đem nét mặt vui-vẻ tươi-cười mà đối với xã-hội tức là một cách giữ lễ-phép với xã-hội đó mà thôi.

Dù có cái cơ đáng than-trách sự đời nữa, mỗi khi ra giao-tiếp với xã-hội, cũng nên gác bỏ cái lòng oán trách ấy một chỗ mà sửa lấy cái mặt hòa vui để đối với xã-hội.

Nói tóm lại là phải làm thế nào cho có cái vẻ khả-ái, khiến cho đi đến đâu người ta cũng có bụng yêu-quí, tựa-hồ như thêm vui thêm thú cho xã-hội vậy. Mỗi năm mùa xuân đến thì khí trời ấm-áp, lòng người hớn-hở, người ta trong cuộc xã-giao cũng phải tập lấy cho có cái vẻ xuân-phong hòa-khí đó.

Dù khi nói những chuyện cao-nghiêm, cũng vẫn giữ cái nét mặt vui-vẻ được. Cái cười nụ vốn nó duyên-chuyển mềm-mại lắm, diễm vào nét mặt nào, vào cảnh-ngộ nào cũng được cả. Như đến xin việc làm, hay là đến nhờ người ta làm ơn cho một việc gì. Đứng vào địa-vị đó thì cần phải có cái vẻ khiêm-tốn, nhưng không tất-nhiên là phải đeo cái mặt buồn-rầu. Đem những nông-nổ vô-duyên trắc-trở của mình mà kể-lẽ lời-thối, không những không mong động lòng thương người ta, mà có khi lại làm cho người ta phiền lòng nữa. Còn người chủ mình đến xin việc thì trông thấy cái mặt tẻ ngắt của mình người ta đã chán ra rồi, còn muốn cho vào nhà người ta làm gì nữa.

Phải khoan-dung với người

Giao-tiếp với xã-hội lắm khi cũng phải gặp nhiều sự lạ - lùng. Có khi thấy thiên-hạ đổ xô vào khen một người nào, mà mình lấy làm kinh-ngạc, đến tự hỏi rằng không biết thiên-hạ điên hay là tự mình điên, khác nào như trông thấy một cái cảnh-tượng mình cho là ghê-gớm bất-nhãn nhìn mà thiên-hạ lại đứng như lấy làm khoái-tra lắm.

Những sự lạ-lùng đó là chính bởi cái lòng khoan-dung vô-hạn của người ta phải đối-đãi với nhau ở trong xã-hội, dù trông thấy cái xấu cái rởm, thấy sự ngang tai chướng mắt cũng phải làm ngơ đi hết cả; sự khoan-dung ấy tập mãi thành thói quen, biến thành một cái lạc - quan - chủ - nghĩa riêng trong cuộc xã-giao vậy.

Trong đám hội-hữu, có khi phải ngồi chịu chuyện với một kẻ dơ-dở ương-ương, ngang như cua, gàn bát-sách, mà mình cũng phải nhẫn-nhục, làm ra như mặt vui-vẻ mà nghe, là vì phép lịch-sự bắt phải như thế, để cho khỏi hại đến cái hòa-khi trong xã-hội.

Gặp khi khác thì cái tính tự-phụ của mình không bao giờ chịu như thế, nhưng trong cuộc xã-giao thì thế nào cũng phải chịu, và đối với những cái xấu, cái rởm cái dở, cái gàn của kẻ bằng vai với mình, phải một lòng khoan-dung vô-hạn.

Sau khi nghe một câu chuyện dở hơi hay là bị một cách cử-chỉ bất-lịch-sự của người nào, cũng không nên phản-nản trách giận; chỉ nên sau này tránh cho xa cái người dở-hơi, kẻ vô-lẽ đó mà thôi.

Nói tóm lại thì phép lịch-sự trong cuộc xã-giao bắt-buộc người ta đối với nhau phải có một cái lòng khoan-dung đặc-biệt. Ở trong xã-hội, chỉ nên chú-ý đến sự vui-thú, tốt-đẹp mà thôi. Còn

ngoại-giã nên làm ngơ đi hết cả. Bởi có lòng khoan-dung đặc-biệt như thế, nên người ta mới chịu được lắm điều khó chịu ở trong xã-hội, là cốt để giữ lấy cái hòa-khi và cũng mong để thu lấy cái cảm-tình của xã-hội vậy.

Nói về tính khiêm-tốn

Người ta thường nói cái « đức khiêm », vậy thì sự khiêm-tốn cũng là một cái đức hay, nhưng biết được là một cái đức hay cũng là một cách khôn-khéo ở đời vậy. Người biết thành-thực khiêm-tốn, nghĩa là không bao giờ ngạo-nhiên ra đối-dịch với kẻ khác, thế là người khéo tuyệt.

Nếu mình có tài thật thì cần gì phải tuyên-bố lên. Sớm trưa thế nào người ta cũng biết, và để cho thiên-hạ tự biết và tự công-nhận lấy, có phải vừa khoái cho mình, mà vừa khoái cho cả thiên-hạ không? Vì người biết tài mình có thể tự-phụ là có con mắt sành như phát-m nh ra được-cái tài ấy, còn về phần mình thì tự mình không phô-phang mà người ta biết đến, thế có phải là thỏa cả hai bên không? Chẳng hơn là tự mình khoa-trương, nhiều khi chỉ khiến cho người phản-đối lại?

Những người có tư-cách xã-giao thường biết khéo lợi-dụng cái đức khiêm-tốn đó mà tự-nhiên chiếm được địa-vị cao-qui trong xã-hội. Người làm văn, kẻ làm sách, nhà hội-họa, nhà diễn-kịch, cho đến nhà chính-trị, nhà doanh-nghiệp nữa, mỗi khi thành-công đắc-thắng mà được xã-hội chúc-tụng khen - lao, bấy giờ lại càng phải cần đến cái đức khiêm-lâm. Nhận lời khen của người ta mà bao giờ cũng tìm được cái cớ gì để tỏ ra rằng mình chưa được xứng-dáng, ấy chính là một cách khôn-khéo ở đó. Vì trong lời khen của thiên-hạ, vị-lai đã là lời thành-thực cả, vị-tất là không có một cái ý ghen ở đấy. Nếu mình

cử khiêm-tốn nhũn-nhặn như không, thì tức cũng là một cách làm cho cái lòng ghen ấy không lộ ra được. Và lại cái danh-dự của xã-hội vẫn không hay được bền. Có người xã-hội hoan-ngheh hôm nay mà ngày mai mặt-sát cũng có. Cho nên giữa lúc thành-công đắc-chí, không nên dương-dương tự-đắc, vì dư-luận vốn thất-thường, đem người ta lên cao mà cũng hạ người ta xuống thấp được ngay đó. Nếu giữa lúc đắc-chí mà vẫn một vẻ khiêm-tốn lễ-nhượng, thì dù có ngày thất-sủng với xã-hội, xã-hội cũng lượng mà biết cho.

Người nào nhờ được cái « mốt » lưu-hành trong xã-hội mà được xã-hội cổ-vô hoan-ngheh, nên biết rằng phẩm cái « mốt » chỉ được nhất-thời mà thôi và không nên lam-dụng. Người có tài cũng không nên trở tài ngay một lúc, vì dẫu có thể làm cho người ta phải khiếp-phục nhất-thời, nhưng chẳng bao lâu sẽ có cái phong-trào phản-kháng lại, sự khoan-nghênh trước càng đậm-dà bao nhiêu thì sự phản-đối sau lại càng kịch-liệt bấy nhiêu. Cho nên trong phép xử-thể, biết dùng cái đức khiêm, chính là một cái thuật khéo vậy.

Nên giữ lấy nét mặt ôn-hòa luôn

Phép lịch-sự trong xã-hội bất-buộc người ta mỗi khi ra giao-tiếp với người phải giữ lấy nét mặt điềm-tĩnh ôn-hòa luôn, không để cho lộ ra có sự căn-động gì ở ngoài.

Ta thường thấy những kẻ giao-thiệp thao xữ vào cơ-hội nào cũng làm ra được nét mặt cho thích-hợp, và gặp những sự kích-thích khó chịu cũng vẫn giữ được điềm-nhiên như thường; điều đó không lấy gì làm lạ, là họ đã biết tập thành thói quen vậy.

Có người vừa đi đưa đám ma về, liền vào một nơi « sa-lông » vui-vẻ, mà

nét mặt vẫn như thường, không có lộ ra sự buồn-rầu căm-động lúc mới rồi.

Lại có người tình-cờ dừng đối-diện với kẻ thâm-thù xưa nay, mà nét mặt vẫn tươi-cười, không có lộ ra một cái ý bất-bình gì cả, cho người ngoài biết được cái bụng căm-giận của mình.

Những người giữ được cái thái-độ điềm-tĩnh ôn-hòa như thế, là những người giàu cái đức kiên-nhẫn vậy. Người ta vào trong xã-hội giao-tiếp cũng phải vì xã-hội mà hi-sinh mình đi một chút, dẫu trong lòng có sự buồn-rầu thất-vọng cũng không nên để lộ ra ngoài, và phép lịch-sự bất-buộc bao giờ cũng phải có nét mặt điềm-tĩnh ôn-hòa.

Bà chủ nhà tiếp khách đến chơi hay mời khách ăn tiệc, nghe thấy họ thì-thào bình-phẩm mình, nào là nhà-cửa không đẹp, nào là cỗ-bàn không khéo, có khi lại nói xấu đến nhà sắp vợ hay người đã hết duyên, thế mà vẫn giữ được nét mặt điềm-nhiên, cứ mời chào vui-vẻ như thường, ấy mới là con người đã sành cái thuật xã-giao vậy.

Người biết giữ được bình-khi, có khi gặp vận kiền mà rồi lại khôi-phục lại cái địa-vị cũ được. Thường thấy người trước vầu giao-thiệp với xã-hội nhiều, mà sau khi phải sự chẳng may, lánh biệt hẳn không trông thấy mặt nữa. Về nơi quê-mùa ăn-núp, dường như không còn chút hi-vọng gì với đời nữa. Lại có kẻ thì có triết-lý hơn, sau khi gặp phải sự chẳng may, cũng làm ra mặt lạnh đời trong ít lâu, nhưng bao nhiêu kẻ quen biết vẫn cứ đi lại riêng từng người một, không để cho đến nỗi xa mặt xa lòng mà thành ra người đứng nước lã. Những kẻ quen biết ấy rồi dần-dần người này giúp một phần, kẻ kia đỡ một việc, thành ra tự-nhiên có ngày khôi-phục được cái địa-vị cũ. Còn xã-hội thì vẫn thấy mình đi lại,

lâu ngày rồi người ta cũng quên cái việc chẳng may của mình đi, mà không ai bình-phẩm đến nữa.

Phải biết rằng xã-hội vẫn có tính duy-kỷ hẹp-hòi, đối với kẻ khổ-sở, không có biết sẵn lòng thương. Vậy ai chẳng may mà gặp bước khó-khăn, nên giữ kín cho xã-hội đừng biết đến. Khi cơn đen vận túng đã qua đi rồi, mà mình vẫn giữ được bản-sắc như xưa, thì bấy giờ không thiếu gì dịp tỏ cho xã-hội biết cái nghị-lực phi-thường của mình.

Phải nên có bụng khoan-nhân

Bụng khoan-nhân cũng là ở cách lễ-phép trong xã-hội mà ra. Cái đức khoan-nhân đây không phải là cái đức từ-bi bác-ái như các tôn-giáo dạy đâu, chỉ là cái tính tự-nhiên của những người có giáo-dục về đường xã-giáo, biết đối-dãi với kẻ khác bao giờ cũng khoan-dung êm-ái, hình như chỉ cầu lấy điều hay sự tốt cho người ta mà thôi.

Người nào có bụng khoan-nhân thì vẫn là người tốt bạn, thiên-hạ vui lòng đến giao-tiếp với mình.

Nếu có bụng khoan-nhân, ân-cần từ-tế với mọi người, thì đầu không phải là người tài-trí lỗi-lạc, học-thức cao-thâm, hay là phong-nhã lịch-sự nữa, cũng vẫn có cách đẹp lòng xã-hội được, khiến cho xã-hội chú-ý đến mình, làm-thời sẵn lòng giúp đỡ mình.

Đàn bà nhiều người có cái khuyết-diễm như sau này, là đối-dãi với người, thường lấy cái địa-vị sang hèn của người ta làm tỉ-lệ cho cái lòng ân-cần nhân-hậu của mình. Như thế là vụng và có phương-hai đến cái danh-giá xã-giao của mình. Cho nên đồng-thời giao-tiếp với nhiều người, đối với ai cũng phải dãi một cách bình-dẳng hết cả. Đừng bao giờ để cho lộ ra cái lòng sở-thích riêng của mình với một người

nào, e mang tiếng là không được chính-định, có thói kiêu-hãnh, hay là người bất-lịch-sự.

Lời nói cứng-cỏi, thái-độ lạnh-lẽo, không phải là cái biểu-hiệu con người có oai-quyền gì đâu. Chỉ là cái biểu-hiệu kẻ khinh người, kẻ bạc-bẽo mà thôi. Xử bạc với người nào, sớm trưa tất có ngày phải hối, chứ khoan-nhân với kẻ khác thì không khi nào phải tiếc bao giờ.

Nếu mình khoan-nhân với người mà người ở tệ lại mình, thì phần hơn vẫn là về mình, thiên-hạ thế nào cũng biết. Có lẽ chính người ở tệ ấy rồi sớm trưa cũng biết bụng cho ta. Mà dù họ không biết đến nữa thì ta vẫn được khoan-khoái trong lòng, vì đã trọn được cái đức khoan-nhân đối với kẻ đồng-loại vậy.

Cái bụng khoan-nhân ân-cần với kẻ khác không phải là tỏ ra con người làm-thường dễ-dãi đâu. Người có bụng ấy thường là người tinh-tinh cao-thượng; lại nhiều khi là bậc thượng-lưu phong-thể nữa. Những nhà thế-gia trọng nề nếp, chủ dãi với đầy tớ, thường vẫn có bụng ân-cần nhân-hậu, hồi-han chăm-chút đến cả việc nhà cửa vợ con của họ.

Bậc cao-sang, kẻ tôn-trưởng, phải kính-trọng dĩ đành, mà đến những kẻ ti-tiện cũng phải lấy khoan-nhân mà dãi. Bụng khoan-nhân ở người ta, vốn có một cái ý-nghĩa sâu-xa, vì tỏ ra là người biết hiểu cái lý-tưởng bình-dẳng trong loài người, là một lý-tưởng quý nhất ở đời này. Lại tỏ ra là người có bụng từ-ái, cũng là một cái đức-tinh quý nhất của các tôn-giáo, các luân-lý thường khuyên dạy người ta từ xưa đến nay vậy.

Xã-hội định địa-vị cho người ta thế nào

Thường nghiệm ra xã-hội hay ưa những người phong-nhã, lịch-sự, có lễ-

nhượng, có hòa-khi, những tư-cách ấy cũng không phải là những tư-cách cao-thượng gì. Nói thế không phải là có ý chê gì xã-hội, chỉ là nghiệm cái thói thường của xã-hội như thế mà thôi.

Vậy thì khi mới ra giao-tiếp với xã-hội, muốn được lòng xã-hội và cho xã-hội chú-ý đến mình ngay, lúc xã-hội xét đã lấy làm vừa ý rồi, cho là trung-cách, có thể dự vào một phần trong cuộc giao-tế, khiến cho thêm vui thêm thú lên được, thì từ bấy giờ là ta đã có địa-vị trong xã-hội vậy. Mỗi khi ta đến họp mặt, mỗi lần ta nói câu gì, là xã-hội cũng có bụng vì nể mà để ý đến ta, từ đây ta là một phần-tử có quan-hệ với xã-hội vậy.

Ấy cái cách của xã-hội định địa-vị cho người ta như thế.

Người khôn-khéo thì biết cách làm cho khi mới vào trong xã-hội giao-tế đã được hoan-ngênh ngay, là họ thường biết truyền cái danh tiếng đi trước đã. Như khi chưa thấy người đến, đã thấy xã-hội nghị-luận đến cái tài lỗi bộ-lạc rồi. Nên biết rằng xã-hội gọi là người có tài, không cứ là những bậc tài-tử văn-nhân gì; kẻ đánh đàn giỏi, kẻ đánh bài cao, kẻ nói chuyện vui, kẻ pha trò khéo, cũng gọi là có tài cả.

Lại có kẻ quá xảo đến biết bày hẳn cách quảng-cáo trước, khiến cho khi chưa vào một xã-hội nào, đã được người ta như đợi chờ, như mong-mỏi vậy. Thường khi ở « sa-lông » nọ hay « sa-lông » kia nghe thấy người ta nức-nở khen ông này thơ tài, bà kia đàn giỏi, chưa ai được nghe bao giờ, mà hình như ai cũng sẵn lòng cho là tài hơn Lý Bạch, giỏi hơn Tử-Ky. Đó là cái cách họ khéo quảng-cáo trước cho xã-hội sẵn lòng tin vậy.

Nhưng cái cách quảng-cáo đó, là cách đánh lừa thiên-hạ, có sự nguy-

hiểm to : là đến ngày thiên-hạ biết rằng phải lừa, thì kẻ đánh lừa ấy không còn mặt-mũi nào ra với xã-hội nữa. Vì phạm sự danh-dự trong xã-hội, bao giờ cũng giục lòng ghen-ghét của kẻ khác, dẫu danh-dự chân-chính cũng vậy, huống là danh-dự giả-dối.

Cho nên rút lại kẻ thực có tài vẫn là người biết khiêm-tốn và muốn chiếm được địa-vị vững-vàng trong xã-hội thì như trên kia đã nói, cái đức khiêm vẫn là cái thuật khéo hơn cả.

Vả lại xã-hội cũng không có trách-bị người ta phải có tài-đức lỗi - lạc gì. Xã-hội chỉ cần lấy mấy cái tư-cách thông-thường như trên kia, nếu khéo biết trau-giồi những tư-cách ấy, thì dễ được đẹp lòng với xã-hội ngay. Những tính tốt tự-nhiên, nên biết khéo lợi-dụng, và cốt nhất là đừng để lộ cái bụng duy-kỷ của mình ra. Nếu được xã-hội chiều - chuộng nâng - niu, thì nên lấy nét mặt tươi-cười vui-vẻ mà đối lại, để tỏ cho xã-hội biết là mình được bằng lòng mãn-ý. Nhưng đừng có bao giờ làm ra mặt cao-kỷ, cho là mình được cái quyền xã-hội phải hoan-ngênh tôn-trọng vậy.

Ở đời phải cho bền chí.

Cái tật của kẻ kiêu-hãnh, thường-thường là không biết đợi thời. Xem thế cũng biết là người không có chí thật, chỉ biết mơ-tưởng những sự viên - vông, chứ không biết mưu-tính những việc thiết-thực, sức mình có thể làm nổi. Giả biết kiên-nhẫn bền chí thì có lẽ làm nên, mà vội-vàng hấp-tấp thành ra bại-sự.

Bền chí là đã định theo đuổi việc gì thì dốc lòng về việc ấy, cố làm cho kỳ được, dù khó-khăn cũng không chán-nản.

Người đã có chí mà lại biết bền chí, thì không sợ gì trở-ngại được. Trong

sách «Cách-ngôn» của vua MARC-AURÉLE đã có câu nói rằng : « Người có chí gặp sự ngăn-trở, khác nào như thêm tài-liệu cho sự hành-dộng của mình : cũng như lửa vậy, cái gì rơi vào là cháy liền ngay. Giả ngọn đèn nhỏ thì dễ tắt ngay, nhưng đồng lửa to thì chất gì cho vào cũng cháy được hết, mà ngọn lửa lại càng bốc lên rực-rỡ vậy. »

Có chí cũng có nhiều cách, bất-cứ là việc to hay việc nhỏ : như muốn mua chuộc lòng người, muốn chiêu-chuộng xã-hội, hay là cầu cái ơn-huệ gì, muốn chiếm lấy địa-vị gì, muốn mưu sự phú-quí gì, cũng phải có chí mới nên được.

Dù cái mục-dịch thế nào mặc lòng, đã chuyên-chú vào đấy, thì cần phải cho chăm-chỉ bền chí. Nghĩa là phạm làm việc gì, nói câu gì, cũng phải giúp cho đạt được mục-dịch đó, hay là ít ra cũng không để cho đến nỗi ngăn-trở mục-dịch đó vậy.

Nhà hiền-triết nói rằng : « Tôi sợ người chỉ đọc một quyển sách. » Ta cũng nên sợ và nên bắt-chước người chỉ chuyên dốc một lòng một chí. Đừng nên tưởng người ấy là người ích-kỷ. Có lắm kẻ bụng dạ tốt chỉ dốc lòng về việc từ-thiện mà thôi. Người có chí, dù chí thú thế nào mặc lòng, cũng là người đáng trọng, và sớm trưa thế nào rồi cũng có ngày thành-công đắc-chí.

Xét lịch-sử những người làm nên giàu-có vẻ-vang, thường thấy là người có chuyên-chú một cái ý gì và biết đem hết tài-lực tâm-trí để làm cho thành việc.

Đã chuyên-chú về việc gì, nghĩa là đã có chủ-ý nhất-định rồi, thì trong cách sinh-hoạt hằng ngày, không nên bao giờ quên cái chủ-ý ấy. Đừng coi nó như một sự bó-buộc cho mình, mà phải coi nó như cái nêu cái đích

của mình. Đừng muốn miễn-cưỡng bỏ kẻ khác phải theo ý mình, như thế là người dỏ người gàn, chỉ đủ cho thiên-hạ cười ; nhưng mà về phần riêng mình cũng không nên để cho lời phàm-bình hay lời ngụy-biện gì làm cho xiêu lòng đổi ý đi được.

Bền chí theo một chủ-ý gì, tức là một cái kỷ-luật nghiêm cho bản-thân mình. Cho nên ở đời bao giờ cũng phải định lấy chủ-ý, bao giờ, cũng phải đặt lấy mục-dịch mà theo, dù mục-dịch hay chủ-ý ấy thuộc về sự hạnh-phúc riêng của mình, về sự hạnh-phúc của gia-đình mình, hay là về cái sự-nghiệp tương-lai mặc lòng.

Người có chí không phải là người cố-chấp

Người có chí thì ai cũng chuộng, nhưng người cố-chấp thì không ai muốn đến gần. Tinh cố-chấp (*entêtement*) thực là một cái bệnh của ý-chí. Ý-chí là bởi sự suy-nghĩ, bởi trí sáng-suốt mà ra, chứ cái tinh cố-chấp thì chỉ vì lòng duy-kỷ, mà thực là không có ý-thức vậy.

Tục thường gọi đứa trẻ con khó dạy là « cứng cổ ». Tuy người lớn không dùng tiếng đó, nhưng người cố-chấp cũng là người cứng cổ, không phải là người bạo-dạn kháng-khái gì, chính là người biến-hiệp ngoan-ngạnh vậy.

Người có chí thì đạt được cái vật-dục, mà người cố-chấp thì lại tuân theo vật-dục. Ngoài mặt ra đáng cứng-mạnh, mà trong lòng thực là nò-lệ, nò-lệ cho cái ý thiên ý hẹp của mình.

Nên nhớ lấy câu cách-ngôn của người xưa như sau này, cho biết cái tinh cố-chấp hại là dường nào : « Tinh cố-chấp là một cái nhược-diểm to về tâm-lý. Nếu cố-chấp mà có lẽ phải, thì đầu đắc-thắng cũng giẫm mất giá-trị

đi; nếu cố-chấp mà không có lẽ phải thì bị thua lại càng thêm xấu-hổ vậy. »

Nói về cách luyện-tập thần-kinh

Thần-kinh (*nerfs*) là chủ sự cảm-giác của thân-thể. Người nào có thần-kinh mạnh thì cảm-giác nhiều hơn người thường. Cảm-giác nhiều lắm cũng không phải là một sự hay, vì thân-thể bị kích-dộng luôn. Tuy-nhiên, thần-kinh hoạt-bát cũng không phải là không có cái hay. Người có thần-kinh mạnh thường có nghị-lực hơn là người chỉ hành-dộng theo nghĩa-lý mà thôi. Cái cảm-lực mạnh thì ý-chí cũng mạnh, mà hành-dộng có quả-quyết hơn.

Phải biết tập-luyện thần-kinh cho hợp qui-cử, chứ không nên cưỡng-chế mà làm cho nhụt mất cái sức cảm-giác đi vậy.

Vả lại cứ lấy một lẽ phải làm chủ - động cho sự hành - vi của người ta, thì nhiều khi không đủ có sức mạnh mà phản-phát lên được. Lẽ phải vốn có cái tính-cách vô-ngã, vì là sự công-nhiên giữa đời, tựa-hồ như ai cũng phải có, nên không ai lấy làm thiết-tha cho lắm. Chứ nếu vừa có lẽ phải mà lại vừa có cảm-giác hiệp-lực vào, thì sự kích-dộng rất mạnh mẽ mà khiến được cho người ta phản-phát quả-quyết ngay.

Thí-dụ như cái tài hùng-biện, tức là khéo điều-hòa sức cảm-dộng với sự nghĩa-lý vậy.

Tuy-nhiên, cũng nên giữ cẩn-thận đừng để cho thần-kinh bạo-dộng quá. Như người đàn-bà, thần-kinh thường mạnh hơn đàn ông, cho nên không hay tự-chủ được mọi sự hành-vi quyết-định của mình. Cũng bởi thế nên sự sinh-hoạt về tình-cảm của người đàn bà có vẻ đậm-dà phong-phú hơn. Những câu chuyện tự-tình, người đàn-bà lấy làm thú - vị hơn đàn ông. Phạm đàn - bà

phản - đoán điều gì, không phải là thuần lấy lý cả, xét cho kỹ, tựa-trung bao giờ cũng có một chút tình-cảm ở đó.

Thần-kinh có thể giúp sức cho nghĩa-lý được: khi nào lẽ phải khiếm-khuyết, thì cảm-giác bổ-trợ cho. Chứ nếu cảm-giác thiếu-lực, thì lẽ phải dần mạnh đến đâu cũng không có cái vẻ phản-phát hoạt-dộng bằng.

Vậy trong cuộc xã-giao, không nên thuần lấy lý cả mà đối-đãi với người. Hoặc khi yên-cầu, hoặc khi vận-dộng việc gì, cũng phải tìm cách động đến tình-cảm của kẻ có quan-hệ với mình.

Trong xã-hội, việc giao-thiệp của đàn ông với nhau, nhiều khi cũng không thể không châm-chước đến tình-ý người đàn bà. Phạm đàn ông quyết-định điều gì, thường thường vẫn có cái thể-lực ngầm của người đàn-bà ở trong đó. Cho nên những cách khôn-khéo lịch-sự, tuy cũng là những điều tiểu-xảo cả, nhưng trong cuộc giao-tế cũng không nên khuyết.

Tuy-nhiên, trong cuộc xã-giao, ta có cần phải châm-chước với cái cảm-lực thần-kinh của những kẻ ta cùng giao-tiếp thật, nhưng về phần riêng ta thì ta phải có cách sai khiến được thần-kinh của ta, để cho phạm sự cử-dộng của ta đối với người ngoài có cái vẻ như chỉ căn-cứ ở lẽ phải mà thôi vậy.

Thế nào gọi là tự-chủ được mình

Tự-chủ (*maîtrise de soi*) nghĩa là có cái sức khắc-kỷ đè nén được mình, đối với người ngoài không để cuo lộ ra những mối tình-cảm của mình cho người ta biết được.

Cổ-lai vẫn có cái thuyết cho rằng phạm sự cảm-dộng là sự nhu-nhược không hay, và người ta muốn cho được hoàn-toàn nhân-cách thì phải diệt hẳn cái sức cảm-dộng đi.

Nhưng vì bằng cứ nghe các nhà triết-học giảng về luân-lý, về giáo-dục, thì xã-hội dù không đến quay về dã-man, mà người ta cũng đến thành ra yếm-thế hết cả.

Cho nên đây ta không thuật lại những ý-kiến của các nhà triết-học làm gì, mà chỉ xét xem người ta phải ra châu-tuần ở trong cái xã-hội phiền-tạp này, để mong chiếm lấy một phần hạnh-phúc ở đời, thì phải làm thế nào cho đối với xã-hội được có cái thái-độ khả-quan.

Người ta, dần ông hay dần bà, muốn cho tự-chế được mình, thì không những thái-độ ở ngoài, mà đến cả tình-ý ở trong, cũng phải giữ-gìn cho hợp khuôn-phép, phải theo một cái kỷ-luật cũng khó và cũng phiền, vì nhất-diện phải tự hạn-chế thế nào cho không có ý miễn-cưỡng để cho người ngoài biết được nhất-diện lại phải giữ dừng hạn-chế quá cho đến thành ra điềm-nhiên lãnh-đam, vô-cảm vô-tình.

Xem thế thì biết sự cần-thủ tự-chế cũng phải cho khéo điều-độ để cho hợp với lẽ phải mà không hại đến cảm-tình.

Người biết tự-chủ tự-chế, thì bao giờ cũng được thiện-hạ kính nể. Như có kẻ làm một việc ô-tiện ở trước mặt ta; nếu ta nổi giận lên mà đánh-đập kẻ đó, thì tất thiện-hạ cũng lượng má dung - thứ cho sự bạo-dộng của ta; nhưng nếu ta lại biết tự-chế, ngăn cái giận ấy lại không cho nó phát - lộ ra, vẫn giữ được điềm-tĩnh mà chỉ mắng cho kẻ kia vài lời đích-đáng, thì người ngoài lại lấy làm phục ta hơn nữa.

Người biết tự-chủ tự-chế, tức là người cao-thượng không thêm chấp sự vô-lẽ của kẻ khác, lại là người quảng-dại sẵn lòng quên mà tha-thứ cho.

Đến như những kẻ nóng-nảy, gặp sự bất-bình, vội-vàng phản-kháng lại

ngay, có khi vì lòng thù oán, hay là vì tính phò-trương nó thúc-giục cho biểu-lộ ra cái lòng hờn giận của mình, thì kẻ ấy không ai có thể chắc-bằng được, vì cái tính nóng nảy của họ có thể hạ lúc nào nổi lên cũng được.

Nhưng hoặc-giả nói : Muốn tự-chế được, thực là khó lắm; và lại cứ lấy lẽ phải mà hạn-chế cái sức hoạt-dộng của mình, chẳng phải là làm nhụt mất cái nhuệ-khí, mòn mất cái tinh-lực của mình đi ư ?

Ta không phải là không biết cái nhuệ-khí, cái tinh-lực ấy là quý, là cái thuốc bổ để phấn-phát cho tinh-thần, để chấn-loát cho thân-thể, cần phải giữ-gìn lấy, không nên để cho tiêu-hao đi mất. Bởi thế nên phạm những cái tình-cảm khảng-khái cao-thượng, quyết không nên cố ý hạn-chế lại.

Người vốn có tính hăng-hái, phạm cử-dộng hành-vi, như nóng-nảy sôi-sảng, thì cái sức hăng-hái ấy cũng khó lòng hạn-chế hẳn cho được. Nếu vậy thì cũng có lắm nỗi nguy-hiểm cho mình. Cho nên dù không hạn-chế được hẳn, cũng nên dành lấy cái sức tinh-nhuệ để đủ giúp cho công việc mình, còn thì phải tập uyển-chuyển cho thích-hợp với cái hoàn-cảnh ở quanh mình vậy.

Như khi nghe thấy câu gì tức mình, thì đừng nên nổi giận lên ngay vội. Phải sắp đặt các lẽ của mình để chống cãi lại, rồi mới bày tỏ cái ý-kiến phản-đối của mình; trong khi thảo-luận đó, lấy lời nói hùng-hồn mà biện-bác cũng được, nhưng kỳ nhất là không nên đề-khởi đến cái « vấn-đề cá - nhân. » (*question personnelle.*)

Xin thí-dụ như sau này cho rõ hơn: Như nghe thấy một người lạ nào nói những lời trái tai cho mình, thì mình có thể lấy lẽ phải mà ra thảo-luận, nhưng thảo-luận là để bác cái lời nói trái tai của người ta, chứ không phải

là dễ cãi nhau với người ta. Lại có cách khôn-khéo nữa, là phân-biệt rõ cho người ta biết rằng mình bài-bác là bài-bác cái ý-kiến của người ta, chứ không phải là bài-bác người ta vậy. Cách phân-biệt như thế, thì người thiệp ai cũng biết cả, dù khiến cho cuộc nghị-luận không mất cái vẻ phong-hả lịch-sự.

Lại có lắm người biết rằng mình không thể tự-chế được mình, tính nóng-nảy khó lòng cầm lại được, thì họ có một cách cũng diệu, là xoay ra thành câu chuyện khôi-hài. Đường lúc muốn nổi giận lên mà nói đùa được một câu có lý-thú, thì vừa xuôi được cơn giận, lại vừa làm vui cho xã-hội, tất được xã-hội hoan-ngheh lắm.

Nhưng người có tài hoạt-kê, thường lại mang tiếng là người thâm người độc, như vậy thì có tài hoạt-kê cũng bất-liên như có tính nóng-nảy. Nói tóm lại thì người thiệp, có tư-cách xã-giao, là người biết cân nhắc sự lợi hại, lẽ hơn thua, mà bao giờ cũng biết uyển-chuyển chằm-chước cho thích-hợp mọi bề vậy.

Nói về sức mạnh của lý-tưởng

Thi-hào Victor Hugo nói rằng: «Tư-tưởng phải đường thì hành-dộng cũng trùng-cách.» Nay xét ra phần nhiều người tư-tưởng vẫn đúng mà hành-dộng hay sai, là bởi vì tư-tưởng phân-mang ra nhiều quá, không chuyên-chú vào một việc gì, cho nên không kết-tinh lại được thành sức mạnh.

Một cái lý-tưởng đơn-độc mà biết khéo bõ-thực, chung-đúc cả tư-tưởng vào đó, thì sức mạnh vô-cùng, ảnh-hưởng vô-hạn.

Ta đừng tưởng rằng chỉ có nhà triết-học, nhà tư-tưởng mới có ý-tưởng hay mà thôi. Ai cũng có thể có ý-tưởng

hay được, miễn là suy ở lẽ phải mà ra, và cốt là giúp được cho sự tấn-tới của mình.

Người nào có được một cái ý-tưởng hay thì có ích-lợi cả cho sự sinh-hoat hằng ngày. Thường khi sáng dậy tỉnh-tao, chợt nghĩ ra được một cái ý hay, lấy làm khoan-khoái trong người, dường như phát-minh ra được điều lạ-lùng vậy.

Cái ý hay ấy có lẽ cũng là một sự thường mà thôi, không có quan-hệ gì, thí-dụ như nhớ lại một việc cũ mà trước kia mình không nghĩ tới, vậy mà có thể nhân một cái ý-tưởng đó làm cách tấn-tới cho mình hay mưu tính việc lợi-ích cho gia-đình sau này được.

Đã tìm được một cái ý-tưởng gì, hoài-bảo thiết-tha, thì đầu cái giá-trị nó thế nào mặc lòng, cũng nên nghiền-ngẫm cho kỹ, lợi-dụng cho cùng; hoặc có khi dùng ra không được việc gì, nhưng cũng có khi nhân một cái ý-tưởng con-con mà được đến thành-công đắc-thắng cũng nên.

Dù thế nào mặc lòng, dù được việc hay không được việc, trong lòng có một cái ý-tưởng gì cũng vẫn là hay; một là đầu cái ý đó vô-dụng mà nhân ý ấy nghĩ ra ý khác, có ích-lợi hơn; hai là cái chí mình tập nghĩ-ngợi để phát-biểu ra ý-tưởng cũng là một sự tập-luyện hay.

Cái sức mạnh của lý-tưởng vừa ở cái kết-quả thực-sự của nó, lại vừa ở cả cái công-phu suy-nghĩ để phát-minh ra nó nữa, công-phu ấy cũng có ích-lợi lắm, vì là một cách đoàn-luyện cho tinh-thần vậy.

Nay nếu có một cái ý tốt, muốn đem ra lợi-dụng, thời diễn-giải ra, cổ-võ lên chưa đủ, cần phải nói đi nói lại nhiều lần, không sợ rườm-rời, không sợ phí công. Nói đi nói lại nhiều lần,

thì những ý-kiến rất xa-xôi cũng có thể in sâu vào trong óc người ta được. Các nhà buôn họ hiểu lẽ đó lắm, cho nên họ dùng cách quảng-cáo, cứ nhắc đi nhắc lại mãi một cái tên đồ hàng gì, rồi thiên-hạ lâu ngày cũng yên-trì cho là tốt mà sẵn lòng mua vậy.

Nói về cái uy-tín của người ta

Người có uy-tín (*prestige*) là người được thiên-hạ tôn-trọng, mến-yêu, kính-sợ. Cái sức uy-tín đó vừa ở tư-tướng cao, vừa ở bụng-dạ tốt.

Muốn giữ được bền thì không nên lạm-dụng, cũng đừng nên tự-cao. Vì rằng cái sức uy-tín là ở người ta công-nhận cái tài-đức của mình mà tự-ý phục-tóng chứ cái tình tự-cao là muốn cưỡng cho người ta phục mình mà vị-tất mình đã dâng cho người ta phục.

Muốn cho được có uy-tín thì phải làm thế nào đừng để cho người ngoài nhận biết sự lấm-lỗi của mình, và thứ nhất là đừng để cho người ta phải phiền-lụy về sự lấm-lỗi đó.

Sự lấm-lỗi đây, không những là cái gì trái với sự thực, trái với lẽ phải mà thôi, lại là tất cả những sự trái với lẽ-phép, trái với phong-nhã, trái với lễ-thói của xã-hội, khiến cho thiên-hạ đã có bụng tin mình, vẫn cho mình là có

phương-pháp, có nghĩa-lý, mà đột-nhiên phải sừng-sốt lấy làm lạ vậy. Lại phải biết rằng dù người có tư-chất lỗi-lạc phi-thường mặc lòng, muốn cho được uy-tín với xã-hội, cũng phải biết khéo dùng những cách ấy cho thích-dáng. Xã-hội đối với người ta, dù là đàn ông hay đàn bà, trước khi tặng cho được cái vị-tôn-trọng riêng mà ta gọi là cái uy-tín đó, thì thường trách-bị ở người ta một điều cốt-yếu như sau này: là cách cư-xử phải cho đứng-dẫn chừng-chắc, người đàn bà thì phải chăm làm vợ, người đàn ông thì phải biết tận-tụy về chức-nghiệp và làm nên sự-công xứng-dáng.

Nói tóm lại một câu, đàn ông đàn bà ở trong xã-hội đều phải ra công gắng sức mà làm việc, vì sự làm việc là cái luật chung của loài người, và là cái bảo-chứng để giữ cho người ta khỏi thành ra phóng-dãng vậy. Làm việc tức là trau-giồi cho nhân-cách mình tấn-tới đến vô-cùng, như lời ông VOLTAIRE đã nói rằng: « Người ta biết cần ở việc làm, tức là cái thuốc để chữa ba cái bệnh lớn của loài người, là: sự buồn-bực, sự hư-xằng và sự quẩn-bách vậy. »

T.-C. biên-dịch



MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXIII

VIII

有可而爲有曰。孟
爲。以後也。不人子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Nhân hữu bất vi dã, nhi hậu khả dĩ hữu vi. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người ta có chẳng làm những điều không nên làm, rồi mới có thể làm được những điều nên làm. »

Chú-giải. — Đây là khuyên người ta nên biết kén chọn điều phải điều trái để làm cái gốc cho sự nài-vi. Nguyên người có kiến-thức biết kén-chọn kỹ thì mới không làm những điều dở, mà thấy điều hay thì tất làm.

IX

何。後當不人曰。孟
患如善。之言子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Ngôn nhân chi bất thiện, đương như hậu hoạn hà ? »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Nói ra những điều chẳng tốt của người ta, không sợ cái vạ về sau hay sao ! »

Chú-giải. — Đây là bảo người ta nên giữ cái đạo trung-hậu, chớ nên nói xấu người mà có tai vạ về sau.

X

甚。爲尼曰。孟
者。已不仲子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Trọng-Ni bất vi dĩ thậm giả. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Thánh như ông Trọng-Ni có làm điều gì cao-kỳ quá đâu. »

Chú-giải. — Bất vi dĩ thậm = Không làm điều gì cao-kỳ quá, chỉ theo về lẽ trung-dung mà làm cho vừa phải mà thôi.

Đây là kể ra một bậc chí-thánh, mà ngôn-hành vẫn giữ theo đạo trung-dung, để răn những kẻ ngôn-luận quá cao, hành-vi quá khích.

XI

所惟必行必言人曰。孟
在。義果。不信。不者。大子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Đại-nhân giả, ngôn bất tất tín, hạnh bất tất quả, duy nghĩa sở tại. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Bậc đại-nhân xét nghĩa đã tinh, nói không hèn trước phải tin-thực, nét không hèn trước phải quả-quyết, chỉ xét về điều nghĩa ở đâu thì cứ tùy-thời mà nói mà làm. »

Chú-giải. — Tất 必 = Cũng như chữ kỳ 期 là hẹn, là ý hẹn trước định trước.

Đây là nói bậc đại-nhân chỉ tính xét cho hợp nghĩa, mà lời nói tự-nhiên là tin-thực, nét làm tự-nhiên là quả-quyết, bất-lắt là phải có ý định hẳn trước.

(1) Xem tiếp N.-P. số 131.

XII

也。心子其不人曰。孟
者之赤失者。大子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Đại-nhân giả, bất thất kỳ xích-tử chi tâm giả dã. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Bậc đại-nhân là hạng người tri năng vẹn tuyền, là bởi vẫn không mất cái tâm lương-tri lương-năng từ thừa làm con đó vậy. »

Chú-giải. — Tâm người đại-nhân thì hay thông suốt vạn-việc, mà tâm dứa con đó thì vớ là thành-thực, thuần-nhất tự-nhiên, bởi người đại-nhân hay không đắm về vật - dục, nên mới hay giữ được cái tâm bản-nhiên từ thuở bé mà khuếch-sung ra.

XIII

大可惟當不養孟
事。以送大足生子
當死事。以者曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Duống sinh giả bất túc dĩ đương đại-sự, duy tống tử khả dĩ đương đại-sự. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người con đối với cha mẹ, sự nuôi-nấng lúc sống chưa đủ cho là sự lớn, chỉ sự tống-táng cha mẹ lúc chết mới là sự lớn. »

Chú-giải. — Sự phụng - dưỡng cha mẹ lúc sống thì thuộc-dụng kính-yêu là sự thường, đến như sự tống-tử thì vội-vàng lo-liệu là sự biến, phải nên cần-trọng hơn, chớ không phải chia ra có bên trọng bên khinh vậy.

XIV

之君左資之之。自得造孟子
也。子右之安。則居之。以曰。
欲逢深。則資之也。道。君子
其原取之安。自得欲子
自得故之深。居得其深

Dịch-âm — Mạnh-tử viết : « Quân-tử thâm thảo chi dĩ đạo, dục kỳ tự đắc chi dã ; tự đắc chi, tắc cư chi an ; cư chi an, tắc tự chi thâm ; tự chi thâm, tắc thủ chi tử-hữu phùng kỳ nguyên, cố quân-tử dục kỳ tự đắc chi dã. »

Dịch-Ghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người quân-tử cứ theo về đường đạo-lý mà dần-dà tiến mãi lên, là muốn tự mình tâm-đắc về đó vậy ; tự mình đã tâm-đắc về đạo-lý, thì ở yên vào đó, vật ngoài không thể lay chuyển được. Đã ở yên vào đó rồi thì nhờ về đó mà vận-dụng ra sáu-xa vô-cùng. Đã nhờ về đó sáu-xa rồi thì ứng-dụng ra tử-hữu mặt nào cũng gặp nguồn gốc của mình mà không khi nào cạn, cho nên người quân-tử muốn tự mình tâm-đắc về đạo-lý vậy. »

Chú-giải — Thảo = Tiến lên. Thâm-thảo = Là ý tiến lên dần-dà mãi không thôi. Tự = Nhờ, giúp, nghĩa là học-vấn cũ khá thì nó tự giúp cho dễ vận-dụng được nhiều. Nguyên = Nguồn gốc.

Đây là bảo người lấy cái đường học-vấn phải cốt về tâm-đắc lấy đạo-lý cho sáu xa.

XV

也。說以之。詳學曰。孟
約反將說而博子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Bậc học nhi tường thuyết chi, tương dĩ phản thuyết ước dã. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Học cho rộng mà giảng-thuyết nghĩa-lý cho tường, đề rồi lại giảng-thuyết ước lại cho gọn. »

Chú-giải. — Đây là nói sự học phải trước bác mà sau ước, không phải chỉ là cầu quảng-bác mà thôi, mà cũng không nên cầu yếu-ước vội. Học nếu không quảng-bác thì kiến-thức không được mở-mang, nhưng nếu không yếu-ước thì công-phu cũng không có chốn thu-thúc.

XVI

有而天後以能服孟
也。王下能善服人子
者。不服養人者。曰。
未心天人者未
之服下。然也。有善

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Di
thiện phục nhân giả, vị hữu năng phục
nhân giả dã ; di thiện dưỡng nhân,
nhiên-hậu năng phục thiên-hạ ; thiên-
hạ bất tâm-phục nhi vương giả, vị chi
hữu dã. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Ông vua giả cách làm điều thiện để
bắt ép người ta phải phục-tòng, thì
chưa có thể khiến người ta tâm-phục
được. Hay lấy công - tâm làm điều
thiện để gây dựng dạy bảo cho người
cùng theo về đường thiện, thì mới hay
tâm - phục được cả thiên-hạ. Thiên-hạ
chẳng tâm-phục mà hay nên được
công-nghiệp thịnh-vượng, chưa có lẽ
thế bao giờ »

Chú-giải. — Đây là khuyên vua chư-hầu
đời ấy, nên thành-thực công-làm làm điều
thiện, mà thì-nhân ra những đức-chính nhân-
nghĩa, thì tự-khắc là thiên-hạ đều qui-phục.

XVII

之。者。蔽。之。不。不。無。曰。孟
當。賢。實。祥。祥。實。言。子

Dịch-âm — Mạnh-tử viết : « Ngón,
vô thực bất tương ; bất tương chi thực,
tế hiên giả đương chi. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Lời nói, không phải thực là có tai-
hại lắm, xét ra thực tai-hại thì chỉ
cái lời nói làm che lấp người hiền đi
là hại hơn cả. »

Chú-giải. — Bất-tương = Điềm chẳng lành,
ngón là tai-hại. Tế-hiên = Che lấp kẻ hiền-
lại, khiến cho không hiên-đạt lên được.

Đây là răn những kẻ hay gièm-pha làm
ngẫu-trở kẻ hiền-thì.

XVIII

也。取。水。曰。稱。仲。徐
於。哉。水。於。尼。子
水。何。哉。水。而。曰。

Dịch-âm — Tử-tử viết : « Trong-Ni
khái xưng ư thủy viết : « Thủy tại
thủy tại, » hà thủ ư thủy dã. »

Dịch-Nghĩa. — Người Tử-tử hỏi rằng :
« Ông Trọng - Ni xem sông nước
thường năng khen rằng : « Nước vậy
thay, nước vậy thay ! » Là lấy nghĩa gì
ở nước vậy ? »

Chú-giải. — Khai = Thường luôn.

爾。是。有。放。科。舍。泉。孟
是。本。乎。而。晝。混。子
之。者。四。後。夜。混。曰。
取。如。海。進。盈。不。原

Dịch-âm — Mạnh-tử viết : « Nguyên
toàn hỗn-hỗn, bất xả trú dạ, doanh
khoa nhi hậu tiến, phóng hồ tứ hải ;
hữu bản giả như thị, thì chi thủ nhĩ.

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Nước suốt từ nguồn gốc, tuôn-tuôn
chảy ra, chẳng dừng ngày đêm, đầy
khe rồi mới chảy dần đi, tràn khắp đến
bốn bề ; cái nước có nguồn gốc ấy
như thế, cho nên lấy về nghĩa ấy mà
khen vậy.

Chú-giải — Khoa = Khe vũng.

Đây là nói nước có nguồn gốc thì hay chảy
dần mãi đi cho thấu đến bề, vì như người
ta có cái thực-hành làm gốc, rồi học cho tiến
dần mãi lên, theo đến bậc thành-hiến.

君。聲。而。潤。漚。間。七。苟
子。聞。待。也。皆。雨。八。爲
恥。過。也。可。盈。集。月。無
之。情。故。立。其。滿。之。本。

Dịch-âm — « Cầu vị vô bản, thất bát
nguyệt chi gian, vũ tập, cầu khoái dai

doanh, kỳ hạc dã, khả lập nhi dãi dã.
cổ thanh-văn quả tình, quân-tử sĩ chi »

DỊCH-NGHĨA. — « Nếu không có nguồn gốc, đương khoảng tháng bảy tháng tám, nước mưa chưa-chan, ngòi lạch đều đầy; nhưng nó cạn đi, có thể đứng đầy mà dơi được. Cho nên những tiếng khen quá về sự thực, quân-tử lấy làm xấu-hỗ. »

Chú-giải. — Đây là nói cái nước không có nguồn gốc thì cạn ngay, để răn người không có thực-hành, mà chỉ có hư-danh, thì cái danh ấy chẳng được lâu bền, để khuyên người ta nên phải vụ-thực vụ-bảo mới được.

XIX

之。君 民 幾 禽 以 人 孟
子 去 希。獸 異 之 子
存 之。庶 者 於 所 曰。

Dịch-âm — Mạnh-tử viết: « Nhân chi sở dĩ dĩ ư cầm thú giả kỳ hy, thứ dân khủ chi, quân-tử tồn chi. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Người ta bầm-sinh ra, vốn có chút bản-tính tốt, sở-dĩ khác với loài cầm thú ấy có mấy tí, thế mà kẻ thường-dân bỏ mất đi, người quân-tử mới hay giữ được bản-tính. »

Chú-giải. — Kỳ-hy = Không mấy tí. Nghĩa là người ta bầm-tinh sinh ra không khác gì giống vật mấy tí.

義 行 行。仁 倫。於 物。於 舜
也。仁 非 義 由 人 察 庶 明

Dịch-âm — « Thuần minh ư thứ vật, sát ư nhân luân, do nhân nghĩa hành, phi hành nhân nghĩa dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Thuần biết rõ mọi lẽ sự-vật, xét kỹ về đạo luân-thường, tự nhiên thuận theo điều nhân điều nghĩa mà làm, chẳng phải là miễn-cưỡng làm điều nhân điều nghĩa vậy. »

Chú-giải = Đây là nói vua Thuần là một bậc quân-tử, hay giữ được bản-tính tự-nhiên đi truyền mỗi đạo-thống về muôn đời.

XX

言。好 酒。惡 曰。孟
善 而 旨 禹 子

Dịch-âm — Mạnh-tử viết: « Vũ ố chi tửu, nhi hiếu thiện-ngôn. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Vua Vũ ghét rượu ngon, mà mong câu lời nói phải. »

Chú-giải — Đây là nói vua Vũ hay tuyệt điều ác mà ham điều thiện.

方。賢 中。湯
無 立 執

Dịch-âm — « Thang chấp trung, lập hiền vô phương. »

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Thang giữ theo đạo trung-dụng, dùng người hiền thì không nề loại nào cả. »

Chú-giải — Chấp = Giữ vững không sai. Lập = Dựng lên, nghĩa là dùng lên cho ở ngôi.

Đây là nói vua Thang hay giữ đạo trung mà dùng người hiền.

之 而 望 如 視 文
見。未 道 傷。民 王

Dịch-âm — « Văn-vương thị dân như thương, vọng đạo nhi vị chi kiến. »

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Văn-vương coi dân hình như thương-dầu, xét đạo-lý hình như chưa trông thấy. »

Chú-giải. — Chữ Nhi 而 đọc làm chữ Như 如, hai chữ ấy khi xưa thường thông-dụng.

Đây là nói vua Văn hay thương dân mà hay hư-lâm cầu đạo.

忘 邇。不 武
遠。不 泄 王

Dịch-âm — « *Vũ-vương bất tiết nhĩ, bất vong viên.* »

Dịch-NGHĨA. — « Vua Vũ - vương chẳng coi khinh chỗ gần, chẳng những quên chỗ xa. »

Chú-giải. — Tiết = Coi nhớn, coi khinh. Người nào hoặc việc gì ở gần hay xa, thì người ta hay khinh nhớn mà quên những đi, nhưng vua Vũ không thế, thì rất là hết lòng kính cẩn.

以 而 以 而 不 四 三 周
待 得 繼 思 合 事。王。公
旦。之。日。之。者。其 以 思
坐 幸 夜 仰 有 施 兼

Dịch-âm — « *Châu công tư kiểm tam vương, dĩ thi tứ sự, kỳ hữu bất hợp giả, ngưỡng như tư chí, dạ dĩ kế nhật, hạnh nhĩ đắc chí, tọa dĩ đãi dân.* »

Dịch-NGHĨA. — « Ông Châu công suy nghĩ muốn gồm cả cái đạo ba đời vương, đề thi-hành bốn việc; có điều gì không hợp với thời-thế, thì mong nghĩ cái lẽ ấy cho ra, suốt cả ngày đêm, may mà nghĩ được hợp lẽ, thì muốn thi-hành ngay, ngồi đề đợi đến sáng. »

Chú-giải. — Tam-vương = Vũ, Thương, và Văn Võ. Tứ-sự = Tức là những việc hay của Vũ Thang Văn Võ đã kể như trên.

Đây là nói Châu công đương lúc giúp Thành-vương chế lễ làm nhạc, hết lòng suy nghĩ cho hợp lẽ, lại mong thi-hành ra cho chóng, đề tỏ ra cái tâm-tư ưu cần mong nổi lấy đạo tam-vương.

Trở lên toàn chương này là thừa ý chương trên, liệt thuật một vài việc ưu-cần dịch-lệ của Vũ, Thương, Văn Võ, Châu công, đề tỏ rõ ra rằng liệt-thánh vẫn cùng một nguồn tâm-học, cùng noi một mối đạo-thống tương truyền.

XXI

秋 後 亡 亡。而 迹 者 曰。孟
作。春 然 詩 詩 熄。之 王 子

Dịch-âm — *Mạnh-tử viết* : « *Vương-giả chi tịch tức, nhĩ Thi vong, Thi vong nhiên-hậu Xuân-thu tác.* »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cái dấu vết đấng vương-giả tắt đi mà thơ Nhữ mất, thơ Nhữ mất rồi sau kinh Xuân-thu mới làm ra »

Chú-giải. — Vương-giả tịch-tức = Đấng vương-giả ngày xưa đi tuần-thú các nước chư-hầu, đề thi-bành chính-giáo hiệu-lệnh và xét thơ đề xem phong tục. Từ khi vua Bình-vương nhà Châu dời sang bên đông, nhà Châu hèn yếu, chính-giáo hiệu-lệnh không thi-hành ở thiên-hạ nữa, thế là cái thực tích vương-giả mất đi, chỉ còn có hư-danh mà thôi. Thi vong = Thơ Nhữ mất đi từ đời Châu suy không còn có nữa, nghĩa là Thơ Thử-ly 黍離 là thơ thương nhà Châu suy đã liệt vào thể quốc-phong, thì thế thơ Nhữ mất. Xuân-thu = Ông Khổng nhân sách kê-sử nước Lỗ làm ra kinh Xuân-thu, sẽ đương ở dưới.

Đây là nói Khổng-tử nổi sau khi thơ Nhữ đã tuyệt-tích đi rồi, mới làm ra kinh Xuân-thu đề răn kẻ là phủ người chính, đề nổi giữ lấy đạo-thống của quần-thánh.

也。秋。之。杞。之。乘。晉
一 春 魯 橋 楚 之

Dịch-âm — « *Tấn chi Thặng, Sở chi Đào-ngột, Lỗ chi Xuân-thu, nhất dã.* »

Dịch-NGHĨA. — « Sách Thặng của nước Tấn, sách Đào-ngột của nước Sở, sách Xuân-thu của nước Lỗ, đều là một lối đề ký-sự vậy. »

Chú-giải. — Thặng = Nguyên nghĩa là cõ xe ngựa để chở người chở đồ, đây lấy nghĩa là ghi-chép thời-sự mà đặt tên sách là Thặng-Đào-ngột = Nguyên nghĩa là tên con thú ác, nên mới đặt hiệu cho người ác, nay lấy nghĩa là ghi-chép việc ác để răn người sau, đặt tên là sách Đào-ngột. Xuân-thu = Sách sử nước Lỗ, chép thời-sự trong hàng năm, năm có bốn mùa, cho nên tóm-lắt gọi là sách Xuân-thu. Ba tên sách trên này đều là một hạng sách sử.

矣。竊義子則文。齊其
取則曰。史。其桓事。
之丘其孔文替則

Dịch-âm — « Kỳ sự, tắc Tề-Hoàn
Tấn-Văn, kỳ văn tắc sử. Không-tử viết :
« Kỳ nghĩa tắc Khâu thiết thủ chi hĩ. »

Dịch-NGHĨA. — « Sách Xuân-thu, việc
thì là việc vua Tề Hoàn vua Tấn Văn, văn
thì là văn sử-quan nước Lỗ. Ông Không
có nói rằng : « Còn cái nghĩa thường-
thiện phạt-ác, thì Khâu này trộm lấy
ra mà sửa định đây vậy. »

Chú-giải — Đây là nói ông Khâu làm ra
kinh Xuân-thu, có ngụ ý khen ông dễ khuyên
răn về đời sau, để nối lấy đạo thống của
quân-thần.

XXI

斬。五 人 而 澤。君 孟
世 之 斬。五 子 子
而 澤。小 世 之 曰。

Dịch-âm — Mạnh-tử viết : « Quân-tử
chi trạch, ngũ thế nhi trảm ; tiều-nhân
chu trạch, ngũ thế nhi trảm. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Cái di-trạch của người quân-tử đến
năm đời thì hết ; cái di-trạch của người
bình-dân, cũng đến năm đời thì hết. »

Chú-giải. — Quân-tử = Người có ngôi-vị
mà làm nên sự-nghiệp. Trạch = Ôn-trạch, trở
về cái đức-nghiệp lưu-truyền để lại về sau.
Thế = Một thời-kỳ của con nối nhau là một
thế, hoặc ba mươi năm cũng là một thế. Tiều-
nhân = Người bình-dân mà có làm nên đức-
nghiệp. Trảm = Tuyệt.

Đây là nói đại-khái cái di-phong dư-vận
của một đời người quân-tử hay bình-dân
đều đến năm đời là hết, là bởi cái lý-thế
sở-tất-nhiên.

人 淑 予 徒 孔 得 子
也。諸 私 也。子 爲 未

Dịch-âm — « Dư vị đắc vị Khổng-
tử đồ dã, dư tư thục chư nhân dã. »

Dịch-NGHĨA. — « Ta chưa được
thụ-nghiệp ông Khổng mà làm học-trò
ông Khổng vậy ; nhưng di-trạch này
còn, ta còn trộm nghe đạo ông Khổng
ở người, mà tự-thiện lấy mình ta vậy. »

Chú-giải. — Thục = Thiện, sửa mình cho
thiện. Tư thục = Học riêng mà nghe
lầm lấy điều này. Ông Mạnh sinh sau ông
Khổng vào khoảng chưa được trăm năm,
thì chưa đến năm đời, nên còn được nghe
lầm ở học trò thầy Tử-Tư mà học lấy
đạo Khổng.

Đây là thầy Mạnh kể ra tự mình tư-thục
mà đương lấy trách-nhiệm đạo-thống để nói
ông Khổng.

XXIII

勇。無 以 與 可 廉。無 以 孟
死。死。傷 以 可 取。取。子
死 可 惠。無 以 取 可 曰。
傷 以 可 與。與。傷 以 可

Dịch-âm — Mạnh-tử viết : « Khả dĩ
thủ, khả dĩ vô thủ, thủ, thương liêm ;
khả dĩ dĩ, khả dĩ vô dĩ, dĩ, thương
huệ ; khả dĩ tử, khả dĩ vô tử, tử,
thương dũng. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Trong khi vật còn chưa lấy, có lẽ nên
lấy, có lẽ nên không lấy, thế mà lấy, thế
là hại điều liêm Trong khi đem vật cho
người, có lẽ nên cho, có lẽ nên không
cho, thế mà cho, là hại đến điều huệ.
Trong khi gặp sự nguy-nạn, có lẽ nên
chết, có lẽ nên không chết, thế mà chết,
là hại đến điều dũng »

Chú-giải — Liêm = Thanh-liêm, không
câu-tua lấy cái vật gì của người. Huệ =
Ơn-huệ, đem cái vật của mình làm ơn cho
người. Dũng = Hăng-bá, khi lâm-nguy
chọn hi-sinh tính-mệnh của mình.

Đây là nói gộp việc lưỡng-khả (nên với không nên) thì nên tinh-thâm về nghĩa trung - dung mà tư xữ-đoán, không nên tham mà bại đến điều liêm, thì là bất-cập, cũng không nên quá cao mà hại đến điều huệ điều dũng, thì là thái-quá, đều không phải nghĩa trung-dung.

XXIV

逢蒙學射於羿。盡羿之道。思天下惟羿爲愈已。於是殺羿。孟子曰。是亦羿有罪焉。公明儀曰。宜若無罪焉。曰。薄乎云爾。惡得無罪。

Dịch-âm. — « *Bằng-Mông học xạ u Nghệ, tạn Nghệ chỉ đạo, tư thiên-hạ duy Nghệ vi dữ kỹ, u thị sát Nghệ.* » Mạnh-tử viết : « *Thị diệc Nghệ hữu tội yén.* » Công-Minh Nghi viết : « *Nghĩ nhược vô tội yén.* » Viết bặc hồ vãn nhĩ, đặc vô tội.

Dịch-nguĩa. — « Người Bàng-Mông học hẳn ở người Nghệ, tính hết được thuật người Nghệ; nghĩ rằng thiên-hạ chỉ người Nghệ là hơn mình, rồi thì giết người Nghệ, để một mình hiền cái tài bản. » Thầy Mạnh phán-đoàn sự ấy rằng : « Ấy chẳng những người Mông có tội về hại thầy, cũng là tại người Nghệ có tội (về chẳng biết chọn học-trò mà dạy vậy.) Xưa ông Công-Minh Nghi có nói rằng : « Người Nghệ đường như không có tội. » Công-Minh Nghi nói thế, là cho rằng tội người Nghệ hơi nhẹ hơn tội người Mông đó thôi, người Nghệ sao được là không có tội.

Chú-giải—Nghệ = Vua nước Hữu - cùng, cướp ngôi nhà Hạ mà tự-lập. Bàng-Mông = Kẻ gia-chúng của người Nghệ. Bạc = Nhẹ hơn một chút, là nói cũng có một chút tội.

鄭人使子濯孺子侵衛，衛使廋公之斯追之。子濯孺子曰：「今日我疾作，不可以執弓。吾死矣夫！」問其僕曰：「追我者誰也？」其僕曰：「廋公之斯也。」曰：「吾生矣！」其僕曰：「廋公之斯術之善射者也。」夫子曰：「吾生，何謂也？」曰：「廋公之斯學射於尹公之他。尹公之他學射於我，夫尹公之他，端人也。其取友必端矣。」廋公之斯至，曰：「夫子何爲不執弓？」曰：「今日我疾作，不可以執弓。」曰：「小人學射於尹公之他，尹公之他學射於夫子，我不忍以夫子之道反害夫子。」雖然，今日之事，君事也，我不敢廢。抽矢扣輪，去其金，發乘矢而後反。

Dịch-âm. — « *Trịnh nhân sử Tử-Trạc-Như-tử xám Vê, Vê sử Dữu-Công-Chi-Tư truy chi. Tử-Trạc-Như-Tử viết: « Kim nhật ngã tạt tác, bất khả dĩ chấp cung, ngô tử hỹ phù!» Văn kỳ bặc viết: « Truy ngã giả thù dã?» Kỳ bặc viết: « Dữu-Công-Chi-Tư dã. » Viết: « Ngó sinh hỹ. » Kỳ bặc viết: « Dữu-Công-Chi-Tư Vê chi thiện xạ giả dã, phu-tử viết ngô sinh, hà vi dã?» Viết: « Dữu-Công-Chi-Tư học xạ ư Doãn-Công-Chi-Tha, Doãn-Công-Chi-Tha học xạ ư ngã; phù Doãn-Công-Chi-Tha doan-nhân dã, kỳ thủ hữu tất doan hỹ. » Dữu-Công-Chi-Tư chí, viết: « Phu-tử hà vi bất chấp cung?» Viết: « Kim nhật ngã tạt tác, bất khả dĩ chấp cung. » Viết: « Tiều-nhân học xạ ư Doãn-Công-Chi-Tha, Doãn-Công-Chi-Tha học xạ ư phu-tử; ngã bất nhẫn dĩ phu-tử chi đạo phản hại phu-tử; tuy-nhiên, kim-nhật chi sử quân sử dã, ngã bất cảm phễ. » Trừu thị khẩu luận khứ kỳ kim, phát thặng thi nhi hầu phản. »*

DỊCH-NGHĨA. — Người nước Trịnh sai người Tử-Trạc-Nhụ-Tử sang xâm lấn nước Vệ, nước Vệ sai người Dữu-Công-Chi-Tư đi đuổi đánh quân Trịnh. Tử-Trạc-Nhụ-Tử than rằng : « Ngày nay ta tật-bệnh nổi lên, không thể cầm được cái cung, ta dễ thường đến chết chẳng ? » Nhụ-Tử hỏi người ngự xe rằng : « Kẻ đuổi đánh ta là ai ? » Người ngự xe đáp rằng : « Dữu-Công-Chi-Tư đấy. » Nhụ-Tử nói rằng : « Ta có phần sống vậy. » Người ngự xe nói rằng : « Dữu-Công-Chi-Tư là kẻ bắn giỏi ở nước Vệ vậy, nhà thầy lại bảo rằng ta có phần sống, là cơ sao ? » Nhụ-Tử nói rằng : « Người Dữu-Công-Chi-Tư học nghề bắn ở người Doãn-Công-Chi-Tha, người Doãn-Công-Chi-Tha học nghề bắn ở ta ; ôi ! Doãn-Công-Chi-Tha là người đoan-chính, kén học-trò mà dạy, học-trò tất cũng đoan-chính vậy. » Kịp Dữu-Công-Chi-Tư đuổi đến nơi, hỏi rằng : « Nhà thầy cơ sao chẳng cầm cái cung ? » Nhụ-Tử đáp rằng : « Ngày nay tôi tật-bệnh nổi lên, không thể cầm được cái cung. » Dữu-Công-Chi-Tư nói rằng : « Tiểu-nhân này học nghề bắn ở thầy Doãn-Công-Chi-Tha, thầy Doãn-Công-Chi-Tha học nghề bắn ở nhà thầy, tôi chẳng nỡ đem cái thuật của nhà-thầy lại làm hại nhà thầy ; tuy vậy, việc ngày nay là việc nhà vua sai đi đuổi giặc, tôi chẳng dám bỏ mệnh vua. » Dữu-Công-Chi-Tư bèn rút cái tên gỗ vào bánh xe, bỏ cái mũi nhọn bằng sắt đi, bắn ra bốn cái tên không, rồi mới trở về. »

Chú-giải — Doãn-Công-Chi-Tha = Cũng là người nước Vệ. Bộc = Kẻ ngự xe. Tiểu-nhân = Lời tự-khiêm, Thặng = Cổ, số bốn là một cổ, như cổ ngựa cổ xe ; đây dùng nghĩa là bốn.

Chương này, đoạn trên là phán-đoán tội người Nghê, không biết chọn học trò mà dạy. Đoạn dưới là thuật việc người Tử.

Trạc-Nhụ-Tử, hay kén được người học đoan-chính mà dạy, để rõ ra rằng người ta trong khoảng thầy-trò bè bạn, nên chọn lấy người đoan-chính mà giao-đu.

XXV

過鼻皆則不子曰。孟之。而掩人潔。蒙西子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Tây-tử mỏng bất khiết, tắc nhân giai yếm tị nhi quá chi. »

DỊCH-NGHĨA — Thầy Mạnh nói rằng : « Đẹp như nàng Tây-tử mà mang-dội cái thức dơ-bẩn, thì người ta đều buồn mĩi mà đi qua. »

Chú-giải — Tây-tử = Tây Thi, có tiếng là đàn-bà đẹp.

Đây là răn người bỏ mất điều thiện, cũng như người đẹp mà dơ-bẩn, thì còn si buồn nhìn,

上以則沐齋惡雖
帝祀可浴戒人有

Dịch-âm. — « Tuy hữu ác nhân, trai-giới mộc-dục, tắc khả dĩ tự Thượng-đế. »

DỊCH-NGHĨA — « Dầu có người dung-mạo xấu-xi, mà hay trong-sạch gội-tắm, thì có thể thờ-tế đấng Thượng-đế được. »

Chú-giải — Đây là khuyên người cố sửa mình mà làm điều thiện, thì cũng như người xấu mà hay trai-khiết, thì sẽ trời cũng hưởng,

XXVI

爲者已則言天孟
本以矣。故性下子
利故而也。之曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Thiên-hạ chi ngôn tính dã, tắc cố nhi dĩ hi. cố giả dĩ lợi vi bản. »

DỊCH-NGHĨA — Thầy Mạnh nói rằng : « Thiên-hạ bàn về tính, chỉ xét về cái đầu-vết dĩ-nhiên thì đã rõ rồi ;

cái dấu-vết dĩ-nhiên ấy, chỉ lấy cái lẽ thuận-lợi tự-nhiên làm gốc.

Chú-giải—*Tính* = Cái lẽ người với vật bầm-thụ ở trời mà sinh ra. *Cổ* = sẵn cũ, là nói về cái tính đã phát-hiện ra tính người ta. ai cũng có thể nghiệm mà biết được, tức là cái dấu vết dĩ-nhiên *Lợi* = Thuận, tức là cái thể tự-nhiên.

Đây là nói thiên-hạ bản tính thì cứ nghiệm về cái tính dĩ-nhiên là rõ, chứ không phải bản xuyên-tạc lắm.

矣。無 智 其 禹 則 若 其 所
事。者 所 之 無 禹 鑿 惡
則 亦 無 行 惡 之 也。於
智 行 事 水 於 行 如 智
亦 其 也。也。智 水 智 者。
大 所 如 行 矣。也。者。爲

Dịch-âm. — « Sở ở ư trí giả, vì kỳ tác dã, như trí giả nhược Vũ chi hành thủy dã, tắc vô ố ư trí hĩ; Vũ chi hành thủy dã hành kỳ sở vô sự dã; như trí giả diệc hành kỳ sở vô sự, tắc trí diệc đại hĩ.

Dịch-ngĩa. — « Ghét về điều tiểu-trí ấy, vì nó làm xuyên-tạc chẳng thuận cái lẽ tự-nhiên. Nếu người trí-giả xử-sự cứ thuận chiều như vua Vũ khai nước cho nước đi, thì không ghét gì điều trí vậy. Vua Vũ xưa kia khai nước cho nước đi, chỉ thuận cái thể tự-nhiên của nước, làm ra một cách vô-sự mà thôi. Nếu người dụng trí cũng bắt chước vua Vũ làm

về một cách vô-sự, thì đại-trí cũng lớn bằng vua Vũ vậy.

Chú-giải— Đây là nói kẻ dụng trí xuyên-tạc là bởi không biết cái tính vốn tự-nhiên, nếu hay theo lẽ tự-nhiên mà làm, thì thực là thuận lợi, mà vô-sự như vua Vũ trị thủy vậy.

致 可 之 故。苟 之 也。天
也。坐 日 于 求 遠 星 之
而 至。歲 其 也。辰 高。

Dịch-âm. — « Thiên chi cao dã, tinh thần chi viễn dã; cầu cầu kỳ cổ, thiên tuế chi nhật chi, khả tọa nhi tri dã. ».

Dịch-ngĩa — « Trời kia rất cao. ngôi sao kia rất xa; nếu cầu lấy cái dấu-vết dĩ-nhiên, thì dấu cái độ nhật-chi khoảng nghìn năm lâu dài về trước, có thể ngồi đây mà suy tính được vậy »

Chú-giải — *Nhật-chi* = Ngày đông-chi nhò, làm lịch lấy nửa đêm khắc đông-chi ngày giáp-ti-sóc tháng mười một đời tấu-ong-cổ làm cái độ khởi-nguyên cho phép làm lịch.

Đây là nói cứ cầu lấy cái dấu-vết dĩ-nhiên mà suy tính, thì dấu nghìn năm lâu dài về trước, còn có thể suy tính được; nữa là sự vật gần-gần ở trước mắt, há lại chẳng nên cầu lấy cái lẽ tự-nhiên mà làm, can gì phải dụng trí xuyên-tạc làm gì, mà làm bại mất cả bản-tính đi, thì lại là người bất-trí.

(Còn-nữa)

TÙNG-VĂN VÀ ĐÔNG-CHÂU DỊCH



NHẬT NỘ VỊ HỒNG-NHAN

一 怒 爲 紅 顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

II

HỒI THỨ HAI

*Hoàn ngũ tướng Mãn-châu tu ngọc-bạch,
Yến Tam-Quế Điền-lão khởi sinh-ca.*

Tự khi Mao Văn-Long đã bị giết về sau, người trong nước, kẻ thì kêu Mao Văn-Long là thác oan, kẻ thì khen Viên Sùng-Hoàn là chấp-pháp, thậm-chí đến ngày nay cái án ấy cũng còn chưa có định-luận. Duy Mao Văn-Long khi đã chết sau này, thì triều nhà Minh không có người nào dõm-nhiệm nổi về việc bị-biên nữa, cũng là một điều đáng tiếc than !

Viên Sùng-Hoàn khi ấy đã giết Mao Văn-Long, liền hạ lệnh cho con Văn-Long là Mao Thừa-Lộc lĩnh binh một đội, giữ đất Lữ-thuận. Viên giết bố mà dùng con, nguyên là muốn dễ yên phục nhân-tâm. Duy bộ-hạ Văn-Long có mấy viên kiện-tướng, như là lão Ngô-Tam-Quế, Cảnh-Trọng-Minh, Thượng-Chi-Tin, Bạch-Ngô-Đạo, Tào-Biến-Giao năm người, thấy chủ-tướng đã bị giết, tự mình sợ phải tội lầy, đều cùng nhau kế-nghị, muốn chạy sang đầu-hàng Mãn-châu, để bảo-toàn thân-mệnh. Ngô Tam-Quế bắt đầu nói rằng : « Mao-súy ta kiến-lập bao nhiêu công to, mà chẳng khỏi bị giết, nữa là lũ chúng ta. Nay Viên-độc sư tuy hạ-lệnh đồ-ngot, chẳng qua là vì cái kế nhữn-tiền đấy thôi ; e rằng sau này rồi lại bắt tội, thì chúng ta làm thế nào ! »

Cảnh-Trọng-Minh nói rằng : « Lối Ngô-quân nói là phải đấy. Uy-lệnh quan-độc-sư có phần nan-trắc ; nay nếu không tìm đường trốn đi trước, thì sau này hối lại thì không kịp nữa. » Vì thế năm người đều đã quyết-kế đầu-hàng Mãn-châu. Duy hằng đợi xem Viên Sùng-Hoàn xử-trí mọi đường quân-sự chỗ Bi-đảo như thế nào đã, rồi mới quyết-định sự hành-chỉ.

Đến ngày hôm sau, thấy Viên Sùng-Hoàn hạ-lệnh, cho rằng đất Bi-đảo là nơi cách-viên, khó bề tiết-chế, đã tâu-thỉnh triều-dinh, không đặt đại-súy nữa, chỉ sai một viên võ-chức là Từ-Phu lĩnh-binh một đội, và hai viên phó-chức là Lưu-Hưng-Tộ với Trần-Kế-Thịnh lĩnh-binh hai đội, cùng giữ Bi-đảo mà thôi. Lại tông-tiền phạm những người tướng-hiệu họ Mao, đều hạ-lệnh bắt phải phục-hoàn họ cũ. Tự khi lệnh ấy đã hạ, Ngô Tam-Quế lại bảo chư-tướng rằng : « Độc-sư sự hành-dộng này, là muốn giải-tán đảng-cánh của Mao-súy đấy. Độc-sư nếu chán-tâm chỉ giết Mao-súy mà thôi, thì cứ một người kế-nhiệm Mao-súy, trấn-thủ Bi-đảo, quân-sự không hề thay đổi. Nay quân-sự đem thay đổi, và tước-trừ những kẻ tông-tiền họ Mao, Độc-sư là người đa-nghị, sợ rằng kẻ họ Mao hoặc sinh ra cái lòng vị Mao-súy báo-thù, cho nên có sự hành-dộng ấy. Các người thử nghĩ mà xem, kia những kẻ tông-tiền họ Mao, chẳng qua là những kẻ

thần-dinh kiện-tốt của Mao-súy thu-nhập được, mà còn đem lòng nghi-kị như vậy. Nữa là bọn chúng ta đều chịu ăn năn của Mao-súy, đương muốn vì Mao-súy sống chết bảo đền, quan đốc-sư chữa đã có một ngày nào chẳng để bụng đau. Chẳng qua đốc-sư sợ mục-tiền có biến, cho nên hăng tạt chữa dám phát-sư đẩy thôi. Chúng ta nay nếu chẳng mưu cái kế-sách tự-toàn, thì sau này chắc không có cái đất nào mà chôn xương vùi xác nữa. » Ngô-Tam-Quế nói xong, chư-tướng đều cả khóc. Lúc ấy chỉ có Cảnh Trọng-Minh tức-khắc tiến nói rằng: « Ngô-quân nói cực phải! Mao-súy cho năm tướng chúng ta chia giữ các nơi yếu-đạo, Mao-súy một mình trấn-thủ Bi-đảo; nay Bi-đảo còn chẳng đặt trấn-súy, nữa là những nơi chúng ta chia giữ, còn đặt để làm gì. Kế kia chữa dám triệt bỏ chúng ta đó, thực như lời Ngô-quân nói, là sợ mục-tiền có biến đẩy thôi. Kế kia lòng nghi đã nhiều, chẳng những triệt bỏ binh-quyền chúng ta thôi đâu, còn toan cướp lấy tính mệnh chúng ta nữa vậy. — Các hàng tiểu-tướng ở bên tả-hữu đều tỏ ý phân-hạn nói rằng: « Mao-súy túng-nhiên có tội chẳng nữa, song nghĩ đến công-lao ngày trước, há nên đến tội chết. Quan đốc-sư chỉ phát-biểu cái ý-kiến riêng, mà làm hại mất một viên đại-tướng của quốc-gia. Nay lũ chúng ta tức-khắc đi giết quan đốc-sư để vì quan Mao-súy phát-tiết mọi đường phân-hạn, há chẳng phải ư! Các vị tướng-quân nghĩ thế nào? » — Ngô Tam-Quế kịp ngăn-cản lại mà nói rằng: « Sự ấy tất không nên làm! Đốc-sư là một kẻ thù-sinh, muốn giết đi, chẳng qua dùng sức một kẻ sắt - phu là xong, cũng chẳng khó gì. Duy kẻ ấy phụng-thanh Thượng - phượng bảo-kiếm lại đây, biết đâu trong chốn triều-dinh không có kẻ tiểu-nhân họ sàm-báng, mà sai kẻ

ấy lại đây giết Mao-súy. Nay chúng ta chữa có mệnh-lệnh triều-dinh, nếu thiên-hành đi giết kẻ trọng-thần của quốc-gia, thì tức là kẻ phản-ngịch; cho nên sự ấy không nên làm. » Đương bàn nói, chợt báo có bức thư của quan Lễ bộ Đồng-Kỷ-Xương đưa đến, Tam-Quế tức-khắc sai đệ lên ở trên án, mở ra xem, thư rằng :

« Ngô tướng-quân tức-hạ. Tướng-quân với lão-phu tự khi ở chốn Kinh-hoa nhất-biệt nhau, từ đấy kẻ tây người đông, vài năm nay chẳng được trông thấy mặt nhau, khôn xiết cảm-vọng. Nghe tướng-quân ở đất Liêu-tây, đại-chiến tiêu-chiến vài mươi trận, quân giặc sợ hãi mất vía, vì thế yên-tĩnh được cõi biên-thùy. Triều-dinh xét công, thăng tướng-quân thụ chức đại-tổng-nhung, quốc gia thật là đặc-nhân, lão-phu nay cũng thơm lây được phần nhiều vậy. Mời đây quan Viên đốc-sư lĩnh-mệnh xuất-quan, phụng-thừa Thượng-phượng bảo-kiếm. Than ôi, quan Mao-súy có khi chẳng khỏi chết chẳng! Giữa ngày triều-thần đi tiễn quan Viên đốc-sư, lão-phu này cũng có được dự, từng nghĩ ý khuyên nài đốc-sư, để bênh-vực cho Mao-súy, khiến bảo-toàn lấy viên hồ-tướng, Song-le những kẻ gièm-pha Mao-súy ở trước mặt đốc-sư, thì mười kẻ có tám chín kẻ. Lão-phu cũng chắc rằng Mao-súy tuy là kẻ thô-sơ cường-hãn, cũng tất không đến nỗi làm phản triều-dinh. Lão-phu lại e rằng Mao-súy là người ít học, không đủ phương-thuật khôn khéo làm việc đời; tất có nhiều kẻ cho Mao-súy là trong mắt không có thượng-hiền, trên đầu không có triều-dinh, cho nên biết rằng Mao-súy tất không khỏi chết. Tuy vậy, Mao-súy là một kẻ tội-thần, đời trị không thể dung được; nhưng lại là một vai dũng-tướng, đời loạn không thể thiếu được. Mao-súy nếu chết, quốc-gia từ đó mới đa-sự, sợ rằng không thể thu-thập lại được nữa.

Lão-phu nghĩ đến khi giặc dương hung, người tài khó được, biên-phòng đã trễ, quốc-sự tất nguy; hễ chợt nghĩ đến nóng-nổi ấy, thì tự-nhiên nước mắt không biết tự đâu tuôn ra. Than ôi! lão-phu này già rồi, chẳng gánh vác việc nước được bao nhiêu nữa. Tướng-quân còn trẻ anh-niên, hùng-tài khảng-khải, dù cuộc đời biến-ảo thế nào mặc dầu, duy tướng-quân nên bỏ điều phần nhỏ mà trọng điều nghĩa lớn, cố gắng cái tiết-banh kẻ làm bề-tôi, giết giặc cứu nước, yên ngoài tĩnh trong, đều nhờ về tướng-quân, thì chẳng những lão-phu này có vẻ-vang, mà toàn-quốc cũng đều được chịu ơn vậy. Duy tướng-quân gắng-gượng.»

Ngô Tam-Quế đọc xong, liền đem bức thư bảo khắp cho kẻ tả-hữu biết. Kẻ tả-hữu nói rằng: «Cứ như bức thư này, thì triều-dinh chưa từng có mệnh-lệnh chuẩn giết Mao-sủy.»

— Tam-Quế nói rằng: «Sự đã xong rồi, nay bắt-tắt nói đi nói lại, quan đốc-sur cũng là kẻ có tài-năng, tạm đủ coi-sóc việc quân việc nước; nếu tất mưu giết đi, thì chẳng những thân mình là kẻ phản-ngịch; vả lại trong khoảng mười ngày, mà tổn mất hai viên đại-tướng, thì nước lại càng nguy.» — Cảnh Trọng-Minh đương loay có lời bàn nói, chợt bảo Bạch Ngộ-Đạo đến, Tam-Quế tức-khắc sai đón vào. Bạch Ngộ-Đạo hốt-hoảng nói rằng: «Quan đốc-sur có lệnh, sắp-sửa đi tuần-hành đông-bộ các trấn, sợ rằng kẻ ấy di chuyển này, lại tức-khắc dùng lối dãi Mao-sủy ấy dãi chúng ta, chúng ta ngày trước là kẻ tâm-phúc của Mao-sủy, phải phòng-bị mới được.» — Ngô Tam-Quế nghe nói thất-kinh, nhưng vẫn bàng-hoảng chẳng quyết-định về bề nào. Cảnh Trọng-Minh lên tiếng cá kều lên rằng: «Chúng ta há nên ngồi đó mà đợi chết dấy dư! xin thừa lúc đốc-sur chưa hành-dộng này, kịp tập-hợp chư trấn để kế-ngự,» — Lúc ấy Thượng-

Chi-Tin với Không Hữu-Đức cũng vừa đến. Không Hữu-Đức bắt đầu tiên nói rằng: «Quan tổng-binh ở Cẩm-châu-trấn là Tô Đại-Thọ, cũng sợ quan đốc-sur bắt tội, hiện đã chạy sang Mãn-châu đi đầu-hàng rồi; Đại-Thọ vốn không có tội gì, chẳng qua vì có là vây cánh Mao-sủy, cho nên tự mình nguy mình, thừa cơ trốn đi trước; tiền-dê cũng đã có chỉ ấy, chư-quân nếu chẳng đi, mô xin đi một mình.»

— Bạch Ngộ-Đạo đáp rằng: «Mãn-châu là kẻ đại-dịch của bản-quốc, chúng ta nếu nương-tựa với địch-quốc để mưu sự sinh-hoạt, thì thiên-hạ công-ngộ người ta thóa-mạ, còn mặt mũi nào trông thấy người đời.» — Thượng-Chi-Tin nói rằng: «Điều đó chẳng lo, chúa Mãn - châu hiện nó đương mua-chuộc nhân-tâm, tất nó không vội giết chúng ta ngay, chỉ cốt chúng ta cái thân thì ở bên nước giặc, cái tâm thì ở bên nước nhà, chẳng qua tạm-thời tránh vạ, nếu có cơ-hội gì khả-thừa, lại tức-khắc rủ nhau cùng về, có điều gì là chẳng phải.» Thượng-Chi-Tin nói xong, các người đều cho lời Chi-Tin là phải. Ngô Tam-Quế nói rằng: «Tô Đại-Thọ hiện là người cận thân của tiền-dê, sự này chư-quân đã đồng-ý, nên tạm đi nương-náu với Đại-Thọ, rồi sau sẽ đem cái chỉ chúng ta gửi về thông tỏ với những người cố-cựu ở trong Yên-kinh, để làm cái địa-bộ tiến-hành sau này, chư-quân cho là thế nào?» — Các người nghe nói đều tán-thành, liền cùng nhau cắt máu ăn thề, thề rằng coi nhau cùng như chân tay, không được phản-bội nhau. Nhất-diện tức-khắc nhờ người cầm bức thư tỏ chí của Ngô Tam-Quế vào kinh, bảo cho Đồng Kỳ-Xương với Ngô-Tương biết, nhất-diện tức-khắc người nào người ấy đều bỏ quân bỏ ấn, cùng thẳng nẻo chạy sang Mãn-châu mà đi.

Sáu tướng đã đầu-hàng Mãn-châu, từ đấy sự phòng-bị ở đông-phương hết

thầy triết bỏ. Viên Sùng-Hoán cả lo sợ, nhưng không dám ăn-nặc, tức-khắc đem sự thực vội-vàng tấu báo triều-dinh, kể rằng các tướng theo giặc, sự phòng-bị mặt đông khả nguy. Các quan trong triều nghe tin, người nào người ấy đều biến sắc, đã toan lập-tức trị Viên Sùng-Hoán về tội kích biến gây vạ. Chỉ viên Binh-bộ thượng-thư là Hồng Thừa-Trù và viên Lễ-bộ thượng-thư là Đồng Kỳ-Xương đồng-thanh tiến nói rằng : « Viên Sùng-Hoán việc này thật là quá-khích, duy Viên cũng là kẻ có tướng-tài, nay nếu lại trừ nốt đi, thì ra tự mình lại làm yếu sức mình ; sự ấy tất không nên. Xin rằng triều-dinh giáng-chiếu trách qua Viên Sùng-Hoán, mà thảo quốc-thư đưa sang Mãn-châu, đòi lấy lũ Tồ Đại-Thọ sáu tướng về, tướng người Mãn-châu chưa tất dám phát-nạn, tất đem trả sáu tướng ta, rồi sau ta sẽ lại tìm phép chinh-đốn biên-bị, như vậy sẽ nên. » Quả-nhiên quốc-thư đưa đến Mãn-châu, chúa Mãn tức-khắc đại tập-hội chư-thần kế-nghị. Chư-thần đều nói rằng : « Bọn Tồ Đại-Thọ, Ngô Tam-Quế sáu tướng, vốn có tiếng dũng ; nay nó lại-qui, chẳng qua là nó sợ hãi bức-bách, cái tâm nó chưa tất đã thành-thực qui-phụ ; nếu Minh-triều lại lấy ơn kết với nó, nó lại làm kẻ nội-nạn, thì ta lại có lo [về phần] nhiều ; nếu ta giết nó đi, thì cũng vô-ích. Nên nhất-diện trả lời cho Minh-triều, bằng lòng trả lại bọn Ngô Tam-Quế năm tướng, mà nhất-diện hằng lưu lại một Tồ Đại-Thọ ở Mãn-châu, không cho về vội. Cùng với Minh-triều lập-ước, khiến không được giết bọn Ngô Tam-Quế năm người ; nếu năm người bị giết, thì ta cũng tức-khắc giết Tồ Đại-Thọ mà không cho về. Lúc ấy Minh-triều tất không dám khai-hiến với ta mà Tồ Đại-Thọ cũng tất-nhiên đem tử-lực giúp ta. » — Chúa Mãn-châu nói rằng : « Minh-triều nếu giết bọn Ngô

Tam-Quế, thì ta lại toan xử-trí thế nào ? » — Chư-thần lại nói rằng : « Chúng tôi cũng liệu-tưởng Minh-triều đối với bọn Ngô Tam-Quế, tất không đem giết ; chỉ ta trước hết yêu-cầu Minh-triều không giết bọn Ngô Tam-Quế, bọn Tam-Quế tất-nhiên cảm-khích ơn ta, liền có thể lưu được một sự kỷ-niệm, để đợi dùng bọn ấy về ngày sau, cũng không phải là vô-ích. » — Chúa Mãn-châu rất lấy làm phải, liền tu-thư trả lời Minh-triều, đem bọn Ngô Tam-Quế phóng cho về, và ước rằng không được lấy cơ bọn ấy từng đầu-bàng Mãn-châu mà lại đem sát-hại.

Minh-triều lúc ấy đương muốn đòi năm người về để dùng, cũng lấy làm hân-hạnh. Lúc ấy bọn Tam-Quế biết được tin chúa Mãn-châu yêu-cầu với bản-triều khiến đừng giết mình, mình có thể bảo-toàn được tính-mệnh, lại được trở về cố-hương, thực đã khôn xiết cảm-khích. Đến ngày được phóng về, bọn Tam-Quế đều đến trước mặt chúa Mãn-châu, khấu đầu bái tạ. Chúa-Mãn-châu cũng biết rằng Minh-triều tất-nhiên không giết bọn Ngô Tam-Quế, hiện-cực đương là lúc nhu-dụng nhân-tài, tất-nhiên đem lũ Tam-Quế tái-dụng. Chúa Mãn nhân lại làm điều mua-chuộc lấy nhân-tình, lại tu một phong thư đưa sang Minh-triều, nói rằng bọn Ngô Tam-Quế, Cảnh-Trọng-Minh đều có sức mạnh tài giỏi, địch nổi muôn người ; qui-quốc nên đem trọng dụng, để bảo-vệ quốc-gia, không nên đem giết hoài đi, để tổn mất quốc-gia trụ-thạch, vân-vân. Lũ Tam-Quế nghe được lời ấy lại càng lấy làm cảm-khích vô-cùng. Kịp khi lũ Tam-Quế về đến Minh-triều, vua tôi triều Minh cũng cho rằng chúa Mãn-châu là một niềm thịnh-dức hảo-tâm liền đưa thư sang cảm-tạ Mãn-châu quốc-chủ. Minh-triều lại cho rằng bọn Tam-Quế chẳng qua vì Sùng-Hoán chuyên giết

mất chủ-tướng, vậy nên sợ tội, chạy ra nước ngoài, cũng là sự bất-đắc-dĩ. Vả lại Tam-Quế lại được có Đổng Kỳ-Xương, Ngô Tương cố sức bênh-vực; cho nên Tam-Quế chẳng những không bị giết, lại được tước-khắc làm chức đại-tổng-nhưng, thống-binh ra trấn Ninh-viễn. Còn Cảnh, Thượng, Không, Bạch bốn tướng, cũng đều được phải ra đồn-thủ các nơi trọng-trấn. Ngô Tam-Quế lúc ấy còn ở ngoài, chừa vào kinh, chợt được thu mệnh trọng-nhiệm, khôn xiết cảm-kích ân-đức triều-dinh; liền dâng tờ biểu vào triều, xin tiến kinh bệ-kiến vua Sùng-trinh-đế, để diện-tấu biên-sự tình-hình; kỳ-thực thì định muốn diện-hặc cái tội Viên Sùng-Hoàn giết can, để báo-thù cho Mao Văn-Long. Sùng-trinh-đế tiếp biểu, tức khắc giáng-chỉ cho Ngô Tam-Quế vào kinh bệ-kiến. Lúc ấy Tam-Quế ở Ninh-viễn, bỏ hạ kiện-tướng tinh-binh trải nghề chiến-trấn, chẳng kém mười vạn người, thật đã tiếng loa dấy dấy, bóng tinh rợp trời, người trong nước đã chẳng ai là chẳng ngưỡng-vọng cái thanh-thế. Kịp Tam-Quế tiếp được chiếu mệnh vào kinh bệ-kiến, tức-khắc khởi-trình, để hộ-tướng tạm giữ Ninh-viễn, tự mình đem thân-binh bản-bộ tiến vào Bắc-kinh.

Thanh-thế Ngô Tam-Quế khi ấy, đã hách-dịch hơn cả một triều; thậm-chi trẻ con đàn bà nghe tiếng Ngô Tam-Quế, chẳng ai là chẳng sợ hãi, mà các quan trong triều cũng chẳng ai là chẳng lấy sự kết-giao với Ngô Tam-Quế làm vẻ-vang.

Trong bọn triều-quan có một người, nguyên là bố vợ vua Sùng-Trinh-đế, triều-dinh tôn là vị quốc-trượng; người ấy họ Điền tên là Uyển, tiền-tự là Đổng-dư, người đất Hoài-nam, binh-sinh cũng chẳng lập được công-nghiệp to lớn gì, chỉ nhân có con gái làm vị Tây-cung hoàng-hậu, vậy được phong

tước và khai-phủ, thường ở trước mặt Sùng-trinh-đế, nói gì vua cũng nghe. Lại nhân triều Minh bấy giờ, sự hối-loa thình lăm, quan-lại trong triều, thấy Điền Uyển có quyền-thế to, phần nhiều những kẻ ngấp-nghe muốn thăng-quan tiến-chức, đều bòn-thủ ở cửa Điền Uyển, hoặc kẻ đem hiến mĩ-nhân, hoặc kẻ đem cung bảo-vật. Vì thế trong phủ Điền Uyển, những đồ kim-bích ý-la, huy-hoàng sản-lạn, lầu cao gác rộng, nhà gấm hiên hương, thực đã tráng-lệ liên-vàn, nguy-ngã diệp-nhật. Điền Uyển lại khuynh-mô cái thói phồn-hoa diễm-phúc ở đời Tấn đời Tần ngày xưa, lại đại-khởi công-trình, kinh doanh vườn-tược; nào là ca-dải, nào là vũ-tạ, tiếng笙 liếng đàn bầu đêm, tiếng hát suốt sáng, nhất-thiết đàn bà đẹp, con hát hay, đầy chừa ở trong phủ.

Trong bọn ca kỹ phủ Điền Uyển, có một người họ Trần, tên là Nguyên, lại tên là Viên-Viên; nguyên là con gái một nhà danh-môn cũ, ở đất Thái-nguyên, người đẹp, vẽ khéo, thơ hay, nghề cầm-nghe ca lại càng nũa-nuôi khuynh-nhân, gặp loạn bị-giặc bắt, đem bán ở xứ Ngọc-phong làm kẻ ca-kỹ. Tự khi Viên-Viên liệt tên ở nhạc-tịch, treo cờ ở kỹ-viên về sau, tiếng đẹp cả nổi; những người phú-quí vương-tôn phong-lưu công-tử, đến như nước chảy, ngựa xe thường đầy cửa; lại như những kẻ tao-nhân mặc-khách, đem thơ từ đề-tặng giao-thiệp với Viên-Viên, cũng hằng ngày lấp-nạp.

Ngô Tam-Quế sau khi đồ dần vũ-cử, còn lưu-trệ ở chốn kinh-sư, từng có một phen giáp mặt tương-thức Trần Viên-Viên, trong bụng đã cho rằng trong tranh bách-mĩ xưa nay, không nhân-vật nào kiêu-diễm như nhân-vật ấy. Viên-Viên nhất-kiến Tam-Quế, cũng cho là một hạng nhân-vật ít gặp trong một đời, cũng hơi để ý lưu-luyến.

Chỉ vì Tam - Quế, khi ấy đương nhiệm chức sai-bát ở trong quân-doanh, thân-phụ là Ngô Tương, quân-lệnh nghiêm lắm, Tam-Quế không dám một tối nào lìa chỗ quân-doanh ra ngủ chỗ khác, thường lấy làm một sự hãm-hận. Sau Tam-Quế lệ-thuộc bộ-hạ Mao Văn-Long, từ đấy nhứt-biệt ra Bi-dảo, chẳng lại được tiếp-kiến Viên-Viên nữa. Duy Tam-Quế tưởng nhờ Viên-Viên, trong bụng chứa lúc nào quên, từng muốn làm một bài thơ tả tình đề thông tin. Nhưng Tam-Quế ít học, không làm được nổi thơ, trong bụng thường lấy làm khốn-khổ, lại oán-hận rằng ngày xưa chẳng đi học nghề văn. Sau phải nhờ một người văn-sĩ làm gả cho một bài thơ tả-tình, đề tặng Viên-Viên, thơ rằng :

*Cuộc hoa ngảnh lại thủa đương-thì,
Chua-xót chàng Tiêu nổi biệt-ly;
Hoa rắc người mong cho tịnh-đế,
Cây trồng ta hận chẳng liên-chí ;
Tình xưa mộng hảo còn vương nhớ,
Thơ mới ai hay bỏ tặng đề ;
Ngoài ôi gió thu ai có thấu,
Hoạn-tràng người lả đoạn-tràng thi.*

Viên-Viên được thơ, cho rằng bài thơ thật tự tay Tam-Quế làm ra, trong bụng có nghĩ rằng trước kia vẫn tưởng Tam-Quế là kẻ vũ-tướng, ngờ đâu Tam-Quế lại là kẻ văn-nhân, thật là một bậc nho-tướng phong-lưu, cổ-kim nan-dắc ; vì thế Viên-Viên đề lòng tưởng mến Tam-Quế, lại càng thêm-thiết-lắm. Sau Viên-Viên vì nổi tiếng là kiêu-diễm, đến tại Điền Uyển, Điền Uyển đem nghìn lạng vàng đến mua về. Viên-Viên cho Điền Uyển là nhân-vật tầm - thường, cái phú-quí Điền Uyển cũng là cái phú-quí phù-vân, thiên-phương bách-kế cố từ-chối khước đi. Vì người mụ già một là sợ thế-lực Điền Uyển lớn, hai là tham được nhiều vàng, liền cưỡng-bách Viên-Viên, tống vào Điền-phủ. Điền

Uyển trông thấy Viên-Viên, tán khen miệng chẳng dứt miệng, tự lấy làm được một kẻ tuyệt-thế giai-nhân - bao nhiêu những người ca-cơ mỹ-nữ yêu quý ở trong phủ bấy lâu, nhứt-thiết đều coi như đất bùn. Cùng với Viên-Viên ngày ngày đêm đêm, sênh-ca yến-tiệc, yêu hầu khác thường. Duy Viên-Viên thì thường tỏ ra thái-độ buồn rầu, uất-ức bất-đắc - chí. Điền Uyển hết phương hết phép, trăm khuê-văn nghìn giải, vẫn không được Viên-Viên lấy một vẻ tươi cười.

Lúc ấy thiên-hạ đương biến - loạn, từ - phương giặc-dã khởi lên như ong. Sùng-trình-đế hàng ngày tru-khò, hề nói đến việc nước, thì liền cau trán vuốt nước mắt. Bà Điền-hậu muốn cầu cái phương - pháp giải buồn cho thiên-tử, mới thương-lượng với bố là Điền Uyển, đem Viên-Viên tiến-hiến vào trong cung, đề vì Sùng-trình-đế giải-muộn. Đền Uyển nguyên vẫn ngăn-ngừ không muốn cắt đứt mối tình thương yêu, song lại chẳng dám chẳng tiến, mới đặc-biệt đem Viên-Viên vào hiến Sùng-trình-đế, tiến nói rằng : « Kẻ mỹ-nhân này vốn khéo nghề sênh-ca, lại giỏi nghề thi-họa, thực là hạng tiên-phàm siêu - phàm, tiểu - phiến này không dám đề làm của báu riêng, vậy đặc-hiến lên dâng Hoàng-thượng. » — Sùng-trình-đế trông thấy Viên-Viên, liền lắc đầu than thở rằng : « Ấy kia như hoa như nguyệt, thực là kẻ giai-nhân, duy trăm vì quốc-gia đa-nạn, chưa từng một lúc nào nguôi lòng, còn kịp đâu lấy nữ-sắc làm vui. Quốc-trượng đã già, xin hoàn lại cái sắc đẹp ấy, để làm vui cảnh giá cho quốc-trượng, thế là nên. » Điền Uyển cả mừng, chẳng tái-thình nữa, liền lại đem Viên-Viên về phủ. Viên-Viên trước vẫn nghe Sùng-trình-đế là một đấng thiên-tử niên-thiếu thông-minh, nay thân mình được tiến, biết đâu không có phúc-phận như Tây-Thị Ngọc-Hoàn;

chẳng ngờ lại phải tái-hồi Diên-phủ. Từ đây Viên-Viên lại càng uất-ức âu-sầu.

Kịp khi Ngô Tam-Quế ứng-chiếu vào kinh. Viên - Viên nghe tin hồi-nhiên tỉnh-giác, có nghĩ bụng rằng Tam-Quế bấy lâu vẫn lưu ý với mình, chỉ vì cửa hầu sâu tựa bể, xui nên hờ-hững khách qua đường. Lại nghe Tam-Quế mấy năm ở quan-ngoại, chiến-công hiển-trứ, thực là tay trụ-thạch của quốc-gia. Viên-Viên đối với Tam-Quế, thực đã mười phần khynch-dào. Gặp một hôm, nửa đêm, Viên-Viên thị-yến ở dưới màn Diên Uyển, đương lúc bên ca bên vũ, chén cúc tàng-tàng, thấy Diên Uyển tỏ ý buồn-bã, cúi mặt dài than. Viên-Viên sẽ hỏi vì cớ sao. Diên Uyển nói rằng: « Bản-phiên ngày nay thực là hứng-thú đã cực; song-le hết vui đến buồn, xưa nay thường thế; xem vườn Kim-cốc của Thạch-Sùng ngày trước, khả làm gương soi. Vả quốc-gia hiện đương trong nhiều ngoài nhương, dâu dầu cũng thấy khói lửa, bản-phiên tương-lai chẳng biết kết-cực ra thế nào!»—Viên-Viên nghe Diên Uyển nói, tức-khắc thừa-cơ nói rằng: « Hiện nay triều-dinh suy yếu, các quan trong triều kẻ gian-tà thì chuyên sự hối-lộ, người hiền-giả thì cũng chỉ đua nhau văn thơ, đều không phải là cái tài-bộ cứu-quốc cả. Đại-phiên nay phú-quí đã cực, e rằng nhất-dân có biến, thì thử hỏi dưới chỗ cái tổ đã vỡ, còn có cái trướng nào lành-vẹn đây không? Nay vì đại-phiên mưu tính, không gì bằng thừa-cơ lúc này, chọn lấy một người có thể ý-lại được, mà kết-giao với người ấy, ngày khác lâm khi nguy-nạn, hoặc có phần được người ấy giúp mình chẳng. » — Diên Uyển nói rằng: « Ắ nói rất phải. Nhưng xem khắp các quan trong triều, ai là người khả-dĩ kết-giao, tưởng cũng khó lắm. » — Viên-Viên nói rằng: « Khả-dĩ kết-giao đó, chỉ có một người, là Ngô Tam-Quế. Người ấy do vũ-công khởi-gia, mấy

năm ở ngoài biên, lịch-duyet chiến-vũ, hiển-trứ công-lao, hiện đương thống-lĩnh mười vạn hùng-binh, giặc ngoài thì sợ hãi, quốc-gia thì hiện đương làm trụ-thạch, đại-phiên có sao lại quên mất người ấy. Người ấy thừa tư tập-vũ, lớn lên tông-nhung, chắc chắn biết cái thanh - sắc là cái vật gì. Đại-phiên nếu đặt cuộc thịnh-yến, tỏ ý ân-cần, đón người ấy đến trong phủ, thịnh-trần cuộc nữ-nhạc, đề cầu vui với người ấy, người ấy tất-nhiên thích-y thích-tình, tự-nhiên thường muốn vãng-lai trong phiến-phủ; đại-phiên lại đem cái vật quý-trọng gì tặng cho người ấy, để kết lấy cái tâm người ấy, ngày khác mà có việc, chẳng lo gì người ấy không hết sức với phiến-phủ; nay thừa lúc người ấy ứng-triệu vào kinh, cái cơ hội kết-giao, chớ nên bỏ mất. » — Diên Uyển nghe nói xong, rất lấy làm phải, và nói rằng: « Ắ không những là kẻ mĩ-nhâm của ta, lại là kẻ mưu-sĩ của ta, nên tức-khắc dùng kế-sách của ắ đem thực-hành. » Diên Uyển liền ngay lúc Tam-Quế đến kinh, tùy-dồng các quan ra đón Tam-Quế. Các quan đều cho rằng Diên là một vị quốc-trượng, chi-quí chi-tôn, có lẽ Tam-Quế phải đi đến chào hầu, nay lại hốt-nhiên đi nghênh-tiếp Tam-Quế, ai nấy đều lấy làm lạ. Ngay như Tam-Quế thấy Diên Uyển ra nghênh-tiếp, cũng lấy làm kinh-ngạc, nhưng không biết Diên Uyển nguyên có ý ở trong đó. Diên Uyển nghênh-tiếp Tam-Quế xong, liền chuẩn-bị cuộc thịnh-yến và nữ-nhạc, thỉnh Tam-Quế lại trong phủ yến-âm.

Tam-Quế tiếp lời Diên Uyển thỉnh, trong bụng tự nghĩ rằng mình với Diên Uyển, vốn không từng vãng-lai, sao nhất-dân lại ân-cần như thế; kể kia đương có quyền-thế, khước đi thì cũng chẳng tiện. Nhân nghĩ đi nghĩ lại, cho rằng Diên Uyển tất-nhiên cũng chẳng có ý gì, chẳng qua có sở-cầu với mình về sự gì đấy thôi. Lại

chợt tưởng đến người Ngọc-phong ca-kỹ Trần Viên-Viên ngày trước, đã bị Điền Uyển sinh về trong phủ, ta phen này nếu đến Điền-phủ, hoặc may được nhất-kiến chẳng. Vả nghe trong Điền-phủ cuộc nữ-nhạc rất thịnh, Viên-Viên tất ở trong hàng ca-kỹ, chẳng lo chẳng được trông thấy. Tam-Quế nghĩ bực như vậy, liền hân-hạnh định đi. Đến phần đêm, bắt đầu canh một, tức-khắc sắp-sửa kẻ học-lụng đem đi, người nào người ấy đều trang-sức ra bộ sán-lan oai-nghiêm; Tam-Quế tự mình cuỡi một con tuấn-mã, thân-hành đến phủ Điền Uyển. Điền Uyển sớm đã ngóng đợi, liền chạy ra nghênh-tiếp vào trong nhà, đã thấy có bộ nữ-nhạc trần-thiết la-liệt. Điền với Ngô hai người tức-khắc chia ghế tân-chủ mà ngồi. Tam-Quế nhất-diện cùng với Điền Uyển hàn-huyên mấy câu, nhất-diện lại liếc trông trong bộ nữ-nhạc, nhìn đi nhìn lại mãi, không thấy Trần Viên-Viên. Tam-Quế khi ấy trong tâm rất là kém vui, cho rằng Điền Uyển biết mình bấy lâu khuy-nh-mộ Viên-Viên, cho nên lúc này ân-nặc đi, không cho ra tiếp-kiến. Trong khi hai người tiếp chuyện, Tam-Quế vẫn thần-tinh hoảng-hốt bất-định. Điền Uyển hỏi hình-thể Liêu-dông, thì Tam-Quế dường như lại đáp ra hình-thể Liêu-Tây, Điền Uyển nói quốc-gia đương nguy, thì Tam-Quế dường như lại nói quốc-gia vô-sự. Hai người nói chuyện mấy câu, Điền Uyển tức-khắc sai đem đồ rượu lại, thỉnh Tam-Quế vào tiệc. Lúc ấy nữ-nhạc nhất-tề ca-vũ, sênh-ca réo-rất, dân sáo véo-von. Tam-Quế vô-tâm về sự lắng nghe, mà coi trong bộ nữ-nhạc, cũng đều nhứt-thiết như bùa đất cả. Điền Uyển không hiểu là ý sao, chỉ một bề ân-cần mời rượu. Tiệc rượu đã nửa vơi, Điền Uyển ngó ý nói rằng: « Hiện nay quốc-gia đa-sự, nhân-tài hiếm-ngheo, như tướng-quân vũ-dũng siêu-phàm, công-danh hiển-hách,

triều-dinh đương ý làm trụ-thạch, sau này quốc-gia may được an-toàn, đều là sức tướng-quân, tức như lão-phu này cũng được đời đức phần nhiều, lão-phu này già rồi, không thể theo đòi tướng-quân ở bên tả hữu được, xin nhờ cái dư-uy của tướng-quân, tướng-quân dễ lòng quân-cổ lão-phu, lão-phu xin đời-dời ngậm ơn đời đức. » — Tam-Quế đáp rằng: « Hề gì, quốc-trượng lại quá khen, đại-trượng-phu sinh ra đời loạn, nên cầu kiến-lập công-nghiệp. Mỗ nếu được triều-dinh thấy-chung tin dùng, xin khiến cho quân giặc không dám ngấp-nghe sang đất nước ta. Song chỉ tiếc thay Tam-Quế liên năm ở ngoài ải vật-vả, chẳng được buổi nào rồi, được đâu như quốc-trượng ngày tháng ưu-du ở trong phủ, thiếu gì rượu nồng dè béo, gái vừa đương xuân, như cái diễm-phúc của quốc-trượng. Tam-Quế này thực chưa từng hưởng-thụ một ngày. » — Điền Uyển nói rằng: « Tướng-quân là bậc anh-niên, lại gánh vác quốc-gia trọng-nhiệm, cho nên chẳng hạ-cấp về sự ấy, tướng-quân nếu chẳng hiềm bỉ-lậu, thì trong tề-phủ tôi hiện có ba nghìn kẻ kim-phấn giai-nhân, tướng-quân muốn dễ thanh-nhân về người nào, lão-phu đều xin kính theo tôn-mệnh. » Ngô Tam-Quế nghe đến lời ấy, trong ruột như cội, liền giả tỉnh giả say mà rằng: « Ngày trước có người ngọc-phong ca-kỹ là Trần Viên-Viên, nghe đã về trong qui-phủ, chẳng biết cận-trạng người ấy thế nào? » — Điền Uyển nói rằng: « Tướng-quân bởi dẫu mà biết người ấy? » — Tam-Quế nói rằng: « Tôi nghe tiếng người ấy đã lâu, chỉ muốn tiếp-kiến nhan-sắc người ấy một phen. » — Điền Uyển nói rằng: « Chẳng nói giấu tướng-quân, Viên-Viên liên nay ở trong tề-phủ. » — Tam-Quế khi ấy thần-tinh lại càng hoảng-hốt, bất-giác ngửa mặt than một câu rằng: « Cảnh xuân, cảnh xuân, thật

đã bẻ cho người chuyên tay, ngày nay ai là người quốc-sĩ, mà vớt cho kẻ trâm-luân ấy ! » — Điền Uyển nghe mấy lời, biết rằng Tam-Quế trong - tâm muốn được Viên-Viên, cũng bất-giác cả phát-nộ, đã toan để tiệc rượu đứng lên. Sau Điền Uyển lại chuyển nghĩ rằng mình thiên-phương bách-kế dễ kết - giao với người ấy, cũng không nên vội sinh ra ý-kiến. Điền Uyển nhân đôi lời nói rằng : « Thời thôi, tướng-quân say rượu rồi ! »

— Tam-Quế nói rằng : « Tôi chưa say rượu đâu, nếu được ở Viên-Viên ra đây hát cho nghe một khúc, thì tôi nên cùng với quốc-trượng uống nghìn chén chữa thôi. » — Điền Uyển lúc ấy trong bụng thực đã phi-tồn trù-trừ, nhưng cố làm ra bộ cười nhạt nói ;

rằng : « Tướng-quân muốn được Viên-Viên ra hát cho nghe, sự ấy cũng chẳng khó gì, chỉ hiềm rằng đêm nay cuộc rượu đã tàn, tướng-quân đã say, xin đợi đến mai lại bày tiệc nữa, lúc ấy sẽ sai Viên-Viên ra trình nghề, để làm vui cho tướng-quân. » — Tam-Quế khi ấy cũng biết rằng cố đòi Viên-Viên mãi cũng không tiện, nhân tỏ ra cả mừng-rỡ mà nói rằng : « Như vậy, dù tôi quốc-trượng là hậu-tính, tôi xin mình-cầm, chiều mai tôi xin y-uớc lại quý-phủ, quốc-trượng chớ có thất-tín. » Điền Uyển vâng lời, Tam-Quế tức-khác từ-biệt ra về.

(Còn nữa)

TÔNG-VÂN dịch

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CỎ

52 — Vịnh vườn hoa cảnh xuân (1)

Tư sinh râu tóc đứng trên đời,
Đai mũ lông nhô vẫn thanh-thời ;
Dần ấy mới me xuân chín chực,
Sầu này lần-thần lão năm mươi ;
Ti-ti càng khéo làm thầy giáo,
Mẹo mòng đang khôn với thợ trời ;
Truyện cũ cùng thời thì lại hiền,
Đường mây rộng-rãi chẳng riêng ai.

53 — Năm Tân-mão Sơn-phỉ xuân-dộng

Ơ hay ta đã năm mươi mốt,
Cái chuyện chỉ chỉ còn thấy suốt ;
Nghe ngóng đâu kia hội gió mây,

Thăm hỏi ai đây lắm giường cột ;
Phải diêm bầy phượng với năm rồng,
Hay giống đàn ong cùng lũ chuột ;
Tạo-hóa sinh người đủ mặt gan,
Anh-hùng vì nước mãi uanh vuốt ;
Tóc da mình ấy nợ chưa đền,
Gươm sách nghề xưa nguyên đã chót ;
Nước mắt tha-hương gạt mấy hàng,
Mẫu hời thế-sự lau từng giọt ;
Cao-chỉ miếng lạ nếm còn tanh,
Mực-tú mùi quen ăn cũng ngọt ;
Chín chữ thơ Nga bỗng ngậm-ngùi,
Ba thu đem rạ càng xui-xút ;
Chợt năm mới đến cũ đã qua,
Hè cánh vân-song mừng mở bát.

(1) xem Nam-Phong từ số 127. Xuyên-ngọc-hầu tại-văn tập.

54. — Say rượu

Rượu ngọt khen ai khéo đặt nền,
 Uống vào lão-đạo gọi má men ;
 Thoảng nghe rừng trúc lao-nhao hợp,
 Chợt ngửi hơi riêng ngất-ngưỡng lên ;
 Rủi gót ông Bang lăm rần động,
 Bật hồn dựng Khoái tiệc Hồng yên ;
 Đêm phượng qui đầy làm bầu bạn,
 Trên ghẹo thần ăn đã lăm phen.

55 — Mừng nhạc-phụ làm nhà mới.

(Lâm nô Tử-Thông)

Cửa nhân từ trước chất nền đây,
 Ngang dọc người nhân khéo đặt bày ;
 Một thốc rộng thênh nền-nếp cũ,
 Muốn thu chống vững cột đường nay ;
 Bên màn diềm có chỉ lan nở,
 Góc sồi loài không gợn tức bay ;
 Phận được tới sân nương cổ ngọc,
 Tư-can xin ngợi chúc xuân này.

56 — Lên gác chùa Hội-tiên

I

Ngoài năm mươi tuổi những nhân-hương,
 Cái kiếp phú-sinh cũng lạ đường ;
 Có hẹp-hòi chỉ duyên giải-cấu,
 Má ray-rút bấy nợ văn-chương ;
 Nhân-tình dường ấy đã nồng-nã,
 Tạo hóa làm sao lại nở-nang ;
 Vinh nhục ai ai thừa chuyện cả,
 Câu thơ chén rượu buổi tà-đương.

II

Gươm đàn từ thừa gió xuân đưa,
 Ngoài nửa năm tròn chiếc mộng tro ;
 Được thù hiểm-hoại bầu bạn rượu,
 Nói tình ít-ôi lảng giềng thơ ;
 Học cùng trò trẻ thêm ray-rút,
 Chuyện với tăng già những văn-vơ ;
 Bập tời cầm-đường mà hỏi khách,
 Khách cầm vác mặt giả làm ngơ.

57 — Tự-thán

I

Bấy nay đã chịu tiếng anh-hùng,
 Gan sắt mà sao cũng phải trơng ;
 Kèo-cuột lòng ai khi tuế mộ,
 Lãng bãng bước khách lúc đồ cùng ;
 Văn-chương buổi ấy là trò cũ,
 Cừu mã đời xưa mấy của chung ?
 Còn chắc ta thì câu cồ-ngữ :
 Nhân sinh hà xứ bất tương-phùng.

II

Đưa thoi đất phượng tiếng là thầy,
 Lại lại đi đi bởi chày mây ;
 Buổi sớm gió ngang se mặt bắc,
 Ban chiều mưa ngược vẫn đường tây ;
 Tóc râu chín thẹn cùng non nước,
 Gươm sách đem nguyên với cỏ cây ;
 Ba vạn sáu nghìn ngày mới hết,
 Tuổi ta ta nhảm hầy nhiều ngày.

58 — Tự-thuật

Sớm chửa bao lâu phút đã chiều,
 Nực cười đường thế cũng treo-leo ;
 Đã ngoài chín tháng cho râu tóc,
 Há chẵn trăm năm với rác bèo ;
 Về mặt anh-hùng chưa hết thầy,
 Mà ta tuế-nguyệt hầy còn nhiều.
 Cái khuôn trời đất bao nhiêu rộng,
 Thì chỉ giang-hồ cũng bấy nhiêu.

59 — Ngày xuân khai bút

Hoa cổ mừng xuân được mấy hơi,
 Vận ta ta nghĩ bật ta cười ;
 Chín mươi ấy một thiếu-quang tốt,
 Năm chục thêm ba mãn-phát tươi ;
 Càng rộng non sông càng rộng chí,
 Chẳng già năm tháng chẳng già tài ;
 Còn ngôi tam cực người còn đó,
 Không lẽ trơ trơ đất với trời.

60 — Tức cảnh

Bần mà không siểm phú không kiêu,
 Sả nghĩ lòng người ghét với yêu ;
 Có cũng chẳng trơng khi gió giật,

Thông già càng vững lúc sương gieo ;
 Dưới trời tới chốn là mưa móc,
 Trên đất dù đâu cũng rác bèo ;
 Xe ngựa cần dai trong một kiếp,
 Hoa khi ban sớm nước ban chiều,

HÁT NÓI CỔ (1)

1 — Tiên Xích-bích

Gió trắng chờ một thuyền đầy,
 Cửa kho vô-lận biết ngày nào voi.

Ông Tô-lữ qua chơi Xích-bích,
 một con thuyền với một túi thơ ; gió
 hiu-hiu mặt nước như tờ, trăng chềch-
 chềch đầu non mới ló. Thuyền một lá
 xông ngang doanh bạch-lộ ; gác chèo hoa
 len-lỏi chốn sơn-cương . Ca rằng : Quế
 trạo hề lan-tương, kích không-minh
 hề tổ lưu quang, điều điều hề dư hoài,
 vọng mĩ-nhân hề thiên nhất phương,
 桂棹兮蘭槳。擊空明兮溯流光。渺
 渺兮予懷。望美人兮天一方。
 Người ý-ca rêu-rất khúc cung thương,
 tiếng tiêu lẫn tiếng ca vang đáy nước ;
 Sức nhớ kẻ cầm đốc giáo vịnh câu thơ
 thừa trước, nghĩ sự đời thêm cảm nỗi
 phù-du. Hành hay trời đất dành cho,
 hai kho phong nguyệt nghìn thu hãy
 còn. Còn trời còn nước còn non !

2 — Hạp Xích-bích

Sông Xích-bích vắng trắng vắng-vặc,
 thầy Đông-Pha tìm thú cũ qua chơi ;
 bóng quang-âm là đã mấy mươi, mà
 non nước dễ xui lòng cảm-khích. Thi
 thành nhất bức thiên sơn tịch ; có hạc
 nhàn nhàn giang lược tiểu chu. 詩成一幅
 千山寂。孤鶴橫江掠小舟。
 Suốt năm canh bên gối mô-hồ, chiếc
 thuyền lướt đi về trong bóng nguyệt ;
 trong cười nói tên chi chẳng biết, nhắc
 trông ra nào thấy đâu nào. Ấy người
 hay hạc xinh sao !

3 — Trần Hi-Di

Sườn non bầu rượu túi thơ,
 Thành thời ngồi ngắm cuộc cờ Tráng-
 [an,

Vạc Hạp-Chu vừa khi mới dời, Trần Hi-
 Di còn ăn núi Hạp-sơn ; mấy trăm năm
 trải cuộc lâm-than, lửa vẫn vũ chữa lạnh
 lò đan-tảo. Hà vật lão-âu, nặng hai vai
 một gánh thái-bình ; liếc mắt trông
 Tổng-nhất đã khai-minh, mây thúc-qui
 hẩn từ đây trong-trẻo. Trần-kiều mộng
 tỉnh giang-sơn tiêu. Vân quán xuân
 thâm nhật nguyệt tràng. 陳橋夢醒
 江山小。雲館春深日月長, rượu
 một bầu, thơ một túi, cờ một cuộc, cầm
 một xoang, khi đắc-ý ngất trên, lửa
 cười ha-hả ; mặc cung kiếm, mặc ai xa
 mã, tri-trần bất đảo thủ giang-sơn.
 緇塵不到此江山. Trời riêng cho
 một chữ nhân !

4 — Trương Lưu-hầu

Năm năm uốn lưỡi trong màn.
 Một mình ăn Hán nợ Hán trả xong.

Trương Lưu-hầu là Hán công-lũ,
 dãi năm đời chung-dĩnh dai-cân ; liềm
 một dùi chưa trả nợ cổ-quân, uốn ba
 tấc lấy thân thờ Hán-chúa. Thuộc độc
 phun Tần lấy đến Sở ; mùi thơm ngấm
 Hân chún cho Hán. Trong năm năm
 vầy một mối giang-san, đèn nghĩa
 trước án sau đèn ven trọn ; trăng phủ-
 qui xem bằng mây mong-mong, túi
 Xích-Tùng dửng-dĩnh mái thanh-sơn.
 Nhục vịnh gác truyện Tiểu Hàn !

5 — Chinh-phụ

Con cò lặn lội bờ sông,
 Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non.
 Lộ diệc vũ tràng trung chi nhất,
 thương cái cò lặn lội bờ sông ; tiếng nỉ-
 non gánh gạo đưa chồng, ngoài ngàn
 dặm một trời một nước. Trông bóng
 nhạn băng-khuảng từng bước ; nghe

(1) . Sao ở một tập hát nói cổ, các bài không đề tên tác-giả. Có bài tương-truyền là của cụ Nguyễn Công-Trứ.

tiếng quỳên khắc-khoải năm canh. Nghĩa tếp tôm ai nữ dứt tlinh, ơn thủy thổ phải đền cho vẹn trọn; trường tên đạ xin chàng bảo-trọng, thiệp xin về nước non, mình trong trắng có quĩ thân a-hộ; sức bay nhảy một phen nâng-nở, đá Yên-nhiên còn đó chưa mòn. Đồng-hưu sáng chép thể son, chàng nên danh-giá, thiệp còn trẻ-trung. Yêu nhau khăng-khít giải đồng!

6 — Khuất-Bình

Thế nhân giai tùy nhi giai trọc, duy ngũ độc tỉnh nhi độc thanh; 世人皆醉而皆濁。惟我獨醒而獨清。 buổi hôn hôn ai tỏ dạ trung-thành, còn nấn-nà nữa chỉ cho bán. Có-phần khi thành thiên khả vấn; độc tỉnh nhân khứ quốc cơ không. 孤憤氣成天可問。獨醒人去國幾空。 Đồng Mich-la dù dục dà trong, đèn bất-dạ hầy soi thiên-cổ; bất-ngất buổi giang-thiên dục mộ, tiếng ngư-ca còn đồng-vọng đầu đây. Nghĩ tỉnh ai cũng xót vầy!

7. — Nhân-sinh

Ồi nhân-sinh là thế ấy, như bóng đèn, như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao; ba mươi năm hưởng-thụ biết chừng nào, vữa sức giắc nổi kê chưa chín. Vật-thái mạc cùng vân biến ảo, 物態莫窮雲變幻, thể-đồ vô lự thủy doanh hư. 世途無慮水盈虛. Cái hình-hài đã chắc thật chưa, mà mờ-mịt khóe dù ngựa mãi; trời đất dầu có hình cũng hoại, ỷ chỉ chỉ mà chắc chắn chỉ chỉ. Cuộc làm vui liệu cũng kịp thì, khi đắc-chỉ lại có khi thất-chỉ; trong đó đồ ai suy cho kỹ, suốt xưa nay nào có chừa ai. Có tài mà cậy chỉ tài!

8 — Sĩ vi chi tiên

Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt, dân hữu tứ sĩ vi chi tiên 爵有五士居其列。民有四士爲之先。 có giang-

sơn thì sĩ đã có tên, đời Chu Hán nhất sĩ đều là quý. Miền hương-dã đã xưng rằng hiếu-nghị, đạo lập thân phải giữ lấy cương-thường; khi hiếu-nhiên chí-dại chí cương, so chính-khi cho đầy trong trời đất. Lúc vì-ngộ hồi tàng bằng tất, hiếu-nhiên nhiên điều Vị canh Sân; xe bò-luân chưa gặp hội Thang Văn, phủ thể-giáo một vài lời thanh-nghị. Cầm chính-đạo để tích-tà cự-bi, hồi cuồng-lan nhi chương bách xuyên; rồng mây khi gặp hội đưa duyên, đem chỉ cả sở-tồn làm sở-dụng. Trong lang-miếura tài lương-dũng, ngoài biên-thùy cậy sức can-tương; làm sao cho bách thể lưu phương, đầu nhất sĩ sau là khanh tướng. Vay có câu thơ rằng: Kinh-luân khởi tâm thượng, bình giáp tự hung trung; vũ trụ chỉ nội giai phân sự, nam nhi đáo thủ thị hào hùng. 經綸起心上。兵甲自胸中。宇宙之內皆分事。男兒到此是豪雄。 Nhà nước yên mà mình được thông-dòng, bấy giờ sẽ hỏi thăm ông Hoàng-Thạch; năm ba chủ tiêu-dũng lịch-thếch, tự những nơi bích-thủy thanh-sơn. Nào là thi, nào là tửu, nào là địch, nào là dân, đồ thích-thù đề đầy trong cuộc thế; mặc ai hỏi mặc ai không hỏi tới, găm việc đời mà ngẫm kẻ trọc thanh. Ngày này sĩ mới hoàn-danh!

9 — Công danh

Giang-sơn bất thiêu anh-hùng khách, gánh cân khôn treo nặng rừng nho; thiên phúc ngộ, địa tài ngộ thiên-địa sinh ngộ nguyên hựu ý. 天覆吾地載吾。天地生吾原有意。 Đã thị sơn xuyên chung lú-khi; quả nhiên dài các xuất danh-công, 也是山川鍾秀氣。果然臺閣出名公。 Hội rồng mây đã phủ chi tang-bồng, cờ báo-tiếp ngất trời nam bay bướm nhĩ; cuộc tại-thế công-danh là thế. nợ trần hoàn quyết trả lúc này, xong đời-dào nghìn từ muôn chung hầu-phong xa mã tướng-công lâu dài. Trừn-ai ai dễ biết ai!

10 — Chữ anh-hùng

Vũ-tru nội phận-sự, người trượng-phu hai chữ kinh-luân; thượng vị đức hạ vị dân, sắp hai chữ quân dân làm gánh vác. Trung là hiểu đứng trong trời đất hội công-danh so lẽ-ngộ rồng mây. Chí tang-bồng hồ-thỉ dạ nào khuấy, hăm-hở phải ra tài kinh-lẽ; người là thể nợ đời là thể, của đồng lẫn thiên-hạ vốn là chung. Khác nhau là chữ anh-hùng!

11 — Nợ nam-nhi

Giao-long hề vị vũ, chốn nể-trì phi tức-ngụ chỉ giao; danh vị thành, thời vị ngộ, tính tâm sao, hay là phận anh-tài cơn gặp khúc. Mở túi giang-sơn cớ một cạc; nghiêng bầu phong-nguyệt rượu ba chung. Quyết ra tay bướm lái lặn cuồng-phong, cho tỏ mặt anh-hùng tay thủ-đạo; đạo nước trí non nhân làm bạn, trải giang-hồ lang-miêu là vui. 1 hú trần-ai ai dễ biết chẳng ai, kia tri-kỷ tri âm nào dễ mấy; khuyên những kẻ tài-tình ai nấy, nên gắng lòng trả sạch nợ nam-nhi. Có câu khanh-tướng tự kỳ!

12 — Nghiệp văn-chương

Nhất văn thiên-tử chiếu, bốn phương đều nao-nức; hội công-danh; những mấy người cửa Khổng sân Trình, ai ai cũng một lòng tinh-bạch. Nhưng mấy kẻ mười năm đèn sách, trận bút hoa cho phỉ chí tang-bồng; hươu tương thành bại luận anh-hùng, dù tảo văn bởi vì duyên với phận. Trên án tuyết già công học-văn sách có câu hữu chí cánh thành; đường mây còn mở rộng thênh-thênh, khoa này hẳn đổ há dành khoa sau. Văn-chương ai kèm ai đầu!

13 — Công đèn sách

Văn chương vì thế quý, đứng tài-danh lập chí gia tu; trong mười năm đèn sách công-phu, bằng khoa-mực áo-tử chu sẵn đó. Trạng-nguyên bản thị nhân

gian tử 狀元 本是人間子. là tướng nguyên phi thiên thượng nhi, 宰 相 原非天上兒. Đường củ hanh thần-thần hẹp chí, người là thể nhĩ-mục tu-mi dà cũng thế; chí tỏ định hiền-vinh tỏ dễ, nên đình-chung thêm rạng vẻ đại-cân. Hoàng-thiên bất phụ độc-thư nhân!

14 — Bạc tài-danh

Trong trời đất tài danh mấy kẻ, chót đa mang lấy chữ tang-bồng; hội bắc nam thiên-lý kỳ phùng, mặt nam-tử rõ-ràng trong vũ-tru. Lộc nước dầm-dia chung đỉnh cũ, dấu nhà vương đã sẵn nếp đại cân; đường công-danh nhẹ bước thanh-vân, giọng tiếng dễ lưu bia nhân-khẩu. Phúc-trạch chịu trời cho đã hạn, trong trần-ai ai kém chi ai. Tài-danh dễ mấy lắm người!

15 — Đường sĩ-hoạn

Paò thiên chi hạ mạc phi vương thổ, 普天之下莫非王土. đáng làm trai sao dám ngại xa gần; chữ công-danh nên giá tấn-thần, đường sĩ-hoạn thiên án là mệnh cả. Tư-tình công-nghĩa ngâm thi dạ 私情公義吟詩夜; cố-quốc tha-hương đối tửu thì 故國他鄉對酒時. Bước thanh-vân nam bắc có nề chi, trong vũ-tru nam-nhi là chi-khi; trách người thế sao không suy nghĩ, bán dạ-sầu mà năn-ni với trần tâm. Khi đàn sắt lúc đàn cầm, khi chén sen khi rượu cúc, khi ca-tử thi khúc, số an-bái thiên-định tự-nhiên, gấm phong-vị vốn quen nền-nếp ấy; thân ta đã hiền-vinh chịu nấy, nợ tang-bồng cho phỉ chí mới cam. Nhất đồ khả bắc khả nam — 途可北可南!

16 — Cuộc hành-lạc

Thi tửu cầm kỳ khách 詩酒琴棋客, phong hoa tuyết nguyệt thiên 風花雪月天. mặt lài tình đương hội thiếu-niên, cuộc hành-lạc: vẩy-vung cho phỉ chí. Thơ một túi gieo văn Đỗ Lý, rượu một

bầu rớt chén Lưu Linh ; đàn Bá Nha
gảy khúc tình tình, cò Diệu-đế so về xe
pháo mã. Thủa vị ngô Vị-tân Sơn-dã,
lấy bút nghiên làm bạn với non sông,
Thang Văn xa nhất-dân tao - phùng,

bao nhiêu nợ tang-bồng trả hết. Chữ
rằng ; Tri mệnh thửc thì duy tuần-kiệt
命識惟俊傑, hữu duyên hà xứ bất
phong lưu 有緣何處不風流 Tri
nhân hà cụ hà tru 知仁何懼何憂!

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thời-cục nước Tàu.—Nước-Trung-hoa nay đã sáng - lập nên một dân-quốc mới, đã trải qua cái thời-kỳ quân-chính, bắt đầu đã đến cái thời-kỳ huấn-chính, mới rồi đã công-bố cái phương-pháp tổ-chức ra chính-phủ quốc-dân, theo như ngũ-quyền hiến-pháp mà lập ra năm viện, vậy nay theo các báo trích-lục ra như sau.

CHƯƠNG THỨ NHẤT — Chính-phủ quốc-dân

1. — Chính-phủ quốc-dân giữ hết thẩm quyền chính-trị của Dân-quốc Trung-hoa ;

2. — Chỉ-huy tất cả hải-quân, lục-quân và hàng-không-quân trong nước ;

3. — Đối với những việc tuyên-chiến, việc giảng-hòa có quyền quyết-định và đề-kết hết thẩm các điều-uớc quốc-tế ;

4. — Có quyền đại-xá, đặc-xá, giảm hình và phục quyền cho những người đã bị tội ;

5. — Lấy năm viện hành-chính, lập-pháp, tư-pháp, khảo-thí, giám-sát, tổ-chức nên ;

6. — Đặt ra một viên chủ-tịch, và có 12 cho đến 16 người ủy-viên ;

7. — Chức viện-trưởng và chức phó viện-trưởng ở năm viện do các Ủy-viên Chính-phủ Quốc-dân sung vào ;

8. — Chức chủ-tịch chính-phủ Quốc-dân thay mặt chính-phủ tiếp-kiến các ngoại-sứ, và cử-hành hay tham-dự các lễ quốc-tế ;

9. — Chức chủ-tịch kiêm chức tổng-tư-lệnh hải - lục và hàng-không-quân ;

10. — Khi nào viên chủ-tịch vì có sự cố gì không thể chấp-hành chức-vụ được, sẽ do viên viện-trưởng hành-chính thay quyền ;

11. — Do cuộc hội-ng nghị quốc-vụ xử-lý việc nước, cuộc hội-ng nghị ấy do các viên Chính-phủ tổ-chức nên, viên chủ-tịch Chính-phủ quốc-dân làm chủ-tịch cuộc hội-ng nghị ấy ;

12. — Phạm những việc gì mà ở trong khoảng viện đối với viện không thể giải-quyết được, thì sẽ do cuộc hội-ng nghị quốc-vụ nghị kết, do viên chủ-tịch và năm viên viện-trưởng ký tên rồi chấp-hành ;

13. — Các viện đều được theo như pháp-luật mà phát-bổ mệnh-lệnh ;

CHƯƠNG THỨ HAI. — Viện hành-chính

14. — Viện này là cơ-quan hành-chính rất cao của Chính-phủ quốc-dân;

15. — Đặt ra một người viện-trưởng và một người phó-viện-trưởng, khi nào viên viện-trưởng vì sự-có gì không thể chấp-hành được chức-quyền thì do viên phó viện-trưởng thay quyền;

16. — Các bộ thuộc viện hành-chính chia giữ các chức-quyền hành-chính, thuộc về những sự-nghi hành-chính đặt định thì được đặt một ban ủy-viện coi giữ;

17. — Các bộ trong viện hành-chính đều đặt một viên bộ-trưởng, một viên chính-vụ thứ-trưởng và một viên thường-nhiệm thứ-trưởng, các ban ủy-viện đều đặt một người chánh-hội-trưởng và phó hội-trưởng, đều do viên viện-trưởng hành-chính xin chính-phủ quốc-dân cử vào hay bãi đi;

18. — Các bộ-trưởng và các ủy-viện-trưởng hành-chính khi nào cần đến, thì được dự vào cuộc hội-nghị-quốc-vụ và cuộc hội-nghị của viện lập-pháp.

19. — Viên hành-chính đối với những việc chủ-quản, được phép đưa nghị-án ra ở viện lập-pháp;

20. — Cuộc hội-nghị hành-chính do viện-trưởng và phó-viện-trưởng viện hành-chính và các bộ-trưởng, các ủy-viện-trưởng thuộc viện ấy tổ-chức ra, do viên viện-trưởng làm chủ-tịch;

21. — Các việc kể sau này phải do cuộc hội-nghị hành-chính nghị-quyết:

A. — Những án pháp-luật đưa ra viện lập-pháp;

B. — Những án dự-toán đưa ra viện lập-pháp;

C. — Những án tuyên-chiến, giảng-hòa cùng các vấn-đề trọng-yếu thuộc về quốc-tế đưa ra viện lập-pháp;

D. — Những án đại-xá đưa ra viện lập-pháp;

E. — Tiến-cử những quan-lại hành-chính hay là miễn-chức;

F. — Quyết-nghị những việc mà viện hành-chính, các bộ và các ủy-hội không thể giải-quyết được;

G. — Những việc phải theo như pháp-luật mà viên viện-trưởng cho là phải giao cho hội hành-chính quyết-nghị;

22. — Các bộ và các ủy-hội thuộc viện hành-chính được theo pháp-luật mà tuyên-bố mệnh-lệnh;

23. — Thuộc về việc tổ-chức các bộ và các ủy-hội thuộc viện hành-chính theo pháp-luật mà qui-định.

CHƯƠNG THỨ BA. — Viện lập-pháp.

24. — Viện lập-pháp là cơ-quan lập-pháp rất cao của chính-phủ quốc-dân, có quyền quyết-nghị án pháp-luật, án dự-toán và các án đại-xá, tuyên-chiến, giảng-hòa cùng các việc trọng-yếu thuộc về quốc-tế;

25. — Viện ấy đặt ra một viên viện-trưởng và một viên phó viện-trưởng, khi nào viên viện-trưởng vì sự-có gì không thể chấp-hành được chức-quyền do viên phó-viện-trưởng thay;

26. — Viện lập-pháp đặt ra 49 người đến 99 người ủy-viện, do viên viện-trưởng trình xin Chính-phủ quốc-dân cử dùng;

27. — Ủy-viện viện lập-pháp mỗi hạn là hai năm;

28. — Ủy-viện viện lập-pháp không được làm các chức-vụ ở các cơ-quan thuộc về chính-phủ trung-ương hay các chính-phủ địa-phương;

29. — Cuộc hội-nghị của viện lập-pháp do viên viện-trưởng làm chủ-tịch;

30. — Những án quyết-nghị của viện lập-pháp do cuộc quốc-vụ hội-nghị quyết-nghị rồi công-bổ;

31. — Việc tổ-chức thuộc về viện lập-pháp sẽ theo pháp-luật mà qui-dịnh.

CHƯƠNG THỨ TƯ. — Viện tư-pháp

32. — Viện tư-pháp là cơ-quan tư-pháp rất cao của chính-phủ quốc-dân, có quyền chuyên giữ việc tư-pháp thẩm-phán, việc tư-pháp hành-chính, việc trưng-giới quan-lại, việc hành-chính thẩm-phán, thuộc về các việc đại-xá, giám-hình, và phục-quyền do viên viện-trưởng viện tư-pháp trình xin chính-phủ quốc-dân xét cho rồi chấp-bánh;

33. — Viện tư-pháp đặt ra một chính-viện-trưởng và một viên phó-viện-trưởng, khi nào viên viện-trưởng vì sự-có gì không thể chấp-hành được chức-quyền, do viên phó-viện-trưởng thay;

34. — Thuộc về các việc chủ-quản được đưa nghị-án ra lập-pháp-viện;

35. — Các việc tổ-chức về viện này, đều theo pháp-luật mà qui-dịnh.

CHƯƠNG THỨ NĂM. — Viện khảo-thi

36. — Viện này là cơ-quan khảo-thi rất cao của Chính-phủ quốc-dân, giữ các việc khảo-tuyển và thuyên-tự, phàm các viên-chức làm việc công đều phải theo pháp-luật do viện khảo-thi khảo-tuyển và thuyên-tự rồi mới được bổ dùng;

37. — Viện này, đặt ra một viên viện-trưởng và một viên phó-viện-trưởng, viên viện-trưởng khi nào vì sự-có gì không chấp-hành được chức-quyền, thì do viên phó-viện-trưởng thay;

38. — Thuộc về các việc chủ-quản được đưa nghị-án ra lập-pháp-viện;

39. — Việc tổ-chức thuộc về viện này theo như pháp-luật mà qui-dịnh;

CHƯƠNG THỨ SÁU. — Viện giám-sát.

40. — Viện này là cơ-quan giám-sát rất cao của chính-phủ quốc-dân, theo pháp-luật giữ việc đàn-hặc và việc thẩm-kế;

41. — Viện này đặt ra một viên viện-trưởng và một viên phó-viện-trưởng. Viên viện-trưởng khi nào vì sự-có gì không chấp-hành được chức-quyền thì do viên phó-viện-trưởng thay;

42. — Đặt ra ban ủy-viện giám-sát từ 19 người đến 29 người, do viên viện-trưởng trình xin chính-phủ quốc-dân cử dùng, về sự bảo-chương của các ủy-viện giám-sát thì theo như pháp-luật mà qui-dịnh;

43. — Cuộc hội-nghị giám-sát do các ủy-viện giám-sát tổ-chức nên, viên viện-trưởng viên giám-sát làm chủ-tịch cuộc hội-nghị ấy;

44. — Các ủy-viện giám-sát không được kiêm làm các chức-vụ thuộc về các cơ-quan của Chính-phủ trung-trương và các chính-phủ địa-phương.

45. — Thuộc về việc chủ-quản được đưa nghị-án ra lập-pháp-viện;

46. — Việc tổ-chức thuộc về viện này theo như pháp-luật mà qui-dịnh.

CHƯƠNG THỨ BẢY. — Điều phụ thêm

47. — Các phương-pháp tổ-chức này bắt đầu thi-hành từ ngày công-bố.

Theo như hiến-pháp mới công-bố ở trên thì Chính-phủ quốc-dân chia làm năm hội-đồng, là hành-chính, lập-pháp, tư-pháp, khảo-thi và giám-sát, và một hội-đồng chính-phủ ủy-viện có từ 12 đến 16 vị cố-vấn, hội-đồng này được cử quan tổng-thống, quan thống-soái, các ông chủ tịch năm hội-đồng; hội-đồng

lập-pháp có từ 49 đến 99 hội-viên do chính-phủ cử trong một hạn hai năm.

Cuộc tổ-chức chính-phủ theo chế độ năm viện trên này là mở ra một cái kỷ-nguyên mới về nền chính-trị.

Các chức trong chính-phủ Quốc-dân và năm viện đã quyết-định như sau này:

Chính-phủ quốc-dân

Chủ-tịch : **Tổng Giới-Thạch**

Các ủy-viện : **Đàm Diên-Khải, Hồ Hán-Dân, Đái Qui-Đào, Thái Nguyên-Bồi, Vương Sung-Huệ, Phùng Ngọc-Tường, Lâm Sâm, Trương Kế, Tôn Khoa, Trần Quả-Phu, Vu Hữu-Nhiệm, Diêm Tích-Sơn, Lý Tế-Thâm, Lý Tôn-Nhân, Dương Thọ-Trang, Hà Ứng-Khâm.**

Năm viện

Viện hành-chính : Chánh viện-trưởng : **Đàm Diên-khải**, phó viện - trưởng **Phùng Ngọc-Tường ;**

Viện lập-pháp : Chánh viện-trưởng **Hồ Hán-Dân**, phó viện-trưởng **Lâm Sâm ;**

Viện tư-pháp : Chánh viện - trưởng **Vương Sung Huệ**, phó - viện - trưởng **Trương Kế.**

Viện khảo-thi : chánh viện-trưởng **Đái Qui-Đào**, phó viện-trưởng **Tôn Khoa ;**

Viện giám-sát : Chánh-viện-trưởng **Thái Nguyên-Bồi**, phó viện - trưởng **Trần Quả-Phu.**

Những viên - chức kể trên ấy, trừ những người chưa đến Giang-ninh, thì chưa biết có chịu nhận chức không, còn thì đều đã ưng ý không phải thay đổi nữa.

Ngày hội Quốc-khánh Song-thập vừa rồi các ủy-viên mới của chính-phủ quốc-dân đã làm lễ nhận chức. Thoạt

tiên **Tổng Giới-Thạch** nhận chức chủ-tịch, theo hiến-pháp tức là chức **Tổng-thống** của chính-phủ Cộng-hòa, do một nhà lão-thành trong đảng là **Ngô Trĩ-Huy** trao ấn. **Tướng** nhận ấn xong rồi, các ủy-viên lần lượt phát-thệ, do **Ngô Trĩ-Huy, Lý Thạch-Tăng, Trương Tĩnh-Giang** đứng giám-thệ. Còn năm chức chánh viện-trưởng năm viện, đợi khi nào cử xong các chức phó viện-trưởng rồi sẽ cùng thời nhận chức.

Tòa nội-các Trung-hoa cũng đã lập xong. **Bộ nội-vụ :** **Diêm Tích-Sơn ;** **bộ chiến-tranh :** **Phùng Ngọc-Tường ;** **bộ hỏa-xa :** **Tôn Khoa ;** **bộ vệ-sinh :** **Chử Dân-Nghị ;** **bộ ngoại-giao :** **Vương Chính-Đình ;** **bộ tài-chính :** **Tống Tử - Văn ;** **bộ giao-thông :** **Vương Bà-Quần.**

Chính - phủ quốc - dân lại quyết-nghị cử các viên thứ-trưởng vào các bộ như sau này :

Bộ thiết-dạo : chính-vụ thứ-trưởng là **Liên Thanh-Đào**, thường - vụ thứ-trưởng là **Vương Trung ;**

Bộ giáo-dục : chính-vụ thứ-trưởng là **Mã Tư-Luân**, thường-vụ thứ-trưởng là **Ngô Lưu-Hành ;**

Bộ tài-chính : **Chính-vụ** thứ-trưởng là **Trương Thọ-Dung**, thường-vụ thứ-trưởng là **Lý Điện-Sinh.**

Bộ quân-chính : chính-vụ thứ-trưởng là **Trương Quần**, thường-vụ thứ-trưởng là **Lộc Chung-Lân.**

Chính-phủ quốc-dân mới phát-biểu một bài tuyên-ngôn. Bắt đầu thuật cái công-cuộc cách-mệnh đã qua và sáng-tạo nên Dân-quốc của **Tôn Tổng-lý**. Thứ nói đến cuộc bắc-phạt lần này là nối theo chí **Tổng-lý**, đã xong việc quân-chính bắt đầu việc huấn-chính, do đảng tổ-chức ra chính-phủ năm viện

trao quyền cho chính-phủ quốc - dân, trách-nhiệm rất là trọng-dại, xin cần-thận và chăm-chỉ làm cho tới mục-dịch, và xác định cái phương - châm kiến-thiết từ đây về sau là:

1^o Ra sức trị những trộm cướp;

2^o Trừ tuyệt đảng cộng-sản.

Về những việc thực-tế kiến-thiết có ba việc sau này:

1^o Việc pháp-trị;

2^o Việc hành-chính;

3^o Kiến-thiết về thực-nghiệp.

Thông-nhất đảng-quyền. — Đảng-bộ trung-ương đảng quốc-dân muốn tập-trung đảng quyền và thống-nhất chính-lệnh, đã thông lệnh cho các đảng-bộ ở các tỉnh và các đảng bộ ở các thị-khu đặc-biệt, nghiêm cấm không được tự tiện phát-biểu những ý-kiến về đảng-bộ và chính-sách, nếu nhân-dân có điều gì muốn bày tỏ, thì nên trực-tiếp đệ-trình với đảng-bộ trung-ương, và đảng-bộ các tỉnh, nếu khi chưa được đảng-bộ ưng cho, thì không được tự-tiện đối với những điều bày tỏ gì của nhân-dân phát-biểu ý-kiến.

Cuộc hội-nghị tài - binh. — Bọn ủy-viên dự-toán ở Giang-ninh, có bàn về việc tài-binh, xác-dịnh quân-đội toàn-quốc không được quá 60 sư-đoàn.

Tướng Giới-Thạch có điện cho Diêm Tích-Sơ. Phùng Ngọc-Tường nói rằng sau khi năm viện đã thành-lập rồi, thì sẽ mở cuộc hội-nghị tài-binh cả nước.

Quyết-nghị kỷ-niệm đức Khổng-tử. — Chính-phủ quốc - dân đã quyết-nghị lấy ngày đức Khổng - tử dân-sinh làm ngày kỷ-niệm, lại hạ lệnh cho các trường học ở trong nước đều phải tuân theo. Trong ngày hội ấy sẽ diễn-giảng về ngôn-hành và sự-tích của đức Khổng - tử.

Công-sứ các nước dời đến Nam-kinh. — Chính-phủ quốc - dân nay đã đóng đô ở Nam-kinh, nên công-sứ các nước như Tĩ, Ý, Nhật, Anh, Mĩ, Tây-ban-nha và nước Đức, trước đóng ở Bắc-kinh, nay đã lục-lục dời xuống đóng ở Nam-kinh.

Phụng - thiên với Nam - kinh — Phụng-thiên và Nam-kinh đã điều-dinh với nhau. Trương Học-Lương được cử vào chức thống-dốc quân Quốc-dân về hạt Mãn-châu.

Lại có tin ở Thẩm-dương (tỉnh - ly Phụng-thiên) nói rằng hội trị-an ở Đông-tam-tỉnh đã quyết-nghị dời đến ngày Trương Học-Lương làm lễ nhận chức uỷ-viên của chính-phủ Quốc-dân, sẽ dời treo cờ thanh-thiên bạch-nhật nhân thể.

Công-việc điều-dinh với Nhật-bản. — Trung-hoa và Nhật-bản độ này lại điều-dinh với nhau. Các vấn-đề sẽ giải-quyết theo cái tôn-chỉ nhượng-bộ lẫn nhau. Sau có tin rằng đã điều-dinh với nhau thỏa-thuận như sau này:

Nhật-bản rút cả quân Nhật đóng ở Sơn-dông về, các sở tồn-thiệt thì Trung-hoa và Nhật-bản đều chịu lẫn với nhau.

Còn việc xảy ra ở Nam-kinh và Tế-nam - phủ, thiệt-hại đến bao nhiêu nhân - mạng, thì sẽ cử một ban hội-dồng quốc-tế xét xem trách-nhiệm về bên nào.

Nước Nhật có yêu cầu Phụng-thiên ba điều sau này: 1^o Hoàn - thành năm đường, trước hết thông đường Cát-hội; 2^o Nước Nhật triệt bỏ quyền lĩnh-sự tài-phán, để thực-hành việc người hai nước Trung Nhật ở lẫn-lộn với nhau. Nghe đâu Trương Học - Lương đã bằng lòng điều thứ ba.

Vấn-đề bỏ quyền lĩnh-sự tài-phán. — Bộ ngoại-giao của chính-phủ Quốc-

dân có diện cho chính-phủ các nước tỏ ý dự-bị bỏ quyền lĩnh-sự tái-phân đi. Công-sứ-đoàn đối với cái vấn-đề triệt bỏ trị-ngoại pháp-quyền, định đợi cuộc hội toàn-quốc đại-biểu lần thứ ba và cuộc quốc - dân hội-ng nghị mở

xong rồi sẽ dung-nạp lời đề-ng nghị của Trung-quốc. Vì lúc ấy Trung-quốc đã theo như di-chức của ông Tôn Văn mà làm được, thì liệt - cường quyết không trái ý dân Trung-quốc nữa.

Việc trong nước

Lược-thuật các việc quan-hệ. — Việc quan-hệ gần đây thời có việc họp các hội-ng nghị ở các xứ: viện Nhân-dân đại-biểu Trung Bắc-kỳ, Hội-đồng quân-hạt Nam-kỳ, Hội-đồng Tư-vấn Cao-miền, Hội Tư-vấn Cao-miền mới họp lần này là lần đầu. Các Hội-ng nghị kia thời là họp thường-khóa hàng năm. Ở Bắc-kỳ thời vẫn bình-thường, không có sự gì lạ. Duy ở viện Đại-biểu Trung-kỳ, có xảy ra việc quan quyền Khâm-sứ JABOUILLE với ông Nghị-trưởng Hoàng Thúc-Khang, nhân vì bài diễn-thuyết khai-hội của ông Nghị-trưởng, quan Khâm-sứ trả lời lại, kết-quả đến ông Nghị-trưởng cùng với bốn ông nghị-viên xin từ chức, và bầu ông Nghị-trưởng mới là ông Nguyễn Trác. Ở Nam-kỳ, tại Hội-đồng Quân-hạt thì phần đa số hội-đồng không đồng-ý với quan Thống-đốc BLANCHARD DE LA BROSE: nguyên hội-đồng vẫn có quyền duyệt sổ dự-toán; năm nay quan Thống-đốc trình sổ dự-toán năm 1929 có dự thêm ngót 3 triệu đồng về các khoản thuế mới, tất cả các hội-viên An-nam cùng với mấy người hội-viên Tây nhất-định không chịu duyệt, quan Thống-đốc phải rút sổ dự-toán về mà làm lại một bản khác, bỏ số thuế mới đi và giảm bớt cả các khoản chi khác cho cần.

Hội-đồng Chính-phủ thời định đến 19 tháng 11 sẽ họp thường-khóa ở Hà-nội. Nhân quan Toàn-quyền thực-thụ PASQUIER vắng, quan quyền Toàn-quyền ROBIN sẽ làm chủ-tịch kỳ này.

Hội - đồng Chính-phủ tổ-chức như ngày nay thời có lẽ họp lần này là lần cuối cùng. Vì mới có sắc-lệnh quan Giám-quốc gần đây đổi lại các hội-ng nghị ở bên này, theo diện-tín mới sang, đại-khai như sau này: Hội-đồng Chính-phủ (Conseil de gouvernement) vẫn giữ, nhưng nay chỉ là một hội-đồng hành-chính mà thôi, hội-viên toàn là chân quan-lai do chính-phủ cử vào cả, không có đại-biểu của dân. Nhưng ngoài Hội-đồng Chính-phủ, sẽ đặt một Đại-Hội-ng nghị Tài-chính Kinh-tế (Grand Conseil des intérêts économiques et financiers), do hội-ng nghị các xứ vừa Tây vừa Nam cử đại-biểu mà lập thành ra, hội-viên Tây 28 người, hội-viên bản-xứ 23 người, trong số đó thời 6 người Tây và 5 người bản-xứ là do quan Toàn-quyền tự lựa cử lấy. Đại-Hội-ng nghị này chỉ có tư-cách tư-vấn, duy về việc quốc-trái và việc thuế gián-tiếp mới có tư-cách quyết-ng nghị. — Dưới Đại-Hội-ng nghị thời mỗi xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-miền (không kể Ai-lao sau này sẽ định, và Nam-kỳ hiện đã có Hội-đồng Quân-hạt rồi) sẽ đặt một Hội-ng nghị Tài-chính địa-phương (Conseils Français éco-

nomiques et financiers), riêng cho dân Tây, đối với các hội Đại-biểu và hội Tư-vấn của bản-xứ. — Chính các hội-nghị địa-phương này cùng với các hội Đại-biểu, Hội Tư-vấn bản-xứ, và các hội Nông, Công, Thương nữa, cử người lên Đại-Hội-nghị nói trên kia. — Ấy đại-khải việc cải-cách các hội-nghị như thế, nhưng phải đợi Quan-bảo sang mới biết tường được.

Cùng ra đồng-thời với sắc-lệnh cải-cách các hội-nghị đó, còn mấy cái sắc-lệnh nữa về thể-lệ khăn-thờ, về việc cho các Tây-lai vô-thừa-nhận được nhập Pháp-tịch, về lệ cưỡng-bách các quan-lại Tây về ngạch cai-trị phải biết tiếng bản-xứ, và về mấy việc thăng thuyên mấy vị đại-hiến như sau này: quan Phó Toàn-quyền MONGUILLOT và quan Khâm-sứ Trung-kỳ FRIÈS về hưu; quan GRAFFEUIL nguyên quyền Thống-sứ Bắc-kỳ được bổ Thống-sứ thực-thụ, kiêm chức phó Toàn-quyền theo thể-lệ cũ ngày 20 tháng 10 năm 1911 và 22 tháng 1 năm 1921, chứ không theo thể-lệ ngày 2 tháng 12 năm 1925 đặt riêng ra cho quan MONGUILLOT và nay bãi đi; quan Thống-đốc Nam-kỳ BLANCHARD DE LA BROUSSE về làm trưởng Kinh-tế-cục ở Paris, và quan KRAU THEIMER nguyên quyền Thống-sứ Bắc-kỳ, hiện làm Trưởng Kinh-tế-cục thời sang làm Thống-đốc Nam-kỳ; quan LAVIT nguyên làm trưởng Tài-chính-cục, được bổ làm Khâm-sứ Cao-miền, và quan Khâm-sứ Cao-miền LE FOL thì về Khâm-sứ Trung-kỳ. — Thật là một cuộc đại-thuyên-chuyển. Duy có Ai-lao thì vẫn quan Thống-sứ Bosc, và Bắc-kỳ thì quan ROBIN hiện nay làm

quyền Toàn-quyền cho đến khi quan PASQUIER sang, rồi chắc lại về giữ chức Thống-sứ như cũ.

— Kỳ trước có thuật việc phái-bộ thể-thao Nam-kỳ sang Tân-gia-ba dự cuộc thi đánh « banh tròn » (foot-ball) và « banh vợt » (Tennis). Thi mấy tao, về cuộc « banh tròn » thì phái-bộ An-Nam ta thua, về cuộc « banh vợt » thì có tao thua, có tao được, cũng không phân thắng-phụ. Lần này mới là lần thứ nhất các nhà thể-thao An-Nam ta ra thi với ngoại-quốc (người Tàu, người Mã-lai), tuy chưa được toàn-thắng, nhưng cũng là một cuộc thí-nghiệm đánh giá vậy.

Sách mới

Bản-quản tiếp được những sách mới xuất-bản như sau này :

1. — Sách dạy hát tiếng Nam (*Chants d'écolier en annamite*). Nguyễn Trung-Phán và Nguyễn Trung-Nghệ soạn. — In tại nhà in « Tiếng Dân » Huế, giá 4 hào.

2. — Bài hát nhà quê (*Khuyến Nông Công thương*). Trần Tuấn-Khai soạn. — Nam-kỳ thư-quán, giá 1 hào.

3. — Bông hiệp hồn hoa. *Tiêu-thuyết « Phù-dung-nương »* của Từ-Trầm-Á. Nguyễn Tử-Siêu dịch. — Nhật-nam thư-quán, giá 4 hào.

4. — Nước Hồ-Guơm. *Bi-tình tiêu-thuyết*. Nguyễn Lan-Khai soạn. — Nhật-nam thư-quán, giá 2 hào.

5. — Nữ-anh hùng. (Điều - thuyễn diễm-sử). Nguyễn Văn Bản dịch. —
Hiệu Nam-ký, giá 2 hào.

Nam-Phong tùng-thư

— Đã xuất-bản :

10 Văn-minh-luận ;

20 Ba tháng ở Paris ;

30 Văn-học nước Pháp ;

40 L'idéal du Sage dans la Philosophie confucéenne ;

50 Chính-trị nước Pháp. Quyển I.

— Sắp xuất-bản :

60 Chính-trị nước Pháp, quyển II ;

70 Khảo về Tiều-thuyết . . .

Bán ở Đông-kinh ấn-quán, 4 hào một quyển.

Kính-khai

Nhân nhà hàng bán giấy bên Tây gửi làm thứ giấy, kỳ Nam-Phong này phải in giấy đen hơn mọi khi.

Sự bất-đắc-dĩ, phải dùng tạm mấy kỳ, khi nào tiếp được giấy cũ lại xin theo như trước.

Xin các độc-giả lượng xét.

ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN